

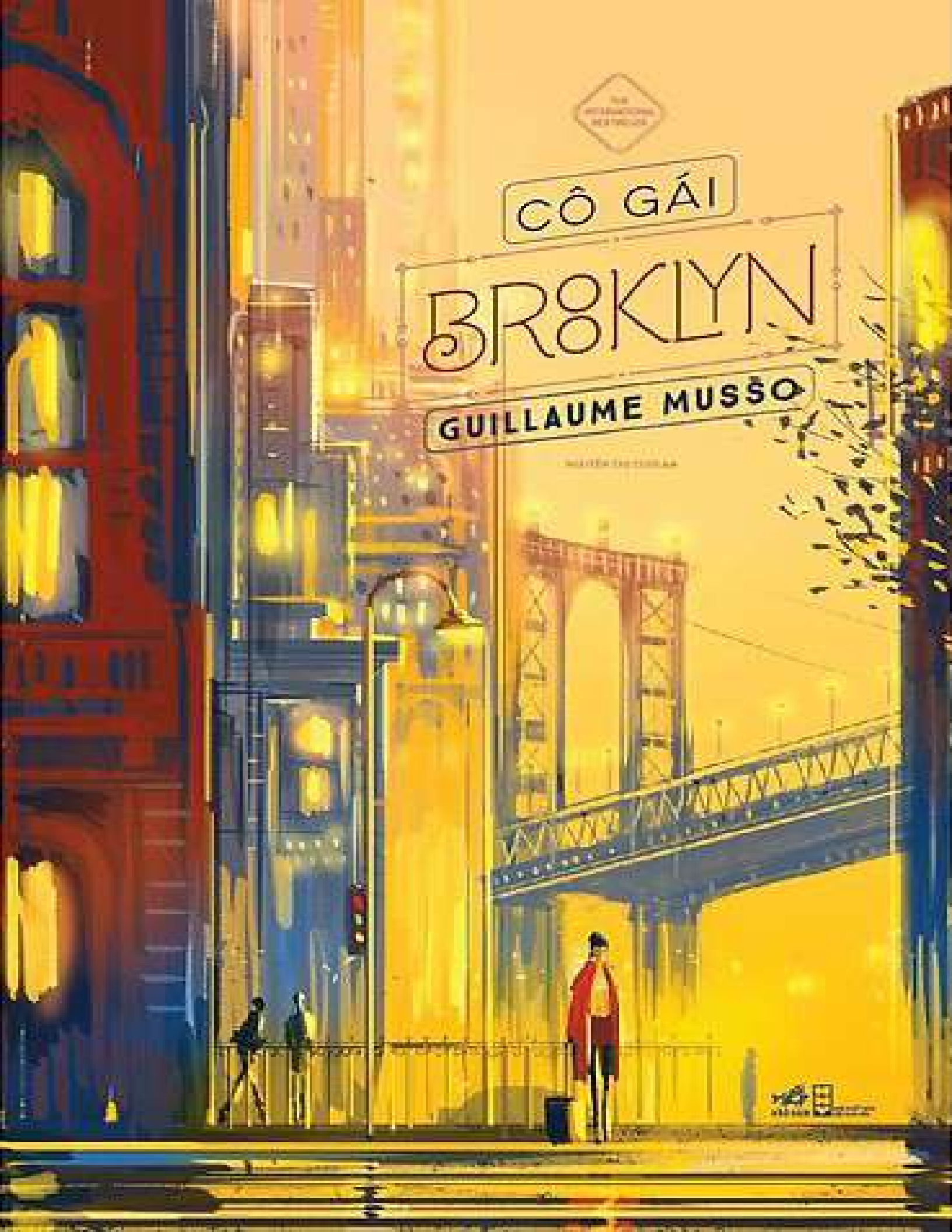


CÔ GÁI

BROOKLYN

GUILLAUME MUSSO

TRAN DỊCH



CÔ GÁI BROOKLYN

Tác giả: Guillaume Musso

Người dịch: Nguyễn Thị Tươi

ebook©VCTVEGROUP

Hồi hộp không thể tưởng! Cảnh báo, một khi đã mở cuốn tiểu thuyết ra, bạn sẽ không thể rời mắt khỏi nó cho đến khi biết được cô gái Brooklyn thực sự là ai. Hẳn sẽ phải thức trắng đêm vài bữa.

• **MARC FERNANDEZ, METRONEWS**

Một lần nữa Musso lại thôi miên độc giả và khiến họ ngỡ ngàng bằng khả năng liên tục xoay chuyển tình tiết và đan xen các mắt xích của một cỗ máy phức tạp nhưng trơn tru đến hoàn hảo. Kết quả: một cốt truyện khiến người đọc chóng mặt chóng mặt như đang leo cầu thang xoắn ốc. Musso, cũng như vòng quay ngựa gỗ vậy: một khi bạn đã ở trên đó, hãy nhớ ngồi cho vững, nó lắc mạnh lắm đấy.

• **LE PARISIEN**

VÀ NÀNG TUỆT KHỎI TAY TÔI...

Antibes, thứ Tư ngày 31 tháng Tám năm 2016

Còn ba tuần nữa là đến ngày cưới của đôi ta, kỳ nghỉ cuối tuần dài này giống như một khoảng thời gian quý giá, một khoảnh khắc riêng tư mà chúng ta tìm lại được dưới ánh mặt trời cuối hạ vùng bờ biển Côte d'Azur.

Buổi tối đã khởi đầu tốt đẹp: một chuyến đi dạo trên tường thành của thành phố cổ kính, một ly vang Merlot ngoài hàng hiên và một đĩa mì ống sốt sò thưởng thức dưới những mái vòm bằng đá đồ sộ của Michelangelo. Chúng ta đã trò chuyện đôi chút về công việc của em, công việc của anh, về lễ cưới sắp đến, dự kiến sẽ chỉ tổ chức hết sức thân mật, hai người bạn làm chứng và cậu con trai Théo của anh làm khách mời để vỗ tay mừng.

Trên đường về là sườn dốc cheo leo, anh lái chiếc xe mui trần đi thuê chậm rãi để em tận hưởng cảnh quan vùng bờ biển bị chia cắt bởi mũi đất. Anh vẫn nhớ như in thời khắc đó: ánh sáng trong veo tỏa ra từ đôi mắt màu ngọc lục bảo của em, búi tóc kiểu di gan, váy ngắn, áo bu đông da mềm em khoác bên ngoài chiếc áo thun vàng rực in câu khẩu hiệu “*Power to the people*”^[1] chạy ngang. Mỗi lần đến quãng rẽ, khi sang số, anh lại ngăm nhìn đôi chân óng ả của em, chúng ta trao nhau nụ cười, em ngâm nga một ca khúc nổi tiếng một thời của Aretha Franklin. Trời rất đẹp. Không khí ấm áp khiến ta an lòng. Anh vẫn nhớ như in thời khắc đó: những ánh vàng lấp lánh trong mắt em, khuôn mặt em rạng ngời, những lọn tóc em bay trong gió, những ngón tay xinh xắn của em gõ nhịp trên bảng điều khiển xe.

Căn biệt thự chúng ta thuê nằm trong khuôn viên Khu biệt thự Làng ngọc trai, một lô nhà duyên dáng với chừng mười căn nhà nằm bên bờ Địa Trung Hải. Trong khi chúng ta ngược lên lối đi rải sỏi cắt ngang rừng thông tỏa hương, em đã tròn xoe mắt khi khám phá ra quang cảnh tuyệt đẹp xung quanh.

Anh vẫn nhớ như in thời khắc đó: lần cuối cùng chúng ta hạnh phúc bên nhau.

• • •

Tiếng ve kêu râm ran. Tiếng sóng dồi ru vỗ miên man. Làn gió nhẹ thổi pha loãng hơi ẩm dịu nhẹ trong không khí.

Trên hàng hiên nhô ra bên sườn vách đá, em đã thả nền thơm và đèn rọi để xua muỗi, anh bật một đĩa nhạc của Charlie Haden. Như trong một tiểu thuyết của Fitzgerald, anh đứng sau quầy bar ngoài trời pha cho mỗi đứa mình một ly cocktail. Món ưa thích của em: một ly Long Island Iced Tea với thật nhiều đá viên và một lát chanh xanh.

Hiếm khi nào anh thấy em vui đến thế. Lẽ ra chúng ta đã có thể có một buổi tối hạnh phúc. Lẽ ra chúng ta phải có một buổi tối hạnh phúc. Nhưng thay vào đó, anh lại giam mình trong một ý nghĩ ám ảnh, một điều cũ rích lặp đi lặp lại vẫn lảng vảng trong đầu anh lâu nay, nhưng anh đã chế ngự được cho đến tận hôm đó: “Em biết không, Anna, giữa hai ta, người này không nên giữ bí mật với người kia.”

Tại sao nỗi lo sợ không thực sự hiểu em lại trỗi dậy đúng vào tối hôm đó? Phải chăng là vì ngày cưới của chúng ta đã cận kề? nỗi lo sợ khi quyết định một việc trọng đại? tốc độ nhanh chóng khi chúng ta quyết định gắn bó với nhau? Hẳn là tổng hòa của tất cả những thứ đó, cộng thêm câu chuyện cuộc đời của chính anh, vốn đã in hằn dấu ấn sự phản bội của những người anh tưởng đã hiểu rõ.

Anh đưa cho em một ly và ngồi xuống trước mặt em.

— Anh nói nghiêm túc này, Anna: anh không muốn sống trong dối trá.

— Thật trùng hợp: em cũng không. Nhưng không sống trong dối trá không có nghĩa là không có bất cứ bí mật nào.

— Vậy là em thừa nhận: em có những bí mật!

— Nhưng ai mà chẳng có bí mật, Raphael! Và như thế cũng rất ổn. Các bí mật tạo nên con người chúng ta. Chúng quyết định một phần nhân cách, quá khứ và sự bí ẩn của chúng ta.

— Anh thì chẳng giữ bí mật nào với em hết.

— Có lẽ anh nên giữ!

Em thất vọng và giận dữ. Cả anh cũng thế. Toàn bộ niềm vui và tâm trạng hân hoan lúc chập tối đã tan biến.

Cuộc trò chuyện lẽ ra nên ngừng vào lúc ấy, nhưng, dù không muốn, anh vẫn tiếp tục tấn công khi vận dụng toàn bộ lý lẽ để đưa ra câu hỏi vẫn luôn ám ảnh anh:

— Tại sao em luôn tránh né mỗi khi anh hỏi về quá khứ của em thế?

— Bởi vì, đúng theo tên gọi của nó, quá khứ là quá khứ. Ta không thể thay đổi được nó nữa.

Anh bức bối:

— Quá khứ làm sáng tỏ hiện tại, em biết rất rõ như thế còn gì. Chết tiệt, em đang tìm cách giấu giếm chuyện gì vậy?

— Em không giấu anh điều gì có thể đe dọa đến chúng ta. Hãy tin em! Hãy tin chúng ta!

— Em đừng có nói những câu sáo rỗng như thế nữa đi!

Anh vừa nắm tay xuống bàn, làm em giật nảy mình.

Khuôn mặt xinh đẹp của em méo xệch đi, trong một loạt các sắc thái từ đau khổ đến sợ hãi.

Anh giận dữ vì anh cần phải cảm thấy yên tâm. Anh mới chỉ quen biết em được sáu tháng và ngay từ lần gặp đầu tiên anh đã yêu mọi thứ ở em. Nhưng một phần những thứ đã quyến rũ anh ngay từ đầu - nét bí ẩn, sự dè dặt, kín đáo, tính cách độc lập của em - đã trở thành nguồn cơn lo lắng quay ngược lại với anh như một chiếc boomerang.

— Tại sao anh lại nhất quyết muốn làm hỏng hết mọi chuyện thế? em đã hỏi anh bằng giọng vô cùng mệt mỏi.

— Em biết đời anh thế nào rồi đấy. Anh đã từng phạm sai lầm. Bây giờ, anh không thể cho phép mình sai lầm thêm nữa.

Anh biết đã làm em khổ sở đến thế nào, nhưng anh có cảm giác mình đủ khả năng lắng nghe mọi chuyện, chịu đựng mọi thứ nhờ có tình yêu dành cho em. Nếu em có điều gì đó đau đớn cần thú nhận, anh muốn xoa dịu nỗi đau đó cho em bằng chia sẻ gánh nặng với em.

Lẽ ra anh nên lùi bước và bỏ qua chuyện này, nhưng cuộc tranh luận vẫn tiếp diễn. Và anh không hề nể nang em. Bởi anh cảm thấy rõ ràng rằng,

lần này, em sẽ tiết lộ với anh điều gì đó. Thế nên, anh liên tục phóng lao, một cách rất có phương pháp, cho đến khi em thấm mệt nên không còn tự vệ được nữa.

— Anh chỉ tìm hiểu sự thật thôi, Anna ạ.

— Sự thật! Sự thật! Anh chỉ biết nói từ ấy, nhưng đã bao giờ anh tự hỏi liệu mình có thể chịu đựng sự thật hay chưa?

Cuộc tranh cãi nảy lửa đó gieo dần nỗi nghi ngờ vào tâm trí anh. Anh không còn nhận ra em nữa. Chì kẻ viền mắt của em chảy ra và một ngọn lửa anh chưa từng thấy ánh lên trong mắt em.

— Anh muốn biết liệu em có bí mật gì không hả, Raphaël? Câu trả lời là có! Anh muốn biết tại sao em không muốn kể với anh không: bởi vì một khi biết chuyện, anh sẽ không chỉ không còn yêu em, mà sẽ còn ghét em nữa.

— Không đúng: anh đủ khả năng nghe mọi chuyện.

Ít ra đây cũng là điều anh tin chắc vào lúc đó. Rằng dù em có tiết lộ bất cứ điều gì cũng sẽ không làm tổn thương anh được.

— Không, Raphaël ạ, chỉ là anh nói thế thôi! Những lời lẽ như anh vẫn viết trong tiểu thuyết của mình, nhưng thực tế còn mạnh hơn lời lẽ.

Có điều gì đó đã bị đảo lộn. Con dê đã vỡ. Lúc ấy, anh thấy rõ điều đó, em cũng thế, em tự hỏi trong lòng anh đang thực sự nghĩ gì. Cả em cũng thế, em cũng muốn biết. Liệu em có còn yêu anh không. Liệu anh yêu em có đủ không. Liệu quả lựu đạn mà em sắp tháo chốt có phá hủy chuyện của đôi ta không.

Và thế là em lục túi xách lấy ra chiếc máy tính bảng. Em gõ mật khẩu và mở ứng dụng ảnh. Em chậm rãi lướt qua các bức ảnh để đến bức em đang tìm kiếm. Rồi em nhìn thẳng vào mặt anh, thì thầm điều gì đó và đưa máy tính bảng cho anh. Thế là anh được chiêm ngưỡng điều bí mật mà anh vừa bức bách em nói ra.

— Chính em đã làm việc đó, em nhắc lại.

Sững sờ, anh nheo mắt nhìn chăm chăm vào màn hình cho đến khi con buồn nôn khiến dạ dày anh quặn lên và buộc anh phải quay mặt đi. Một cơn rùng mình lan khắp người anh. Hai bàn tay anh run lên, máu rần rật ở thái

dương. Anh đã chuẩn bị tinh thần cho mọi sự. Anh tưởng mình đã dự đoán được tất cả. Nhưng anh chưa từng nghĩ đến điều đó.

Anh đứng dậy, hai chân mềm nhũn. Anh chóng mặt, loạng choạng, nhưng buộc mình phải ra khỏi phòng khách bằng bước chân vững vàng.

Chiếc túi du lịch của anh vẫn nằm ở sảnh vào. Không hề nhìn em, anh vớ lấy nó và rời khỏi căn nhà.

• • •

Choáng váng. Nổi da gà. Ợ chua. Những giọt mồ hôi làm mắt anh nhòe đi.

Anh đóng sập cửa xe rồi lái đi trong đêm tối như một người máy. Giận dữ và cay đắng giày vò các mạch máu. Trong đầu anh, mọi thứ xô đẩy nhau: cảnh tượng dã man trong bức ảnh, nỗi khó hiểu, cảm giác cuộc đời mình vừa đổ sụp.

Đi được vài ki lô mét, anh nhìn thấy bóng hình vững chãi và thấp bè của pháo đài Carré nổi lên trên đỉnh vách đá, kiên cố bên trên dãy hầm hào công sự, chòi gác cuối cùng trước khi rời khỏi bến cảng.

Không. Anh không thể bỏ đi như thế. Ngay lúc ấy, anh đã hối tiếc về hành động của mình. Cú sốc đã làm anh mất bình tĩnh, nhưng anh không thể biến mất mà không nghe em giải thích. Anh đạp nghiêng chân phanh rồi vòng xe lại ngay giữa đường, mũi xe chồm lên vỉa đất cao và suýt đâm vào một người lái mô tô đi ngược chiều.

Anh phải bảo vệ em và giúp em xua đuổi con ác mộng đó khỏi cuộc đời mình. Anh phải là người đàn ông mà anh đã tự hứa sẽ trở thành, người có thể thấu hiểu nỗi đau của em, chia sẻ và giúp em vượt qua nó. Anh lái xe hết tốc lực quay ngược lại: đại lộ Cap, bãi biển Ondes, bến cảng Olivette, trận địa pháo Graillon, rồi đến con đường hẹp dẫn vào khu biệt thự.

Anh đỗ xe dưới hàng thông rồi lao về phía ngôi nhà nơi cánh cửa ra vào vẫn đang hé mở.

— Anna! anh vừa hét gọi vừa lao vào sảnh.

Trong phòng khách không có ai. Sàn nhà đầy mảnh kính vỡ. Một cái giá xếp đầy bình sứ đã bị giật đổ, ụp xuống chiếc bàn thấp bằng thủy tinh thối làm nó vỡ tan tành. Ở giữa đống hỗn độn đó là chùm chìa khóa anh đã tặng em vài tuần trước.

— Anna!

Ô cửa kính lớn có che rèm mở toang. Anh gạt những mảnh rèm vải đang bay phần phật trong gió để trở ra hiên. Anh lại hét gọi tên em lần nữa giữa thình không. Anh bấm số điện thoại di động của em, nhưng cuộc gọi của anh không có ai bắt máy.

Anh quỳ xuống và đưa hai tay lên ôm đầu. Em đang ở đâu? Đã có chuyện gì xảy ra trong vòng hai mươi phút anh vắng mặt? Anh vừa mở chiếc hộp Pandora nào khi khuấy động quá khứ?

Anh nhắm mắt và thấy lại vài mẫu nhỏ trong cuộc sống chung của hai ta. Sáu tháng hạnh phúc mà anh đoán là vừa bay xa mãi mãi. Những hứa hẹn về tương lai, về gia đình, về con cái không bao giờ thành hiện thực.

Anh giận mình.

Khẳng định rằng mình yêu ai đó phỏng có ích gì nếu ta không đủ khả năng bảo vệ người ấy?

NGÀY ĐẦU TIÊN
HỌC CÁCH BIẾN MẤT

1

Văn Nhân

*Ngay khi không còn
cầm một cuốn sách
hay không mơ đến
việc viết một cuốn
sách, tôi chán nản
đến độ muốn hét lên.
Rốt cuộc, đối với tôi,
ta chỉ có thể chịu
đựng nổi cuộc sống
nếu tránh né nó.*

Gustave Flaubert

1.

Thứ Năm ngày 1 tháng Chín năm 2016

— Tối nào vợ tôi cũng ngủ với anh, may mà tôi không ghen đấy!

Vui sướng vì câu nói đầy chất trí tuệ của mình, anh chàng tài xế taxi người Paris nháy mắt với tôi qua gương chiếu hậu. Anh ta lái chậm lại và nháy đèn để rẽ vào đường dẫn ra đường cao tốc, ra khỏi sân bay Orly.

— Phải nói cô ấy có trái tim sắt đá. Tôi cũng đã đọc hai hay ba cuốn gì đó của anh, anh ta vừa nói tiếp vừa vuốt ria mép. Nói chung khá hồi hộp, nhưng quả thật là quá mệt mỏi đối với tôi. Những vụ án mạng, rồi cảnh bạo lực... Với tất cả lòng kính trọng dành cho anh, thưa anh Barthélémy, tôi thấy anh có cái nhìn thật nguy hại về nhân loại. Nếu trong đời thực mà

cũng gặp nhiều chuyện gần đở như trong các tiểu thuyết của anh thì chúng ta sẽ nguy khốn mất.

Dán mắt vào màn hình điện thoại, tôi vờ như không nghe thấy gì. Việc tôi không muốn làm sáng nay chính là bàn luận về văn học hoặc chuyện trò về tình hình thế giới.

Lúc này là 8 giờ 10 phút, tôi đã đáp chuyển bay đầu tiên để về Paris gấp. Điện thoại của Anna chuyển tiếp thẳng vào hộp thư thoại. Tôi đã để lại cả chục tin nhắn, ra sức xin lỗi, nói với nàng rằng tôi lo lắng và van xin nàng gọi lại cho tôi.

Tôi rất bối rối. Từ trước đến nay chúng tôi chưa từng cãi nhau thực sự lần nào.

Cả đêm qua tôi không hề chợp mắt mà dành toàn bộ thời gian tìm kiếm nàng. Tôi bắt đầu bằng cách đến phòng bảo vệ khu biệt thự, anh chàng bảo vệ ở đó cho tôi biết rằng, trong lúc tôi vắng mặt, đã có nhiều xe đi vào khu nhà, trong số đó có chiếc xe van của một hãng cho thuê xe có lái.

— Tài xế bảo rằng cô Anna Becker, ở biệt thự Sóng Biển gọi. Tôi đã liên hệ với khách trọ qua điện thoại nội bộ và cô ấy khẳng định là có gọi xe.

— Làm sao anh chắc chắn được rằng đó là một chiếc xe thuê có lái? tôi hỏi.

— Chiếc xe có gắn phù hiệu trên kính chắn gió.

— Và anh không hề biết anh ta có thể đưa cô ấy đi đâu?

— Làm sao mà tôi biết được chứ?

Gã tài xế đó đã đưa Anna ra sân bay. Ít nhất đó cũng là điều tôi suy ra vài giờ sau đó khi truy cập vào trang web của hãng Air France. Khi nhập mã đặt chỗ - tôi chính là người mua vé cho cả hai, tôi phát hiện ra hành khách Anna Becker đã đổi vé về để đáp chuyển bay Nice-Paris cuối cùng trong ngày. Giờ bay dự kiến là 21 giờ 20 phút, nhưng đến 23 giờ 45 phút máy bay mới khởi hành được do hai trục trặc: những hành khách muộn giờ vì lưu luyến kỳ nghỉ và một sự cố tin học đã đóng đinh tất cả các chuyến bay của hãng trong hơn một giờ đồng hồ.

Phát hiện này khiến tôi bình tâm đôi chút. Anna đã giận dữ với tôi đủ để làm vỡ một chiếc bàn thấp và trở về Paris sớm hơn dự định, nhưng ít ra nàng cũng bình an vô sự.

Chiếc taxi rời khỏi đường cao tốc cùng những đường hầm buồn tẻ phủ đầy hình vẽ graffiti để rẽ vào đường vành đai. Vốn đã đông đúc, dòng xe lại càng di chuyển chậm ở cửa ô Orléans, đến mức gần như đứng im. Thanh chắn xe này sát sạt vào thanh chắn xe khác, cả dòng xe như bất động trong đám khói đen nồng hơi dầu xả ra từ động cơ xe tải và xe buýt. Tôi nâng cửa sổ lên. Ôxít nitơ, những phân tử gây ung thư, bản hòa âm của còi xe, những lời chửi rủa.

PARIS...

Phản ứng đầu tiên của tôi là yêu cầu lái xe đưa đến Montrouge. Dù những tuần vừa rồi chúng tôi đã bắt đầu sống chung, nhưng Anna vẫn giữ căn hộ của nàng ở đó, căn hộ hai phòng nằm trong một tòa nhà hiện đại trên đại lộ Aristide-Briand. Nàng gắn bó với nơi này và để phần lớn đồ đạc của mình ở đó. Tôi hết sức hy vọng rằng, trong cơn giận tôi, nàng đã quay về nhà mình.

Chiếc xe cua nửa vòng cung dường như bất tận ở bùng binh Vache-Noire trước khi quay trở lại hướng vừa đi qua.

— Đến nơi rồi, thưa anh nhà văn, tài xế thông báo trong lúc dừng xe dọc vỉa hè trước một tòa nhà còn mới nhưng không có nét duyên dáng nào.

Vóc người thấp tròn, cái đầu hói trọc trụi, ánh mắt cẩn trọng và đôi môi mỏng, anh ta có giọng nói của nhân vật Raoul Volfoni trong phim *Những ông chú thiện xạ*.^[2]

— Anh chờ tôi một lát được không? tôi hỏi.

— Không vấn đề gì. Tôi sẽ để đồng hồ chạy.

Tôi sập cửa xe và nhân lúc có một đứa bé đeo cặp trên vai đi ra để lao vào sảnh. Thang máy bị hỏng, như thường lệ. Tôi trèo một mạch mười hai tầng cầu thang rồi ra sức gõ cửa căn hộ của Anna, vừa gõ vừa thở hổn hển, hai tay chống lên đầu gối. Không ai trả lời. Tôi dỏng tai lên, nhưng chẳng nghe thấy tiếng động nào.

Anna đã bỏ lại chùm chìa khóa căn hộ của tôi. Nếu không ở nhà mình, thì nàng đã qua đêm ở đâu?

Tôi bấm chuông tất cả các căn hộ cùng tầng. Người hàng xóm duy nhất mở cửa cũng chẳng giúp được gì cho tôi. Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì: phương châm quen thuộc điều tiết cuộc sống tập thể trong những tòa chung cư lớn.

Tôi bức bối quay xuống phố và đưa cho anh chàng Raoul địa chỉ nhà tôi ở Montparnasse.

— Cuốn tiểu thuyết mới nhất của anh xuất bản khi nào ấy nhỉ, anh Barthélémy?

— Ba năm trước, tôi vừa đáp vừa thở dài.

— Anh đang chuẩn bị ra một cuốn mới chẳng?

Tôi lắc đầu.

— Trong những tháng sắp tới thì không.

— Thế thì vợ tôi sẽ thất vọng lắm đây.

Để tìm cách chấm dứt câu chuyện, tôi yêu cầu anh ta vặn to tiếng radio để nghe tin tức.

Bắt sóng của một kênh phát thanh đại chúng, chiếc radio đang phát bản tin nhanh lúc 9 giờ. Vào thứ Năm ngày 1 tháng Chín này, mười hai triệu học sinh đang chuẩn bị quay lại trường học, François Hollande vui mừng vì nền kinh tế có tăng trưởng đôi chút, vài giờ trước khi thị trường chuyển nhượng cầu thủ đóng cửa, Paris - Saint-Germain vừa tậu cho mình một trung phong mới, trong khi ở Mỹ đảng Cộng hòa đang chuẩn bị đề cử ứng cử viên của mình cho mùa bầu cử tổng thống sắp tới...

— Tôi không hiểu lắm, tài xế taxi vẫn nài thêm. Anh đã chọn cách nghỉ ngơi một thời gian hay bị mắc chứng tắc mạch viết?

— Còn phức tạp hơn thế cơ, tôi trả lời trong lúc nhìn qua cửa sổ.

2.

Sự thật là tôi đã không viết được dòng nào từ ba năm nay, bởi cuộc đời đã tước đoạt tôi.

Tôi không mắc chứng tắc mạch viết mà cũng chẳng bị mất cảm hứng. Tôi tự kể chuyện trong đầu mình từ khi lên sáu, và ngay thời còn niên thiếu, viết đã trở thành trung tâm cuộc sống, là cách để thông dòng tưởng tượng đầy ắp của tôi. Hư cấu là một lối thoát. Tấm vé máy bay rẻ nhất để trốn khỏi sự ảm đạm thường nhật. Trong suốt nhiều năm, viết đã chiếm toàn bộ thời gian và suy nghĩ của tôi. Gắn chặt với cuốn sổ ghi chép hoặc chiếc máy tính xách tay, tôi viết mọi lúc, mọi nơi: trên những băng ghế công cộng, trên ghế dài trong các quán cafe, đứng trên tàu điện ngầm. Còn khi không viết, tôi suy nghĩ về các nhân vật của mình, những nỗi niềm đau khổ của họ, tình yêu của họ. Những thứ khác đều không thực sự quan trọng. Sự tầm thường của thế giới thực ít tác động đến tôi. Lúc nào cũng tách biệt và thụt lùi với thực tế, tôi vận động trong một thế giới tưởng tượng nơi tôi là đấng tạo hóa duy nhất.

Kể từ 2003 - năm tiểu thuyết đầu tiên của tôi ra đời mỗi năm tôi xuất bản một cuốn. Chủ yếu là trinh thám và hình sự. Trong các lần trả lời phỏng vấn, tôi có thói quen khẳng định rằng ngày nào tôi cũng làm việc chỉ trừ Noel và sinh nhật của mình - tôi đạo câu trả lời này của Stephen King. Nhưng, cũng giống như ông, tôi đã nói dối: tôi làm việc cả ngày 25 tháng Mười hai và cũng không thấy có lý do gì chấp nhận được để phải thất nghiệp vào ngày kỷ niệm việc tôi ra đời.

Bởi vì tôi hiếm khi có việc gì thú vị để làm hơn là ngồi trước màn hình để hỏi thăm tin tức các nhân vật của mình.

Tôi say mê “nghề nghiệp” của mình và cảm thấy thoải mái trong thế giới của những đợi chờ hồi hộp, những án mạng và bạo lực đó. Cũng giống như lũ trẻ - bạn hãy nhớ đến con yêu tinh trong *Chú mèo đi hia*, ông bố bà mẹ tội lỗi trong *Chú bé tí hon*, *Yêu Râu Xanh* hoặc con sói trong *Cô bé quàng khăn đỏ* người lớn cũng thích thử cảm giác sợ hãi. Họ cũng cần đến những câu chuyện cổ tích để trừ bỏ nỗi kinh hoàng của chính mình.

Việc đọc giả ưa chuộng thể loại trinh thám đã giúp tôi có được một thập kỷ kỳ diệu, khi tôi được gia nhập đội ngũ ít ỏi những tác giả có thể

sống bằng ngòi bút.

Mỗi sáng, khi ngồi vào bàn làm việc, tôi biết rằng mình có được may mắn là nhiều người trên khắp thế giới đang chờ đợi cuốn tiểu thuyết mình sắp cho ra đời.

Nhưng cái vòng tròn kỳ diệu của thành công và sáng tạo đó đã bị ngắt quãng cách đây ba năm vì một người phụ nữ. Trong chuyến đi quảng bá sách ở Luân Đôn, trợ lý báo chí đã giới thiệu với tôi Natalie Curtis, một nhà khoa học nữ trẻ tuổi người Anh tài năng cả trong ngành sinh học lẫn trong kinh doanh. Cô là người hùn vốn vào một công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực y học đã chế tạo ra kính áp tròng “thông minh” có thể phát hiện nhiều căn bệnh khác nhau dựa trên tỷ lệ glucose trong thủy dịch.

Natalie làm việc mười tám giờ mỗi ngày. Với sự hoạt bát khiến người khác phải bối rối, cô thoải mái xoay xở giữa việc lập trình phần mềm, giám sát các thử nghiệm lâm sàng, lập business plansa^[3] và những chuyến di chuyển qua nhiều múi giờ đưa cô đến khắp năm châu để trình bày báo cáo với các nhà đầu tư xa xôi.

Chúng tôi vận động trong hai thế giới khác nhau. Tôi là người đàn ông ưa sách vở; cô là người phụ nữ của công nghệ. Tôi kiếm sống bằng việc sáng tác ra những câu chuyện; cô kiếm sống bằng cách sáng chế ra những bộ vi xử lý chỉ nhỏ bằng sợi tóc của một em bé sơ sinh. Tôi là kiểu anh chàng học tiếng Hy Lạp ở trường trung học, yêu thơ Aragon và viết thư tình bằng bút mực. Cô là kiểu cô nàng siêu kết nối cảm thấy thoải mái trong thế giới lạnh lẽo và không biên giới của các trạm trung chuyển sân bay chẳng khác nào như đang ở nhà mình.

Dù sau này khi đã có thời gian để nhìn lại mọi việc và suy ngẫm, tôi vẫn không hiểu điều gì đẩy chúng tôi lại với nhau. Tại sao, đúng vào thời điểm đó trong cuộc đời, chúng tôi lại thuyết phục được bản thân rằng câu chuyện tình vô lý của chúng tôi có thể có tương lai?

“Con người thường thích được là những gì không phải là mình”, Albert Cohen đã viết như vậy. Phải chăng vì thế mà đôi khi ta đem lòng yêu những người chẳng có điểm gì chung với ta? Có lẽ niềm ham muốn được

bổ sung cho nhau đã khiến chúng ta hy vọng có sự thay đổi, có sự biến chuyển. Như thế việc tiếp xúc với người kia sẽ biến chúng ta thành những sinh vật tròn vẹn hơn, giàu có hơn, cởi mở hơn. Trên giấy thì đúng là một ý tưởng hay ho, nhưng trong thực tế thì hiếm khi như thế.

Ảo tưởng về tình yêu lẽ ra đã nhanh chóng tan biến nếu Natalie không mang thai. Viễn cảnh xây dựng một gia đình đã khiến ảo tưởng kéo dài thêm. Ít ra cũng là về phần tôi. Tôi đã rời nước Pháp để dọn đến căn hộ mà Natalie thuê ở Luân Đôn, trong khu Belgravia, và tháp tùng cô hết mức có thể trong suốt thời gian cô bụng mang dạ chửa.

“Anh thích những tiểu thuyết nào của mình nhất?” Trong mỗi chuyến quảng bá sách, câu hỏi ấy lại được cánh phóng viên đặt ra. Trong nhiều năm, tôi đã né tránh đôi chút, chỉ trả lời ngắn gọn: “Tôi không thể lựa chọn. Với tôi, tiểu thuyết cũng giống như những đứa con, các vị biết đấy.”

Nhưng sách không phải con cái. Tôi đã có mặt trong phòng sinh khi con trai chúng tôi ra đời. Lúc bà đỡ trao cho tôi cơ thể bé nhỏ của Théo để tôi ôm con vào lòng, trong một giây tôi đã nhận ra lời khẳng định được tôi nhắc đi nhắc lại trong rất nhiều cuộc phỏng vấn đó đối trá đến mức nào.

Sách không phải con cái.

Sách có một điểm đặc thù gần như là phép thuật: chúng là tấm hộ chiếu để đi đến nơi khác, là cuộc đào tẩu vĩ đại. Chúng có thể là phương tiện giúp sức cho chúng ta đối mặt với những thử thách trong cuộc sống. Như Paul Auster từng khẳng định, sách là “nơi duy nhất trên thế giới mà hai con người xa lạ có thể gặp gỡ nhau một cách thân mật”.

Nhưng chúng không phải con cái. Không gì có thể so sánh với một đứa con.

3.

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy Natalie quay lại làm việc sau khi sinh con mười ngày. Những giờ làm thêm và vô số chuyến công tác gần như không cho cô được trải nghiệm trọn vẹn những tuần đầu - tuyệt diệu và

kinh khủng ngang nhau - sau khi sinh con. Có vẻ như chuyện đó cũng không tác động nhiều đến cô. Tôi đã hiểu tại sao khi mà, một buổi tối, vừa cởi đồ trong phòng thay quần áo nổi dài từ phòng ngủ, cô vừa thông báo với tôi bằng giọng yếu ớt:

— Bọn em đã chấp thuận đề xuất của Google. Họ sẽ mua lại phần lớn vốn của công ty.

Tôi sửng sốt và phải nhiều giây sau mới nói được một câu:

— Em nói nghiêm túc đấy chứ?

Về lơ đãng, cô cởi giày cao gót, xoa xoa bên mắt cá chân bị đau trước khi giáng trả:

— Hoàn toàn nghiêm túc. Ngay thứ Hai này, em sẽ đến làm việc cùng nhóm em ở California.

Tôi nhìn sửng vào mặt cô, hoảng hốt. Cô vừa bay mười hai tiếng đồng hồ, nhưng chính tôi mới là người đang bị *jet lag* ^[4]

— Em không thể một mình quyết định chuyện này được, Natalie ạ! Chúng ta phải bàn bạc! Chúng ta phải...

Cô bần thần ngồi xuống mép giường.

— Em biết rõ là không thể yêu cầu anh đi theo em được.

Tôi nổi khùng.

— Nhưng anh buộc phải theo em! Anh nhắc cho em nhớ là chúng ta đang có một đứa con ba tuần tuổi đấy!

— Đừng có hét lên! Em là người đầu tiên đau khổ vì chuyện đó, nhưng em không thể làm được, Raphaël ạ.

— Làm được chuyện gì?

Cô giàn giụa nước mắt.

— Làm một người mẹ tốt của Théo.

Tôi những muốn phản bác, nhưng cô đã nhắc đi nhắc lại vào mặt tôi câu nói khủng khiếp, bộc lộ tất cả những gì đang chất chứa trong lòng cô “Em không sinh ra để làm việc này. Em rất tiếc.”

Khi tôi hỏi cô dự tính cụ thể như thế nào về tương lai của chúng tôi, cô liền chĩa ánh mắt vô định vào tôi rồi hạ quân bài mà cô vẫn giấu trong ống

tay áo ngay từ khi bắt đầu cuộc nói chuyện này:

— Nếu anh muốn nuôi dạy Théo ở Paris, một mình anh, em cũng không thấy có gì bất tiện cả. Nói thật lòng, thậm chí em còn nghĩ đó là giải pháp tốt nhất cho tất cả chúng ta.

Tôi đã gật đầu đồng ý, câm lặng, bàng hoàng trước vẻ vô cùng nhẹ nhõm mà tôi đọc thấy trên khuôn mặt cô. Cô, mẹ của con trai tôi. Rồi im lặng nặng nề bao trùm căn phòng và Natalie uống một viên thuốc ngủ trước khi nằm dài trong bóng tối.

Tôi trở về Pháp ngay sau đó hai ngày, về lại căn hộ của mình ở Montparnasse. Lẽ ra tôi có thể thuê một vú em, nhưng tôi không làm thế. Tôi kiên quyết sẽ chứng kiến con trai mình lớn lên. Và nhất là tôi đang sống trong nỗi ám ảnh bị mất con.

Suốt nhiều tháng rong, mỗi lần chuông điện thoại reo, tôi lại chuẩn bị tính thần nghe thấy luật sư của Natalie thông báo rằng thân chủ của ông ta đã đổi ý và đòi được độc quyền nuôi giữ Théo. Nhưng cuộc gọi ác mộng đó không bao giờ xảy đến. Hai mươi tháng trôi qua mà tôi không hề nhận được tin tức gì của Natalie. Hai mươi tháng trôi qua như một tiếng thở dài. Vốn vẫn được đánh nhịp đều đặn bởi công việc viết lách, cuộc sống hằng ngày của tôi giờ đây bị ngắt nhịp bởi những bình sữa, những hộp đồ ăn giăm, những lần thay bỉm, những cuộc dạo chơi trong công viên, những lần tắm nước nóng 37 độ C và công việc giặt giũ lặp đi lặp lại. Rồi còn bị xói mòn bởi tình trạng thiếu ngủ, nỗi lo lắng trước bất cứ dấu hiệu nóng sốt nào và tâm trạng sợ hãi vì mình không đủ khả năng giải quyết mọi chuyện.

Nhưng có lẽ tôi sẽ không đánh đổi trải nghiệm này lấy bất cứ thứ gì trên đời. Đúng như năm ngàn bức ảnh lưu trữ trong điện thoại di động của tôi đã chứng tỏ, những tháng đầu tiên trong cuộc đời cậu con trai đã đưa tôi vào một cuộc phiêu lưu kỳ thú nơi tôi là diễn viên chính nhiều hơn là đạo diễn.

4.

Đại lộ Général-Leclerc, giao thông đã thông suốt. Chiếc xe taxi tăng tốc, với đích ngắm là tháp chuông cao vút của nhà thờ Saint-Pierre-de-Montrouge. Đến quảng trường Alésia, chiếc xe rẽ vào đại lộ Maine. Những vẫy nắng lọt qua tán cây. Loạt mặt tiền bằng đá trắng đồ sộ, hàng hà sa số những cửa hàng nhỏ và khách sạn rẻ tiền.

Trong khi dự kiến là sẽ vắng mặt khỏi Paris trong vòng bốn ngày, rốt cuộc tôi lại quay trở về chỉ vài giờ sau khi khởi hành. Tôi soạn một tin nhắn gửi cho Marc Caradec, người đàn ông duy nhất tôi đủ tin tưởng gửi gắm cậu con trai, để báo cho ông biết tôi về sớm. Tình phụ tử đã khiến tôi trở nên hoang tưởng, như thể mấy chuyện giết chóc và bắt cóc mà tôi dàn dựng trong các tiểu thuyết trinh thám có thể lây lan sang cuộc sống gia đình tôi. Từ khi Théo ra đời, tôi chỉ cho phép hai người chăm sóc bé: Amalia, bà gác cổng tòa nhà tôi ở, người tôi đã quen biết được gần mười năm nay, và Marc Caradec, hàng xóm và cũng là bạn tôi, cựu cảnh sát thuộc Đội Cảnh sát trấn áp tội phạm có tổ chức BRB, ông trả lời tin nhắn của tôi gần như tức thì:

Đừng lo. Tóc vàng vẫn ngủ.

Tôi đã sẵn sàng chờ cu cậu thức dậy: đã cắm điện máy pha sữa, lấy cháo ra khỏi tủ lạnh và chỉnh lại ghế ăn. Cậu sẽ kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra nhé.

Hẹn lát nữa gặp lại.

Nhẹ cả người, tôi lại thử gọi cho Anna, nhưng vẫn gặp hệ thống trả lời tự động. Điện thoại đã bị tắt? Hết pin?

Tôi gác máy và dụi mắt, vẫn còn bàng hoàng vì những điều mình hằng tin chắc bị phá vỡ nhanh chóng đến thế. Tôi tua lại trong đầu diễn biến của ngày hôm qua và không còn biết phải nghĩ gì nữa. Bong bóng hạnh phúc chúng tôi đã sống trong đó phải chăng chỉ là vẻ bề ngoài che đậy một thực tế không mấy sáng sủa? Tôi nên lo lắng cho Anna hay phải đề phòng nàng? Câu hỏi cuối cùng này khiến tôi nổi da gà. Khó mà nghĩ về nàng bằng những từ ngữ này, trong khi chỉ vài giờ trước, tôi còn tin chắc mình đã tìm đúng người: cô gái mà tôi chờ đợi nhiều năm nay, và cô gái mà tôi quyết định cùng nàng sinh thêm những đứa con khác.

Tôi gặp Anna sáu tháng trước, một đêm tháng Hai, ở khoa Cấp cứu nhi bệnh viện Pompidou, nơi tôi lao đến vào lúc 1 giờ sáng. Théo bị sốt cao và dai dẳng. Bé co quắp cả người và không chịu ăn bất cứ thứ gì. Tôi đã đầu hàng ý muốn vô lý là nhập toàn bộ các triệu chứng của bé vào một thanh công cụ tìm kiếm. Sau khi lướt qua các trang web, tôi tin chắc rằng bé bị viêm màng não cấp. Bước vào phòng khám chật kín người của bệnh viện, tôi lo lắng muốn chết đi được. Trước khoảng thời gian phải chờ đợi, tôi liền than thở với bộ phận tiếp nhận bệnh nhân: tôi cần được trấn an thật nhanh, tôi muốn họ điều trị cho con trai tôi ngay bây giờ. Có lẽ nó sắp chết, nó...

— Anh bình tĩnh đi.

Một nữ bác sĩ trẻ xuất hiện như có phép màu. Tôi theo nàng vào phòng khám nơi nàng khám cho Théo hết sức tỉ mỉ.

— Con anh nổi nhiều hạch, nàng nhận xét khi sờ cổ bé. Cháu bị viêm amidan.

— Chỉ là viêm họng thôi sao?

— Vâng. Bé khó nuốt nên không chịu ăn.

— Bệnh này uống kháng sinh có khỏi không?

— Không, bé bị viêm do vi rút. Hãy tiếp tục cho bé uống paracetamol và vài hôm nữa bé sẽ khỏi thôi.

— Cô chắc chắn là cháu không bị viêm màng não đấy chứ? tôi vừa cố hỏi thêm vừa thắt lại dây đai cho Théo đang loạng choạng trong nôi.

Nàng mỉm cười.

— Anh nên thôi lướt các trang web y học đi. Internet chỉ gây thêm lo lắng thôi.

Nàng đưa chúng tôi ra đến tận sảnh vào rộng lớn. Lúc nói lời tạm biệt, yên tâm khi biết con trai mình sẽ ổn, tôi chỉ vào chiếc máy bán đồ uống tự động và nghe thấy mình đề xuất:

— Tôi mời cô một cốc cà phê nhé?

Sau khi hơi ngần ngại, nàng báo với một đồng nghiệp nữ rằng nàng sẽ nghỉ một chút và chúng tôi trò chuyện khoảng mười lăm phút trong sảnh chính của bệnh viện.

Nàng tên là Anna Becker. Nàng hai mươi lăm tuổi, đang là sinh viên nội trú năm thứ hai tại khoa Nhi và mặc áo bờ lu trắng như thể đó là chiếc áo khoác hiệu Burberry. Mọi thứ ở nàng đều thanh lịch mà không mong manh dễ vỡ, dáng dấp kiêu kỳ, đường nét vô cùng thanh tú, giọng nói dịu dàng và ấm áp.

Liên tục trải qua những thời khắc bình yên và hoảng loạn, sảnh bệnh viện chìm trong một thứ ánh sáng không thực. Con trai tôi đã thiếp ngủ trong nôi. Tôi nhìn Anna chớp mắt. Đã lâu lắm rồi tôi không còn tin rằng đằng sau khuôn mặt thiên thần chắc chắn là một tâm hồn cao đẹp, nhưng dù sao tôi cũng vẫn để mình bị quyến rũ bởi đôi hàng mi dài cong vút của nàng, làn da màu gỗ quý của một cô gái lai và mái tóc mượt mà buông xuống cân đối hai bên khuôn mặt nàng.

— Tôi phải quay vào làm việc đây, nàng vừa nói vừa chỉ lên đồng hồ treo tường.

Dù đã muộn, nàng vẫn đòi đưa hai cha con tôi ra đến tận điểm chờ taxi cách cửa ra chừng ba chục mét. Chúng tôi đứng trong trời đêm, giữa một mùa đông lạnh giá như ở Nam Cực. Vài bông tuyết trắng xấp bay lượn trên bầu trời tuyết rơi. Cảm nhận sự hiện diện của Anna bên cạnh, trong một thoáng tôi bỗng tin chắc một cách kỳ lạ rằng chúng tôi đã thành đôi. Thậm chí là một gia đình. Như thể những ngôi sao vừa xếp thẳng hàng trên bầu trời. Như thể cả ba chúng tôi sắp cùng về nhà.

Tôi đặt nôi của con vào băng ghế sau rồi quay sang phía Anna. Ánh sáng từ những ngọn đèn đường khiến hơi thở thoát ra từ miệng nàng như có ánh xanh lơ. Tôi định tìm lời lẽ nào đó để khiến nàng cười, nhưng thay vào đó, tôi lại hỏi mấy giờ thì nàng hết phiên trực.

— Lát nữa, 8 giờ ạ.

— Nếu cô muốn đi ăn sáng... Tiệm bánh ngọt ở góc phố nhà tôi có món bánh sừng bò ngon tuyệt...

Tôi cho nàng địa chỉ nhà tôi và nàng mỉm cười. Lời mời của tôi bỗng bồng bềnh một lát trong bầu không khí lạnh giá mà không có câu trả lời. Rồi chiếc taxi chạy đi và trên suốt chặng đường về, tôi tự hỏi liệu tôi và nàng có cùng trải qua một cảm giác giống nhau không.

Tôi khó ngủ, nhưng sáng hôm sau, Anna đã bấm chuông cửa nhà tôi lúc con trai tôi vừa uống xong bình sữa. Théo đã ổn hơn. Tôi cho bé đội chiếc mũ trùm đầu và mặc bộ áo liền quần và để giữ lời, cả ba chúng tôi đều đi mua bánh ngọt. Đó là một sáng chủ nhật, Paris oằn mình trong tuyết. Trên bầu trời xám bạc, mặt trời mùa đông chiếu những tia lóa mắt xuống vỉa hè vẫn mang một màu sắc trắng tinh khôi.

Chúng tôi đã tìm thấy nhau và kể từ buổi sáng đầu tiên huyền diệu ấy, chúng tôi không rời nhau nữa. Sáu tháng điểm tình vừa trôi qua, mở ra thời kỳ rực rỡ: thời kỳ hạnh phúc nhất trong cuộc đời.

Tôi không viết nữa, nhưng tôi sống . Nuôi dạy một đứa trẻ và làm một kẻ si tình đã neo móc tôi vào cuộc đời thực và khiến tôi nhận ra rằng những điều hư cấu đã ăn tươi nuốt sống đời tôi đã quá lâu. Nhờ công việc viết lách, tôi đã vào vai vô số nhân vật. Nhưng những cuộc đời được ủy quyền đó đã làm tôi quên mất việc sống cuộc đời duy nhất và độc nhất thật sự tồn tại: cuộc đời chính tôi.

2

Giáo sư

*Chiếc mặt nạ quyền
rũ đến nỗi tôi sợ
khuôn mặt thật.*
**Alfred DE
MUSSET**

1.

— BỐ! BỐ!

Tôi vừa bước qua cửa, con trai tôi đã chào đón bằng những tiếng kêu vừa ngạc nhiên vừa phấn khởi. Bằng bước chân nhanh nhẹn nhưng chưa vững, Théo lon ton chạy về phía tôi. Tôi nhắc bổng bé lên vào ôm siết lấy bé trong vòng tay. Lần nào cũng vậy, vẫn cảm giác được ban thánh thể đó, vẫn luồng sinh khí đó, vẫn sự nhẹ nhõm đó.

— Cậu qua đúng lúc dùng bữa sáng, Marc Caradec vừa nói vừa vặn chặt núm vú cao su vào bình sữa mà ông mới hâm nóng.

Viên cựu cảnh sát sống trong một xưởng vẽ nhìn ra sân trong của tòa nhà tôi ở, ngay trung tâm Montparnasse. Nhô hẳn ra bởi một vòm kính lớn, nơi này rất sáng sủa và trơ trụi: sàn gỗ vân sần, những kệ giá bằng gỗ mộc đã qua xử lý, chiếc bàn kiểu nông thôn đeo từ một thân cây nhiều mấu. Trong một góc phòng, cầu thang lộ thiên dẫn lên căn gác lửng có những thanh xà to tướng chạy ngang.

Théo vớ lấy bình sữa và trèo lên chiếc ghế vải gập của bé. Ngay lập tức, toàn bộ sự quan tâm của bé dồn vào thứ sữa ấm và nhiều kem mà bé uống ừng ực như thể từ rất lâu rồi chưa được cho ăn.

Tôi nhân lúc tạm thanh thoi này để lại chỗ Marc trong góc bếp mở ra khoảng sân.

Xấp xỉ lục tuần, mắt màu xanh xám, mái tóc ngắn rối bù, lông mày rậm, bộ râu màu muối tiêu. Tùy theo tâm trạng, khuôn mặt ông có thể lần lượt thể hiện niềm dịu dàng vô hạn hoặc sự lạnh lùng tột độ.

— Tôi pha cho cậu một cốc cà phê nhé?

— Ít nhất là một cốc đúp! tôi thở dài và ngồi xuống một trong những chiếc ghế quầy bar.

— Được rồi, cậu kể tôi nghe đã xảy ra chuyện gì chứ?

Trong khi ông chuẩn bị đồ uống cho chúng tôi, tôi thổ lộ với ông mọi chuyện, hay gần như thế. Việc Anna biến mất sau khi chúng tôi tranh cãi, khả năng nàng đã trở về Paris, việc nàng không ở căn hộ tại Montrouge, điện thoại của nàng bị tắt hoặc hết pin. Tôi cố tình bỏ qua bức ảnh mà nàng đã cho tôi xem. Tôi phải tìm hiểu thêm về chuyện này trước khi nói với bất kỳ ai.

Vẻ tập trung, trán nhăn lại, viên cựu cảnh sát trang nghiêm nghe tôi nói. Mặc chiếc quần jean thô, áo thun đen và đi đôi giày da đế thấp đã sờn, ông khiến tôi có cảm giác ông vẫn đang tại chức.

— Ông nghĩ sao về chuyện này? tôi kết luận màn độc thoại bằng một câu hỏi.

Ông bĩu môi và thở dài.

— Chẳng có gì đáng kể. Tôi không có nhiều dịp nói chuyện với cô nàng người yêu của cậu. Mỗi lần gặp cô ấy trong sân, tôi có cảm giác cô ấy tìm mọi cách để tránh tôi.

— Tính cô ấy thế: cô ấy dè dặt và hơi nhát.

Marc đặt cốc cà phê sủi bọt trên chiếc bàn trước mặt tôi. Dáng vóc của một đô vật tự do và cái cổ bò mộng hiện rõ mồn một trong khung cảnh ngược sáng. Trước khi bị thương ở trận đấu súng trong một vụ cướp ở quảng trường Vendôme và buộc phải nghỉ hưu sớm, Caradec từng là một tay cớm xuất sắc: một trong số những người hùng vào thời kỳ hoàng kim của BRB. Vào những năm 1990 đến 2000, ông đã tham gia vài vụ trong số những vụ được truyền thông rầm rộ nhất: phá băng cướp ở ngoại ô phía

Nam, bắt giữ những kẻ cướp xe bọc thép thuộc nhóm Dream Team, vô hiệu hóa bằng nhóm chuyên chôm chia của những người nổi tiếng nằm trong danh sách *Who's Who* và cuộc vây bắt Pink Panthers, băng cướp nổi tiếng vùng Ban căng từng trộm cướp những cửa hàng đá quý lớn nhất thế giới suốt mười năm trời. Ông đã thú nhận với tôi là phải khó khăn lắm ông mới chấp nhận được việc bắt buộc phải về hưu. Ở ông giờ chỉ còn lại vẻ cũ mòn khiến tôi mỉm lòng.

— Cậu biết gì về bố mẹ cô ấy? ông vừa hỏi vừa ngồi xuống trước mặt tôi rồi vớ lấy một cây bút và một cuốn sổ xé hằn là thường dùng để lên danh sách đi chợ.

— Không nhiều lắm. Mẹ cô ấy là người Pháp, nhưng gốc Barbados. Bà đã chết vì bệnh ung thư vú khi Anna được khoảng mười hai mười ba tuổi gì đó.

— Bố thì sao?

— Một người Áo, đến Pháp vào cuối những năm 1970.

Ông chết cách đây năm năm trong một tai nạn lao động trên công trường đóng tàu Saint-Nazaire.

— Con gái duy nhất à?

Tôi gật đầu.

— Cậu có biết các bạn thân của cô ấy không?

Tôi thăm điểm lại những người mà tôi có thể liên hệ. Danh sách thật nghèo nàn, gần như không có ai. Khi lục tìm trong danh bạ trên điện thoại, tôi lần ra được số của Margot Lacroix, một nữ sinh viên nội trú là thực tập sinh phụ khoa ở bệnh viện Robert-Debré cùng thời gian với Anna. Tháng trước cô mời chúng tôi đến ăn mừng tân gia và chúng tôi đã rất thân thiện với nhau. Cô chính là người được Anna chọn làm nhân chứng trong lễ cưới.

— Gọi cô ấy đi, Caradec khuyên tôi.

Tôi thử vận may và bấm số của cô. Khi nhắc máy, Margot sắp sửa nhận ca trực. Cô khẳng định không hề có tin tức gì về Anna từ hai ngày nay.

— Em tưởng hai người đang có kỳ nghỉ yên ương ở Côte d'Azur cơ mà! Mọi chuyện ổn cả chứ ạ?

Tôi lảng tránh câu hỏi và cảm ơn cô rồi gác máy. Tôi chần chừ, rồi hỏi Marc:

— Có báo cảnh sát cũng chẳng ích gì, đúng không?

Marc nuốt nốt ngụm cà phê espresso cuối cùng.

— Ở giai đoạn này, cậu cũng biết rõ chẳng khác gì tôi là họ sẽ không thể làm được gì đáng kể. Anna đã trưởng thành và không có cơ sở nào để nói rằng cô ấy đang gặp nguy hiểm, thế nên...

— Ông có thể giúp tôi không?

Ông chăm chú nhìn xéo tôi.

— Thật ra, trong đầu cậu đang nghĩ gì vậy?

— Ông có thể sử dụng các mối quan hệ của mình trong giới cảnh sát để lần theo điện thoại di động của Anna, tiếp cận các tín nhân của cô ấy, theo dõi những lần rút tiền từ thẻ ngân hàng và các giao dịch từ tài khoản của cô ấy, cho phân tích...

Ông giơ tay lên ngăn tôi lại.

— Cậu không nghĩ như thế là hơi quá mức sao? Nếu tất cả cảnh sát đều làm thế mỗi lần cãi nhau với bạn gái...

Tôi bức bối đứng bật dậy khỏi ghế, nhưng ông đã túm ống tay áo tôi kéo lại.

— Bình tĩnh nào! Nếu muốn tôi giúp, thì cậu phải nói với tôi toàn bộ sự thật.

— Tôi không hiểu.

Ông lắc đầu và thở một hơi dài.

— Đừng giả vờ ngốc nghếch với tôi, Raphaël ạ. Tôi đã có ba mươi năm kinh nghiệm hỏi cung đấy. Tôi biết khi nào người ta nói dối tôi.

— Tôi không nói dối ông.

— Không nói toàn bộ sự thật chính là nói dối. Chắc chắn phải có điều mấu chốt gì đó mà cậu chưa kể với tôi, nếu không cậu sẽ không lo lắng đến thế.

2.

— Hết bố! Hết! Théo hét lên và lắc bình sữa về phía tôi.

Tôi quỳ xuống bên con trai để đón lấy chiếc bình.

— Con muốn gì nữa không, con trai?

— Kado! Kado! bé reo lên để đòi thứ tội lỗi đáng yêu của mình: những thanh bích quy phủ sô cô la hiệu Mikado.

Tôi hăm bốt con phần khích của bé.

— Không, anh bạn ạ, Mikado là dành cho bữa chiều.

Hiếu rằng sẽ không được ăn bánh bích quy, vế thất vọng, thậm chí là giận dữ, lộ rõ trên khuôn mặt thiên thần của con trai tôi. Bé siết chặt chú chó bông mà bé không bao giờ rời - chú chó Fifi trứ danh - và chuẩn bị giàn giụa nước mắt thì Marc Caradec đưa cho bé một lát bánh mì gối mà ông vừa nướng.

— Thôi nào, lỗi con, ăn tạm mẩu bánh mì này vậy!

— Mẩu mì! Mẩu mì! bé thốt lên, rưng rờ.

Khó lòng mà tin cho được: viên cốm thô kệch, chuyên gia trấn áp mấy băng đảng và các vụ bắt cóc con tin thật sự có khiếu dỗ trẻ con.

Tôi quen biết Marc Caradec từ khi ông dọn đến tòa nhà tôi ở năm năm trước. Ông là một cảnh sát chẳng có gì điển hình, say mê văn học cổ điển, nhạc xưa và điện ảnh. Tôi đã thích ông ngay lập tức và chúng tôi nhanh chóng thân thiết với nhau. Ở đội BRB, nét trí thức của ông đã khiến ông mang biệt danh “Giáo sư”. Tôi thường xuyên hỏi ý kiến ông khi viết cuốn tiểu thuyết trinh thám mới nhất. Không bao giờ kiêu lời khi kể về những giai thoại liên quan đến nghề nghiệp trước đây của mình, ông đã cho tôi nhiều lời khuyên và đồng ý đọc lại cũng như sửa lỗi cho bản thảo của tôi.

Dần dà chúng tôi trở thành bạn bè. Chúng tôi cùng đến sân Công viên các Hoàng tử gần như tất cả những lần đội Paris Saint-Germain chơi trên sân nhà. Và ít nhất là mỗi tuần một lần, trang bị một khay sushi cùng hai chai Corona, chúng tôi cùng nhau dành cả buổi tối trước màn hình rạp chiếu bóng tại gia của tôi để xem những bộ phim hình sự Hàn Quốc và rà

lại danh mục phim của Jean-Pierre Melville, William Friedkin hoặc Sam Peckinpah.

Cũng giống như Amalia, bà gác cổng tòa nhà của chúng tôi, Marc đã dành cho tôi sự giúp đỡ quý báu và hỗ trợ tôi rất nhiều trong việc nuôi dưỡng Théo. Chính ông là người trông bé khi tôi phải vắng mặt để đi chợ. Chính ông đã cho tôi những lời khuyên xác đáng nhất mỗi khi tôi tuyệt vọng. Và nhất là ông đã dạy cho tôi điều cơ bản nhất: tin tưởng vào con mình, lắng nghe con trước khi thiết lập các luật lệ, không sợ mình không đủ khả năng giải quyết mọi chuyện.

3.

— “Chính em đã làm chuyện này.” Anna đã nói câu đó với tôi khi cho tôi xem bức ảnh trên iPad của cô ấy.

— Bức ảnh chụp cái gì? Marc hỏi.

Cả hai chúng tôi đang ngồi bên bàn ăn trong bếp. Ông đã rót cho mỗi người một cốc cà phê mới. Ánh mắt chăm chú của ông không rời khỏi mặt tôi. Nếu muốn ông giúp, tôi không có cách nào khác ngoài việc kể với ông sự thật. Bao gồm cả những gì tàn nhẫn nhất. Tôi hạ giọng vì có Théo, mặc dù bé hoàn toàn không thể hiểu chuyện:

— Một bức ảnh chụp ba xác chết cháy đen.

— Cậu đùa tôi đấy à?

— Không. Ba xác chết xếp thẳng hàng, đặt cạnh nhau.

Một ngọn lửa bùng lên trong mắt viên cớm. Những thi thể. Chết chóc. Một cảnh tượng rùng rợn. Chỉ trong vài giây, chúng tôi vừa rời khỏi cuộc cãi vã của một cặp đôi để bước vào lãnh địa của ông.

— Đây là lần đầu tiên Anna nói với cậu một chuyện như thế này?

— Tất nhiên.

— Vậy cậu không có ý tưởng gì về sự liên quan thực chất của cô ấy trong sự kiện đó?

Tôi lắc đầu. Ông hỏi tiếp:

— Cô ấy nói chuyện đó với cậu mà không giải thích gì sao?

— Tôi nói với ông rồi, tôi không cho cô ấy thời gian. Tôi đã sững sờ. Choáng váng. Bức ảnh kinh khủng đến nỗi tôi rời bỏ cô ấy mà không hỏi gì. Và khi tôi quay lại, cô ấy đã đi mất.

Ông nhìn tôi với vẻ lạ lùng, như thể không tin rằng mọi việc đã diễn ra chính xác như thế.

— Tầm vóc của các xác chết thế nào? Là người trưởng thành hay trẻ em?

— Khó nói lắm.

— Thế chúng nằm ở đâu: ngoài trời? Trên bàn giải phẫu? Trên...

— Tôi không biết gì cả, chết tiệt thật! Tất cả những gì tôi có thể nói với ông, đó là chúng đen thui như than, bị sức nóng của lửa thiêu đốt. Thành than hoàn toàn.

Caradec tiếp tục dồn tôi:

— Cố gắng nói cụ thể hơn đi, Raphaël. Hình dung lại cảnh tượng đi. Cho tôi biết thêm chi tiết nữa.

Tôi nhắm mắt lại để triệu hồi ký ức. Việc đó chẳng mất bao lâu, bởi bức ảnh ấy đã khiến tôi buồn nôn. Những cái sọ nứt vỡ. Những lồng ngực rách bươm. Những khoang bụng toang hoác xổ hết cả ruột ra. Theo yêu cầu của Caradec, tôi cố gắng miêu tả thật kỹ những thi thể với chân tay co rút, lớp da cháy đen thui và nứt nẻ. Đám xương trắng ngà đâm thủng cả thịt.

— Họ nằm trên thứ gì?

— Theo trực giác của tôi thì họ nằm ngay trên mặt đất. Có thể là trên một tấm ga...

— Theo cậu, cô nàng Anna của cậu có sạch sẽ không? Không chơi ma túy? Không bị bệnh thần kinh? Chưa từng phải ở trong bệnh viện tâm thần chứ?

— Tôi báo để ông biết là ông đang nói đến cô gái mà tôi sắp cưới đấy.

— Trả lời câu hỏi của tôi đi, được không?

— Không, chẳng bị gì trong số đó hết. Cô ấy sắp kết thúc chương trình đào tạo y khoa nội trú. Cô ấy rất xuất sắc.

— Vậy thì tại sao cậu lại nghi ngờ quá khứ của cô ấy?

— Ông biết chuyện của tôi rồi mà, chết tiệt thật! Ông biết mối quan hệ gần nhất của tôi kết thúc thế nào rồi còn gì!

— Nhưng thật ra cậu lo lắng điều gì chứ?

Tôi liệt kê:

— Cô ấy tỏ vẻ do dự thế nào đó khi nhắc đến quá khứ, có chút gì đó giống như cô ấy không có tuổi thơ và thời niên thiếu. Vô cùng kín đáo. Mong muốn không bị người khác để ý đến đã trở thành bản chất thứ hai ở cô ấy. Cô ấy ngại ngần khi phải xuất hiện trong các bức ảnh. Với lại nói thực lòng, ông có quen nhiều cô gái hai mươi lăm tuổi không có tài khoản Facebook và không xuất hiện trên bất cứ mạng xã hội nào không?

— Thật khó hiểu, viên cốm thừa nhận, nhưng như thế vẫn còn quá mơ hồ để tiến hành điều tra.

— Ba thi thế mà vẫn còn mơ hồ cơ đấy!

— Bình tĩnh lại đi. Ta chẳng biết gì về những thi thế đó hết. Nói cho cùng, cô ấy là bác sĩ, rất có thể cô ấy đã bắt gặp chuyện đó trong quá trình học!

— Thêm một lý do nữa để tìm kiếm, đúng không?

4.

— Bà giúp việc nhà cậu vẫn chưa qua chứ?

— Phải đầu giờ chiều bà ấy mới đến.

— Càng tốt! Marc phấn khởi.

Chúng tôi đã băng qua sân đến tận căn hộ của tôi và bây giờ chúng tôi đang ở trong bếp, một phòng góc chạy dài nhìn ra đồng thời cả phố Campagne-Première lẫn vỉa hè cùng những cánh cửa chớp nhiều màu sắc trên ngõ Địa ngục. Dưới chân chúng tôi, Théo và Fifi đang vui vẻ chơi trò dán rồi bóc những con vật có gắn nam châm lên cánh cửa tủ lạnh.

Sau khi xem xét chậu rửa, Caradec mở cửa máy rửa bát.

— Chính xác là ông đang tìm thứ gì?

— Thứ gì đó mà có lẽ Anna là người duy nhất chạm vào. Chiếc cốc mà cô ấy đã uống cà phê sáng hôm qua chẳng hạn.

— Cô ấy uống trà, trong cái đó, tôi cho biết và chỉ tay vào một chiếc cốc kiểu Thổ Nhĩ Kỳ có vẽ hình Tintin, cái cốc mà nàng đã mang về sau chuyến tham quan bảo tàng Hergé.

— Cậu có cái bút nào không?

Đúng là câu hỏi nực cười dành cho một nhà văn, tôi nghĩ và đưa cho ông chiếc bút bi nước.

Marc cầm bút xỏ qua quai cốc nhấc lên rồi đặt chiếc cốc xuống một tờ giấy lau đa năng mà ông đã trải lên mặt bàn. Rồi ông mở khóa một cái túi nhỏ bằng da mềm, lấy ra một ống thủy tinh có chứa thứ bột đen và một chiếc bút lông, một cuộn băng dính cùng mảnh bìa cứng.

Bộ đồ nghề của cảnh sát khoa học.

Bằng cử chỉ thành thực, ông nhúng đầu bút lông vào bột rồi phết lên chiếc cốc, với hy vọng các hạt bụi sắt và than sẽ tiết lộ những dấu vân tay mà Anna để lại.

Cảnh tượng mà tôi đã từng mô tả trong một cuốn tiểu thuyết. Chỉ có điều ở đây chúng tôi đang sống trong thực tại. Và người bị truy tìm không phải là kẻ sát nhân, mà là cô gái tôi yêu.

Viên cớm thối vào chiếc cốc cho bay hết phần bột thừa, rồi giương mục kính lên để xem xét bề mặt cốc.

— Cậu nhìn thấy cái vết này không? Đó là ngón cái của người yêu cậu đấy, ông hài lòng thông báo.

Ông cắt một mẫu băng dính và vô cùng cẩn trọng dùng nó để cố định dấu vân tay trên mảnh bìa.

— Chụp ảnh đi, ông bảo tôi.

— Để làm gì?

— Tôi không còn liên hệ với nhiều người ở BRB. Phần lớn đồng nghiệp cũ của tôi đã về hưu, nhưng tôi biết một gã ở đội Trọng án: Jean-Christophe Vasseur. Một gã tầm thường và một tay cớm tồi, nhưng nếu ta có một dấu vân tay có thể khai thác và tuân cho hẵn 400 euro, hẵn sẽ chấp nhận so sánh nó với cơ sở dữ liệu của FAED.

— Hệ thống lưu trữ vân tay số hóa ư? Nói thật lòng, tôi không nghĩ Anna đã từng liên quan đến bất cứ vụ án hay tội phạm nào đâu. Hay đã từng ngồi tù.

— Có thể ta sẽ phải ngạc nhiên. Tất cả những gì cậu kể với tôi về nhu cầu kín đáo đến bệnh hoạn đó khiến tôi nghĩ rằng cô ấy có gì đó cần che giấu.

— Ai mà chẳng có điều gì đó cần che giấu, đúng không?

— Thôi những câu đối đáp sắc mùi tiểu thuyết ấy của cậu đi. Hãy chụp ảnh như tôi bảo và gửi nó vào mail cho tôi, trước khi tôi liên hệ với Vasseur.

Tôi dùng điện thoại chụp nhiều kiểu, rồi nhờ ứng dụng chỉnh sửa ảnh, tôi thay đổi ánh sáng và độ tương phản để dấu vân tay hiện lên rõ hết mức. Trong lúc thao tác, tôi say sưa ngắm nhìn những đường rãnh và đường chỏm uốn lượn, xoay vòng, chồng lên nhau để tạo thành một mê cung duy nhất và bí ẩn không có bất kỳ kim chỉ nam nào.

— Bây giờ ta làm gì? tôi vừa hỏi vừa gửi bức ảnh vào hộp thư của Caradec.

— Ta quay lại nhà Anna ở Montrouge. Và tiếp tục tìm cô ấy. Cho đến khi tìm thấy.

3

Đêm tối của tâm hồn

*Đừng bao giờ chắc
về cô gái mà bạn
yêu*

**Leopold Von
SACHER –
MASOCH**

1.

Cứ nhìn vào những chiếc tem dán chồng lên nhau trên kính chắn gió, thì chiếc Range Rover của Marc Caradec phải chạy từ cuối những năm 1980.

Chiếc xe địa hình cũ kỹ - đồng hồ chỉ con số hơn ba trăm nghìn ki lô mét - luồn lách giữa dòng xe cộ với sự duyên dáng của một khối bê tông, vượt qua những hàng cây trong công viên Montsouris, băng qua con đường vành đai, men theo những hình vẽ graffiti trên đại lộ Paul-Vaillant-Couturier, rồi đến mặt tiền hình ô bàn cờ của khách sạn Ibis, phố Barbès.

Tôi đã gửi Théo ở nhà bà Amalia và cảm thấy nhẹ cả người khi Marc đề nghị đi cùng tôi. Đến lúc này, tôi vẫn nuôi hy vọng là mọi chuyện sẽ ổn thỏa. Có thể Anna sẽ sớm xuất hiện trở lại. Có thể “bí mật” của nàng rất cuộc không nghiêm trọng đến thế. Nàng sẽ cho tôi lời giải thích, cuộc sống sẽ trở lại dòng chảy của nó và đám cưới của chúng tôi sẽ được tổ chức vào ngày đã định, cuối tháng Chín này, trong nhà thờ nhỏ Saint-Guilhem-le-Désert, cái nơi lịch sử của gia đình tôi.

Một thứ mùi lạ thoang thoảng trong khoang xe: mùi da và mùi cỏ khô trộn lẫn với mùi xì gà xa xăm. Marc về số. Chiếc 4x4 khục khặc như thể đột nhiên bị hết hơi. Nói rằng đây là một chiếc xe thô kệch cũng vẫn còn là ít: những chiếc ghế bọc nhung cũ rích, bộ giảm xóc khiến ta có cảm giác nó đã trút hơi thở cuối cùng từ lâu, nhưng chiều cao của thùng xe và phần kính toàn cảnh cho phép chúng tôi ở vị trí cao hơn trong dòng xe cộ nườm nượp.

Đại lộ Aristide-Briand: quốc lộ 20 cũ, rộng như một tuyến đường cao tốc với hai chiều, mỗi chiều bốn làn xe.

— Đây rồi, tôi vừa nói vừa chỉ tòa nhà của Anna, phía bên kia đường. Nhưng ông không thể sang đường ở quãng này, ông phải vòng qua ngã tư...

Không để tôi kịp nói hết câu, Marc bẻ ngoặt tay lái. Trong bản hòa âm của tiếng còi và tiếng bánh xe rít trên đường, ông cua một vòng nguy hiểm, cắt ngang trước mũi hai chiếc xe chỉ vừa kịp phanh kít lại để tránh tai nạn.

— Ông đúng là vô ý thức!

Viên cớm lắc đầu, và vẫn chưa hài lòng với lần vi phạm đầu tiên này, ông cho chiếc Range Rover leo lên vỉa hè rồi đỗ xịch lại.

— Ta không thể đỗ xe ở đây, Marc ạ!

— Ta là cảnh sát mà, ông cắt ngang rồi kéo phanh tay.

Ông hạ tấm chắn nắng xuống, trên đó có gắn huy hiệu “Cảnh sát quốc gia”.

— Ai mà tin được là cớm lại đi cái xe cóc ghè này chứ? tôi hỏi và đóng sập cánh cửa lại. Với lại, thậm chí ông cũng chẳng còn là cớm...

Ông móc từ túi sau quần jean ra một chiếc chìa khóa vạn năng.

— Một ngày làm cớm, cả đời làm cớm, ông vừa nói vừa mở cánh cửa dẫn vào sảnh tòa nhà.

Thật kỳ diệu: từ sau lần tôi ghé qua hôm trước, người ta đã sửa thang máy. Trước khi lên, tôi đòi ghé vào nhìn qua bãi đỗ xe dưới tầng hầm. Chiếc Mini của Anna vẫn đậu ở chỗ của nó. Quay trở lại thang máy. Tầng mười hai. Hành lang vắng tanh. Một lần nữa, sau khi bấm chuông, tôi gõ liên hồi vào cánh cửa nhưng cũng không khá khẩm hơn lần trước.

— Cậu tránh ra, viên cớm ra lệnh và lấy đà.

— Khoan đã, có lẽ không nên phá cánh...

2.

Cánh cửa đầu hàng sau cú hích vai thứ hai.

Caradec bước vào hành lang và chỉ bằng vài cái liếc mắt đã bao quát toàn bộ không gian chưa đầy bốn mươi mét vuông được sắp xếp rất gọn gàng. Sàn nhà lát gỗ sồi, tường bên trong sơn màu kem, điểm thêm những nét chấm phá màu phấn, phòng khách với đồ nội thất phong cách Bắc Âu, phòng bếp mở, phòng thay quần áo chạy dài đến tận phòng ngủ.

Một căn hộ trống rỗng và vắng lặng.

Tôi quay trở lại để xem xét thân khóa và khung cửa. Cánh cửa đã dễ dàng bung ra là bởi cả hai ổ khóa đều không khóa. Vậy là người cuối cùng rời khỏi căn hộ chỉ sập cửa vào mà không khóa. Không hề giống với thói quen của Anna.

Điều ngạc nhiên thứ hai, chiếc túi du lịch của Anna nằm chình ình ở lối vào, ngay giữa hành lang. Một chiếc túi xách bằng da bê sần có khóa kéo, khâu đính những mảnh da nhiều màu sắc. Tôi quỳ xuống để lục các ngăn túi, nhưng không tìm thấy gì đáng chú ý.

— Vậy đúng là Anna đã từ Nice trở về..., Caradec bình luận.

— ... trước khi lại bốc hơi lần nữa, tôi rầu rĩ.

Trong cơn lo lắng, tôi thử gọi lần nữa vào điện thoại di động của nàng, nhưng vẫn chỉ gặp hộp thư thoại.

— Thôi được, ta sẽ lục soát căn hộ! Marc quyết định.

Đúng là phản xạ quen thuộc của một tay cớm chuyên lục soát, ông đã đang nhấc nắp thùng chứa nước của bồn vệ sinh.

— Tôi không biết chúng ta có quyền làm thế không, Marc ạ.

Không phát hiện được gì trong phòng tắm, ông di chuyển về phía phòng ngủ.

— Tôi nói cho cậu biết là chính cậu đã khơi mào chuyện này! Nếu cậu không lục lại quá khứ của bạn gái mình, lúc này có lẽ cậu đang ở bên cô ấy

ở Côte d'Azur để tắm nắng rồi.

— Có lẽ đây không phải lý do để...

— Raphaël! Ông cắt lời tôi. Khi tra hỏi Anna, cậu đã có một linh cảm có vẻ đúng. Bây giờ, cậu phải làm nốt việc đi.

Tôi ngắm nhìn phòng ngủ. Một chiếc giường bằng gỗ sáng màu, một cái tủ đựng đầy quần áo, một giá sách trĩu nặng những cuốn sách về y học, từ điển và các loại sách ngữ pháp khác đã quá quen thuộc với tôi: sách của Grevisse, sách của Hanse, sách của Bertaud du Chazaud. Có cả vài cuốn tiểu thuyết Mỹ, bản gốc: Donna Tartt, Richard Powers, Toni Morrison...

Sau khi kiểm tra các thanh gỗ lát sàn, Marc bắt đầu mở mấy ngăn kéo.

— Cậu phụ trách máy tính của cô ấy nhé! ông yêu cầu khi nhận thấy tôi đang đứng bất động. Tôi thì chẳng biết gì nhiều về tin học.

Tôi nhìn thấy chiếc MacBook trên mặt quầy bar được dùng làm vách ngăn giữa không gian bếp và phòng khách.

Từ khi gặp Anna, chắc tôi mới đến đây chừng năm hoặc sáu lần. Căn hộ này là sào huyệt của nàng, và khung cảnh nơi tôi đang di chuyển cũng chính là hình ảnh của nàng: thanh lịch, đúng mực, gần như khổ hạnh. Làm sao mà tôi lại khiến nàng giận đến độ biến mất được nhỉ?

Tôi ngồi xuống trước màn hình và nhấn một nút để kích hoạt máy tính. Truy cập ngay được vào giao diện màn hình mà không cần mật khẩu. Tôi biết rằng việc này chẳng được tích sự gì. Anna không tin tưởng vào máy tính. Nếu quả thực nàng có điều gì đó cần che giấu, tôi không tin mình có thể tìm thấy nó trong một chiếc máy Mac. Nhưng để tâm trí được yên ổn, không còn nghi ngờ hay tiếc nuối, tôi bắt đầu lướt qua các email. Chủ yếu là thư từ liên quan đến các khóa học và khóa thực tập của nàng tại bệnh viện. Trong thư viện đa phương tiện, những bản nhạc của Mozart để lộn xộn, những phim tài liệu khoa học và những bộ phim truyền hình dài tập mới nhất mà chúng tôi thường xem cùng nhau. Lịch sử lướt web: các trang thông tin, trang web của các cơ quan tổ chức và cả tấn những trang dành riêng cho các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn của nàng (Khả năng phục hồi: các tác nhân di truyền và ngoại di truyền). Chẳng có gì đáng chú ý trong phần còn lại của ổ cứng gần như chỉ toàn những ghi chép, bảng

biểu, tài liệu PDF và các bản trình bày PowerPoint gắn liền với việc học tập của nàng. Máy tính thú vị không phải bởi những thứ ta có thể tìm thấy trong đó, mà chủ yếu là bởi những thứ ta không tìm thấy: không một bức ảnh gia đình, không có clip về các chuyến du lịch, không có email nào chứng tỏ có sự tồn tại của một mạng lưới bạn bè thực sự.

— Cậu phải xem qua đồng giấy tờ này, Caradec quay vào phòng và thông báo với tôi, trên tay ông là cả đồng hộp các tông chất đầy các bì hồ sơ tập hợp giấy tờ hành chính: phiếu lương, hóa đơn, biên lai trả tiền thuê nhà và các khoản phí khác, sao kê ngân hàng...

Ông để đồng hộp lên bàn, rồi đưa cho tôi một cái túi nhựa đựng hồ sơ.

— Tôi cũng tìm thấy cả thứ này. Không có gì trong máy tính à?

Tôi lắc đầu và nhìn vào bên trong chiếc túi nhựa. Đó là một bức ảnh lớp học truyền thống như ta vẫn thường chụp từ khi học mẫu giáo đến trung học. Trong ảnh là khoảng hai chục thiếu nữ theo phong cách tinh tế và thanh lịch đang tạo dáng trên sân trường. Giáo viên, một phụ nữ trạc tuổi tứ tuần, chụp cùng cả nhóm. Học sinh ngồi giữa cần một tấm biển trên đó có ghi bằng phấn:

Trường trung học Sainte-Cécile

Lớp 12 ban Khoa học

2008 - 2009

Ở hàng cuối cùng, tôi nhận ra Anna “của tôi” ngay lập tức. Vô cùng kín đáo và dè dặt. Ánh nhìn hơi lảng tránh, đôi mắt khẽ sụp xuống. Nụ cười ngoan ngoãn, áo thun màu xanh nước biển cổ chữ V mặc bên ngoài áo sơ mi trắng cài đến chiếc cúc trên cùng. Lúc nào cũng mong muốn được trở nên trong suốt, xóa bỏ hết mọi đắm say nhục dục để khiến người ta quên đi vẻ đẹp lay động lòng người của nàng.

Không gây chú ý. Không khơi dậy ham muốn.

— Cậu biết trường trung học Sainte-Cécile này không? Marc hỏi tôi trong lúc rút bao thuốc lá ra.

Tôi nhanh chóng tìm kiếm trên điện thoại. Nằm ở phố Grenelle, Sainte-Cécile là ngôi trường Công giáo của những khu giàu có. Một trường Công giáo tư và chọn lọc chỉ nhận học sinh nữ.

— Cậu có biết Anna từng lui tới nơi này không? Tất cả những chuyện này không khớp lắm với chân dung cô gái nhỏ nghèo khổ ở Saint-Nazaire, Marc vừa nói tiếp vừa châm một điếu thuốc.

Chúng tôi cúi mũi vào đồng “hồ sơ lưu trữ” chứa trong những chiếc hộp. Sau khi khớp nối các tài liệu khác nhau, chúng tôi đã tái lập được chặng đường đã qua của Anna.

Nàng sống ở Montrouge từ hai năm nay. Nàng đã mua căn hộ này vào năm 2014, khi học đại học năm thứ ba và cũng là năm học ngoại trú cuối cùng. Một tài sản trị giá 190.000 euro vào hồi đó, được trả trước 50.000 euro còn lại trả bằng một khoản vay trong thời hạn 20 năm. Cách thức truyền thống để sở hữu một bất động sản.

Vào năm 2012 và 2013, nàng đã thuê căn hộ một phòng trong một tòa chung cư trên phố Saint-Guillaume.

Chúng tôi còn tìm thấy những biên lai trả tiền thuê một phòng áp mái ở đại lộ Đài Thiên văn trước đó, được lập vào năm 2011 bởi một người nào đó tên là Philippe Lelièvre.

Dấu vết dừng lại ở đó. Không thể biết Anna đã sống ở đâu trong năm đầu học ở trường y cũng như những năm học trung học. Ở nhà bố nàng chẳng? Hay trong một căn ký túc xá sinh viên? Hay trong một căn phòng áp mái khác cho thuê lậu? Hay ở ký túc xá của trường trung học?

3.

Caradec di nát mẫu thuốc trong một cái đĩa lót chén và trút tiếng thở dài. Ông trầm ngâm bật máy pha cà phê màu sắc sặc sỡ trên quầy bếp và đặt vào đó một viên nén. Trong lúc chờ nước nóng, ông tiếp tục xem xét những giấy tờ còn lại. Ông dừng lại trước bản sao một thẻ bảo hiểm xã hội cũ, gấp tờ giấy lại và bỏ vào túi. Rồi ông kiểm tra bếp, máy hút mùi nhưng chẳng tìm thấy gì, ông liền chuyển sang xem xét sàn nhà và các bức vách.

Không hỏi ý kiến tôi, ông pha cho mỗi người một cốc ristretto sùi bọt. Ông nhắm nháp cốc cà phê arabica, ánh mắt mông lung. Có gì đó khiến

ông bắn khoản, nhưng ông còn chưa biết là điều gì. Ông im lặng trong một phút, cho tới khi tìm ra nó.

— Nhìn cây đèn đứng đi.

Tôi quay về phía cây đèn đặt trong góc phòng khách.

— Vâng?

— Tại sao lại phải cắm phích điện sang tận đầu kia căn phòng trong khi có một ổ cắm ba chạc trên phào chân tường, ngay dưới chân đèn?

Không hề ngốc chút nào...

Tôi lại gần cây đèn, quỳ xuống và kéo chiếc hộp ổ cắm ra, nó nằm trong tay tôi. Như Caradec đã phỏng đoán, nó không được nối với bất cứ sợi dây điện nào. Tôi nằm rạp xuống sàn nhà, lùa cánh tay vào khoảng trống vừa lộ ra, rồi xoay và cuối cùng nhắc được tấm phào chân tường ra.

Có thứ gì đó giấu đằng sau tấm gỗ.

Một cái túi.

4.

Đó là một cái túi đeo vai to bằng vải màu vàng có toang trí logo hình tròn của nhãn hiệu Converse. Bị bao phủ bởi một lớp bụi mỏng, lớp vải đã phai màu. Vốn có màu vàng xám, bây giờ nó đã ngả sang màu cháo lòng, cho thấy nó đã tồn tại từ lâu.

Chiếc túi quá nặng khiến người ta không khỏi nghi ngờ. Vừa phẩn khích vừa lo lắng, tôi kéo khóa túi, e dè không biết mình sẽ tìm thấy thứ gì bên trong.

Chết tiệt!

Tôi đã đúng khi cảm thấy lo ngại.

Chiếc túi đựng đầy những xấp tiền.

Tôi lùi lại một bước như thể đồng tiền đó đang sống và sắp nhảy bổ vào mặt mình.

Caradec đổ ụp cái túi lên bàn - chủ yếu là những tờ 50 và 100 euro. Tiền chất đồng trên mặt quầy bếp, tạo thành một kim tự tháp lún sụt trên

phần móng tạm bợ.

— Có tất cả bao nhiêu?

Ông đếm vài xấp và nheo mắt tính nhẩm:

— Tôi đoán khoảng 400.000 euro, ước chừng thế.

Atina, em đã làm gì vậy?

— Theo ông, ở đâu ra số tiền này? tôi hỏi một câu gàn dở.

— Dù thế nào thì cũng không phải là tiền công khám bệnh của Anna ở bệnh viện.

Tôi nhắm mắt lại một lát và lấy tay bóp gáy. Chùng này tiền mặt có thể bắt nguồn từ một vụ cướp, do bán một lượng ma túy rất lớn, do đe dọa tổng tiền một người rất giàu có... Còn gì nữa?

Một lần nữa bức ảnh ba thi thể cháy đen lại hiện lên trong đầu tôi. Chắc chắn phải có mối liên hệ với số tiền này. Nhưng là mối liên hệ gì?

— Cậu còn chưa hết ngạc nhiên đâu, anh bạn ạ.

Bên trong túi, trong một cái túi nhỏ nằm ngang có khóa kéo, Caradec vừa tìm thấy hai tấm thẻ căn cước dán cùng một ảnh của Anna lúc mười bảy hoặc mười tám tuổi. Thẻ đầu tiên đề tên Pauline Pagès, thẻ thứ hai đề tên Magali Lambert. Hai cái tên hoàn toàn xa lạ với tôi.

Marc lấy lại chúng từ tay tôi để quan sát thật kỹ.

— Thẻ căn cước giả, đương nhiên rồi.

Mất phương hướng, tôi để mặc cho ánh mắt chạy trốn qua cửa sổ. Bên ngoài, cuộc sống vẫn tiếp tục. Anh mặt trời thản nhiên tuôn tràn trên các mặt tiền của tòa nhà đối diện. Một dây thường xuân quấn quanh một ban công, vẫn đang là mùa hè.

— Cái này là đồ bỏ đi, ông vừa khẳng định vừa huơ huơ tấm thẻ đầu tiên. Một bản sao tồi sản xuất tại Thái Lan hoặc Việt Nam. Với 800 euro, cậu có thể tìm thấy loại này tại bất cứ thành phố hơi có vấn đề nào. Một mảnh của dân nghiện.

— Thế còn tấm thẻ thứ hai?

Giống như một tay buôn kim cương gặp viên đá quý, ông chỉnh lại kính rồi sầm soi tấm thẻ bằng con mắt lão luyện.

— Cái này thì rõ ràng là tốt hơn nhiều, mặc dù không còn mới. Sản xuất tại Liban hoặc Hungari. Khoảng chừng 3.000 euro. Cái này không qua được nếu kiểm tra sâu, nhưng cậu có thể yên tâm dùng nó bình thường hằng ngày.

Thế giới bắt đầu quay cuồng. Tất cả các mốc định hướng của tôi đều sụp đổ. Phải mất đến một phút tôi mới tỉnh táo trở lại.

— Ít ra lúc này mọi việc cũng đã rõ ràng, Caradec dứt khoát. Chúng ta không còn cách nào khác là tiếp tục lần theo dấu vết trong quá khứ của Anna Becker.

Tôi cúi đầu. Một lần nữa, bức ảnh khủng khiếp với ba thi thể cháy đen lại phá vỡ tâm trí tôi. Cùng với giọng Anna thì thầm lí nhí: “Chính em đã làm việc này. Chính em đã làm việc này...”

4

Học cách biến mất

*Để trở nên thuyết
phục, lời nói dối
phải chứa đựng một
phần nhỏ sự thật.
Thông thường, chỉ
cần một giọt nước
sự thật thôi, nhưng
là thứ không thể
thiếu, giống như là
trái cây ô-liu trong
ly martini*

Sascha ARANCO

1.

Marc Caradec cảm thấy như có kiến bò trong bụng. Như thế ông mới mười lăm tuổi và đang đến buổi hẹn hò đầu tiên. Cũng nỗi sợ đó, cũng niềm phấn khích đó.

Cớm thì vẫn cứ là cớm. Bức ảnh ba thi thể cháy đen, chiếc túi chật ních tiền, những giấy tờ giả, cuộc đời kếp của Anna: một lần nữa hoóc môn Adrenaline của gã thợ săn lại tuôn chảy trong huyết mạch ông. Từ khi một viên đạn lạc khiến ông bị cho ra rìa, ông không còn được rùng mình bởi niềm vui thích đặc biệt chỉ có được ở những tay cớm hiện trường thực thụ, những gã đo vẽ mặt đường, những kẻ đánh hơi, những kẻ không cau có trước nỗi vất vả của công việc tìm dấu vết. Những thợ săn.

Khi rời khỏi căn hộ của Anna, Raphaël và ông đã quyết định tách nhau ra để tiến hành điều tra riêng biệt. Và Marc biết chính xác ông muốn đào sâu theo hướng nào trước tiên.

Khu Đồi Cailles, phố Glacière. Ông biết khu này rõ như lòng bàn tay. Nhân lúc dừng đèn đỏ, ông lướt qua danh bạ trên màn hình điện thoại di động và dừng lại ở số cần tìm. Mathilde Franssens. Chính ông cũng ngạc nhiên vì vẫn còn thông tin liên hệ của cô sau từng ấy năm.

Ông bấm số và phần khởi nhận ra giọng nói trả lời ông sau hồi chuông thứ hai.

— Marc! Lâu quá rồi...

— Chào người đẹp. Hy vọng là em vẫn khỏe! Vẫn làm bên Bảo hiểm chứ?

— Vâng, nhưng cuối cùng em cũng đã rút khỏi Quỹ bảo hiểm y tế cơ sở Évry. Bây giờ em làm ở quận 17, trung tâm Batignolles. Tháng Ba năm sau em sẽ nghỉ hưu.

— Vậy thì chúc mừng em sắp giải ngũ. Nghe này, bởi vì vẫn còn đương chức, nên em có thể giúp anh tìm hiểu về...

— Em đã tự nhủ cuộc gọi của anh không thể đơn thuần là nói chuyện bạn bè.

— ... một cô gái có tên là Anna Becker được không? Anh có số thẻ bảo hiểm của cô ấy, em ghi lại nhé.

Đèn chuyển sang màu xanh. Vừa đi tiếp, ông vừa vớ lấy bản sao trước đó đã gấp bỏ vào túi và đọc số thẻ bảo hiểm cho Mathilde.

— Ai vậy?

— Hai mươi lăm tuổi, người lai, một cô gái đẹp đang học năm cuối trường y. Cô ấy đã biến mất và anh giúp gia đình cô ấy tìm kiếm.

— Hành nghề tự do à?

— Từ thiện ấy mà. Em biết người ta vẫn nói thế nào rồi đấy: một ngày làm cơm, cả đời làm cơm.

— Cụ thể thì anh muốn biết gì?

— Anh sẵn lòng đón nhận tất cả những thông tin em có thể tìm được.

— OK, em sẽ xem có thể làm được gì. Em sẽ gọi lại cho anh.

Marc thỏa mãn gác máy. Bước tiếp theo: Philippe Lelièvre.

Khi tìm kiếm trên điện thoại, ông nhận thấy rằng cái họ Lelièvre hiển thị trên Các trang vàng với tư cách là nha sĩ. Phòng khám của anh ta nằm ở cùng số nhà mà Anna đã thuê vào đầu những năm 2010.

Đến đại lộ Port-Royal, ông thoáng thấy mái che bằng kính của trạm tàu cao tốc liên vùng, và xa hơn nữa là mặt tiền phủ cây xanh của nhà hàng Trại hoa Tử đinh hương. Ông nháy đèn để rẽ vào đại lộ Đài Thiên văn và băng qua đài phun nước với đàn hải mã đang tắm mình giữa những tia nước. Ông đỗ xe dưới hàng cây dẻ, sập cửa và dành thời gian hút nốt điều thuốc, ánh mắt lơ đãng nhìn về phía bên kia khu vườn, nơi những cây cột và họa tiết hình thoi bằng gạch đỏ au của Trung tâm Michelet gợi nhắc đến những gam màu nóng của châu Phi và nước Ý.

Khi kín đáo quan sát đám trẻ nhỏ đang nô đùa trong sân chơi, Caradec bỗng nhớ đến những kỷ niệm của chính mình. Thời còn ở đại lộ Saint-Michel, ông đã từng đến đây chơi cùng với con gái. Thời kỳ tươi đẹp mà chỉ mãi sau này ông mới hiểu được giá trị của nó. Ông nheo mắt, nhưng không những không biến mất, hình ảnh lại càng nhiều thêm, những địa điểm khác, những niềm vui khác với nhạc nền là tiếng cười của con gái ông khi cô bé được năm sáu tuổi gì đó. Những lần chơi cầu trượt, những vòng quay đầu tiên ở Sacré-Coeur. Ông lại thấy cô bé đang nhảy lên để bắt lấy những bong bóng xà phòng. Ông lại thấy cô bé trong vòng tay mình trên bãi biển Palombaggia, đôi mắt ngược lên trời để chỉ tay về phía những chiếc diều.

Quá độ tuổi nào đó, con người không còn sợ gì ngoài kỷ niệm của chính mình. Ông đã nghe được câu ấy ở đâu? Ông cố nhớ lại khi di nát mẫu thuốc trên vỉa hè. Ông băng qua phố, bấm chuông cửa tòa nhà và đi như chạy lên cầu thang. Như một số tay cớm vẫn làm, ông đã giữ lại thẻ cảnh sát và giơ nó ra trước mắt cô gái tóc nâu xinh đẹp ngồi ở quầy lễ tân.

— BRB, thưa cô, tôi muốn nói chuyện với bác sĩ.

— Tôi sẽ báo ông ấy.

Thật thú vị khi được gặp lại những cảm giác xưa và những phản ứng cũ: hành động, cách thức áp đặt nhất định, quyền lực mà tấm thẻ cảnh sát

tạo nên...

Ông đứng chờ, tì tay vào quầy lễ tân. Phòng khám nha khoa này hẳn là vừa được cải tạo, bởi vẫn còn ngửi thấy mùi sơn mới. Một nơi muốn tỏ ra vừa high-tech vừa ấm cúng: quầy và ghế bành bằng gỗ sáng màu, tường bằng kính và bình phong bằng tre. Và âm thanh nền là thứ nhạc “thư giãn” gọi lên tiếng sóng biển vỗ bờ, bao bọc bởi tiếng sáo và hạc cầm lắng mạn. Không thể chịu nổi.

Ngược với hình dung của ông, Lelièvre là một nha sĩ trẻ còn chưa qua ngưỡng tứ tuần. Đầu tròn, tóc cắt ngắn, kính gọng màu cam bao quanh đôi mắt tươi cười. Chiếc áo bờ lu ngắn tay để lộ một hình xăm kỳ lân ẩn tượng chạy dọc cẳng tay.

— Anh có nhận ra cô gái này không, bác sĩ? Caradec hỏi sau khi tự giới thiệu.

Ông chìa cho vị bác sĩ chiếc điện thoại di động có hiển thị một bức ảnh mới chụp của Anna mà Raphaël đã gửi. Lelièvre đáp ngay không chút chần chừ:

— Tất nhiên. Một sinh viên đã thuê một trong số các phòng áp mái ở nhà tôi cách đây bốn năm năm gì đó. Anna... gì gì ấy.

— Anna Becker.

— Đúng rồi: nếu tôi nhớ không nhầm, cô ấy học y ở trường Paris-Descartes.

— Anh còn nhớ gì khác nữa không?

Lelièvre lục lọi trí nhớ một lát.

— Không nhiều lắm. Cô gái này là một người thuê nhà hoàn hảo. Kín đáo, không bao giờ trả tiền nhà chậm. Cô ấy trả bằng tiền mặt, nhưng tôi đã khai báo đầy đủ với bên thuế. Nếu ông muốn có bằng chứng, tôi sẽ yêu cầu chuyên gia kế toán của tôi...

— Không cần đâu. Cô ấy có nhiều khách khứa không?

— Theo tôi nhớ thì chẳng có ai. Có cảm giác như cô ấy làm việc ngày đêm. Nhưng tại sao lại có màn hỏi cung này, hả đại úy? Đã xảy ra chuyện gì với cô ấy sao?

Caradec vuốt sống mũi và lảng tránh câu hỏi.

— Điều cuối cùng, thưa bác sĩ: anh có biết Anna ở đâu trước khi thuê phòng của anh không?

— Tất nhiên: chính chồng cũ của chị gái tôi đã cho cô ấy thuê phòng.

Viên cảm thấy một luồng điện khẽ lướt qua người. Chính là loại thông tin mà ông đến đây để tìm kiếm.

— Manuel Spontini, tên anh ta đấy, vị bác sĩ bổ sung. Sau khi ly hôn, anh ta đã buộc phải bán căn hộ trên phố Đại học và cả căn phòng áp mái gắn bó với anh ta.

— Căn phòng nơi Anna đang sống lúc đó ư?

— Đúng thế. Chị gái tôi biết là tôi tìm người thuê phòng. Chính chị ấy đã cho Anna số điện thoại của tôi.

— Tôi có thể tìm gã Spontini đó ở đâu?

— Anh ta có một tiệm bánh mì ở đại lộ Franklin- Roosevelt, nhưng tôi cảnh báo trước: một gã tồi tệ đấy. Chị tôi đã chờ quá lâu trước khi bỏ anh ta.

2.

Mệt mỏi vì phải rình đón taxi ở cửa ô Orléans, tôi đành lên xe buýt tuyến 68.

— Điểm dừng ở phố Bac à? Anh sẽ đến đó trong chưa đầy hai mươi phút nữa, anh chàng tài xế hứa với tôi.

Tôi buông mình xuống một chiếc ghế. Bàng hoàng, tàn tạ, gần như bị hạ nốc ao. Tôi nhớ lại tất cả những gì đã phát hiện ra chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ: bức ảnh chụp ba thi thể, nửa triệu euro giấu trong vách tường, những giấy tờ giả. Mọi thứ thật khác xa so với hình ảnh cô gái mà tôi từng biết: một nữ sinh viên trường y chăm chỉ, bác sĩ nhi khoa mẫu mực, quan tâm và dịu dàng với trẻ con, người bạn đồng hành vui vẻ và bình lặng. Tôi tự hỏi sự kiện nào có thể khiến cuộc đời Anna chệch hướng đến mức ấy.

Tôi cố gắng trấn tĩnh lại và tranh thủ thời gian ngồi trên xe buýt để nghiên cứu trang web của nơi mình sắp tới: trường trung học Sainte-Cécile.

Dành riêng cho nữ sinh, trường trung học này là một trường Công giáo hơi đặc biệt. Một cơ sở nhỏ độc lập không trực thuộc bộ Giáo dục, nhưng khác hẳn với số đông các “lò luyện thi”, trường này đạt kết quả thi rất đáng nể, đặc biệt là trong phân ban khoa học.

Khí cạnh tôn giáo của trường không chỉ mang tính hình thức: ngoài việc dự thánh lễ mỗi tuần hai lần và cầu nguyện theo nhóm, các nữ sinh trường này phải tham gia một buổi học giáo lý vào tất cả các chiều thứ Tư và đóng góp vào nhiều hoạt động từ thiện.

Tài xế xe buýt không nói dối tôi. Chưa đến 11 giờ tôi đã đến phố Bắc Saint-Thomas-d’Aquin. Trái tim của Paris hoa lệ. Khu vực của giới quý tộc và những dinh thự riêng của họ. Khu vực của các bộ và những tòa nhà của giới tư bản bằng đá khối, mái bằng đá đen và mặt tiền trắng không tì vết.

Đi bộ vài bước, tôi đã đến phố Grenelle. Tôi bấm chuông và xuất trình giấy tờ tùy thân cho người gác cổng. Đằng sau cánh cửa nặng nề hình cánh cung ẩn giấu một khoảng sân hoa lá xanh tươi, được lát đá và trồng mận tía cùng nguyệt quế. Được bố trí thành hình vuông, giống như trong tu viện, sân có đài phun nước bằng đá khiến cho khung cảnh nơi này có dáng dấp một khu vườn kiểu Toscana. Một tháp chuông kín đáo điểm giờ đối phòng học. Trong không khí tĩnh lặng, trên sân trường bỗng xuất hiện những nhóm nhỏ nữ sinh mặc váy xếp nếp màu xanh nước biển và áo vest có thêu phù hiệu trường đi qua đi lại. Sắc xanh, tiếng rì rào từ đài phun nước và những bộ đồng phục mang người du khách đi thật xa Paris. Như thể ta đang ở vào những năm 1950, lần lượt ở Ý, Aix-en-Provence hoặc một trường trung học Anh.

Trong vài giây, tôi nghĩ đến sân trường trung học của mình. Salvador-Allende, vùng Essonne. Đầu những năm 1990. Cách cái kén này cả ngàn dặm. Hai nghìn học sinh bị quây nhốt vào một khu tường rào bằng bê tông. Bạo lực, ma túy, tương lai bị chặn lấp. Tất cả giáo viên đều tìm cách chuồn khỏi đó, còn vài học sinh ngoan hiểm hoi thì thường bị nhốt và nện cho tới

tả. Một hành tinh khác. Một thực tại khác. Một thực tại bản thiêu mà tôi đã trốn chạy bằng cách viết những câu chuyện.

Tôi dụi mắt để rời xa những ký ức ấy và hỏi thăm người làm vườn đang tưới một khóm liêu.

— Người phụ trách ở trường này ư? À! Là cô Blondel, hiệu trưởng của chúng tôi. Chính là cô giáo ở đằng kia, trước tấm bảng bên dưới loạt cửa vòm cuốn ấy.

Clotilde Blondel... Tôi nhớ đã đọc thấy tên bà trên trang web. Tôi cảm ơn ông và tiến về phía bà hiệu trưởng. Đó là người phụ nữ mà tôi đã nhìn thấy trên bức ảnh lớp học tìm được ở nhà Anna. Xấp xỉ ngũ tuần, người mảnh dẻ, mặc bộ đồ may bằng vải tweed nhẹ kèm áo polo bằng vải cô tông co dãn màu nâu đỏ. Clotilde Blondel rất hợp với cái tên của bà: tóc vàng, rạng rỡ, một sự pha trộn giữa Greta Garbo^[5] và Delphine Seyrig^[6]. Đứng ngược sáng, vóc dáng bà ánh lên giữa những hạt bụi dát vàng của ngày cuối hè. Như hiện diện của một thiên thần.

Bàn tay bà đang đặt trên vai một cô học trò. Nhân lúc họ đang nói chuyện riêng với nhau, tôi quan sát bà kỹ hơn. Đường nét thanh tú, không mang dấu vết của tuổi tác, vẻ duyên dáng tự nhiên không hề cao ngạo. Trông bà thật hợp với khung cảnh khu vườn này, giữa tượng Đức Mẹ Đồng Trinh và tượng nữ thánh Cécile. Ở bà toát ra thứ gì đó đậm chất người mẹ: sự gần gũi khiến ta yên tâm, sự vững vàng. Cô bé đang nói chuyện với bà nghe như nuốt từng lời của bà, những lời được nói ra bằng giọng vừa dịu dàng vừa sâu lắng. Ngay khi hai người kết thúc câu chuyện, tôi lại gần để tự giới thiệu:

— Chào bà, tôi là...

Một tia sáng màu ngọc bích ánh lên trong mắt bà.

— Tôi biết rất rõ anh là ai, Raphaël Barthélémy ạ.

Cảm thấy bất ổn, tôi nhú mày. Bà nói tiếp:

— Trước hết bởi vì tôi là một độc giả của anh, nhưng chủ yếu là vì từ sáu tháng nay, Anna chỉ nhắc đến tên anh thôi.

Phải khó khăn lắm tôi mới giấu được nỗi ngạc nhiên. Clotilde Blondel có vẻ thích thú trước vẻ bối rối của tôi. Khi ở gần, bà càng kích thích trí tò mò của tôi hơn. Khuôn mặt đẹp như tạc, nước hoa mùi tử đinh hương, những lọn tóc vàng óng như ánh nắng lấp lánh trên đôi gò má cao.

— Thưa bà Blondel, gần đây bà có gặp Anna không?

— Chúng tôi ăn tối cùng nhau vào tuần trước. Giống như tất cả các tối thứ Ba khác.

Tôi giật mình. Từ khi tôi quen biết nàng, Anna bảo rằng tối thứ Ba nào nàng cũng ở phòng tập thể thao. Nhưng đã đến nước này thì có biết thêm một chuyện nữa cũng chẳng thể tệ hơn...

Tuy nhiên Clotilde đã nhận thấy là tôi khó chịu.

— Raphaël, sở dĩ hôm nay anh đến đây, thì có nghĩa anh đã biết tôi là ai, đúng không?

— Thật ra thì cũng không hẳn. Tôi đến đây là vì tôi lo cho Anna.

Tôi đưa cho bà cái túi đựng tài liệu bằng nhựa.

— Chính bức ảnh này đã giúp tôi tìm tới bà.

— Anh tìm thấy thứ này ở đâu vậy?

— Trong căn hộ của Anna. Chắc chắn nó có ý nghĩa gì đó bởi đây là bức ảnh duy nhất cô ấy giữ trong nhà mình.

Bà tỏ vẻ phật ý:

— Anh đã lục lọi nhà cô ấy mà không được cô ấy cho phép sao?

— Hãy để tôi giải thích.

Bằng vài câu, tôi kể với bà việc Anna mất tích, nhưng không đi động gì đến những lý do khiến chúng tôi cãi nhau.

Bà nghe tôi nói, không thể hiện cảm xúc gì.

— Nếu tôi hiểu đúng ý anh, thì anh cãi nhau với vị hôn thê của mình. Và để dạy cho anh một bài học, cô ấy đã trở về Paris mà không đi cùng anh. Tôi hy vọng ít ra chuyện này cũng giúp anh biết thế nào là phải quấy.

Tôi không có ý định buông xuôi:

— Tôi nghĩ bà đã đánh giá thấp mức độ nghiêm trọng của tình hình. Lý do tôi có mặt ở đây vượt quá phạm vi của một cuộc cãi vã vợ chồng.

— Trong tương lai, tôi tha thiết khuyên anh tránh lục lọi đồ đạc của cô ấy. Tôi hiểu Anna và đảm bảo với anh rằng cô ấy không thích những chuyện như thế đâu.

Giọng bà đã thay đổi, dày hơn, khàn hơn, và bớt uyển chuyển.

— Còn tôi, tôi tin mình có lý khi hành động như vậy.

Một giọt mực đen loang ra trong đôi đồng tử, đập tắt tia sáng trong ánh mắt bà.

— Hãy cầm lấy bức ảnh của anh và đi đi!

Bà quay gót, nhưng tôi vẫn kiên trì:

— Ngược lại, tôi muốn nói chuyện với bà về một bức ảnh khác.

Bởi vì bà đã đi xa, tôi cao giọng để giáng nốt câu hỏi cuối cùng:

— Thưa bà Blondel, Anna có từng cho bà xem bức ảnh chụp ba thi thể cháy đen không?

Vài nữ sinh quay lại. Bà hiệu trưởng quay ngoắt người.

— Tôi nghĩ tốt hơn hết chúng ta nên lên văn phòng tôi.

3.

Quận Tám.

Caradec nháy đèn, hạ tấm chắn nắng và đỗ xe vào khu vực giao hàng trên quảng trường Saint-Philippe-du- Roule.

Nhà Spontini đặt cửa hàng trong một khu vực có cửa kính chạy dài ở góc giao giữa phố La Boétie và đại lộ Franklin-Roosevelt. Cửa tiệm màu sô cô la, diềm cửa vàng óng: hiệu bánh mì - bánh ngọt này tỏ ra mình thuộc dòng cao cấp, bày bán đủ loại bánh mì bánh ngọt màu mè. Marc bước qua cửa và quan sát mấy cô bán hàng đang chuẩn bị cho giờ ăn trưa của khu phố kinh doanh này bằng cách bày trong tủ kính nào sandwich, nào bánh nhân rau và xa lát đựng trong túi hút chân không. Quang cảnh này đánh thức con đói trong ông. Việc Raphaël bất ngờ quay về đã khiến ông bỏ mất bữa sáng và suốt từ hôm trước đó đến giờ ông chưa nuốt thứ gì vào bụng. Ông gọi một chiếc bánh sandwich kẹp giăm bông Parma và đề nghị được

nói chuyện với Manuel Spontini. Bằng một cái hất hàm, cô phục vụ chỉ ông sang quán rượu đối diện.

Caradec băng qua phố. Ngồi ngoài hiên, mặc quần âu và áo sơ mi, Manuel Spontini đang đọc *L'Équipe* trước cốc bia đã vơi một nửa. Miệng ngậm xì gà loại nhỏ, kính Ray-Ban trễ xuống sống mũi, anh ta chưng ra mấy lọn tóc mai cong cong và mái tóc dựng như bàn chải, chúng khiến anh ta có dáng dấp của Jean Yanne trong những bộ phim của Chabrol hoặc Pialat.

— Anh Manuel Spontini? Ta có thể nói chuyện vài phút không?

Caradec chiếm ưu thế bằng đòn đánh úp, ngồi xuống trước mặt anh ta, chống khuỷu tay lên bàn như thể để thách anh ta chơi vật tay.

— Nhưng... Chúa ơi, ông là ai?- Chủ cửa hàng bánh mì kêu lên the thé và lùi lại.

— Đại úy Caradec, BRB. Tôi đang điều tra về Anna Becker.

— Không biết.

Marc thản nhiên chìa cho anh ta xem ảnh Anna trên màn hình điện thoại của ông.

— Chưa gặp bao giờ.

— Tôi khuyên anh nên nhìn kỹ hơn.

Spontini thở dài rồi cúi xuống màn hình.

— Một con búp bê đen nhỏ xinh! Tôi sẵn lòng xơi cô ta.

Với tốc độ như sét đánh, Caradec tóm tóc Spontini và ấn đầu anh ta xuống mặt bàn bằng kim loại, làm cốc bia nẩy lên rồi rơi xuống vỉa hè vỡ tan.

Những tiếng hét của gã chủ cửa hàng bánh mì khiến anh chàng nhân viên phục vụ quán cà phê chú ý.

— Tôi gọi cảnh sát đây!

— Cảnh sát chính là tôi, nhóc ạ! Marc đáp lại và lôi chiếc thẻ ra bằng bàn tay đang rảnh. Mang cho tôi một ly Perrier đi thì hơn.

Anh chàng phục vụ chuồn thẳng. Caradec buông tay.

— Ông suýt làm tôi vỡ mũi rồi đấy, chết tiệt thật! Spontini rên rỉ.

— Im ngay. Hãy cho tao biết về Anna, tao biết là mày đã cho cô ấy thuê một phòng. Kể đi.

Spontini vớ lấy một nắm khăn giấy để thấm máu đang rỉ ra từ lỗ mũi trái.

— Tên cô ta không phải như thế.

— Giải thích đi.

— Họ cô ta là Pagès. Pauline Pagès.

Giống như người ta vẫn hạ quân chủ bài khi chơi bài bô-lốt, Caradec vút lên mặt bàn thẻ căn cước giả của Anna. Spontini nhặt lên ngắm nghía.

— Ở, đây chính là cái thẻ cô ta đã cho tôi xem lần đầu tiên tôi gặp cô ta.

— Đó là khi nào?

— Tôi không nhớ.

— Cố gắng lên.

Trong khi anh chàng phục vụ mang ly Perrier đến cho Marc, Spontini đắm chìm vào ký ức. Sau khi thấm máu, anh ta bắt đầu suy nghĩ thành tiếng:

— Sarko được bầu làm Tổng thống là khi nào nhỉ?

— Tháng Năm năm 2007.

— Ở. Mùa hè năm đó, đã có một cơn bão dữ dội đổ xuống Paris và làm ngập tòa nhà của chúng tôi. Phải làm lại một phần mái nhà và cải tạo các phòng ngủ nhỏ. Việc sửa chữa kết thúc vào mùa thu. Tôi đã dán thông báo trong ba cửa hàng của mình. Và cô nàng Barbie lai xinh đẹp của ông là người đầu tiên xuất hiện.

— Vậy là vào tháng mấy?

— Hình như là tháng Mười. Cuối tháng Mười năm 2007. Cùng lắm là đầu tháng Mười một.

— Mày có khai báo tiền thuê nhà không?

— Ông nhìn kỹ tôi chưa, ông bạn? Với tất cả những gì họ nã của chúng ta, ông lại còn muốn tôi khai báo tiền cho thuê một căn phòng mười hai mét vuông sao? Thuê lậu, 600 euro tiền mặt mỗi tháng, ở hay không thì tùy. Và lúc nào cô nàng cũng trả đủ.

— Năm 2007, cô ấy vẫn còn vị thành niên. Chắc chỉ khoảng mười sáu tuổi.

— Giấy tờ của cô ta không nói thế.

— Giấy tờ của cô ấy là giả mạo và mày đã nghi ngờ chuyện đó.

Manuel Spontini nhún vai.

— Dù cô ta mười lăm hay mười chín tuổi, thì tôi cũng chẳng thấy có gì khác biệt cả. Tôi đâu có tìm cách ngủ với cô ta. Tôi chỉ cho thuê phòng thôi mà.

Khó chịu, anh ta xê dịch chiếc ghế kê kèn kẹt trên mặt nhựa đường và tìm cách đứng dậy, nhưng Caradec đã nắm lấy cánh tay anh ta giữ lại.

— Lần đầu tiên gặp mày, trông cô ấy thế nào?

— Tôi làm sao mà nhớ được, chết tiệt thật! Đã gần mười năm rồi!

— Mày càng trả lời nhanh thì chúng ta càng sớm xong việc.

Spontini trút một hơi thở dài.

— Hơi sợ sệt, đầu óc để đầu đầu. Với lại, những tuần đầu tiên, tôi cho là cô ta gần như không bao giờ ra khỏi phòng. Cứ như thể cô ta sợ mọi thứ.

— Nói tiếp đi. Nhả ra cho tao hai, ba thông tin nữa, rồi tao sẽ chuồn.

— Tôi biết đâu đấy... Cô ta nói mình là người Mỹ, nhưng đến Paris để học đại học.

— Sao lại thế, sao lại là người Mỹ? Mày tin cô ấy à?

— Dù sao thì cô ta cũng nói giọng Mẽo. Thật ra, tôi chẳng thèm quan tâm. Cô ta đã trả trước cho tôi ba tháng tiền thuê nhà, và với tôi chỉ có điều đó là quan trọng. Cô ta nói rằng bố mẹ cô ta là người trả tiền.

— Mày có gặp bố mẹ cô ấy không?

— Không, tôi chưa từng gặp ai. À! Có... một bà tóc vàng khá sang trọng thỉnh thoảng đến thăm cô ta. Khoảng bốn mươi tuổi, kiểu người “sang chảnh”. Ngược với con bé, tôi lại rất ấn tượng với bà ta. Kiểu Sharon Stone hoặc Geena Davis, ông biết loại người đó chứ?

— Mày biết tên bà ta không?

Tay chủ cửa hàng bánh lắc đầu. Caradec hỏi tiếp:

— Quay lại với cô gái đi. Có thể cô ấy đã dính vào chuyện gì đó ám muội chẳng?

— Chẳng hạn như chuyện gì?

— Ma túy? Mại dâm? Tống tiền?

Spontini mở tròn mắt.

— Tôi nghĩ ông chẳng hiểu gì, ông bạn ạ. Nếu ông bạn muốn nghe ý kiến tôi, thì đó chỉ là một cô gái muốn yên thân để học và sống. Một cô gái không muốn bị người khác làm phiền nữa.

Marc phẩy tay ra hiệu cho chủ cửa hàng bánh đi. Còn ông thì ngồi thêm một lát trên ghế, ngẫm nghĩ về những thông tin vừa nhận được. Ông đang sắp sửa lên đường thì điện thoại rung. Mathilde Franssens. Ông nhấc máy.

— Em đã tìm được thông tin.

— Vâng, em đã tìm thấy hồ sơ của Anna Becker. Nhưng nó không khớp chút nào với tất cả những gì anh đã nói với em. Nếu các dữ liệu này đúng, thì cô gái này là...

4.

— Tôi vẫn luôn ngờ sẽ có khoảnh khắc này. Tôi biết nó sẽ xảy đến, nhưng không nghĩ là dưới hình thức này.

Clotilde Blondel ngồi sau mặt bàn bằng kính đặt trên hai chân đỡ mạ crom. Văn phòng của bà nhìn ra sân và được trang trí theo phong cách đương đại, nổi bật so với dáng vẻ cổ kính của trường Sainte-Cécile. Tôi đã ngỡ sẽ bắt gặp những đồ nội thất từ thế kỷ 18 và một giá sách với hàng kệ chất đầy tác phẩm của nhóm Tao Đàn [Z] cùng những cuốn Kinh Thánh cổ được đóng lại. Nhưng tôi đang ở trong một căn phòng trơ trụi với bốn bức tường màu trắng. Trên bàn làm việc, có một máy tính xách tay, một smartphone đựng trong bao da, một khung ảnh bằng gỗ sáng màu, bản sao một bức tượng đầy gợi cảm của Brancusi.

— Bà Blondel, bà biết Anna từ bao giờ?

Bà hiệu trưởng nhìn thẳng vào mắt tôi, nhưng, thay vì trả lời, bà tuyên bố như thể cảnh báo tôi:

— Anna yêu anh đến điên cuồng. Đây là lần đầu tiên tôi thấy cô ấy yêu say đắm đến thế. Và vì anh, tôi hy vọng anh xứng đáng với tình yêu ấy.

Tôi nhắc lại câu hỏi, nhưng bà vẫn tiếp tục lời đi.

— Khi Anna hỏi ý kiến tôi, tôi đã khuyên cô ấy thú nhận sự thật với anh, nhưng cô ấy sợ phản ứng của anh. Sợ mất anh...

Im lặng. Rồi bà thì thầm như chỉ nói với riêng mình:

— Hẳn là Sábado nói đúng: “Sự thật chỉ hoàn hảo trong toán học và hóa học, không phải trong cuộc sống.”

Tôi ngo nguẩy trên ghế. Rõ ràng là Clotilde Blondel biết nhiều điều. Để khiến bà tin tưởng, tôi quyết định không giấu bà gì nữa, và kể hết những gì tôi đã tìm thấy ở nhà Anna: 400.000 euro cùng những thẻ căn cước giả mang tên Magali Lambert và Pauline Pagès.

Bà nghe tôi nói, không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, như thể tôi chỉ nhắc bà nhớ lại một kỷ niệm cũ mà bà đã quên lãng và nó đang trôi dạt, mang theo một mùi hương đáng lo ngại.

— Pauline Pagès. Chính là cái tên mà Anna tự giới thiệu lần đầu tiên tôi gặp cô ấy.

Lại im lặng. Bà cầm cái xắc tay đặt trên chiếc ghế đầu bên cạnh lên rồi lấy ra một bao thuốc lá loại dài và mảnh. Bà châm một điếu bằng chiếc bật lửa sơn mài.

— Hôm đó là ngày 22 tháng Mười hai năm 2007. Một chiều thứ Bảy.. Tôi nhớ chính xác ngày tháng bởi hôm đó là lễ Noel của trường. Một thời khắc rất quan trọng với trường chúng tôi: hằng năm, chúng tôi tập hợp học sinh và phụ huynh để cùng ăn mừng ngày Chúa Giáng sinh.

Lúc này giọng bà có âm điệu khàn khàn, nghèn nghẹt. Giọng của một người hút thuốc lá.

— Ngày hôm đó có tuyết rơi, bà tiếp tục và phả ra những cuộn khói thơm mùi bạc hà. Suốt cả đời, tôi sẽ nhớ mãi cô gái lúc đó, một vẻ đẹp ma mị, chẳng biết từ đâu hiện ra, chiếc áo khoác xám nhạt dính chặt vào người.

— Cô ấy đã nói gì với bà?

— Với giọng nói pha chút âm sắc mà cô ấy cố che giấu, cô ấy kể cho tôi nghe một câu chuyện. Một câu chuyện bịa hoặc gần như thế. Cô ấy bảo

mình là con gái của những tình nguyện viên người Pháp đến Mali. Cô ấy bảo tôi là đã theo học phần lớn chương trình trung học cơ sở và trung học phổ thông Pháp ở Bamako, nhưng bố mẹ cô ấy muốn cô ấy thi tú tài ở Paris. Chính vì thế mà họ muốn ghi danh cho cô ấy vào trường Sainte-Cécile. Cùng với yêu cầu đó, cô ấy đã đưa cho tôi một phong bì đựng một năm học phí, khoảng 8.000 euro.

— Toàn bộ câu chuyện của cô ấy là dối trá ư?

— Toàn bộ. Tôi đã gọi cho trường trung học phổ thông Pháp ở Bamako đề nghị họ fax giấy chứng nhận của cô ấy, một loại chứng nhận thôi học, thứ không thể thiếu để ghi danh một học sinh mới. Họ chưa từng nghe nhắc đến cô ấy.

Tôi đang bơi trong màn sương mù. Càng đi sâu điều tra, hình ảnh Anna lại càng lẫn trốn. Clotilde Blondel dập tắt điều thuốc.

— Ngày hôm sau, tôi đến địa chỉ mà Anna đã đưa cho tôi: một phòng áp mái cô ấy đã thuê ở phố Đại học. Tôi ở cùng cô ấy cả ngày và đã ngay lập tức hiểu ra rằng đây là kiểu người mà ta chỉ gặp một lần trong đời. Một sinh vật đơn độc, nửa đàn bà, nửa trẻ con, đang tìm cách gây dựng lại, nhưng quyết tâm phải thành công. Cô ấy không ngẫu nhiên đến Sainte-Cécile: cô ấy có một dự định nghề nghiệp cụ thể, trở thành bác sĩ, một trí thông minh ngoại hạng và khả năng làm việc rất tốt, cần có một khuôn khổ để phát huy.

— Vậy bà đã quyết định thế nào?

Có ai đó gõ cửa văn phòng: viên hiệu phó đang phải giải quyết một vấn đề về quản lý thời khóa biểu. Clotilde đề nghị ông đợi một lát. Khi ông đóng cửa lại, bà hỏi tôi:

— Raphaël này, anh có biết Kinh Phúc âm Matthew không? “Còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy.” Tôi có nghĩa vụ của một con chiên là giúp đỡ Anna. Và khi đó, giúp đỡ có nghĩa là che giấu cô ấy.

— Che giấu cô ấy khỏi ai?

— Khỏi tất cả mọi người và chẳng khỏi người nào. Khó khăn chính là ở chỗ đó.

— Cụ thể là gì?

— Cụ thể là, tôi đã chấp thuận nhận Anna vào học mà không ghi danh cô ấy vào hồ sơ giáo dục, để cô ấy có thể học nốt năm lớp mười một ở đây.

— Mà không hỏi thêm cô ấy điều gì?

— Tôi không cần hỏi cô ấy. Tôi đã tự khám phá ra điều bí mật.

— Và bí mật đó là gì?

Tôi nín thở. Cuối cùng, tôi cũng đã đến sát gần sự thật. Nhưng Clotilde Blondel đã giội một gáo nước lạnh vào những ảo tưởng của tôi:

— Tôi không có nghĩa vụ nói điều đó với anh. Tôi đã thề với Anna là sẽ không tiết lộ quá khứ của cô ấy. Và đó là lời hứa mà tôi không bao giờ phản bội.

— Bà có thể cho tôi biết thêm một chút nữa.

— Anh có nài nỉ cũng vô ích thôi. Anh sẽ không biết thêm được điều gì về chuyện ấy từ tôi nữa đâu. Tin tôi đi, nếu một ngày nào đó anh phải biết chuyện của cô ấy, thì tốt nhất là từ chính miệng cô ấy chứ không phải từ miệng bất cứ người nào khác.

Tôi suy nghĩ về những gì bà vừa nói. Có điều gì đó không khớp.

— Trước khi sống được bằng các tiểu thuyết của mình, tôi đã là giáo viên vài năm. Tôi biết về hệ thống này: vào năm lớp mười một, bà không thể tham gia kỳ thi tú tài sớm nếu không ghi danh vào bất cứ trường nào.

Bà gật đầu.

— Anh nói đúng, Anna đã không tham gia kỳ thi năm ấy.

— Nhưng đó chỉ là một cách để trì hoãn, vấn đề vẫn còn nguyên đó cho đến năm lớp mười hai, đúng không?

— Đúng, lần này thì không có cách nào để trốn tránh được. Nếu Anna muốn học đại học, thì cô ấy phải đỗ tú tài trước đã.

Bà châm một điếu thuốc khác và bần chồn rít nhiều hơi trước khi nói tiếp:

— Suốt mùa hè trước kỳ khai giảng năm học đó, tôi đã tuyệt vọng. Chuyện này khiến tôi phát ốm. Từ ngày đó, tôi đã coi Anna như một thành viên trong gia đình. Tôi đã hứa sẽ giúp cô ấy, nhưng tôi phải đối mặt với

một vấn đề tưởng chừng không thể giải quyết và chúng tôi đang lao vào thảm họa.

Bà cup mắt nhìn xuống. Khuôn mặt bà nhăn nhúm, tưởng như bà đang sống lại những thời khắc đau đớn đó.

— Nhưng luôn có cách giải quyết, và như vẫn thường xảy ra, nó nằm ngay trước mắt anh đây.

Miệng nói tay làm, bà nhắc khung ảnh đặt trên bàn làm việc trước mặt lên. Tôi cầm lấy vật bà đưa cho và ngắm nghía bức ảnh, không hiểu gì.

— Ai đây? tôi hỏi.

— Cháu gái tôi. Anna Becker thật.

5.

Marc Caradec lái xe lao đi.

Từ khi rời Paris, viên cớm đã vượt qua biết bao ki lô mét mà không bận tâm đến Luật đường bộ. Ông muốn, ông *phải tận mắt* kiểm tra các thông tin của Mathilde Franssens, cô bạn làm việc ở Bảo hiểm.

Ông bấm còi trước một chiếc xe trọng tải lớn đang tìm cách vượt một chiếc khác và lao lên vừa kịp lúc để rẽ vào con đường dẫn ra khỏi cao tốc. Vòng xoáy của đường nhánh bằng bê tông khiến ông có cảm giác chiếc xe đang lao vào khoảng trống. Chóng mặt. Hai tai ong ong. Chiếc sandwich mà ông vừa ngốn ngấu vừa lái xe khiến ông có cảm giác buồn nôn. Trong vài giây, ông thấy như đang bị lạc giữa đoạn giao của xa lộ, rồi tâm trí dần hồi lại, ông bấu víu vào các chỉ dẫn của hệ thống GPS.

Một bùng binh ở lối rẽ vào Châtenay-Malabry rồi một con đường hẹp đi về hướng rừng Verrières. Marc chỉ hoàn toàn thư giãn khi thiên nhiên thế chỗ cho bê tông. Ông hạ cửa kính khi thấy xung quanh mình là những cây dẻ, cây phỉ và cây thích. Thêm một quãng đường cát cuối cùng rồi tòa nhà hiện ra trước mặt ông.

Ông đỗ chiếc Range Rover trong bãi đỗ xe rải sỏi rồi sập cửa lại. Hai tay chấp sau lưng, ông đứng một lát để chiêm ngưỡng tòa nhà được tạo

thành từ sự pha trộn hỗn loạn giữa những viên đá cũ kỹ và các vật liệu hiện đại hơn: kính, kim loại, bê tông trong suốt. Đường đường cổ chừng hai trăm năm tuổi đã được hiện đại hóa (tàn sát thì đúng hơn, Caradec nghĩ) bằng việc lắp đặt những tấm pin năng lượng mặt trời trên mái và phủ cây xanh kín một bức tường.

Viên cốm tiến về phía cửa ra vào tòa nhà. Sảnh chờ gần như vắng tanh, không có ai ở sau quầy lễ tân. Ông lật giở những tờ quảng cáo giới thiệu cơ sở này được đặt trước mặt mình.

Trung tâm dưỡng bệnh Sainte-Barbe đón chừng năm chục bệnh nhân đa chấn thương hoặc mắc các triệu chứng tự kỷ. Những người bị tai nạn thương tích, không còn khả năng sống độc lập và tình trạng sức khỏe đòi hỏi phải được chăm sóc thường xuyên.

— Tôi có thể giúp gì cho ông?

Caradec quay về phía giọng nói đang hỏi ông. Một cô gái trẻ mặc áo bờ lu trắng đang bỏ những đồng tiền lẻ vào chiếc máy bán hàng tự động.

— Cảnh sát đây. Tôi là Marc Caradec, đại úy BRB, ông vừa tự giới thiệu vừa đi đến bên cô.

— Tôi là Malika Ferchichi, hộ lý y học-tâm lý của trung tâm.

Cô gái người gốc Bắc Phi ấn nút để lấy lon soda, nhưng chiếc máy bị kẹt.

— Lại hỏng! Chết tiệt thật, cái thứ này đã nuốt của tôi phải đến cả nửa tháng lương rồi!

Marc tóm lấy chiếc máy và bắt đầu lắc. Vài giây sau khi được đối xử như vậy, rớt cuống lon nước cũng rơi xuống khay đỡ bên dưới.

— Ít ra thì cô cũng có được thứ này, ông vừa nói vừa đưa cho cô lon Coca Zero.

— Tôi nợ ông việc này.

— Thật đúng lúc, bởi tôi có việc phải nhờ cô đây. Tôi đến đây để kiểm tra thông tin về một trong số các bệnh nhân của cô.

Malika bật nắp lon nước và uống một ngụm.

Trong khi cô uống, viên cốm ngắm nghía làn da mịn, khuôn miệng có viền môi hồng, búi tóc gọn gàng, đôi mắt như tạc bằng ngọc lam của cô.

— Tôi rất muốn cho ông biết thông tin, nhưng ông biết rõ rằng tôi không có quyền. Hãy nói chuyện với giám đốc, ông ấy...

— Chờ đã, không cần kích hoạt cả bộ máy hành chính chỉ vì một cuộc kiểm tra đơn giản đâu.

Malika nhìn ông với vẻ ranh mãnh.

— Tất nhiên, như thế, ông có thể yên tâm mà hành động không theo quy trình!

Cô uống thêm một ngụm nữa.

— Tôi biết những mảnh khoe nho nhỏ của cớm các ông. Bố tôi là “người nhà”, theo cách nói của các ông.

— Ông ấy làm ở bộ phận nào?

— Đội Cảnh sát phòng chống ma túy.

Caradec suy nghĩ một lát.

— Cô là con gái của Selim Ferchichi?

Cô gật đầu.

— Ông biết ông ấy sao?

— Nghe danh tiếng thôi.

Malika nhìn đồng hồ.

— Tôi phải quay lại làm việc. Rất vui vì được làm quen với ông, đại úy ạ.

Tay cầm lon nước, cô đi xa dần trong hành lang tràn ngập ánh sáng, nhưng Caradec đuổi theo giữ cô lại.

— Bệnh nhân mà tôi nói với cô tên là Anna Becker. Cô có thể đưa tôi đến gặp cô ấy, chỉ thế thôi, được không?

Họ đi qua một khoảng sân trong chập chững những loài cây mọng nước tốt um, những rặng tre, xương rồng và cọ lùn.

— Nếu ông có ý định hỏi chuyện cô ấy, thì ông mắc sai lầm lớn rồi.

Họ đến một vườn cây ngập nắng nhìn ra khu rừng. Các bệnh nhân và hộ lý đang kết thúc bữa ăn dưới bóng những cây thích và cây bạch dương.

— Tôi hứa với cô là sẽ không tìm cách hỏi chuyện cô ấy, tôi chỉ muốn biết liệu...

Malika chỉ tay về hướng khu rừng.

— Anna Becker chính là cô gái ở đằng kia, đang ngồi trên xe đẩy ấy.

Caradec khum tay che mắt để khỏi bị chói. Ngồi trên xe đẩy, một cô gái trẻ trạc hai mươi tuổi đang ngẩng nhìn bầu trời, hai tai đeo tai nghe.

Rút cổ trong một chiếc áo chui đầu cổ lọ, cô có khuôn mặt góc cạnh được tô điểm thêm bởi mái tóc màu hung vàng được kẹp bằng những chiếc cặp tóc của bé gái. Đằng sau đôi kính màu, cặp mắt cô bất động, nhìn hút vào khoảng không lung.

Malika lại lên tiếng:

— Đó là công việc yêu thích của cô ấy: nghe sách nói.

— Để trốn tránh?

— Để du lịch, để học hỏi, để mơ ước. Ít nhất phải một cuốn mỗi ngày. Ông sẽ bắt tôi nếu tôi bảo ông rằng tôi giúp cô ấy tải về cả đồng từ Internet chứ?

— Chính xác thì cô ấy bị bệnh gì?

Viên cốm rút sổ ra để đọc lại những gì ông đã ghi chép được.

— Người ta nói với tôi đó là bệnh Friedreich, đúng không?

— Chứng mất điều hòa Friedreich, Malika sửa lại. Đó là một bệnh thoái hóa thần kinh. Một bệnh hiếm gặp về gien.

— Cô biết Anna từ lâu rồi sao?

— Đúng vậy, tôi thường trực thay ở trung tâm y học- giáo dục tại phố Palatine nơi cô ấy sống đến tận năm mười chín tuổi.

Cảm thấy khó xử, Caradec lục tìm bao thuốc lá trong túi áo khoác.

— Cô ấy được chẩn đoán bệnh vào lúc bao nhiêu tuổi?

— Rất sớm. Hình như khoảng tám hay chín tuổi gì đó.

— Căn bệnh này biểu hiện thế nào?

— Rối loạn thăng bằng, cột sống bị vẹo, chân biến dạng, không thể phối hợp cử động của các chi.

— Ở Anna, mọi thứ có tiến triển không?

— Cho tôi xin một liều thuốc.

Marc làm theo và nghiêng người sang phía cô gái trẻ để châm thuốc giúp cô. Một mùi thơm tươi mát tỏa ra từ người cô: chanh, linh lan, húng quế. Một làn sóng xanh, khiến ta bối rối và phấn khích.

Cô đưa điều thuốc lên môi, rít một hơi rồi nói tiếp:

— Anna đã mất khả năng đi lại từ rất sớm. Rồi, vào khoảng mười ba tuổi, căn bệnh dần dần ổn định. Ông cần hiểu một điều, đó là chứng mất điều hòa Friedreich không tấn công các năng lực trí tuệ. Anna là một cô gái xuất sắc. Cô ấy không đi học theo đúng nghĩa truyền thống của từ này, nhưng cho đến tận mới đây, cô ấy còn ngồi cả ngày trước máy tính để theo các khóa học trực tuyến đại chúng mở đấy.

— Nhưng căn bệnh lại tiếp tục phát triển, Caradec tiếp lời.

Malika gật đầu.

— Bắt đầu từ một giai đoạn nào đó, người ta chủ yếu lo lắng về các biến chứng tim mạch và hô hấp, giống như các bệnh về cơ tim sẽ làm tim suy yếu.

Caradec buột miệng càu nhàu và thở phì phò. Ông cảm thấy cơn giận dữ trào lên. Cuộc sống đúng là khốn kiếp. Khi chia bài, nó giành phần bài quá khó cho một số người. Sự bất công đó khiến tim ông như bị thiêu đốt. Ông không phát hiện ra điều này, nhưng từ sáng nay, ông đã dễ tổn thương trở lại. Rất nhạy cảm. Luôn là như thế mỗi khi ông dấn thân vào một cuộc điều tra. Cảm xúc, mong muốn, sự hung bạo tăng gấp bội trong ông. Một ngọn núi lửa sắp phun trào.

Malika đoán được là ông đang bối rối.

— Mặc dù không có cách điều trị thực sự, chúng tôi vẫn cố gắng đảm bảo cho các bệnh nhân một cuộc sống có chất lượng tốt nhất trong khả năng của mình. Những buổi trị liệu, liệu pháp lao động, ngôn ngữ trị liệu, tâm lý trị liệu đều rất hữu ích. Đó là toàn bộ ý nghĩa công việc của tôi.

Marc vẫn im lặng, bất động, để mặc cho điều thuốc cháy dần giữa kẽ tay. Làm sao có thể xảy ra việc tráo đổi danh tính như vậy? Về mặt bảo đảm an ninh thông tin, ở vị trí của mình chắc chắn ông biết rất rõ rằng bảo hiểm y tế là một cái rây bột lớn (hàng chục triệu euro bị gian lận, một tấm thẻ bảo hiểm chẳng có chút gì là đáng tin cậy...), nhưng ông chưa từng biết đến chiến thuật nào được dàn dựng như thế này.

— Lần này, tôi phải đi thật rồi, Malika báo với ông.

— Tôi sẽ để lại số điện thoại của tôi cho cô, phòng khi cần dùng đến.

Trong khi ghi lại số điện thoại cho Malika, Marc hỏi câu cuối cùng:

— Anna có nhiều người đến thăm không?

— Chủ yếu là dì của cô ấy, Clotilde Blondel, cứ hai ngày bà ấy lại đến thăm cô ấy một lần, ngoài ra còn có một cô gái trẻ khác: người lai, tóc thẳng, lúc nào cũng rất chần chu.

Caradec cho cô xem màn hình điện thoại của ông.

— Đúng, đúng là cô ấy, Malika khẳng định. Ông biết tên cô ấy không?

Cô bé thổ dân châu Mỹ và đám cao bồi

*Thế giới [...] là một
cuộc chiến không
hồi kết giữa ký ức
này và ký ức khác
đối lập với nó.*

**Haruki
MURAKAMI**

1.

Chiếc taxi thả tôi ở góc giao giữa đại lộ Edgar-Quinet và phố Odessa. Tôi đưa mắt liếc nhìn đồng hồ. sắp giữa trưa. Mười phút nữa, nhân viên làm việc trong khu này sẽ ồ ạt tuôn ra và các vị trí đón ánh nắng mặt trời sẽ rất đắt hàng. Nhưng trong một lát từ giờ đến lúc đó, vẫn có thể giành được một bàn. Tôi tìm thấy một chỗ ngồi ở hiên quán cà phê Colombine và Arlequin trên quảng trường.

Tôi gọi một chai nước và một đĩa sevicehe^[8] cá tráp. Tôi thường đến đây để ăn nhanh hoặc để viết, và đa số nhân viên phục vụ đều biết mặt tôi. Ở tất cả các bàn và trên vỉa hè, mùa hè vẫn còn kéo dài: kính mát, áo ngắn tay và váy mỏng nhẹ. Vài cái cây trên quảng trường nhỏ không thể chống chọi với ánh nắng áp đảo trên mặt đường nhựa. Ở miền Nam, có lẽ dân tình đã giương ô, nhưng ở Paris, người ta sợ cảnh này không kéo dài đến nỗi sẵn sàng phơi nắng.

Đến lượt tôi nhắm mắt và để cho ánh nắng tỏa khắp khuôn mặt. Như thể ánh sáng và hơi ấm đó có thể giúp tôi suy nghĩ rành mạch hơn.

Tôi đã trò chuyện với Caradec rất lâu qua điện thoại. Chúng tôi đã trao đổi thông tin và hẹn gặp nhau tại đây để tổng kết mọi chuyện. Trong khi chờ ông đến, tôi lấy máy tính ra và bật màn hình. Để sắp xếp suy nghĩ của mình, tôi cần ghi chép, viết ra các mốc ngày tháng, đặt ra các giả thiết “trên giấy”.

Lúc này, không còn chút nghi ngờ nào về việc cô gái tôi yêu không phải là người nàg vẫn khẳng định. Bằng cách đi theo hai hướng điều tra khác nhau, Marc và tôi đã lần được ra dấu vết của Anna - hồi đó chưa có tên là Anna - đến tận mùa thu năm 2007.

Tôi mở trình soạn thảo văn bản và quyết định tổng hợp các thông tin cơ bản mà chúng tôi đã phát hiện được:

Cuối tháng Mười năm 2007: một thiếu nữ khoảng 16 tuổi (đến từ nước Mỹ?) đã tới Paris với hơn 400.000 euro tiền mặt. Cô tìm cách lẩn trốn, tìm được nơi ẩn náu tại một căn phòng áp mái mà cô thuê bằng tiền mặt của một chủ nhà không mấy đàng hoàng. Cô vừa trải qua một sự kiện khiến cô bị tổn thương về tinh thần, nhưng đã đủ khôn khéo để có được giấy tờ giả. Lúc đầu là loại giấy tờ có chất lượng rất tồi và sau đó là loại tốt hơn.

Vào tháng Mười hai, cô đến một cơ sở giáo dục Công giáo, trường trung học Sainte-Cécile, nơi cô đã được nhận vào học và thi đỗ tú tài dưới danh tính của Anna Becker, cháu gái của Clotilde Blondel, hiệu trưởng trường này.

Việc đánh tráo danh tính này là một cú lừa ngoạn mục: bị đóng đinh trong một chiếc xe lăn, sống trong một trung tâm chăm sóc người tàn tật, Anna Becker thật không du lịch, không tái xe, không đi học.

Năm 2008, bằng cách khai bị mất hoặc bị đánh cắp giấy tờ, Anna “giả” đến tòa thị chính để làm lại hộ chiếu và thẻ căn cước. Từ đó trở đi, cú lừa đảo trở nên hoàn hảo. “Anna” có được giấy tờ tùy thân thật có ảnh của chính cô và sống trọn vẹn dưới danh tính không phải của mình. Mặc dù có sổ thẻ Bảo hiểm xã hội, cô rất thận trọng và hẳn là đã tuân thủ nghiêm ngặt một số nguyên tắc: luôn tự trả chi phí khám bệnh và tiền thuốc để cơ quan Bảo hiểm không quá lưu ý đến mình.

Tôi ngẩng đầu khỏi máy tính khi nhân viên phục vụ mang đồ ăn đến. Tôi nhấp ngụm nước và ăn một miếng cá tráp. Hai cô gái dùng chung một danh tính: mưu kế mà Clotilde Blondel bày ra thật táo bạo, nhưng đủ chắc chắn để tồn tại suốt mười năm qua. Việc điều tra của chúng tôi đã không vô ích, thế nhưng, đến lúc này, nó vẫn chỉ gọi ra các câu hỏi không có câu trả lời. Tôi nhanh chóng ghi lại chúng trên màn hình:

- “Anna” thực ra là ai?
- Nàng sống ở đâu trước khi đến Paris?
- 400.000 euro tìm thấy tại nhà nàng là ở đâu ra?
- Ba thi thể cháy đen trên bức ảnh là ai? Tại sao “Anna” lại kết tội mình đã gây ra cái chết của họ?
- Tại sao nàng biến mất ngay sau khi bắt đầu tiết lộ với tôi một phần sự thật?
- Lúc này nàng đang ở đâu?

Tôi không thể ngăn mình bấm số điện thoại của nàng lần nữa, một hành động máy móc. Không có phép màu nào xảy ra: vẫn là câu trả lời tự động mà tôi đã phải chịu đựng đến cả năm chục lần từ hôm trước.

Đúng lúc đó, một ý tưởng vụt nảy ra trong đầu tôi.

2.

Sáu năm trước, khi đi lấy vốn viết thực tế ở New York, tôi đã đánh mất điện thoại di động trên một chiếc taxi. Tôi trở về khách sạn sau một buổi tối ở nhà hàng và không phát hiện ra ngay là mình đã mất điện thoại. Đến khi tôi nhận ra và gọi đến hãng taxi thì đã quá muộn: một trong những khách hàng mà tài xế chở sau tôi đã nhặt được chiếc điện thoại và không muốn khai báo. Rất ngẫu nhiên, tôi gửi cho anh ta một tin nhắn bằng điện thoại của trợ lý báo chí. Một giờ sau, tôi nhận được cuộc gọi từ một người nói tiếng Anh bập bõm, đề xuất trả lại tôi chiếc điện thoại với giá là 100 đô. Tôi đã dễ dãi chấp thuận. Địa điểm gặp nhau được đưa ra là một quán cà phê ở quảng trường Thời đại, nhưng khi tôi vừa đến nơi thì kẻ tổng tiền kia

lại gọi để báo với tôi rằng giá tiền đã thay đổi. Lần này gã đòi 500 đô, và tôi phải đưa cho gã tại một địa chỉ ở quận Queens. Và thế là tôi đã hành động như đáng lẽ phải làm ngay từ đầu: kể chuyện với hai cảnh sát đầu tiên tôi gặp được. Chỉ trong vài phút, họ đã lần ra dấu vết chiếc điện thoại của tôi nhờ hệ thống định vị toàn cầu, bắt giữ kẻ trộm và trả lại điện thoại cho tôi.

Tại sao tôi không làm như thế với điện thoại của Anna?

Bởi vì có thể nó đã bị tắt hoặc hết pin...

Nhưng cứ thử xem sao.

Máy tính vẫn mở trước mặt tôi. Tôi hỏi nhân viên phục vụ mật khẩu để truy cập wifi của quán cafe, rồi đăng nhập vào trang web *điện toán đám mây* của nhà sản xuất. Bước đầu tiên không có gì khó khăn: chỉ cần nhập tên đăng nhập, nói cách khác là địa chỉ email. Tôi gõ địa chỉ email của Anna, nhưng vấp phải bước thứ hai: mật khẩu của nàng.

Tôi không mất thời gian thử các mã hú họa. Cách làm đó chỉ hiệu quả trong mấy bộ phim và xê ri truyền hình dài tập. Tôi nhấp chuột vào đường dẫn “Quên mật khẩu”, một trang web mới mở ra và đề nghị tôi trả lời hai câu hỏi bảo mật mà Anna đã thiết lập khi tạo tài khoản đăng nhập.

+ Chiếc xe đầu tiên của bạn là mẫu xe nào?

+ Bộ phim đầu tiên bạn xem ở rạp là phim gì?

Câu hỏi đầu tiên rất dễ. Trong đời nàng, trước giờ Anna chỉ sở hữu duy nhất một chiếc xe hơi: chiếc Mini màu “hạt dẻ sên đường” mà nàng mua lại cách đây hai năm. Mặc dù không dùng nhiều đến nó, nàng vẫn rất thích chiếc xe mui trần đó. Mỗi lần nói về nó, nàng không dùng từ “chiếc Mini” hay “chiếc mui trần” mà dùng “chiếc Mini Cooper”. Tôi liền gõ câu trả lời đó vào ô tương ứng. Và tin chắc mình đã đúng.

Đến câu hỏi thứ hai.

Về điện ảnh, không phải lúc nào chúng tôi cũng thống nhất với nhau. Tôi thích Tarantino, anh em nhà Cohen, Brian De Palma, những bộ phim kinh dị cũ và những bộ phim thành công hiếm hoi thuộc loại phim nhóm B. Nàng lại thích những thứ trí tuệ hơn, dòng Téléràma: Michael Haneke, anh em nhà Dardenne, Abdellatif Kechiche, Fatih Akin, Krzysztof Kieslowski.

Điều đó cũng chẳng giúp tôi tiến xa thêm chút nào: hiếm có đứa trẻ nào lại bắt đầu việc thưởng thức điện ảnh bằng *Dải ruy băng trắng* hay *Cuộc đời đôi của Véronique*.

Tôi dành thời gian suy nghĩ. Ta thường dẫn con cái đến rạp chiếu phim khi chúng được mấy tuổi nhỉ? Tôi vẫn nhớ rất rõ lần đầu tiên được đi xem phim: mùa hè năm 1980, bộ phim Chú nai Bambi, ở rạp Olympia, phố Antibes, thành phố Cannes. Lúc đó tôi sáu tuổi và đã khẳng định là bị bụi bay vào mắt để giải thích tại sao mình lại khóc vào đoạn nai mẹ chết. Walt Disney chết tiệt.

“Anna” hiện nay hai mươi lăm tuổi. Nếu nàng xem bộ phim đầu tiên vào lúc sáu tuổi, thì lúc đó là vào năm 1997. Tôi tra cứu những bộ phim thành công năm đó trên Wikipédia và một bộ phim đập vào mắt tôi: Titanic. Thành công trên toàn thế giới. Không ít cô nhóc thời đó hẳn đã quấy rầy bố mẹ để được đi xem Leo. Tin chắc là mình đã tìm ra, tôi gõ tên bộ phim với tốc độ ánh sáng, xác nhận và...

Những câu trả lời mà bạn vừa đưa ra không tương ứng với câu trả lời trong hồ sơ của chúng tôi. Đề nghị kiểm tra lại thông tin cá nhân và thử lại.

Thất vọng. Tôi đã vui mừng quá sớm, và lúc này, tôi chỉ còn hai lần nhập trước khi hệ thống tự động khóa lại.

Không vội vàng, tôi sắp xếp lại mọi việc. Anna và tôi không cùng thế hệ. Hẳn nàng đã đi xem phim trước sáu tuổi, nhưng thế là khi nàng lên mấy ?

Google. Ngón tay tôi lướt trên bàn phím. “Dẫn con cái đi xem phim vào tuổi nào?” Hàng chục trang web hiển thị. Chủ yếu là các diễn đàn dành cho gia đình và tạp chí phụ nữ. Tôi lướt qua những trang web đầu tiên. Đường như có một quan điểm thống nhất; hai tuổi là quá sớm, nhưng có thể thử vào lúc ba hoặc bốn tuổi.

Quay trở lại với Wikipédia. 1994. Anna lên ba tuổi và bố mẹ dẫn nàng đi xem... Vua sư tử, bộ phim dành cho trẻ em thành công nhất vào năm ấy.

Thử lại lần nữa... và thất bại lần nữa.

Chết tiệt! Chân trời tối sầm. Không được phép sai lầm nữa. Tôi đã tự huỷ hoại mình. Trò chơi có vẻ dễ dàng, nhưng có quá nhiều khả năng,

quá nhiều biến số cần tính đến. Tôi sẽ không bao giờ tìm ra mật khẩu của Anna mất.

Thử lại lần cuối để chiến thắng trong vinh quang nào. 1995. Anna bốn tuổi. Tôi nhắm mắt để thử hình dung ra nàng vào tuổi đó. Một bé gái hiện ra trong đầu tôi. Da nâu, đường nét thanh tú, ánh mắt màu ngọc bích gần như trong suốt, nụ cười rụt rè. Đây là lần đầu tiên nàng đến rạp. Và bố mẹ dẫn nàng đi xem... Lại ngó qua bách khoa thư Online. Năm đó, bộ phim tuyệt diệu *Câu chuyện đồ chơi* đã làm các phòng vé tắc nghẹt. Tôi gõ câu trả lời và đặt ngón tay lên phím Enter để xác nhận. Trước khi ấn phím, tôi nhắm mắt lần cuối cùng. Cô bé gái vẫn ở đó. Hai bím tóc đen, quần yếm bằng vải jean, áo thun màu rực rỡ, giày trắng tinh. Nàng rất vui. Bởi vì bố mẹ dẫn nàng đi xem *Câu chuyện đồ chơi*? Không, cảnh này không ăn khớp với Anna mà tôi biết. Tôi quay ngược về trước và thăm chiếu lại bộ phim trong đầu mình. Noel 1995. Anna gần năm tuổi. Đây là lần đầu tiên nàng đến rạp và chính nàng đã chọn phim. Bởi vì tuy còn bé nhưng nàng đã thông minh và độc lập. Nàng biết mình muốn gì. Một bộ phim hoạt hình thú vị trong đó nàng có thể nhập vai nữ chính và học hỏi nhiều điều. Tôi lại lướt qua danh sách các bộ phim thành công trong năm đó một lần nữa, rình chờ giọng nói nội tâm của cô bé gái. *Pocahontas*. Cô gái thuộc bộ tộc người Powhatan mà các nhà đồ họa của Disney đã tặng cho những đường nét của Naomi Campbell. Một cơn rùng mình chạy dọc người tôi. Trước cả khi xác nhận câu trả lời, tôi tin chắc mình đã tìm đúng. Tôi nhập mười chữ cái kỳ diệu đó vào và một trang web mới hiện ra cho phép tôi đặt lại mật khẩu. Yes! Lần này, câu trả lời đã đúng. Tôi chạy chức năng định vị toàn cầu điện thoại, và chỉ vài giây sau, một chấm xanh nhạt nhấp nháy trên màn hình.

3.

Hai bàn tay run rẩy. Tim đập thành thịch. Tôi đã đúng khi bèn gan vững chí như thế. Một thông báo cho tôi biết rằng điện thoại của Anna

đang ngoài vùng phủ sóng, nhưng trong vòng hai mươi tư giờ, hệ thống vẫn lưu trong bộ nhớ địa điểm cuối cùng nơi chiếc điện thoại còn hoạt động.

Những điểm quyến rũ đáng ghét của công nghệ theo dõi toàn cầu...

Tôi nhìn chăm chăm vào vòng tròn nhấp nháy giữa vùng Seine-Saint-Denis. Thoạt nhìn, đây dường như là khu công nghiệp giữa Stains và Aulnay-sous-Bois.

Tôi soạn một tin nhắn SMS cho Caradec (Ông còn xa không?), ông trả lời ngay lập tức (Đại lộ Saint-Germain, sao thế?)

Nhanh lên! Tôi có một manh mối quan trọng.

Trong lúc chờ ông, tôi chụp lại màn hình và ghi địa chỉ hiển thị trên đó, đại lộ Plateau, Stains, Ile-de-France. Rồi tôi chuyển sang chế độ vệ tinh và zoom lên mức tối đa. Nhìn từ trên cao xuống, tòa nhà mà tôi quan tâm giống như một khối gạch nén khổng lồ đặt giữa khu đất hoang.

Bằng vài cái nhấp chuột, tôi đã xác định được vị trí chính xác: một công ty cho thuê kho chứa đồ. Tôi căn môi. Những nhà kho ở giữa vùng ngoại ô: tất cả những thứ này chẳng báo hiệu điều gì tốt đẹp cả.

Một tiếng còi từ xa nhưng kéo dài, giống với tiếng voi rống hơn là âm thanh cảnh báo, làm hàng hiên rung lên.

Tôi ngược mắt, để hai tờ tiền lên bàn, thu dọn đồ đạc rồi nhảy vào chiếc Range Rover cũ kỹ của Caradec vừa từ phố Delambre lao tới.

6

Cưỡi ngựa cùng Hoàng đế

*Cuộc đời xoay
những góc 180 độ,
và khi nó xảy ra, thì
thường là vô cùng
nhANH chóng.*
Stephen KING

1.

Chuyến đi kéo dài mãi không thôi.

Đầu tiên là Điện Invalides, đi qua sông Seine, ngược đại lộ Champs-Élysées và cửa ô Maillot. Sau đó là đường vành đai, đường cao tốc, sân vận động Stade de France và đường quốc lộ uốn lượn giữa La Courneuve, Saint-Denis và Stains.

Dù trời nắng, vùng ngoại ô vẫn có vẻ buồn tẻ, như thể màu sắc của bầu trời đã thay đổi, mờ dần đi, tan loãng ra để rồi đánh mất vẻ chói lọi và trở nên đồng điệu với những tòa nhà cho thuê giá rẻ cùng những công trình thô kệch nối tiếp nhau dọc theo trục đường chính mang những cái tên ca ngợi chủ nghĩa cộng sản: Romain-Rolland, Henri- Barbusse, Paul-Eluard, Jean-Ferrat...

Giao thông khiến Caradec bực bội. Thấy kẻ vạch kẻ đường liền trắng, ông vẫn vượt một chiếc xe van đang chạy chậm rì. Hậu quả thật tệ hại: một chiếc 4x4 to màu đen lao hết tốc lực đến trước mặt chúng tôi, há mồm, điên cuồng, say khướt, sùi bọt mép. Con vật khổng lồ đó suýt thì đâm vào chúng tôi. Viên cựu cảnh sát chỉ vừa kịp đánh tay lái và xoắn ra một tràng chửi rủa.

Bây giờ, Marc tin chắc là cần phải tìm thấy Anna. Tôi thấy ông run rẩy vì giận dữ, thất vọng và sốt ruột, hoang mang chẳng kém gì tôi trước những góc ngách bất ngờ trong cuộc điều tra của chúng tôi. Chúng tôi tranh thủ trao đổi nốt thông tin trong chuyến đi. Dù đã mang lại rất nhiều kết quả, những cuộc điều tra của chúng tôi chỉ phác lên chân dung một cô gái càng ngày càng mờ mịt mà cả tôi lẫn ông đều không biết là nạn nhân hay thủ phạm.

“Cóm cũng chẳng thể làm tốt hơn được”, ông đã khẳng định như thế khi khen ngợi tôi vì đã định vị được chiếc điện thoại di động. Tôi cảm thấy ông tin tưởng vào hướng điều tra mới này. Ông lái xe rất nhanh, hai mắt dán chặt xuống đường, tiếc nuối vì không có còi hụ hoặc đèn hiệu trong tay “như thuở tươi đẹp xa xưa ấy”.

Màn hình GPS hiển thị số ki lô mét ngăn cách chúng tôi với đích đến. Áp trán vào cửa kính, tôi nhìn những phiến bê tông, những cấu kiện đúc sẵn, những mặt tiền tróc lở, những tòa nhà công vừa mới nhô lên khỏi mặt đất, nhưng đã mệt mỏi và đầy hình vẽ nham nhở. Sau khi bố mẹ ly hôn, tôi đã rời Côte d’Azur để theo mẹ về ngoại ô Paris và tôi cũng đã trải qua thời niên thiếu của mình trong kiểu khung cảnh toát lên dáng vẻ tuyệt vọng như thế này. Mỗi lần đặt chân trở lại nơi ấy, tôi vẫn có cảm giác khó chịu là mình chưa bao giờ thực sự đi khỏi đó.

Xanh. Vàng rồi đỏ. Caradec không đếm xỉa đến ngọn lửa đỏ rực trên đèn túi hiệu giao thông mà phóng đến bùng binh rồi lao vào một con đường không lối thoát với điểm cuối cùng là khối lập phương bốn tầng đồ sộ bằng bê tông cốt thép. Tòa nhà BoxPopuli, “chuyên gia kho chứa đồ của bạn”.

Viên cớm đỗ chiếc Range Rover trên bãi đậu xe gần như vắng tanh: một dải nhựa đường dài vươn ra trước cánh đồng dương xỉ bị thiêu đốt dưới ánh mặt trời.

— Kế hoạch là gì vậy? - Tôi vừa hỏi vừa xuống xe.

— Kế hoạch là thế này, ông vừa đáp vừa cúi xuống hộp đựng đồ lấy ra khẩu Glock 19 bằng polymer.

Caradec đã không trả lại cả súng công vụ lẫn phù hiệu. Tôi ghét cay ghét đắng các loại vũ khí nóng, kể cả vào thời điểm này tôi cũng không sẵn

sàng phủ nhận các nguyên tắc của mình.

— Tôi nói nghiêm túc đấy, Marc.

Ông sập cửa và bước vài bước trên mặt đường nhựa bóng giầy.

— Cứ tin vào kinh nghiệm của tôi, trong kiểu tình huống như thế này, kế hoạch tốt nhất là không có kế hoạch nào cả.

Ông nhét khẩu súng bán tự động vào thắt lưng rồi quả quyết bước về phía tòa lô cốt.

2.

Vũ điệu của quý và những chiếc xe nâng hạ. Mùi bìa các tông cháy dai dẳng. Vũ đạo của đám xe nâng hàng và công ten nơ có bánh xe. Tầng trệt mở ra một khu vận chuyển hàng hóa kéo dài với loạt bến dỡ hàng đầy ứ phương tiện vận chuyển.

Caradec gõ vào vách kính của một văn phòng ở chân cầu thang bằng bê tông dẫn lên các tầng.

— Cảnh sát đây!- Ông thông báo và vẫy vẫy tấm thẻ ngành.

— Đây, các anh làm tôi ngạc nhiên đấy! Tôi mới gọi cho các anh thậm chí chưa đầy mười phút! một người đàn ông nhỏ thó ngồi sau chiếc bàn kim loại liền thoảng thốt lên.

Marc quay sang phía tôi. Ánh mắt ông nói: “Tôi không hiểu gì cả, nhưng cứ để mặc tôi.”

— Patrick Ayache, tay nhân viên vừa tự giới thiệu vừa ra gặp chúng tôi. Tôi quản lý chỗ này.

Ayache có chất giọng rất nặng của một người Pháp ở Algérie. Dáng người béo lùn, khuôn mặt vuông vức và vui vẻ được viền quanh bởi mái tóc dày rậm. Chiếc áo sơ mi nhãn hiệu PaÇonnable phanh rộng cổ để lộ sợi dây chuyền vàng. Nếu tôi xây dựng một nhân vật như thế này trong tiểu thuyết, thế nào cũng bị la lối là biếm họa.

Tôi liền để mặc cho Marc lèo lái mọi sự:

— Anh giải thích cho chúng tôi xem chuyện gì đã xảy ra.

Ayache ngoắc tay ra dấu mời chúng tôi đi theo anh ta vào một lối nhỏ dành riêng cho nhân viên, dẫn đến các lồng thang máy. Anh ta né người sang một bên để chúng tôi vào trước, bấm nút tầng trên cùng rồi thông báo:

— Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy thứ đó!

Trong khi buồng thang máy chuyển động đi lên, tôi nhìn qua lớp kính thấy những dây thừng gỗ và công ten nơ niêm chì chạy dài đến hút tầm mắt.

— Chính tiếng ồn đã báo động chúng tôi, anh ta nói tiếp. Cứ như một vụ tông xe liên hoàn vậy: một loạt những cú va đập siêu mạnh trong tiếng tôn bị nghiền nát loảng xoảng, chẳng khác gì đường cao tốc chạy qua ngay trên đầu chúng tôi!

Thang máy mở ra một thềm nghỉ lát gạch vuông.

— Đây là tầng cho thuê tự do, Ayache giải thích và dẫn chúng tôi đi theo. Khách hàng có thể thuê các khoang có kích thước bằng một ga ra lớn và có quyền ra vào khoang của mình bất cứ lúc nào.

Tay quản lý này đi cũng nhanh chẳng kém gì nói. Bước chân anh ta nghiền kèn kẹt trên mặt sàn phủ chất dẻo và chúng tôi gần như phải vất vả mới theo kịp. Hết lối đi này đến lối đi khác. Giống hết nhau. Nỗi kinh hoàng tuyệt vọng của một bãi đỗ xe dài vô tận.

— Đây rồi, ở đây, cuối cùng anh ta cũng thông báo và chỉ tay vào một khoang chứa đồ lớn có cánh cửa đã bị phá hỏng, khiến ta có cảm giác nó bị khoan thủng.

Một anh chàng da đen có mái tóc màu xám đang đứng gác trước cửa. Áo polo trắng, áo khoác vải kaki, mũ cát kết hiệu Kangol.

— Anh ta là Giáo hoàng, Ayache giới thiệu với chúng tôi.

Đi vượt lên trước Caradec, tôi lại gần để xem xét thiệt hại.

Hai cánh cửa không còn lại gì đáng kể.

Chúng đã tuột khỏi bản lề. Kể cả hai thanh trợ lực cũng chẳng có tác dụng gì trước cú tấn công. Mặt thép mạ kẽm quấn queo, gãy gập, rách nát. Treo trên những cái móc bằng kim loại, những sợi xích bị rút đứt khỏi hai ổ khóa treo lủng lẳng trong không trung.

— Một chiếc xe tăng đã gây ra chuyện này à?

— Ông không tin nổi là mình lại nói đúng đâu! - Giáo hoàng thốt lên. Một chiếc 4x4 đã phá thùng cửa kho hai mươi phút trước. Nó leo lên dây qua cần dẫn và lao vào cánh cửa cho đến khi cánh cửa bị phá tung. Giống hệt một xe phá thành thực thụ.

— Camera theo dõi đã ghi lại hết, Ayache bảo đảm. Tôi sẽ cho hai anh xem băng video.

Tôi bước qua lỗ thùng để vào bên trong khoang.

Hai mươi mét vuông được chiếu sáng rực. Trống không.

Ngoại trừ mấy cái giá cao vững chãi bằng kim loại được hàn thẳng vào sàn nhà và hai bình xịt vút lẫn lộn. Một chiếc màu trắng, chiếc kia màu đen. Trông giống như bình giữ nhiệt Thermos được gắn thêm nút xịt. Quấn xung quanh một cái cột bằng thép là mấy sợi dây thừng, những màu vải nhựa cách điện còn sót lại, một dây rút mới bị cắt đứt.

Ai đó đã bị giam ở đây.

Anna đã bị giam ở đây.

— Cậu ngửi thấy mùi đó không? - Marc hỏi tôi.

Tôi gật đầu. Thực ra đó chính là một trong những thứ đầu tiên tôi nhận ra. Thứ mùi nồng nặc pha trộn bốc lên trong khoang. Khó mà xác định được là mùi gì: như thể mùi cà phê mới rang lẫn với mùi đất sau mưa.

Viên cớm quỳ xuống xem xét hai chiếc bình xịt.

— Ông biết đây là cái gì không?

— Xin giới thiệu với cậu Ebony & Ivory, ông nói vẻ lo lắng.

— Đen và trắng. Giống như tiêu đề bài hát của Paul McCartney và Stevie Wonder?

Ông gật đầu xác nhận.

— Đây là sản phẩm thủ công sản xuất từ các loại chất tẩy rửa dùng trong bệnh viện. Một hỗn hợp pha trộn xóa hoàn toàn các dấu vết ADN có trên hiện trường vụ án. Một thứ chuyên nghiệp đấy. Bộ đồ nghề của một bóng ma hoàn hảo.

— Tại sao lại có hai bình xịt?

Ông chỉ vào chiếc bình màu đen.

— Ebony chứa chất tẩy rửa cực mạnh sẽ phá hủy chín mươi chín phần trăm các dấu vết ADN.

Rồi ông chỉ vào chiếc bình xịt màu trắng.

— Còn Ivory là sản phẩm che phủ có thể thay đổi cấu trúc của một phần trăm còn lại. Nói chung, cậu đang có trước mặt công thức kỳ diệu cho phép đá đít đám cảnh sát khoa học trên toàn thế giới.

Tôi ra khỏi khoang chứa đồ và lại gần Ayache.

— Ai thuê khoang này?

Viên quản lý xòe hai bàn tay tỏ ý không hiểu.

— Chẳng có ai hết. Nó để không từ tám tháng nay!

— Có gì khác trong ga ra này không? Caradec đến bên chúng tôi hỏi.

— Chẳng có gì hết, Giáo hoàng vội vã trả lời.

Viên cấm hít vào một hơi thật sâu. Với vẻ mặt vừa mệt mỏi vừa lo lắng, ông lại gần Patrick Ayache và mở miệng như để đe dọa, nhưng thay vì thế ông lại đặt tay lên vai anh ta. Trong vài giây, nắm tay Caradec đã rời khỏi xương quai xanh của anh chàng người Pháp gốc Algérie để lần dọc theo cẳng cổ anh ta. Ngón cái ấn sâu vào vùng thanh quản trong khi ngón trỏ khép cứng lại trên đốt sống cổ. Bị nghẹt thở bởi hai gọng kìm đó, Ayache không cầm cự được lâu. Hoảng hốt trước cảnh bạo lực đột ngột ấy, tôi do dự định can thiệp. Caradec cho đó là trò lừa bịp trong khi rõ ràng hai gã này nói thật, ít ra là tôi tin như thế cho đến khi Ayache giơ tay lên ra hiệu đầu hàng. Viên cấm lỏng tay ra, nhưng chỉ để cho anh ta kịp lấy hơi. Rồi, với một nỗ lực thống thiết để cứu vớt thể diện, Ayache nói:

— Tôi đảm bảo với hai anh là không có gì khác ngoài hai thứ mà tôi đang giữ trong phòng bảo mật máy tính.

3.

“Phòng bảo mật máy tính” phiên bản của Ayache là một căn phòng nhỏ phủ kín tường bằng cả chục màn hình trên đó hiển thị các hình ảnh đen trắng của hệ thống camera giám sát.

Ngồi vào sau bàn làm việc của mình, viên quản lý mở một trong số các ngăn kéo.

— Chúng tôi tìm thấy chúng mắc kẹt dưới một cái giá, anh ta vừa nói thêm vừa đặt lên bàn hai chiến lợi phẩm.

Thứ đầu tiên là điện thoại di động của Anna. Tôi nhận ra nó không chút do dự nhờ vào cái nhãn Chữ Thập Đỏ dán trên vỏ điện thoại. Ayache đẩy mức tôn kính của anh ta đến độ cho tôi mượn sạc điện thoại của chính anh ta, nhưng không thể nào bật được điện thoại lên. Màn hình đã vỡ tan. Không phải kiểu hỏng hóc mà ta gặp phải khi đánh rơi điện thoại. Hẳn kẻ nào đó đã cố tình dùng gót giày giẫm đạp nhiều lần thì mới làm nó ra nông nỗi ấy.

Chiến lợi phẩm thứ hai có giá trị hơn. Đó là chiếc túi xách nhỏ bằng da thằn lằn láng bóng được tô điểm bằng những tinh thể thạch anh hồng. Một trong những món quà đầu tiên tôi tặng Anna và được nàng mang theo tối trước đó, khi chúng tôi đi đến nhà hàng. Tôi nhanh chóng lục tìm trong túi xách: ví, móc chìa khóa, gói giấy Kleenex, bút, kính mát. Chẳng có gì đáng để ý.

— Bằng ghi hình đây! Các anh sẽ nhìn thấy cảnh tàn sát đó!

Ayache đã lấy lại sức lực và không còn yên vị trên ghế của mình. Như thể đang đóng phim truyền hình dài tập của Mỹ, anh ta đích thân tự phong cho mình chức giáo chủ hình ảnh, tung hứng với các màn hình, điều chỉnh những đoạn tua chậm, tua nhanh và tua ngược.

— Thôi đừng có điều chỉnh nữa và cho chúng tôi xem đoạn phim đi, Marc cáu kỉnh.

Ngay từ hình ảnh đầu tiên, chúng tôi đã phải sửng sốt: một chiếc xe hồ báo lực lưỡng được làm lại khung sườn sẵn sàng lao bổ đến. Dáng dấp vạm vỡ, trang bị kính tối màu, thân xe được kéo dài bởi lưới tản nhiệt kép mạ crom.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau giận dữ: chính là chiếc 4x4 đã suýt đâm vào chúng tôi!

Trên những hình ảnh đầu tiên của camera giám sát, chúng tôi nhìn thấy chiếc xe húc đổ thanh barie chắn cửa ra vào kho hàng trước khi đi theo

cầu dẫn lên các tầng bên trên. Sau đó, chúng tôi gặp lại nó ở tầng trên cùng.

— Stop! Caradec thốt lên.

Ayache làm theo. Khi chăm chú quan sát chiếc SUV to tướng, tôi nhận ra loại xe này: một chiếc X6 BMW, sự giao thoa giữa xe địa hình và xe hai cửa. Khi có đứa con thứ hai, một trong những người bạn của tôi, tác giả tiểu thuyết trinh thám, đã mua chiếc xe này và ca ngợi những “phẩm chất” của nó với tôi: nặng ít nhất là hai tấn, dài năm mét, cao hơn một mét rưỡi. Mẫu xe mà tôi nhìn thấy trên màn hình trông còn đáng sợ hơn với thanh chống sốc được gia cố thêm, cửa kính tối màu, biển đăng ký xe bị che kín.

Marc tự tay ấn vào một nút để hình ảnh tiếp tục chạy.

Gã lái chiếc 4x4 biết rất rõ tại sao gã có mặt ở đó. Không chút ngần ngại, gã lao thẳng đến dây cuối cùng, vòng lại và dừng sừng chiếc xe dưới vị trí máy quay. Chúng tôi chỉ nhìn thấy nắp ca pô, và hàng chục khoang cho thuê xếp hàng đẳng trước. Rồi... chẳng còn thấy gì nữa.

— Đồ khốn kiếp, hắn đã di chuyển máy quay! Caradec rút lên giữa hai hàm răng.

Thật đen đui. Gã đó - nhưng chẳng có gì cho thấy đó không phải là một phụ nữ, cũng không có căn cứ gì để khẳng định trong xe không có nhiều người - rõ ràng là đã xoay chiếc camera giám sát về phía tường. Trên màn hình, chỉ còn lại một thứ tuyết bắn thiu và xám xịt.

Giận dữ, Caradec đấm nắm tay xuống bàn, nhưng Ayache, như một nhà ảo thuật, còn có món đồ khác trong chiếc túi thần kỳ.

— Cho anh ta xem điện thoại của cậu đi, Giáo hoàng!

Anh chàng da đen đã cầm chiếc điện thoại hên tay. Một nụ cười rộng ngoác miệng khiến mặt anh ta sáng rỡ.

— *Tôi ấy à, tôi đã quay được hết!* Giáo hoàng già còn ranh ma hơn là...

— Đưa nó cho tôi! Marc kêu lên và giằng lấy chiếc điện thoại từ tay anh ta.

Ông thao tác trên điện thoại và cho chạy đoạn phim.

Nổi thất vọng đầu tiên: hình ảnh tối om, bị giảm độ bão hòa màu, nhiều chằng chịt. Dừng cảm, nhưng không liều lĩnh, Giáo hoàng đã đứng

cách xa nơi diễn ra sự việc. Chúng tôi đoán thì đúng hơn là nhìn thấy chính xác cảnh tượng, nhưng điều cốt yếu đang ở đó. Đột ngột, dữ dội, điên cuồng. Trong tiếng ồn ã như ở địa ngục, chiếc 4x4 đâm liên hồi vào khoang chứa đồ, cho đến khi phá thủng nó. Rồi một gã đàn ông trùm kín mặt chui ra khỏi chiếc xe và bước vào trong ga ra. Khi bước ra, chưa đầy một phút sau, hấn vác Anna vất ngang trên vai.

Bằng chứng cho thấy gã đàn ông đó không phải bạch mã hoàng tử đến giải thoát nàng, đó là Anna la hét và giãy đạp. Gã đó mở cốp xe và thô bạo quăng nàng vào trong. Sau một khoảnh khắc ngẩn ngui trong khoang lái, gã lại chui ra, tay cầm hai chiếc bình xịt và vôi vàng quay trở vào ga ra để dọn dẹp. Video dừng lại khi chiếc xe nhanh chóng khởi động lại rồi quay ra cổng kho.

Hy vọng tìm được một manh mối nào đó, Marc cho chạy lại đoạn phim ngay lập tức và bật loa điện thoại lên mức to nhất.

Cảnh khổ hình tái diễn: chiếc xe điên, vụ phá hủy khoang chứa đồ và Anna bị gã xa lạ kia bắt làm tù nhân.

Đúng lúc gã sắp vứt nàng vào cốp, tôi đồng tai lên nghe chăm chú hơn. Chính là Anna đang gọi tôi.

Nàng gào tên tôi.

— Raphaël! Giúp em với, Raphaël! Giúp em!

4.

Cửa xe đóng sập lại. Lùi. Vào số.

Caradec đột ngột tăng tốc, bỏ lại vài vệt mờ trên lớp nhựa đường. Bị cú xuất phát dữ dội ép chặt vào ghế, tôi vừa cài dây an toàn vừa nhìn hình ảnh rung lắc của khối bê tông đó xa dần trong gương chiếu hậu.

Tôi bứt rứt lo cho Anna, tôi chưa từng bồn chồn đến thế. Nhìn thấy nàng gọi tên mình để kêu cứu đã khiến tôi đảo lộn, tôi chật vật hình dung ra cảm giác của nàng. Tôi ra sức hy vọng rằng trong cơn hoảng loạn, nàng tin là tôi có thể tìm thấy nàng. Trong khi Marc lái xe lao đi để ra đường quốc

lộ, tôi cố gắng sắp xếp lại ý nghĩ trong đầu. Trong một lát, nỗi sợ hãi đã thay thế cho mọi phản ứng. Tôi hoàn toàn lạc lối: từ sáng nay, chúng tôi đã biết được rất nhiều điều, nhưng tôi không thể nào kết nối các sự kiện lại với nhau, cũng không thể tìm ra ý nghĩa của chúng dù là nhỏ nhất.

Tôi tập trung suy nghĩ. Tôi chắc chắn tuyệt đối được về điều gì? Không nhiều, mặc dù thoát nhìn, một số sự việc có vẻ gần như không phải bàn cãi. Sau khi chúng tôi cãi nhau, đúng là Anna đã lên máy bay, tối qua, ở sân bay Nice, để trở về Paris. Nàng đến Orly vào khoảng 1 giờ sáng. Việc chiếc túi của nàng xuất hiện trong căn hộ chứng minh hẳn là nàng đã đi taxi về đến tận Montrouge. Rồi sau đó? Một niềm tin thì đúng hơn là sự chắc chắn: nàng đã liên hệ với ai đó để thông báo rằng nàng đã cho tôi xem bức ảnh chụp ba thi thể. Là ai và tại sao? Tôi chẳng có ý tưởng nào về những chuyện đó cả. Nhưng từ đó trở đi, tất cả đã đảo lộn. Đã có người đến căn hộ gặp Anna. Sau đó là một cuộc trò chuyện đã chuyển thành vụ cãi cọ. Ai đó đã bắt cóc và giam nàng vài giờ trong cái kho giữ đồ ở ngoại ô phía Bắc đó. Cho đến khi một gã xa lạ khác đâm thủng khoang cho thuê bằng chiếc xe khủng bố của gã, không phải để giải thoát mà là để bắt nàng lần nữa.

Tôi dụi mắt và hạ kính xe để hít thở chút không khí trong lành. Tôi đang bước đi trong vô định. Kịch bản của tôi không hẳn là không chính xác, nhưng vẫn còn thiếu quá nhiều mảnh ghép trong bức tranh.

— Cậu sẽ phải nhanh chóng đưa ra quyết định.

Giọng Marc kéo tôi ra khỏi dòng suy nghĩ. Ông đã châm một điếu thuốc và đập nghiêng chân ga.

— Ông đang nghĩ gì vậy?

— Cậu muốn báo cảnh sát hay không?

— Sau những gì ta vừa chứng kiến, khó lòng mà không báo cảnh sát được, đúng không?

Ông nheo mắt rít một hơi thuốc dài.

— Quyết định là của cậu mà.

— Tôi cảm thấy ông đang ngập ngừng.

— Không hề, nhưng cậu phải ý thức rất rõ một điều: cảnh sát cũng giống như mẩu băng dính của thuyền trưởng Haddock [9]. Một khi đã vướng vào mớ bòng bong đó, cậu sẽ không thể thoát ra được nữa. Cảnh sát sẽ điều tra. Cuộc đời cậu và Anna sẽ bị lục tung. Mọi thứ sẽ bị khai ra. Tất cả sẽ được công khai. Cậu sẽ không còn kiểm soát được bất cứ thứ gì và sẽ không bao giờ quay trở lại như trước được nữa.

— Cụ thể là chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta quyết định đi gặp cảnh sát?

Marc lấy trong túi áo ra chiếc điện thoại của Giáo hoàng.

— Với đoạn băng này, chúng ta đã mớm cho họ một phần công việc. Lúc này chúng ta đã có bằng chứng cụ thể là Anna đang gặp nguy hiểm, công tố viên sẽ không thể làm gì khác ngoài coi đây là một vụ mất tích đáng lo ngại, thậm chí là một vụ bắt cóc.

— Cảnh sát có thể làm được gì hơn chúng ta?

Caradec ném mẩu thuốc qua cửa sổ và suy nghĩ một lát.

— Đầu tiên, họ sẽ cố gắng khai thác đường dây điện thoại của Anna để xem lịch sử các cuộc gọi của cô ấy.

— Còn gì khác nữa?

— Họ sẽ cố gắng lần theo dấu vết Ebony & Ivory, nhưng hướng đó sẽ không dẫn họ đi xa. Rồi họ sẽ lấy danh sách đăng ký xe ra để xem chiếc 4x4 thuộc về ai. Biển số xe đã bị che, nhưng vì mẫu này không thịnh hành, nên họ sẽ dễ dàng...

—... nhận ra rằng đó là một chiếc xe ăn cắp.

Ông gật đầu.

— Cậu đã hiểu hết rồi đấy.

— Chỉ có thể thôi sao?

— Ngay lúc này, tôi không nghĩ ra còn gì khác nữa.

Tôi thở mạnh. Có điều gì đó ngăn tôi đi gặp cảnh sát: sự cẩn thận của Anna nhằm che giấu thân phận của nàng trong suốt những năm qua. Việc một thiếu nữ mười sáu tuổi lại cần nấu mình đến mức ấy khiến tôi có phần

kinh ngạc. Trước khi phá hỏng vỏ bọc của nàng, tôi phải biết thực sự nàng là ai đã.

— Nếu quyết định tiếp tục điều tra, tôi có thể trông cậy vào sự giúp đỡ của ông không?

— Được, tôi là người của cậu, nhưng cậu phải ý thức được rằng việc này rất nguy hiểm và cân nhắc kỹ các rủi ro.

— Chuyện gì sẽ xảy ra với đám cốm ở Seine-Saint- Denis đã được Ayache gọi tới?

Caradec gạt phăng mọi lo ngại của tôi:

— Đám cốm ấy không vội vàng đến đó đâu. Tin tôi đi, họ chẳng nhiệt tình đến thế. Cho tới khi có bằng chứng ngược lại, đó sẽ chỉ là một chiếc gara bị phá hỏng, không hơn. Không có bằng ghi hình, hai con rối đó sẽ không đáng tin cậy. Không còn dấu vân tay ở hiện trường và chúng ta đã lấy những vật duy nhất có thể cho phép họ lần đến tận Anna: điện thoại và túi xách của cô ấy. Mà này, cậu có chắc là trong túi không còn gì có thể khai thác được không?

Để hoàn toàn yên tâm, tôi kiểm tra lần nữa những thứ có trong chiếc túi da thần lẩn. Ví, khăn giấy, móc chìa khóa, kính mát, bút Stabilo.

Không. Tôi dừng lại ở đồ vật cuối cùng đó. Cái que nhựa có đầu nắp mà lúc đầu tôi tưởng là bút dạ đó thực ra lại là... một que thử thai. Tôi nhìn vào ô hiển thị kết quả và phát hiện ra hai vạch nhỏ song song màu xanh lam.

Nỗi xúc động khiến cổ họng tôi nghẹn lại. Cả người tôi như bị xuyên thủng bởi hàng nghìn mũi tên lạnh băng khiến tôi tê dại. Xung quanh tôi, thực tại tan loãng, máu dồn lên và kêu ù ù trong tai tôi. Tôi cố nuốt nước bọt, nhưng không thể nuốt được.

Kết quả dương tính.

Em có thai.

Anh nhắm mắt lại. Giống như những mảnh đạn pháo, hàng trăm hình ảnh tức thời nổ tung trong đầu anh: những hình ảnh về buổi tối cuối cùng của chúng ta trước khi nó biến thành cuộc cãi vã. Anh nhìn thấy rõ mồn một những biểu hiện của em, vẻ mặt rạng rỡ, ánh sáng trên mặt em. Anh

nghe thấy tiếng em cười và giải mã những thay đổi trong giọng nói của em. Ánh mắt em, lời nói em, từng cử chỉ của em lúc này bỗng mang một ý nghĩa mới mẻ. Em đã định thông báo tin này cho anh tối qua. Anh tin chắc như thế. Trước khi anh làm hỏng tất cả, em đã định sẽ thông báo với anh rằng em đang mang thai con của chúng ta.

Tôi mở mắt ra. Cuộc điều tra của tôi vừa thay đổi bản chất. Không chỉ là tìm kiếm cô gái tôi yêu, mà tôi còn tìm kiếm cả con của chúng tôi!

Tiếng thổi ù ù trong tai tôi tan biến. Khi tôi quay sang phía Caradec, ông đang nói chuyện điện thoại. Trong cơn xúc động, tôi thậm chí đã không nghe thấy tiếng chuông.

Vì đường vành đai bị tắc, ông đã đến đại lộ Maréchaux qua cửa ô Asnières và lúc này đang lượn lách trên phố Tocqueville để tránh những chỗ tắc đường bên đại lộ Malesherbes.

Kẹp chiếc điện thoại giữa tai và vai, ông cũng có vẻ choáng váng.

— Chết tiệt! Vasseur! Cậu tuyệt đối chắc chắn về chuyện vừa nói với tôi chứ?

Tôi không nghe thấy câu trả lời của người ở đầu dây đằng kia.

— OK, viên cốm lắm bầm rồi gác máy.

Ông im lặng vài giây. Khuôn mặt ông nhợt nhạt. Méo mó. Tôi chưa từng thấy ông như thế.

— Ai vậy?- Tôi hỏi.

— Jean-Christophe Vasseur, gã cốm ở đội Trọng án, tôi đã gửi ảnh dấu vân tay của Anna cho anh ta.

— Thế thì sao?

— Dấu vân tay đã khớp. Anna đúng là đã được lưu dấu vân tay trong Hệ thống lưu trữ vân tay số hóa.

Hai cẳng tay tôi nổi da gà. - Vậy danh tính thực của cô ấy là gì? Viên cốm châm một liều thuốc khác.

— Thực ra Anna có tên là Claire Carlyle.

Im lặng. Cái tên đó mơ hồ gọi tôi nghĩ đến điều gì đó. Hẳn tôi đã từng nghe nhắc đến nó, từ lâu rồi, nhưng không còn nhớ trong hoàn cảnh nào.

— Cô ấy bị kết tội gì?

Caradec lắc đầu và nhả khói.

— Thực ra là chẳng bị kết tội gì cả. Claire Carlyle được cho là đã chết từ nhiều năm rồi.

Ông nhìn tôi và đọc được sự khó hiểu trên mặt tôi.

— Claire Carlyle là một trong số các nạn nhân của Heinz Kieffer, ông nói rõ.

Máu tôi đông lại và tôi có cảm giác mình vừa rơi vào một vực thẳm kinh hoàng.

NGÀY THỨ HAI
VỤ ÁN CLAIRE CARLYLE

Vụ Án Claire Carlyle

*Chuyện xảy ra trong
một đêm sâu kinh
hoàng.*

Jean Racine

1.

Ngày đang lên.

Ánh sáng màu hồng nhuộm lên những món đồ chơi mà con hai tôi đã rải khắp phòng khách. Ngựa bập bênh, mảnh ghép hình, cây thần kỳ, những chồng sách, đoàn tàu nhỏ bằng gỗ...

Mới hơn 6 giờ sáng một chút, màn đêm đã nhường chỗ cho một bầu trời xanh thẫm màu cô ban và trong vắt. Ngõ Địa ngục, chim chóc bắt đầu cất tiếng hót, và trên ban công nhà tôi, mùi hương từ cây phong lữ thảo tỏa ngào ngạt. Khi đứng dậy để tắt đèn, tôi giẫm phải con rùa bằng nhựa làm nó bắt đầu ré lên một bài đồng dao, và tôi phải mất gần một phút mới khiến được nó câm miệng. May thay, Théo mà đã ngủ thì dù có bắn pháo hoa có lẽ cũng không kéo được bé khỏi những giấc mơ. Sau khi đã mở hé cửa phòng bé để có thể nghe thấy ngay khi bé dậy, tôi mở cửa sổ để rình chờ mặt trời xuất hiện và cứ đứng như thế, tì khuỷu tay vào thành cửa sổ, hy vọng tìm thấy chút an ủi trong ánh bình minh.

Anna, em ở đâu? Hay đúng hơn bây giờ anh phải gọi em là Claire...

Những gam màu lạnh đã sáng hơn, ngả dần sang sắc tím trước khi nóng lên thành một thứ ánh sáng vô thực, phủ lên những thanh gỗ sồi lát

nền một bức voan màu cam. Nhưng niềm an ủi mà anh trông đợi đã không đến.

Anh đóng cửa sổ và lấy ra rất nhiều giấy trong khay đựng của máy in. Rồi đính chúng lên tấm bảng ghim bần mà anh thường dùng để sắp xếp tài liệu khi viết tiểu thuyết.

Anh đã dành cả đêm để tìm thông tin trên mạng Internet. Trên các trang báo mạng và các thư viện kỹ thuật số, anh đã đọc hàng trăm bài báo, tải về nhiều cuốn sách, in ra cả đồng ảnh. Anh cũng đã xem tất cả các chương trình tin vật có mục đưa tin về các vụ án (*Giờ tội ác, Hãy đưa bị cáo vào, Nói về vụ án với Paula Zahn...*)

Bây giờ thì anh đã hiểu tại sao em muốn che giấu quá khứ.

Nếu muốn có cơ hội tìm lại được em, anh phải hiểu rõ “hồ sơ vụ án” dày hàng trăm trang liên quan đến việc em mất tích, chỉ trong một khoảng thời gian ngắn.

Lúc này, không có chuyện báo cảnh sát nữa. Anh cũng không còn quan tâm đến việc tìm hiểu xem em là một nạn nhân vô tội hay một tội phạm xảo quyệt. Những khái niệm đó không còn chỗ đứng nữa. Em chỉ là cô gái anh yêu và đang mang trong mình đứa con của chúng ta, và như thế, anh muốn vận hết khả năng của mình để giữ bí mật cho em, càng lâu càng tốt. Như em đã làm được trong gần mười năm nay.

Anh vớ lấy chiếc bình Thermos bên cạnh máy tính rồi dốc ra cốc, uống hết lít cà phê thứ ba trong một đêm. Rồi anh ngồi vào chiếc ghế bành Lounge kê đối diện với tấm bảng.

Anh nhìn lại hàng chục bức ảnh mà mình đã đính lên. Bức ảnh đầu tiên, ở trên cùng bên trái, là bản sao của thông báo tìm người được phát đi vài giờ sau khi em mất tích :

Một trẻ vị thành niên mất tích đáng lo ngại.

Claire, 14 tuổi

Mất tích tại Libourne từ ngày 28 tháng Năm năm 2005 Cao 1m60; người lai, mắt xanh lục, tóc đen cắt ngắn, nói tiếng Anh.

Quần jean xanh lam, áo thun trắng, ba lô thể thao màu vàng.

Nếu bạn biết được bất cứ thông tin gì hãy liên hệ :

Cảnh sát Libourne

Sở cảnh sát Bordeaux.

Bức ảnh khiến anh bị đốn ngã hoàn toàn. Chính là em và cũng là một người khác. Em được cho là mới mười bốn tuổi, nhưng người ta dễ dàng đoán em mười sáu hoặc mười bảy. Anh nhận ra nước da màu hồng phách của em, khuôn mặt rạng rỡ, những đường nét cân đối của em. Nhưng những thứ còn lại thì hoàn toàn xa lạ : vẻ tự tin giả tạo, ánh mắt khiêu khích của một cô bé hơi hoang dã, mái tóc ngắn lượn sóng cắt theo kiểu đầu vuông, đôi môi có ánh xà cừ của một cô bé đang thích làm người lớn.

Em là ai Claire Carlyle?

Anh nhắm mắt lại. Anh đã quá cả ngưỡng kiệt sức, nhưng không có ý định nghỉ ngơi. Ngược lại là khác. Trong đầu mình, anh lướt lại cuốn phim về tất cả những gì anh vừa biết được trong những giờ qua. Cuốn phim về những gì giới thông tin đại chúng thời đó gọi là “vụ án Claire Carlyle”.

2.

Thứ Bảy ngày 28 tháng Năm năm 2005, Claire Carlyle, một cô bé người New York mười bốn tuổi đang trải qua kỳ nghỉ học tiếng tại Aquitaine, ở cả chiều tại Bordeaux với một nhóm năm bạn gái. Các cô bé ăn trưa bằng món xa lát ở quảng trường Bourse, dạo chơi trên bến cảng, nhấm nháp bánh canelé ở cửa hàng Baillardran rồi đi mua sắm ở khu Saint-Pierre.

Lúc 18 giờ 05, Claire bắt tàu tốc hành vùng ở ga Saint-Jean để quay về Libourne, nơi ở của gia đình nhà Larivière, cũng là nơi cô bé ở trong suốt kỳ nghỉ. Cùng đi với cô bé là Olivia Mendelshon, một nữ sinh người Mỹ khác học cùng trường. Tàu đến ga lúc 18 giờ 34 và một camera an ninh vẫn lưu được hình ảnh rất rõ nét khi hai cô bé rời ga năm phút sau đó.

Claire và Olivia đi cùng nhau một đoạn trên đại lộ Gallieni. Rồi, khi vừa chia tay nhau để mỗi người một đường, Olivia nghe thấy tiếng hét, quay lại và thoáng nhìn thấy một người đàn ông “khoảng ba mươi tuổi, tóc

vàng” đang đẩy bạn mình vào một chiếc xe van màu xám. Trước khi phóng xe lao đi. Và biến mất.

Olivia Mendelshon nhanh trí ghi lại biển đăng ký của chiếc xe van và ngay lập tức báo cho cảnh sát. Mặc dù hồi ấy còn chưa có chương trình báo động - bắt cóc (chương trình này sẽ được thử nghiệm lần đầu tiên sáu tháng sau đó để tìm kiếm một bé gái sáu tuổi ở vùng Maine-et-Loire), các hàng rào đã được thiết lập ngay lập tức trên phần lớn các tuyến đường chính. Lờ kêu gọi các nhân chứng và dấu hiệu nhận dạng kẻ bắt cóc giả định đã nhanh chóng được phát đi ồ ạt - một bức phác họa chân dung được dựng lên theo mô tả của Olivia, cho thấy một gã đàn ông có khuôn mặt xương xẩu, tóc cắt hình bát úp, đôi mắt điên loạn thụt sâu trong hốc mắt.

Những hàng rào sàng lọc đó cũng không giúp bắt được kẻ tình nghi. Một chiếc Peugeot Expert chở hàng màu xám có biển kiểm soát tương ứng với thông tin Olivia cung cấp được tìm thấy vào hôm sau, bị thiêu rụi, trong một khu rừng nằm giữa Angoulême và Périgueux. Chiếc xe đã được báo là bị đánh cắp vào hôm trước. Nhiều trực thăng bay lượn khắp khu rừng. Người ta vạch ra một vùng tìm kiếm khá rộng và rà soát rất kỹ, rất nhiều điểm còn sử dụng cả chó nghiệp vụ để lùng sục. Các kỹ thuật viên thuộc lực lượng cảnh sát khoa học được huy động đến tận nơi đã thu thập được một số dấu vân tay và dấu vết gien. Trên mặt đất, người ta cũng tìm thấy những vết bánh xe bên cạnh khung xe cháy rụi. Chắc chắn là của chiếc xe đã chở Claire đi. Người ta tiến hành lấy khuôn, nhưng cơn mưa đổ xuống trong đêm trước đã làm đất ướt sũng, khiến mọi cơ may nhận dạng đều trở nên mong manh.

3.

Việc bắt cóc Claire là hành động có âm mưu từ trước hay chỉ vì cơn hứng tình của một kẻ biến thái qua đường?

Được giao cho đội Trọng án Bordeaux, vụ điều tra tỏ ra rất phức tạp. Cả các mẫu gien lấy được và mẫu vân tay đều không cho phép xác định kẻ

tình nghi. Với sự hỗ trợ của phiên dịch, các điều tra viên tiến hành hỏi cung kỹ càng các học sinh và giáo viên. Tất cả đều thuộc trường Trung học Mother of Mercy, một cơ sở giáo dục Cơ đốc dành cho nữ sinh thuộc khu phía Đông Thượng Manhattan, là trường kết nghĩa với trường Trung học Saint-François-de-Sales ở Bordeaux. Người ta xét hỏi gia đình bản xứ - ông bà Larivière - nhưng không biết thêm được gì nhiều. Người ta theo dõi những kẻ có tiền án tình dục trong vùng, người ta thống kê các cuộc gọi thực hiện vào khoảng thời gian diễn ra vụ việc ở gần khu vực trạm tiếp sóng gần ga nhất. Cũng giống như tất cả các vụ điều tra âm ỉ trên truyền thông khác, sở cảnh sát nhận được hàng chục cuộc gọi ngẫu hứng và thư nặc danh vô nghĩa. Nhưng sau một tháng, đành phải chấp nhận sự thật tàn nhẫn: vụ điều tra chẳng nhích lên được chút nào. Cứ như thế nó chưa bao giờ thực sự bắt đầu...

4.

Về lý thuyết, việc Claire Carlyle biến mất có tất cả các yếu tố để khiến giới truyền thông hoảng loạn. Tuy nhiên, bộ máy cũng không nhiệt tình được như trong các vụ tương tự. Tôi không thật sự giải thích được việc đó, có điều gì đó đã chặn đứng làn sóng cảm thông mà tấn bi kịch này xứng đáng được hưởng. Phải chăng là do Claire mang quốc tịch Mỹ? Hay vì trong ảnh trông nàng có vẻ già dặn hơn so với tuổi thực của nàng? Hay bởi thời sự hồi đó đã có quá nhiều thông tin khác?

Tôi đã tìm lại những số báo lúc ấy. Trên báo chí trong nước, một ngày sau khi Claire mất tích, các dòng tít lớn được dành cho chính trị trong nước. Chiến thắng của phe nói “không” trong cuộc trưng cầu ý dân về Hiến pháp châu Âu đã được coi như một trận động đất, làm suy yếu đồng thời cả tổng thống Chirac và phe đối lập, khiến Thủ tướng phải ra đi và một chính phủ mới được thành lập.

Tin nhanh đầu tiên của hãng thông tấn AFP nhắc đến “vụ Carlyle” với vô số điểm không rõ ràng. Chúa mới biết tại sao, biên tập viên khẳng định

rằng gia đình Claire là người gốc Brooklyn, trong khi đã từ lâu nàng sống ở Harlem. Sau đó, tin nhanh thứ hai đính chính lại lỗi này, nhưng đã quá muộn: thông tin sai lầm đó đã lan truyền như một con vi rút, nhân lên từ hết bài báo này đến bài báo khác, biến Claire Carlyle thành “cô gái Brooklyn”.

Những ngày đầu, ở Mỹ vụ việc này gây tiếng vang trong giới truyền thông gần như lớn hơn so với ở Pháp. Tờ *The New York Times* đã dành cho vụ án một bài báo nghiêm túc và rất thực tế, nhưng cũng không giúp tôi hiểu thêm được gì nhiều. Tờ *The New York Post*, vua của các loại báo lá cải, đã khiến người đọc thừa mứa thông tin về vụ án này trong suốt gần một tuần lễ. Vốn rất nổi tiếng về tinh thần nghiêm túc và chất riêng của mình, tờ nhật báo này đã đưa ra những giả thiết điên rồ nhất, nêu ra một vụ tấn công kiểu Pháp có quy luật, khuyên ngăn độc giả không nên đi nghỉ tại Pháp, nếu không muốn con mình bị bắt cóc, hãm hiếp và tra tấn ở đó. Rồi, ngày một ngày hai, tờ báo này cũng nản chí, chuyển sang các vụ bê bối khác (vụ kiện của Michael Jackson), những vụ soi mói khác (lễ đính hôn của Tom Cruise) và các thảm kịch khác (ở New Jersey, ba đứa trẻ vừa được tìm thấy bị chết ngạt trong một cỗ xe).

Ở Pháp, bài viết hay nhất tôi đọc được là của báo địa phương. Tác giả ký tên là Marlène Delatour, một nữ phóng viên của tờ nhật báo *Tây Nam* đã dành hẳn một trang đúp viết về gia đình Carlyle. Trong đó cô vẽ nên chân dung Claire rất phù hợp với hình dung của tôi về thời niên thiếu của nàng. Một cô bé được nuôi dưỡng trong gia đình không có người cha, nhút nhát và chăm học, say mê đọc sách và học tập, ao ước trên hết là được trở thành luật sư. Dù có xuất thân khiêm tốn, cô học trò xuất sắc đó đã vật lộn để giành được học bổng và ghi danh sớm một năm vào một trong những trường trung học tuyển sinh gắt gao nhất ở New York.

Bài báo được viết nhân dịp mẹ Carlyle đến Pháp. Ngày 13 tháng Sáu năm 2005, thấy việc điều tra giảm chân tại chỗ, Joyce Carlyle đã rời Harlem để đến Bordeaux. Trên trang web của INA [\[10\]](#), tôi đã nhìn thấy vài hình ảnh về lời kêu gọi mà bà đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt được nhắc lại trong bản tin lúc 20 giờ trên kênh France 2, trong đó

bà cầu xin kẻ đã bắt cóc con gái mình đừng làm cô bé bị đau đớn và hãy thả cô bé ra. Trên khuôn hình, bà trông giống nữ vận động viên chạy nước rút người Mỹ Marion Jones: tóc tết, khuôn mặt thuần dài, mũi vừa nhọn vừa tẹt, răng trắng như sữa và mắt đen như gỗ mun. Nhưng là một Marion Jones có mí mắt sưng húp và nét mặt bị tàn phá bởi nỗi đau buồn cùng những đêm mất ngủ.

Một người mẹ hoang mang và mất phương hướng, trên một đất nước không phải tổ quốc mình, và hẳn đang tự hỏi do sự mĩa mai nào của số phận mà con gái bà, sau khi đã sống yên ổn mười bốn năm ở khu Tây Harlem, lại có thể gặp nguy hiểm chết người ở tận cùng một tỉnh thuộc nước Pháp.

5.

Trong hơn hai năm, vụ điều tra vẫn dừng ở điểm chết trước khi được khởi động lại thật ngoạn mục và dẫn đến một kết cục đặc biệt tồi tệ.

Ngày 26 tháng Mười năm 2007, vào lúc bình minh, hỏa hoạn đã xảy ra tại một căn nhà hẻo lánh nằm giữa một khu rừng gần Saveme, ở ranh giới giữa Lorraine và Alsace. Đang trên đường đến nhiệm sở, Franck Muselier, một cảnh binh trong vùng, đã nhìn thấy khói bốc lên từ ngoài đường và là người đầu tiên báo động.

Khi lính cứu hỏa đến thì đã quá muộn. Lửa đã phá hủy toàn bộ căn nhà. Ngay khi khống chế được ngọn lửa, nhân viên cứu hộ đã mạo hiểm lao vào đám cháy và ngạc nhiên phát hiện ra kiến trúc độc đáo của căn nhà. Với vẻ bề ngoài rất cổ điển, trên thực tế đây lại là một tòa nhà hiện đại, nửa chìm nửa nổi. Một pháo đài gọn gàng có hình xoắn ốc, được xây dựng xung quanh một cầu thang xoáy tròn ốc khổng lồ ăn sâu xuống lòng đất để dẫn đến một loạt các căn phòng, căn nọ ở sâu hơn căn kia.

Những phòng giam.

Những căn ngục tối dưới lòng đất.

Ở tầng trệt, người ta tìm thấy thi thể của người đàn ông đã uống một lượng lớn thuốc ngủ và thuốc an thần. Việc nhận dạng sau đó chứng tỏ rằng hấn chính là chủ nhân của ngôi nhà: Heinz Kieffer, một kiến trúc sư người Đức ba mươi bảy tuổi, đến sống trong vùng này từ bốn năm trước.

Tại ba trong số các “phòng ngủ” là thi thể của ba đứa trẻ bị còng tay vào một đường ống nặng. Phải mất nhiều ngày xét nghiệm răng và ADN mới biết được tên của các nạn nhân.

Louise Gauthier, mười bốn tuổi vào thời điểm bị mất tích vào ngày 21 tháng Mười hai năm 2004 khi đang đi nghỉ tại nhà ông bà ở gần Saint-Brieuc trong vùng Côtes- d’Armor.

Camille Masson, mười sáu tuổi khi mất tích vào ngày 29 tháng Mười một năm 2006, trong lúc đi bộ về nhà tại một ngôi làng nhỏ nằm giữa Saint-Chamond và Saint- Étienne, sau giờ học thể dục.

Cuối cùng là Chloé Deschanel, mười lăm tuổi vào thời điểm xảy ra thảm kịch, đã mất tích vào ngày 6 tháng Tư năm 2007 trên đường đến nhạc viện thành phố Saint- Avertin thuộc ngoại ô Tours.

Ba cô bé bị Kieffer bắt cóc trong vòng hai năm rưỡi, tại ba vùng cách xa nhau của nước Pháp. Ba con mỗi dễ bị tổn thương mà hấn đã tước đoạt cuộc đời nữ sinh để biến thành tì thiếp trong thứ hậu cung rùng rợn của mình. Ba vụ mất tích mà khi xảy ra thậm chí còn không được chính thức coi là những vụ bắt cóc. Trước đó, Louise Gauthier đã cãi nhau với ông bà, Camille Masson là chuyên gia bỏ nhà đi bụi và bố mẹ Chloé Deschanel đã chậm trễ trong việc thông báo con gái mình bị mất tích, ảnh hưởng rất xấu đến hiệu quả của việc điều tra. Và tệ hơn nữa, do nằm rải rác nên đường như không có người nào trong số cảnh sát phụ trách các hồ sơ này liên hệ ba vụ mất tích với nhau...

Mười năm qua, nhiều công trình nghiên cứu đã tìm cách “thấu hiểu” tâm lý của Heinz Kieffer - nếu như vẫn còn có thứ gì đó để tìm hiểu trong một bộ óc nơi sự quái gở của loài người đã đạt đến đỉnh điểm như vậy. Được mệnh danh là “Dutroux ^[11] người Đức”, kẻ sát nhân này vẫn là một câu đố, chống lại tất cả các phân tích của cảnh sát, bác sĩ tâm thần và nhà

báo. Kieffer không có tiền án, không hề xuất hiện trong bất cứ hồ sơ nào của cảnh sát, chưa từng bị báo cáo là có những hành vi đáng ngờ.

Cho đến tận cuối năm 2001, hấn vẫn làm việc tại Munich trong một văn phòng kiến trúc nổi tiếng. Những người từng gặp hấn không hề lưu giữ kỷ niệm xấu nào về hấn, nhưng phần lớn chỉ là không hề nhớ gì hết. Heinz Kieffer là một kẻ cô độc, một kẻ không tì vết và không thể hiểu được. Một *Ngài Giấy bóng kính thực thụ*.

Người ta không biết chính xác Kieffer đã “làm gì” với các con mồi của hấn. Ba thi thể bị cháy đen ở mức nghiêm trọng nên việc khám nghiệm tử thi không thể tiết lộ những dấu vết lạm dụng tình dục hoặc tra tấn. Ngược lại, bản chất của đám cháy thì không khiến ai phải nghi ngờ. Bên trong ngôi nhà đã bị tưới đẫm xăng. Giống như thi thể của gã đao phủ, thi thể của ba cô bé cũng chứa đầy thuốc ngủ và thuốc an thần. Vì một lý do nào đó, hình như Kieffer đã chọn cách tự sát và mang theo ba cô bé bị hấn bắt giam.

Một số nhà tội phạm học tìm hiểu về trường hợp của hấn đã xin lời khuyên từ phía các kiến trúc sư. Khi nghiên cứu kỹ các sơ đồ cũng như cấu trúc của “cung điện kinh hoàng” và những bức tường cách âm, các kiến trúc sư đã đi đến kết luận rằng rất có thể không ai trong số các cô bé biết về sự tồn tại của hai người còn lại. Mặc dù vẫn còn gây tranh cãi, giả thiết này đã được báo chí ủng hộ. Một giả thiết khủng khiếp vừa tuyệt vọng vừa khiến ta lạnh người.

6.

Việc phát hiện ra ba thi thể đã gây tiếng vang truyền thông rất lớn. Nó đặt cảnh sát và tòa án vào tình thế tế nhị, buộc các điều tra viên và dự thẩm viên phải xem xét lại những thiếu sót của mình. Ba cô bé người Pháp đã chết, bị một con quỷ dữ giết, sau khi chịu đựng suốt nhiều tháng, thậm chí là nhiều năm, tình trạng bị giam cầm và xâm hại. Lỗi thuộc về ai? Lỗi của

tất cả mọi người? Chẳng phải lỗi của ai? Các nhà cầm quyền bắt đầu đá quả bóng cho nhau.

Việc phân tích hiện trường vụ án kéo dài tròn hai ngày. Trong các đường ống của ngôi nhà cũng như trong chiếc xe bán tải của Kieffer, người ta tìm thấy tóc và các dấu vết ADN còn mới khác, chúng không thuộc về gã sát nhân cũng chẳng thuộc về ba nạn nhân. Kết quả có được khoảng mười ngày sau: có hai dấu vết gien, trong đó một mẫu vẫn còn chưa xác định được. Mẫu còn lại là của cô bé Claire Carlyle.

Thông tin này vừa được tiết lộ, người ta đã kết nối và phát hiện ra rằng vào thời điểm diễn ra vụ bắt cóc Claire, Heinz Kieffer đang trên đường đến thăm mẹ hằn, người đang sống trong một nhà dưỡng lão ở Ribérac, tỉnh Dordogne, cách Libourne chưa đầy sáu mươi ki lô mét.

Người ta khoanh vùng phạm vi khá rộng xung quanh tòa nhà. Một lần nữa, người ta mò vớt trong các hồ ao, đưa máy xúc đến, huy động máy bay trực thăng để rà soát khắp khu rừng và kêu gọi thiện chí của tất cả mọi người để tổ chức những cuộc tìm kiếm trên diện rộng.

Và thời gian trôi qua.

Và niềm hy vọng thấy xuất hiện dù chỉ là thêm một thi thể nữa đã bay biến.

Dù không bao giờ tìm thấy thi thể của cô bé, không ai nghi ngờ về việc Claire Carlyle đã chết. Hằn là vài ngày hoặc vài giờ trước khi chấm dứt cuộc đời của chính mình và sắp đặt vụ tàn sát kia, Kieffer đã đưa cô bé đến một nơi hẻo lánh, giết chết cô bé và thủ tiêu cái xác.

Tuy nhiên hồ sơ vụ án vẫn để ngỏ trong vòng hai năm mà các điều tra viên không bổ sung thêm được chi tiết mới mẻ nào. Thế rồi, vào cuối năm 2009, vị thẩm phán phụ trách dự thẩm đã ký giấy báo tử cho Claire Carlyle.

Và không ai còn nghe nói đến “cô gái Brooklyn” nữa.

8

Vũ điệu của những bóng ma

*Sự thật giống như
ánh mặt trời. Nó cho
ta thấy mọi thứ
nhưng lại không để
ta nhìn thấy nó.*
Victor HUGO

1.

— Đứng yên trong đấy!

Giọng Caradec làm tôi giật mình. Tôi mở choàng mắt. Người tôi đầm đìa mồ hôi, tim đập thình thịch và vị đắng lan tỏa trong miệng.

— Chết tiệt, làm sao ông vào được đây?

— Tôi vẫn có chìa khóa phụ của nhà cậu mà.

Một chiếc bánh mì kiểu đồng quê kẹp dưới nách, tay kia kẹp một chiếc túi đi chợ, rõ ràng là ông vừa từ hiệu bánh mì-đồ khô ở góc phố quay về. Mắt tôi cộm cộm và người có cảm giác buồn nôn. Hai đêm liên tiếp thức trắng đã vượt quá những gì mà cơ thể tôi có thể chịu đựng. Tôi ngáp liên hai cái đến sái quai hàm rồi nặng nhọc đứng dậy khỏi chiếc ghế bành và vào bếp cùng Marc.

Liếc mắt nhìn qua đồng hồ treo tường: đã gần 8 giờ.

Chết tiệt. Cơ mệt mỏi đã bất ngờ ập đến và cuốn tôi đi trong vòng hơn một giờ đồng hồ.

— Tôi có tin xấu, Marc thông báo trong khi bật máy pha cà phê.

Từ lúc ông đột nhập vào nhà giờ tôi mới nhìn thẳng vào mắt ông. Vẻ mặt u ám của ông chẳng dự báo điều gì tốt đẹp cả.

— Làm sao mọi việc còn có thể tệ hơn được nữa chứ?

— Là chuyện về Clotilde Blondel.

— Bà hiệu trưởng trường trung học ư?

Ông gật đầu.

— Tôi vừa từ trường Sainte-Cécile quay về.

Tôi không tin vào tai mình.

— Ông đến đó mà không có tôi sao?

— Tôi đã đến tìm cậu một giờ trước, ông bức bối. Nhưng cậu đang ngủ li bì, thế nên tôi đã quyết định đến đó một mình. Tôi đã suy nghĩ cả đêm: Blondel là một trong những manh mối duy nhất của chúng ta. Nếu tôi hiểu đúng những gì cậu đã kể, thì bà ấy biết về chuyện này nhiều hơn những gì bà ấy nói với cậu. Tôi nghĩ có thể là sau khi xem băng ghi hình vụ tấn công người mà bà ấy đang bảo vệ, bà ấy sẽ sợ và ngả bài.

Trước khi nói tiếp, ông cho cà phê xay vào bình lọc.

— Nhưng khi tôi đến phố Grenelle, thì đang có cả đông cớm trước cổng trường. Tôi nhận ra vài người trong số họ: mấy tay ở Cục Cảnh sát tư pháp số 3. Toàn bộ nhóm của Ludovic Cassagne. Tôi đã lách đi để họ không nhận ra tôi, và cắm chốt trong xe cho đến khi họ đi khỏi.

Tôi có một dự cảm không lành.

— Vậy cảnh sát làm cái quái gì ở Sainte-Cécile thế?

— Chính viên hiệu phó đã gọi cho họ: người ta tìm thấy Clotilde Blondel nằm bất tỉnh trong sân trường.

Tôi đột ngột thoát khỏi cơn buồn ngủ, không tin chắc là mình đã hiểu hết mọi chuyện.

— Tôi đã hỏi được ông làm vườn, Marc vừa nói tiếp vừa nướng những lát bánh mì. Chính ông ta đã phát hiện ra Blondel khi đến làm việc vào 6 giờ sáng nay. Cảnh sát nghĩ rằng có kẻ nào đó đã ném bà hiệu trưởng qua cửa sổ kính trong phòng làm việc của bà ấy. Một cú ngã từ tầng ba xuống.

— Bà ấy... chết rồi sao?

Marc bĩu môi nghi ngờ.

— Theo như những gì ông làm vườn đó nói với tôi, bà hiệu trưởng vẫn còn thở khi ông ta tìm thấy, nhưng đang trong tình trạng nguy kịch.

Ông lấy cuốn sổ nhỏ từ trong túi quần ra và đeo kính vào để đọc các ghi chép của mình

— Đội cứu hộ đã đưa bà ấy đi cấp cứu ở bệnh viện Cochin.

Tôi cầm điện thoại lên. Tôi không quen ai ở Cochin, nhưng có một người em họ, Alexandre Lèques, đang là phụ trách khoa Tim mạch ở bệnh viện Necker. Tôi để lại lời nhắn trong hộp thư thoại của cậu ta, nhờ cậu ta kích hoạt mạng lưới của mình và cho tôi biết tình trạng sức khỏe của Clotilde Blondel tiến triển ra sao.

Rồi tôi đổ vật ra chiếc ghế dài, chìm trong lo lắng và bị giày vò bởi cảm giác tội lỗi. Toàn bộ chuyện này là do lỗi của tôi. Bằng cách dồn Anna vào đường cùng, tôi đã buộc nàng phải tiết lộ với mình một bí mật lẽ ra không được tiết lộ. Tôi đã vô tình giải thoát những bóng ma bi thảm của quá khứ và giờ chúng đang nổi giận trong một dòng thác bạo lực.

2.

— Bình, bố! Bình!

Vẫn còn ngái ngủ, Théo xuất hiện và lon ton đi từ phòng ngủ đến trước mặt tôi rồi dẫn tôi ra tới tận phòng khách. Vừa mỉm cười, bé vừa vớ lấy bình sữa mà tôi đã pha sẵn rồi leo lên ngồi vào nôi của bé.

Hai mắt sáng long lanh, mở to và nhìn chăm chú, bé ngẫu nhiên mút sữa, như thể sự sống của bé phụ thuộc vào đó. Tôi ngắm nhìn khuôn mặt xinh xắn của bé - những lọn tóc vàng, cái mũi hếch, ánh mắt màu xanh ngọc bích, trong veo và thánh thiện - cố gắng tìm thấy trong đó nguồn sức lực và hy vọng cho chính mình.

Tay cầm cốc cà phê, Marc tha thần trước tấm bảng ghim của tôi.

— Đây là bức ảnh cô ấy đã cho cậu xem, đúng không? ông đoán và đưa tay chỉ vào một bản in màu ghim trên bảng.

Tôi gật đầu. Bức ảnh chụp thi thể cháy đen của ba cô bé bị Kieffer bắt cóc. Lúc này, tôi đã có thể gán tên cho từng nạn nhân: Louise Gauthier, Camille Masson, Chloé Deschanel.

— Cậu tìm thấy nó ở đâu vậy? ông hỏi, mắt không rời bức ảnh.

— Trong một số phụ san của báo địa phương: một “Tin đặc biệt” do tờ Tiếng nói miền Bắc và Đảng viên Cộng hòa Lorraine đồng biên tập. Bức ảnh minh họa một trang đúp viết về Kieffer và “sào huyệt kinh hoàng” của hắn. Cũng lạ là tổng biên tập đã để cho đăng một bức ảnh minh họa như thế này.

Marc uống một ngụm cà phê rồi thở dài. Ông nheo mắt và đọc lướt trong vòng năm phút tất cả các bài báo mà tôi đã đánh lên bảng theo trình tự thời gian.

— Ông nhìn nhận mọi chuyện thế nào?

Ông trầm ngâm mở cửa kính để có thể hút thuốc, đặt cốc cà phê lên thành cửa sổ rồi ứng tác một kịch bản.

— Tháng Năm năm 2005: Claire bị Kieffer bắt cóc tại ga Libourne. Hắn chở cô bằng xe ô tô đến tận hang ổ của hắn ở miền Đông nước Pháp. Ở đó, kẻ ấu dâm này đã có sẵn một nữ tù nhân: cô bé Louise, người bị hắn bắt cóc sáu tháng trước đó tại Bretagne. Trong nhiều tháng, hai cô bé đã phải sống trong cảnh địa ngục. Kieffer tiếp tục bổ sung cho hậu cung bản thiêu của mình: hắn bắt cóc Camille Masson vào cuối năm 2006 và Chloé Deschanel vào mùa xuân năm sau.

— Cho đến đoạn này, tôi đồng ý với ông.

— Tháng Mười năm 2007: Claire đã bị giam được hai năm rưỡi. Để tăng cường lạm dụng các tù nhân của mình, Kieffer tổng cho họ uống thuốc ngủ và thuốc an thần. Càng ngày càng căng thẳng, bản thân hắn cũng bắt đầu uống hai loại thuốc này. Một hôm, Claire nhận lúc gã cai ngục lơ là cảnh giác để bỏ trốn. Khi nhận thấy cô bé đã biến mất, Kieffer hoảng sợ. Hắn chuẩn bị tinh thần nhìn thấy cảnh sát xuất hiện bất cứ lúc nào, và để không bị tóm, hắn thà giết chết các tù nhân rồi tự sát bằng cách đốt căn nhà gỗ của mình và...

— Đến đây thì tôi không đồng ý với ông nữa.

— Cậu giải thích đi.

Tôi lại gần cửa sổ và ngồi xuống mép bàn.

— Nhà của Kieffer là một lô cốt thực sự. Những phòng giam riêng biệt, những cánh cửa bọc sắt, một hệ thống báo động gắn với hệ thống chốt cửa tự động. Tôi không nghĩ là Claire có thể trốn thoát như thế!

Caradec gạt phăng lập luận của tôi:

— Chẳng có nhà tù nào là không thể trốn thoát.

— Đồng ý, tôi nhân nhượng, cứ cho là như thế đi. Claire đã thoát được ra ngoài.

Tôi đứng dậy, vớ lấy một cái bút và chỉ vào một trích lục bản đồ Michelin in khổ A3 ghim trên tấm bảng.

— Ông đã thấy căn nhà gỗ đó nằm ở đâu chưa? Giữa một khu rừng ở Petite Pierre. Nếu đi bộ, sẽ phải mất vài giờ mới đến được khu dân cư gần nhất. Dù có bị bất ngờ, Kieffer vẫn có đủ thời gian để bắt lại cô bé.

— Có thể Claire đã lấy trộm xe của hắn.

— Không, người ta đã tìm thấy chiếc xe bán tải và mô tô của hắn ở đằng trước nhà. Và theo tất cả những gì tôi đọc được, Kieffer không có chiếc xe nào khác.

Caradec vẫn tiếp tục nói lên suy nghĩ đang hiện ra trong đầu:

— Vậy thì khi đang chạy trốn, cô bé đã gặp ai đó trên đường, có thể người đó đã cho cô bé đi nhờ chẳng?

— Ông đùa à? Vụ án đó vốn đã gây ồn ào trên truyền thông như thế, người đó chắc chắn là sẽ báo cảnh sát. Và nếu Claire thực sự trốn thoát được, ông giải thích thế nào về việc cô ấy không báo cảnh sát? Dù chỉ là để cứu những cô bé khác? Ông giải thích thế nào về việc cô ấy không bao giờ xuất hiện? Tại sao lại làm lại cuộc đời ở Paris trong khi mẹ, bạn bè, trường học của cô ấy đều ở New York?

— Đúng là tôi không giải thích được.

— Thôi được, cứ cho là cô ấy không nhất thiết phải biết là còn có các cô bé khác nữa, nhưng còn số tiền thì sao? Cái khoản 400.000 hay 500.000 euro tiền mặt đựng trong cái túi ấy?

— Cô ấy đã lấy của Kieffer, Caradec đoán mò.

Lại một lần nữa, giả thiết của ông không có cơ sở.

— Đám cớm đã kiểm tra tài khoản của hắn rất kỹ càng: Heinz Kieffer đang nợ như chúa Chổm do chi phí xây nhà của hắn. Không có chút tiền tiết kiệm nào. Thậm chí hắn còn đánh cả mẹ mình, trong khi tháng nào bà ấy cũng gửi cho hắn 500 euro.

Marc đập điều thuốc dưới gốc cây phong lữ, dường như để xua đuổi một ý nghĩ gây nản chí bằng một cử chỉ khó chịu rồi lại sôi nổi trở lại.

— Raphaël này, để tìm ra Claire, phải quay về những vấn đề cơ bản. Hãy đặt ra những câu hỏi xác đáng! Cậu đã nghiên cứu hồ sơ cả đêm qua, đến lượt cậu nói cho tôi nghe những câu hỏi nào sẽ định hình cuộc điều tra của chúng ta!

Tôi nhặt một chiếc bút đánh dấu rồi xé tờ giấy đã bị gạch xóa khỏi tấm bảng ghim cũ kỹ để có được một khoảng trống, trên đó tôi liệt kê một loạt câu hỏi:

Ai đã bắt giam Claire trong cái kho ở ngoại ô đó?

Ai đã đưa cô ấy ra?

Tại sao cô ấy vẫn bắt giữ làm tù nhân?

Viên cớm chọn cách nhảy cóc đến câu hỏi cuối cùng:

— Người ta giữ cô ấy làm tù nhân là vì cô ấy sắp sửa tiết lộ sự thật với cậu. Anna chuẩn bị thú nhận với cậu rằng mình là Claire Carlyle.

— Marc này, ông vẫn nói với tôi rằng, trong một cuộc điều tra, câu hỏi duy nhất đáng giá là câu hỏi về động cơ.

— Đúng như thế mà! Trong trường hợp của chúng ta, câu hỏi cần đặt ra là ai sẽ gặp phiền phức nếu Claire tiết lộ bí mật. Ai sẽ phải chịu thiệt hại nếu đột nhiên mọi người biết rằng Anna Decker trên thực tế chính là cô bé Claire Carlyle từng bị Heinz Kieffer bắt cóc mười năm trước?

Trong thoáng chốc, câu hỏi bỗng bình trong không khí, nhưng không ai trong hai chúng tôi nắm bắt được nó và cảm giác chúng tôi đã tiến thêm được một chút trong tư duy bỗng tan biến. Điều cốt yếu nhất lại tuột khỏi tay chúng tôi.

3.

Ngồi trên một chiếc ghế đẩu, yếm đeo quanh cổ, Théo ngấu nghiến chiếc bánh mật. Ngồi bên bé, sau khi nốc cạn cốc cà phê không biết thứ bao nhiêu, Marc đã đưa ra các giả thiết khác và khẳng định những niềm tin mới:

— Phải điều tra lại về Heinz Kieffer. Quay lại nơi đã xảy ra thảm kịch. Phát hiện xem chuyện gì đã xảy ra trong đêm trước khi căn nhà bị cháy.

Về phần mình, tôi không tin đó là việc tốt nhất nên làm. Từ vài phút qua, tôi bắt đầu nhận ra một sự thật hiển nhiên: Marc nhìn nhận tình huống như một cảnh sát, trong khi tôi phân tích nó như một tiểu thuyết gia.

— Ông còn nhớ những cuộc thảo luận của chúng ta về việc viết lách không, Marc? Khi ông hỏi tôi xây dựng các nhân vật của mình như thế nào, tôi đã trả lời là tôi không bao giờ bắt tay vào viết một cuốn tiểu thuyết mà không biết rõ quá khứ các nhân vật của mình.

— Cậu xây dựng một thứ giống như tiểu sử cho từng nhân vật, đúng không?

— Đúng, và chính nhân dịp đó tôi đã nói với ông về *Ghost*.

— Nhắc lại giúp tôi xem đó là cái gì đi đã.

— *Ghost*, hay còn gọi là Bóng Ma: là tên gọi mà một số giáo sư về nghệ thuật viết kịch dùng để chỉ một sự kiện mang tính chất bản lề, một biến động ăn sâu trong quá khứ của nhân vật và vẫn tiếp tục ám ảnh họ trong hiện tại.

— Gót chân Asin của nhân vật?

— Có thể nói như thế. Một cú sốc trong tiểu sử, một sự kìm nén, một điều bí mật giải thích cho nhân cách, tâm lý, nội tâm, cũng như phần lớn các hành động của nhân vật.

Ông nhìn tôi lau khuôn mặt dính bột của Théo.

— Cụ thể là cậu muốn nói điều gì?

— Tôi phải tìm ra *Ghost* của Claire Carlyle.

— Cậu sẽ tìm ra nó khi chúng ta biết được điều gì đã thật sự xảy ra trong căn nhà của Kieffer vào đêm trước vụ cháy.

— Không cần thiết. Tôi tin là còn có thứ khác nữa. Một sự thật khác có thể giải thích tại sao Claire Carlyle lại không báo động và cũng không bao giờ tìm cách gặp lại gia đình mình, nếu cô ấy thật sự trốn thoát được.

— Và theo cậu thì lời giải thích đó nằm ở đâu?

— Ở nơi phát sinh mọi lời giải thích trên đời: trên mảnh đất tuổi thơ của cô ấy.

— Ở Harlem sao? ông vừa hỏi vừa uống thêm một ngụm cà phê.

— Hoàn toàn đúng. Tôi đề nghị với ông thế này, Marc ạ: ông tiếp tục điều tra ở Pháp còn tôi tiếp tục điều tra ở Mỹ!

Như một nhân vật trong truyện tranh, Caradec suýt bị sặc và phì cả cà phê ra. Khi cơn ho dứt, ông nhìn tôi, hoài nghi.

— Tôi hy vọng là cậu không nói nghiêm túc.

4.

Đến bùng binh trên quảng trường Italia, xe chúng tôi rẽ vào đại lộ Vincent-Auriol.

— Ô tô, bố! Ô tô!

Ngồi trên đầu gối tôi ở ghế sau taxi, Théo là cậu bé hạnh phúc nhất. Hai tay dán chặt vào cửa kính, bé vui thích nhìn cảnh tượng giao thông của Paris. Về phần mình, vùi mũi vào mái tóc thơm mùi lúa mạch của bé, tôi tìm trong sự phấn khích của Théo chút lạc quan mà tôi đang rất cần.

Chúng tôi đang trên đường ra sân bay. Tôi đã thuyết phục được Marc tin vào căn cứ của tôi. Bằng vài cú nhấp chuột, tôi đã đặt được vé máy bay đi New York, rồi vứt đồ đạc của Théo lẫn của tôi vào một chiếc va li và đặt một phòng khách sạn.

Điện thoại của tôi rung lên. Tôi móc nó ra khỏi túi vừa kịp lúc để nhận cuộc gọi. Số hiển thị trên màn hình là của em họ tôi, bác sĩ tim mạch ở bệnh viện Necker.

— Chào Alexandre, cảm ơn đã gọi lại cho anh.

— Chào anh, mọi việc ổn không?

— Lúc này đang có chút phức tạp. Còn em? Sonia? Cả lũ trẻ nữa?

— Chúng lớn nhanh lắm. Có phải em đang nghe thấy Théo bị bỏ sau lưng anh không?

— Đúng thế, bố con anh đang ở trong xe taxi.

— Hôn bé giúp em. Nghe này, em đã có được tin tức về bạn của anh, Clotilde Blondel ấy.

— Thế nào rồi?

— Em rất tiếc, nhưng tình trạng của bà ấy rất nghiêm trọng. Gãy nhiều xương sườn, một bên chân và xương chậu, trật khớp háng, chấn thương sọ não nghiêm trọng. Khi em gọi cho bạn em ở Cochín, bà ấy vẫn đang trên bàn mổ.

— Có tiên lượng sống cao không?

— Ngay lúc này thì khó nói lắm. Anh biết đấy, với kiểu đa chấn thương như thế này, có rất nhiều rủi ro.

— Có tụ máu trong não không?

— Có, và ở tất cả những gì liên quan đến hệ hô hấp: tràn khí màng phổi, tràn máu màng phổi. Chưa kể các thương tổn có thể có ở cột sống.

Hai tiếng bíp cắt ngang câu chuyện của chúng tôi. Một số khác đang gọi vào sim số 2.

— Anh xin lỗi, Alex, có người đang gọi đến số khác của anh. Có chuyện quan trọng. Em để ý và cho anh biết diễn biến tình hình nhé?

— Được thôi, ông anh.

Tôi cảm ơn cậu ta và kết nối với cuộc gọi mới. Đúng như tôi đang hy vọng, đó là cuộc gọi của Marlène Delatour, nữ phóng viên của tờ Tây Nam đã từng điều tra về vụ Carlyle. Đêm qua, sau khi đọc bài báo của cô, tôi đã tìm được dấu vết của cô trên Internet: cô đã đổi chỗ làm và hiện đang viết cho tờ Miền Tây nước Pháp. Tôi đã gửi cho cô một bức email và giải thích với cô rằng tôi đang viết một tuyển tập về những tội ác trong thế kỷ 21 nên mong muốn được nghe những cảm nhận cũng như ký ức của cô về vụ án đó.

— Cảm ơn cô vì đã gọi cho tôi.

— Chúng ta đã gặp nhau mấy năm trước rồi. Tôi đã phỏng vấn anh trong hội sách *Những lữ khách kỳ lạ vào năm 2011*.

— Tất nhiên, tôi vẫn còn nhớ, tôi nói dối.

— Vậy là anh đã dừng viết tiểu thuyết để viết tiểu luận sao?

— Trong nhiều mục tin vật, sự kinh hoàng còn vượt qua cả hư cấu.

— Tôi đồng ý với anh.

Tôi kẹp điện thoại vào hõm vai. Như thế, tôi sẽ rảnh tay để giữ con trai. Đứng trên ghế, Théo ra sức ngo ngoáy để nhìn theo đoàn xe đang vào ga trên cầu tàu điện trên không.

— Cô còn nhớ rõ vụ Carlyle không? tôi hỏi Marlène.

— Chuyện đó thì chắc chắn rồi. Nói thật với anh, hồi đó, tôi còn phần nào tự coi mình là Claire. Chúng tôi có nhiều điểm chung: không biết bố là ai, cả hai đều được nuôi dưỡng bởi một bà mẹ độc thân, gốc gác bình dân, coi học hành như một cách để thăng tiến trong xã hội... Cô ấy có chút giống như em gái người Mỹ của tôi vậy.

— Cô chắc chắn Claire không biết bố mình là ai sao?

— Theo tôi, kể cả mẹ của Claire cũng không biết ai đã làm bà ấy mang thai.

— Cô chắc chứ?

Tôi nghe thấy tiếng thở dài ở đầu dây bên kia.

— Gần như là thế. Dù sao, đó cũng chính là điều bà Joyce Carlyle đã nói với tôi khi tôi hỏi bà ấy về chuyện này. Đó là khi bà ấy đến Pháp hai tuần sau khi Claire bị bắt cóc, vào thời điểm cuộc điều tra bị sa lầy. Tôi không viết chuyện này trong bài báo, nhưng tôi được biết rằng trước khi con gái ra đời, Joyce đã trải qua nhiều năm sa lầy. Cocain, heroin, ma túy đá: bà ấy đã dính vào đủ thứ. Trong hai hoặc ba năm, vào cuối những năm 1980, bà ấy còn liên tục đi khách với giá 10 đô một lượt để có tiền mua cocain.

Tiết lộ này khiến tôi buồn nôn. Do dự một lát, tôi cưỡng lại được ý muốn nói ra với người ở đầu dây bên kia là mình đang trên đường tới New York. Marlène Delatour là một phóng viên giỏi. Nếu cảm thấy tôi đi sâu vào vụ này đến thế, chắc chắn cô ấy sẽ đánh hơi thấy tiềm năng có được

một tin độc quyền đặc biệt. Sau khi đã vất vả giữ cho các vấn đề của mình không dính dáng tới cảnh sát, tôi sẽ không tự lao đầu vào miệng sói bằng cách trút bầu tâm sự với một phóng viên.

Tôi liền cố gắng lấy giọng dừng dung và hỏi:

— Kể từ hồi đó cô có liên hệ với Joyce lần nào nữa không?

Marlène im lặng ngạc nhiên rồi giải thích với tôi:

— Chắc là sẽ khó đấy: bà ấy đã chết hai tuần sau đó.

Tôi sững sờ.

— Tôi không đọc thấy tin ấy ở đâu cả.

— Tôi cũng vậy, tôi chỉ biết tin đó rất lâu sau, vào mùa hè năm 2010, khi đi nghỉ ở New York. Lúc đến thăm Harlem, tôi đã muốn tới ngó qua ngôi nhà nơi Claire sống thời niên thiếu. Tôi vẫn nhớ rõ địa chỉ: số 6 phố Bilberry. Phố Việt quất đen... Chỉ khi đến tận nơi, trong lúc nói chuyện với các chủ cửa hàng trong khu phố đó, tôi mới được biết là Joyce đã qua đời vào cuối tháng Sáu năm 2005. Chỉ bốn tuần sau khi con gái bà ấy bị bắt cóc.

Nếu thông tin này chính xác, nó sẽ thay đổi rất nhiều chuyện.

— Vì sao bà ấy chết?

— Theo anh thì vì sao? Dùng heroin quá liều, tại nhà. Bà ấy đã sạch sẽ được trong suốt mười lăm năm, nhưng thảm kịch đã khiến bà ấy lại chìm vào nó. Và sau thời gian cai nghiện dài như thế, chỉ cần một liều tương đối nhỏ cũng có thể giết chết anh.

Chiếc taxi đã qua cầu Bercy và đang chạy trên bờ kè. Phía bên kia sông Seine, cảnh vật lướt qua: bể bơi Joséphine-Baker nổi trên sông, những ngọn tháp góc cạnh của thư viện François-Mitterrand, những sà lan trôi lơ đãng và những mái vòm thấp của cây cầu Tolbiac.

— Cô còn thông tin gì khác về vụ án này không?

— Đột ngột thế này, ngay lúc này, tôi không nhớ ra nhiều lắm, nhưng tôi có thể thử tìm lại các ghi chép...

— Được thế thì rất...

Cô ngắt lời tôi:

— Chờ đã, tôi vừa nhớ ra một chuyện. Có một tin đồn dai dẳng lan truyền vào lúc diễn ra vụ điều tra: hình như Joyce đã thuê một điều tra viên để tiến hành tìm kiếm riêng cho bà ấy.

— Cô lấy thông tin đó từ đâu ra vậy?

— Hồi đó tôi đang đi lại với một gã: Richard Angeli, một tay cớm trẻ thuộc đội Trọng án Bordeaux. Nói riêng với anh, gã là kẻ ngốc hạng nhất, nhưng có tham vọng điên cuồng và đôi khi cũng cung cấp cho tôi vài gợi ý hay ho.

Tôi vặn người để lấy chiếc bút trong túi áo rồi viết tên gã cảnh sát lên thứ giấy duy nhất tôi đang có trong tay: *T'choupi làm trò ngốc nghếch*, cuốn sách yêu thích nhất của con trai mà tôi đã mang theo để cho bé ngồi yên đọc trong chuyến đi.

— Anh ta là người tranh tụng trong nhóm điều tra về vụ Claire Carlyle mất tích. Theo những gì anh ta kể với tôi, các đồng nghiệp của anh ta và thẩm phán đều phát điên trước viễn cảnh phải chứng kiến vụ điều tra bị một kẻ bên ngoài gây nhiễu loạn.

— Kẻ đó là ai? Một thám tử người Mỹ chăng?

— Tôi chẳng biết gì cả. Tôi có đào bới đôi chút theo hướng đó, nhưng chưa từng phát hiện ra điều gì cụ thể.

Im lặng một lát, rồi:

— Raphaël này, nếu biết được điều gì mới, anh cho tôi hay được không?

— Tất nhiên rồi.

Tôi đoán được qua giọng nói của cô, chỉ cần vài phút là Marlène Delatour lại bị nhiễm vi rút “Claire Carlyle”.

Lúc này, chiếc taxi đã qua cửa ô Bercy và đang lao đi trên đường vành đai. Con trai tôi đã ngồi ngoan trở lại. Bé ôm chặt trong tay chú chó bông Fifi trung thành.

— Trong vụ điều tra này, người phụ nữ trẻ nói tiếp, tôi vẫn có cảm giác chúng ta đã để tuột mất điều gì đó. Cảnh sát, phóng viên, thẩm phán: tất cả mọi người đều thất bại trong vụ án này. Ngay cả sau khi phát hiện ra các dấu vết ADN ở nhà Heinz Kieffer, vụ việc vẫn có vẻ chưa kết thúc.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy có người phản đối kết luận chính thức.

— Chính xác thì cô định nói điều gì? Kieffer hoàn toàn khớp với phác họa chân dung.

— Một bức phác họa chân dung được dựng lên từ mô tả của một nhân chứng duy nhất, cô nhắc nhở tôi.

— Nhân chứng đó là cô bé Olivia Mendelshon.

— Một cô bé con mà cảnh sát chỉ có thể hỏi cung trong vòng vài giờ, bởi vì bố mẹ Olivia đã đưa cô bé về New York ngay ngày hôm sau.

— Đến đây thì tôi không hiểu ý cô. Cô đang đặt ra nghi vấn về các kết luận của...

— Không, không, cô cắt lời tôi. Tôi không có giả thiết thay thế nào, cũng không có bằng chứng khác nào, nhưng tôi vẫn thấy chuyện này kỳ lạ: chỉ có một nhân chứng duy nhất trong vụ bắt cóc, rồi sau đó là các dấu vết ADN, nhưng không có thi thể. Anh không thấy chuyện này hơi đáng ngờ sao?

Đến lượt tôi thở dài:

— Nhà báo các cô nhìn đâu cũng thấy cái xấu.

— Còn nhà văn các anh thì lúc nào cũng có vấn đề với thực tế.

9

Phố Việt quất đen

*Cái mà con người
gọi là sự thật luôn là
sự thật của họ,
nghĩa là góc độ mà
anh ta nhìn nhận về
mọi sự.*

PROTAGORAS

1.

Ngay khi taxi vừa qua cầu Brooklyn, tôi đã gặp lại cảnh tượng bành trướng thân thuộc của Manhattan. Tôi đã không đặt chân đến đây từ khi Théo ra đời và lúc này tôi nhận ra mình nhớ bầu trời màu xám cùng những xung động có sức hấp dẫn diệu kỳ của nơi này đến mức nào.

Tôi đã biết New York từ khi mười tám tuổi. Vào mùa hè năm thi tốt nghiệp tú tài, trong một con dốc đồng, tôi đã theo một cô nàng Đan Mạch mà tôi yêu hồi đó đến tận Manhattan. Ba tuần sau khi chúng tôi đến nơi, Kirstine - khi ấy đang làm chân trông trẻ ở khu Đông Thượng Manhattan - đột nhiên quyết định rằng thiên tình sử của chúng tôi đã chấm hết. Tôi đã không chuẩn bị tinh thần đón nhận chuyện này, và cảm thấy đau đớn đến xé lòng, nhưng cảm giác say sưa khi được khám phá thành phố đã nhanh chóng giúp tôi khuây khỏa trong cú thất tình đầu tiên này.

Tôi ở lại Manhattan một năm. Những tuần đầu, tôi tìm được việc làm trong một nhà hàng phục vụ bữa tối ở Đại lộ Madison, rồi làm đủ các việc vặt khác: bán kem, bồi bàn trong một nhà hàng Pháp, nhân viên trong một

cửa hàng cho thuê băng đĩa, bán sách cho một cửa hàng ở khu Đông Manhattan. Một trong những thời kỳ giàu có nhất đời tôi. Ở New York, tôi đã gặp gỡ những người ghi dấu ấn trong tôi mãi mãi, và đã trải qua những sự kiện có tính quyết định góp phần tạo nên phần còn lại của cuộc đời tôi. Từ đó cho đến khi Théo ra đời, tôi quay trở lại Manhattan ít nhất hai lần mỗi năm, với cảm giác hào hứng vẫn còn nguyên vẹn.

Tôi tranh thủ mạng Wi-Fi trên máy bay để trao đổi email với bộ phận lễ tân của Bridge Club tại khách sạn TriBeCa nơi tôi luôn lưu lại từ mười năm nay, và mặc dù mang cái tên đó^[12] nhưng nơi này lại chẳng chứa chấp bất cứ hội chơi bài nào. Họ hết lời ca ngợi dịch vụ trông trẻ với những nhân viên được tuyển chọn kỹ càng, và tôi đã thuê một cô để chăm sóc con trai tôi những lúc tôi phải đi điều tra. Tôi cũng đã thuê một chiếc xe đẩy và lập danh sách những thứ đồ cần mua sắm mà khách sạn đề nghị thực hiện giúp tôi: hai gói bím loại 12-15 kg, giấy ướt, bông, sữa tắm gội trẻ em và cả đồng hộp đồ ăn dặm.

“Có vẻ con trai anh không kín tiếng cho lắm!” người phụ trách khoang hành khách đã buông ra câu đó với tôi vào lúc xuống máy bay. Đúng là một câu nói hoa mỹ: Théo đúng là không thể chịu nổi và khiến tôi phải xấu hổ. Một mối, phần khích, bé đã gây ồn ào trong suốt chuyến bay, không ngồi yên lấy một giây, quây rầy tiếp viên và các hành khách khác trong khoang *hạng thương gia*. Bé chỉ ngủ thiếp đi trong chiếc taxi đưa chúng tôi đến Bridge Club.

Đến khách sạn, tôi không còn thời gian để đỡ đỡ. Tôi thay quần áo cho Théo và cho bé ngủ, rồi gửi gắm bé cho cô trông trẻ Marieke, một cô gái người Đức mà hẳn bà tôi sẽ đánh giá là “quá xinh đẹp nên khó mà là người đứng đắn”.

Mười bảy giờ. Ngập lặn trong *giờ cao điểm* của thành phố. Đường phố, tiếng ồn, không khí sôi động. Cuộc chiến không khoan nhượng để bắt được một chiếc taxi. Vào giờ này, đi tàu điện ngầm còn nhanh hơn. Đến phố Chambers, tôi theo tuyến tàu điện ngầm A đi về hướng Bắc, và chưa đầy nửa giờ sau, tôi đã leo lên cầu thang ở ga trên phố 125.

Tôi không biết nhiều về khu Harlem. Vào những năm 1990, trong lần đầu tiên tôi lưu lại New York, khu này quá xập xệ và nguy hiểm với bất cứ ai muốn nghỉ ở đây. Giống như tất cả các khách du lịch khác, tôi đã đặt chân đến đây chỉ để thử cảm giác sợ hãi, tham dự một buổi lễ Phúc âm và chụp ảnh những ngọn đèn nê ông ở Nhà hát Apollo, nhưng chỉ có thế.

Tôi đi vài bước trên vỉa hè, tò mò muốn biết xem khu này đã biến chuyển như thế nào. Trên máy bay, tôi đã đọc một bài báo giải thích rằng những nhà môi giới bất động sản vừa long trọng đặt lại tên cho khu này là “SOHA” (nghĩa là SOuth HARlem ^[13]) với hy vọng rằng cái tên viết tắt ấy sẽ mang lại cho nó một vẻ mới mẻ và hiện đại. Trên thực tế, nơi này chẳng còn vẻ gì của cái chốn nguy hiểm ngày xưa, và gần như đã tương xứng với những gì được miêu tả trong các cuốn cẩm nang du lịch.

Trên phố 125 - con phố này còn có tên là Đại lộ Martin Luther King tôi gặp lại tất cả những gì tôi yêu ở Manhattan. Bầu không khí như có tích điện, khúc ca của còi xe, một cơn lốc của màu sắc, mùi vị, giọng nói. Những chiếc xe đẩy bằng kim loại của đám người bán dạo bánh quy xoắn và hot-dog, những cọc tiêu xây dựng khổng lồ, sọc cam và trắng, từ đó bốc lên nhiều cuộn khói trắng, tiếng rao liên tục không ngớt của những người bán hàng lậu đang cố tiêu thụ mấy đồ trang sức rẻ tiền dưới những chiếc dù hồng. Tóm lại là cảm giác có một không hai và khiến ta ngây ngất của một mớ bòng bong khổng lồ rất có trật tự.

Ngay khi ta rời trục đường lớn này, khu phố trở nên yên bình hơn nhiều. Tôi phải mất vài phút để định vị được chỗ mình đang đứng và tìm ra phố Bilberry trứ danh: một con phố nhỏ độc đáo, kẹp giữa phố 131 và 132, vuông góc với Đại lộ Malcolm X.

Vào cuối chiều hè như hôm nay, một thứ ánh sáng đẹp để tỏa rạng trên vỉa hè, lấp lánh trên các ô cửa sổ, run rẩy giữa đám lá dẻ. Từ hai bên đường phố mọc lên những ngôi nhà bằng gạch đỏ có cổng gỗ được chạm khắc và sơn màu, những hành lang có lan can sắt rèn bao quanh và cầu thang chạy xuống mấy khu vườn nhỏ. Đây cũng là nét nhiệm màu của New York, lúc nào cũng khiến ta tự nhủ “Mình chẳng hề có cảm giác đang ở New York”.

Chiều nay, khi bước về phía tuổi thơ của Claire, tôi như không còn ở Harlem nữa. Tôi đang ở khu Deep South, ở Georgia hoặc ở Nam Carolina, phía Savannah hoặc Charleston.

Theo dấu cô gái Brooklyn.

2.

Tỉnh Moselle. Đường cao tốc A4.

Lối ra số 44: Phalsbourg/Sarrebourg.

Vừa kiên nhẫn chờ trước cửa thu phí cầu đường duy nhất, Marc Caradec vừa liếc nhìn chiếc đồng hồ Speedmaster cũ kỹ của mình rồi đưa tay dụi mắt. Cổ họng ông khô khốc, hai mắt trợn trừng. Ông rời Paris từ lúc quá 11 giờ một chút, ngón hết hơn bốn trăm ki lô mét trong vòng bốn tiếng rưỡi đồng hồ, chỉ cho phép mình nghỉ duy nhất một lần để đổ xăng tại một trạm xăng ở đoạn Verdun.

Viên cớm đưa một năm tiền lẻ cho nhân viên thu phí rồi rẽ vào con đường tỉnh lộ dẫn đến tận Phalsbourg.

Năm ven công viên tự nhiên Vosges, thành phố công sự cổ kính này là thành phố cuối cùng ở Lorraine trước khi vào địa hạt vùng Alsace. Marc đỗ chiếc Range Rover trên quảng trường Quân đội ngập tràn ánh nắng. Ông châm một điếu thuốc và đưa tay lên che mắt để khỏi bị nắng hắt. Trại lính cũ bằng sa thạch nâu đỏ, bức tượng đồng đồ sộ của một vị nguyên soái dưới thời Đế chế, tất tật mọi thứ, trong tỷ lệ ngoại hạng của nơi này, đều gợi nhớ đến truyền thống quân đội của thành phố. Một thời kỳ chưa xa lắm với các đoàn diễu binh và những lần duyệt binh mà mấy cậu bé tuổi đôi mươi phải è cổ thực hiện trước khi đi làm bia sống cho súng đạn. Ông nghĩ đến ông nội của chính ông, “đã hy sinh trên trận tuyến đánh quân thù” vào tháng Mười hai năm 1915, ở vùng Main de Massiges, Champagne. Ngày nay, may mắn thay, nơi này đã yên bình. Không còn tiếng gót giày cũng không còn những ca khúc hiếu chiến, thay vào đó là những người dân tươi

cười ngồi bên mấy chiếc bàn kê ngoài hàng hiên, đang nhấm nháp cà phê Cappuccino dưới bóng dẻ.

Marc đã tranh thủ lộ trình dài từ Paris để săn tìm thông tin. Vài cú điện thoại là đủ để ông lần lại dấu vết của Franck Muselier, viên cảnh binh đã báo động và cũng là người đầu tiên đến nơi xảy ra đám cháy tại căn nhà của Heinz Kieffer. Hiện nay, anh ta đang chỉ huy một đội cảnh binh địa phương thuộc sở cảnh binh Phalsbourg. Marc đã liên hệ với thư ký của anh ta và dễ dàng đặt được hẹn. Cô gái tiếp chuyện ông ở đầu dây bên kia đã báo trước rằng sở cảnh binh sử dụng chung trụ sở với tòa thị chính, ông liền hỏi thăm đường một nhân viên sở quản lý đường bộ đang tĩa cây, rồi đi qua quảng trường lát đá xám và đá granit hồng.

Ông hít một hơi căng lồng ngực. Đã lâu rồi ông không đặt chân ra khỏi Paris và rất thích thú khi cuộc điều tra dẫn ông đi xa thủ đô. Trong giây lát, ông thả mình vào không khí êm đềm của nơi này, tặng cho mình một chuyến viễn du ngược thời gian về với nền Đệ tam Cộng hòa: lá cờ tam tài đang bay phấp phất trong gió trên mặt tiền tòa thị chính, chuông nhà thờ điểm nửa giờ, âm thanh ồn ào trong sân chơi của trường làng.

Những ngôi nhà bao quanh quảng trường càng làm tăng thêm ấn tượng về “sức mạnh của sự im lặng”: những mặt tiền bằng sa thạch, những thanh xà hoen gỗ, những mái nhà rất cao, kiểu hai dốc, lợp bằng ngói đất nung.

Caradec bước vào tòa thị chính, một bột lính cũ cũng là trụ sở của một bảo tàng lịch sử và một bưu điện. Bên trong tòa nhà, ông được bầu không khí mát mẻ dễ chịu chào đón. Dưới mái vòm cao vút, tầng trệt giống như một nhà thờ, với những bức tượng cẩm thạch và đồ gỗ sẫm màu. Sau khi hỏi thăm, ông được biết rằng trụ sở của cơ quan ông đang tìm nằm ở tầng trên cùng. Ông trèo lên cầu thang bằng gỗ sồi dốc đứng và đến hành lang dẫn thẳng tới một cánh cửa kính.

Được bố trí theo phong cách mới mẻ hơn, nơi này không được nhộn nhịp cho lắm. Ngoại trừ một cô gái trẻ ở quầy lễ tân, sở cảnh binh hình như vắng hoe.

— Tôi giúp gì được cho ông, thưa ông?

— Tôi là Marc Caradec, tôi có hẹn với Franck Muselier.

— Tôi là Solveig Maréchal, cô tự giới thiệu và vén một lọn tóc vàng ra sau tai. Tôi chính là người nói chuyện với ông qua điện thoại.

— Rất hân hạnh được gặp cô.

Cô nhắc điện thoại lên.

— Tôi sẽ báo với ông ấy là ông đã đến.

Caradec cởi bớt một cúc áo sơ mi. Dưới mái nhà này, trời nóng như ở địa ngục. Nguyên một tầng áp mái. Tường ốp gỗ màu vàng, khiến ta có cảm giác như bị thẳng đường dưới ánh mặt trời.

— Trung tá sẽ tiếp ông sau hai phút nữa. Ông muốn uống nước không?

Ông sẵn lòng đón nhận. Nữ cảnh binh mời ông một cốc nước kèm theo một kiểu bánh quy xoắn đường làm bằng bột bánh su kem, ông ăn ngẫu nhiên.

— Ông là cảnh sát, đúng không?

— Bởi vì tôi ăn như lợn sao?

Solveig đi khỏi trong tiếng cười như nắc nẻ. Cô chờ ông ăn xong bánh rồi dẫn ông vào văn phòng của cấp trên.

3.

New York.

Số 6 phố Bilberry - nơi Claire từng sống suốt thời thơ ấu và cũng là nơi mẹ nàng đã chết - là nơi tọa lạc của một căn nhà màu mặn với một ô cửa hai cánh màu trắng, bên trên là khoảng tường nứt vỡ.

Trong khi tôi ngắm nghía căn nhà đã nhiều phút, một phụ nữ xuất hiện dưới hàng hiên. Tóc hung, khuôn mặt rất nhợt nhạt phủ đầy tàn nhang. Bụng chừa vượt mặt.

— Anh là người của hãng bất động sản à? chị hỏi tôi, ánh mắt khó chịu.

— Không, thưa chị, không phải. Tôi tên là Raphaël Barthélémy.

— Tôi là Ethel Faraday, chị vừa nói vừa đưa tay cho tôi theo phong cách châu Âu. Anh nói giọng Pháp, chị nhận xét. Anh từ Paris đến à?

— Vâng, tôi mới bay sáng nay.

— Tôi là người Anh, nhưng ba mẹ tôi sống ở Pháp đã được vài năm rồi.

— Thật sao?

— Vâng, ở vùng Luberon, làng Roussillon.

Chúng tôi trao đổi vài ba câu tầm phào về nước Pháp và tình hình thái nhén của chị: thật không thể chịu nổi khi mang bầu trong cái nóng như thế này, không hẳn đã là một ý tưởng hay khi có đứa con thứ ba vào lúc bốn mươi tư tuổi, “mà tôi không thể đứng nổi nữa rồi, anh có phiền không nếu tôi ngồi xuống? Tôi vừa pha trà đá, anh muốn uống không?”

Rõ ràng là Ethel Faraday đang buồn chán và sẵn sàng chấp nhận bất cứ ai làm bầu bạn. Và thế là trong tư thế ngồi trước cốc trà, dưới hàng hiên, tôi đã thú nhận với chị ít nhất là một phần mục đích chuyến viếng thăm của mình:

— Tôi là nhà văn và tôi đang tiến hành điều tra về một cô gái đã sống trong nhà chị hồi cô ấy còn nhỏ.

— Thật sao? chị ngạc nhiên. Hồi nào?

— Trong khoảng những năm 1990 và đầu những năm 2000.

Chị nhíu mày.

— Anh chắc chắn là ở đây chứ?

— Vâng, tôi nghĩ thế. Căn nhà này từng thuộc về bà Joyce Carlyle, đúng không?

Ethel gật đầu.

— Tôi và chồng tôi đã mua lại nó từ các chị em gái của bà ấy.

— Các chị em gái của bà ấy ư?

Ethel chỉ tay về phía Đông.

— Angela và Gladys Carlyle. Họ sống ở cuối phố, số 299. Tôi không quen họ lắm, nếu không muốn nói là chẳng hề quen biết gì. Cá nhân tôi chẳng có gì mâu thuẫn với các bà ấy cả, nhưng họ không phải là những phụ nữ dễ mến nhất khu này.

— Anh chị mua lại căn nhà này khi nào?

Chị căn môi dưới suy nghĩ:

— Năm 2007, khi chúng tôi từ San Francisco quay về. Đúng lúc tôi đang có bầu đứa con đầu tiên.

— Hồi đó, chị có biết rằng có người đã chết vì dùng thuốc quá liều trong nhà này không?

Chị nhún vai.

— Sau đó tôi mới biết, nhưng với tôi đó chỉ là chuyện vô thường vô phạt. Tôi không tin vào những chuyện tầm phào về lời nguyền hay nhà bị ma ám. Chắc chắn ta phải chết ở đâu đó chứ, đúng không?

Chị nhấp một ngụm trà rồi chỉ vào những ngôi nhà xung quanh.

— Với lại, nói riêng với anh nhé, ở đây là Harlem! Anh có nhìn thấy tất cả những ngôi nhà xinh xắn mà các gia đình nhỏ tử tế, trong sạch và thức thời rất thèm muốn kia không? Hồi những năm 1980, trước khi được cải tạo lại, chúng là nhà hoang, bị đám buôn bán thuốc phiện chiếm cứ hoặc bị biến thành ổ nghiện. Tôi thách anh tìm thấy dù chỉ một căn không có người chết bất đắc kỳ tử trong đó đấy.

— Chị biết là Joyce Carlyle có một cô con gái chứ?

— Không, tôi không biết.

— Khó mà tin được lắm.

Chị ngạc nhiên.

— Tại sao tôi phải nói dối anh chứ?

— Thật sự là chị chưa từng nghe nói đến cô bé trong khu này đã bị bắt cóc vào năm 2005 tại miền Tây nước Pháp sao?

Chị lắc đầu.

— Năm 2005, chúng tôi sống ở California, thung lũng Silicon.

Để tìm chút hơi mát, chị áp cốc trà lên trán rồi nói tiếp:

— Tôi muốn hỏi lại cho chắc: anh nói là con gái của chủ cũ nhà này đã bị bắt cóc, đúng không?

— Đúng, bởi một con quái vật độc đoán có tên là Heinz Kieffer.

— Cô bé ấy tên là gì?

— Claire. Claire Carlyle.

Trong khi tôi không trông mong gì từ chị nữa, khuôn mặt vốn tái xanh của Ethel Faraday chợt sững lại và chuyển sang trắng bệch.

Tôi...

Chị định nói câu gì đó rồi bỗng im bật. Trong vài giây, ánh mắt chị bối rối rồi chìm vào mộng lung, trở về với những ký ức xa xăm.

— Nghĩ lại thì đúng là đã xảy ra chuyện gì đó, một lát sau chị nói. Một cú điện thoại kỳ lạ, đúng vào hôm chúng tôi tổ chức tiệc mừng tân gia. Hôm đó là... ngày 25 tháng Mười năm 2007. Chứng tôi đã chọn ngày đó để mời bạn bè vì hôm ấy cũng là sinh nhật tròn ba mươi tuổi của chồng tôi.

Để gom góp kỷ niệm, chị lại dừng một lát mà tôi cảm thấy như dài đằng dặc. Tôi lên tiếng để giục chị nói tiếp:

— Vậy là ngày hôm đó, chị nhận được một cú điện thoại...

— Lúc đó có lẽ khoảng 8 giờ tối. Bữa tiệc đang vào đoạn cao trào. Chúng tôi bật nhạc và mọi người cười nói rất to. Tôi đang ở trong bếp, bận rộn cắm nến lên bánh ga tô thì chuông điện thoại gắn trên tường vang lên. Tôi nhắc máy và còn chưa kịp nói câu nào thì nghe thấy một giọng hét lên: “Mẹ ơi, con đây, Claire đây! Con thoát được rồi, mẹ ơi! Con thoát được rồi.”

Lúc này, chính tôi mới đỡ dẫn cả người, một cơn ớn lạnh chạy khắp cơ thể khiến tôi tưởng như đang ngồi trên ghế điện. Múi giờ giữa Pháp và bờ Đông nước Mỹ lệch nhau sáu tiếng. Nếu Ethel nhận được cú điện thoại đó vào khoảng 8 giờ tối, thì có nghĩa là Claire đã gọi vào lúc 2 giờ sáng. Có lẽ là nhiều tiếng trước khi vụ cháy xảy ra. Như Marc và tôi suy đoán, đúng là Claire đã thoát được khỏi nanh vuốt của Kieffer, nhưng ngược với những gì chúng tôi vẫn nghĩ, nàng không thoát ra vào buổi sáng, mà là trong đêm hôm trước. Điều này làm thay đổi mọi chuyện...

Lúc này, Ethel lại nói tiếp:

— Tôi đã hỏi ai đang ở đầu dây, và khi nghe thấy giọng tôi, tôi nghĩ cô ấy đã hiểu là đang không nói chuyện với mẹ mình.

Có điều gì đó khiến tôi băn khoăn.

— Nhưng làm sao Claire lại gọi đến nhà chị được sau từng ấy thời gian? Khi dọn đến, anh chị không giữ số của chủ cũ chứ?

— Chúng tôi vẫn giữ. Đường dây vẫn chưa bị cắt, chỉ bị khóa tạm thời, và khi chúng tôi liên hệ với AT&T ^[14], họ đã đề xuất giải pháp này với chúng tôi. Hồi đó người ta thường làm thế. Nhất là như thế sẽ rẻ hơn mở một thuê bao mới, và vì chúng tôi đang túng bấn...

— Thế sau cuộc gọi đó, chị không báo cảnh sát sao?

Ethel mở tròn mắt, khó chịu:

— Anh nói tầm bậy tầm bạ gì thế! Làm sao tôi lại phải làm thế chứ? Tôi chẳng biết gì về chuyện này và cũng không hiểu cô gái đó là ai.

— Thế chị đã trả lời cô ấy thế nào?

— Tôi nói sự thật thôi: tôi bảo cô ấy là Joyce Carlyle đã chết.

4.

Vóc người vạm vỡ, giọng nói truc trắc cùng khuôn mặt béo núc, Franck Muselier ra gặp Marc và bắt tay ông.

— Cảm ơn vì đã tiếp tôi. Tôi là Marc Caradec: tôi là...

— Tôi biết ông là ai, đại úy ạ! viên cảnh binh ngắt lời và chỉ cho ông một cái ghế. Một nhân viên BRB cử khôi: băng cướp người Salvador, băng nhóm ở ngoại ô phía Nam, những chiếc xe bọc thép trong vụ cướp của nhóm Dream Team. Tuy chưa gặp mặt nhưng đã nghe danh ông rồi.

— Nếu ông đã nói thế.

— Dù thế nào, ông cũng đã khiến chúng tôi phải ước ao! Ở cái xứ này thì lấy đâu ra những vụ đỉnh như thế.

Muselier rút từ túi áo ra một chiếc khăn mùi soa và thấm mồ hôi trán.

— Hơn nữa, chúng tôi thậm chí còn chẳng có điều hòa!

Anh ta bảo Solveig mang cho họ hai cốc nước và nhìn chăm chăm vào người đối thoại, môi nở một nụ cười điềm tĩnh.

— Nào, có chuyện gì mà tôi lại được vinh dự tiếp một nhân viên BRB đây?

Trước mặt một cảnh binh, Caradec không muốn nói dối:

— Tôi phải nói ngay với ông để khỏi hiểu nhầm: tôi đã về hưu và đây là việc riêng thôi.

Muselier nhún vai.

— Nếu có thể giúp ông một tay thì chuyện đó với tôi không thành vấn đề.

— Là thế này, tôi quan tâm đến vụ Carlyle.

— Tôi chẳng biết gì về vụ đó cả, anh ta khẳng định và kéo áo sơ mi xuống để che cái bụng phệ.

Marc nhúm mày. Giọng ông trở nên cứng rắn hơn:

— Claire Carlyle, ông nhắc lại. Một trong những nạn nhân của Heinz Kieffer. Cô bé mà người ta không bao giờ tìm thấy xác.

Mặt Muselier sáng lên, hơi phật ý. Được rồi, tôi hiểu hơn rồi. Là vì anh chàng Boisseau, không? Chính cậu ta đã thuê ông sao?

— Không hề. Anh chàng Boisseau đó là ai vậy?

— Bỏ qua đi, viên cảnh binh lảng tránh trong khi Solveig khép cửa văn phòng lại sau khi đã mang vào hai chai nước nhỏ.

Muselier mở chai nước của mình rồi tu thẳng qua miệng chai.

— Chính xác thì ông muốn biết điều gì về Kieffer?- Anh ta hỏi và đưa mu bàn tay lên lau miệng. Ông cũng biết rằng tôi không phải là người điều tra vụ đó, đúng không?

— Nhưng chính ông là người đầu tiên đến hiện trường vụ cháy. Tôi muốn biết ông phát hiện ra nó trong hoàn cảnh nào.

Viên cảnh binh cười căng thẳng.

— Tôi những muốn nói với ông rằng đó là nhờ tài đánh hơi của tôi, nhưng thật ra, mọi việc hoàn toàn là do ngẫu nhiên. Giá ông cho tôi biết trước động cơ tìm kiếm của anh, thì tôi đã tìm lại cho ông tờ cung mà tôi làm hồi ấy. Tôi có thể gửi fax cho ông sau nếu ông muốn.

— Tôi rất muốn thế. Trong khi chờ đợi, ông vẫn có thể nhắc lại cho tôi những nội dung cơ bản nhất.

Muselier gãi gãi phía sau tai và bằng một nỗ lực gần như siêu phàm, anh ta đứng dậy khỏi ghế để bước đến trước tấm bản đồ treo tường dính sau bàn làm việc.

— Thôi được, ông có biết đôi chút về nơi này chứ?

Không chờ câu trả lời, anh ta nói tiếp:

— Ở đây, ở Phalsbourg này, chúng ta đang ở vùng giáp ranh giữa Lorraine và Alsace, được chưa?

Anh ta vớ lấy một cái thước kẻ nằm lẫn lóc trên bàn và chỉ một vùng trên bản đồ: một sa bàn tái hiện vùng này như ta vẫn thường thấy trong các trường học ngày xưa.

— Tôi sống ở mạn Alsace, nhưng hồi vụ án xảy ra, tôi đang làm ở đội cảnh binh xã Sarrebourg, tỉnh Moselle. Mỗi sáng tôi phải chạy xe hơn ba mươi cây số.

— Như thế vẫn còn hơn các phương tiện giao thông công cộng ở Paris, Marc nhận xét.

Muselier làm như không nghe thấy câu nói của ông.

— Hôm đó, khi đang trên đường đến chỗ làm, tôi nhìn thấy một cột khói đen bốc lên từ khu rừng. Tôi đã tò mò và gọi cho đội cứu hộ. Chỉ có thế thôi.

— Lúc đó là mấy giờ?

— Khoảng 8 giờ 30.

Marc lại gần tấm bản đồ.

— Căn nhà của Kieffer nằm ở đâu?

— Ở chỗ đó, viên cảnh binh chỉ vào khu vực giữa rừng khẳng định.

— Vậy là, giống như mọi sáng khác, ông đang trên đường đến đội cảnh binh...

Caradec lấy bút ra khỏi túi áo. Vừa nói vừa làm - nhưng không tháo nắp chiếc bút bi Bic -, ông chỉ trên bản đồ con đường mà viên cảnh binh đã đi.

— ... và ở đây, vào khoảng 8 giờ 30, ông đã nhìn thấy khói bốc lên... từ chỗ này.

— Đúng thế, đại úy ạ.

Marc vẫn lịch sự:

— Tôi đã đi qua đèo Saveme. Thật lòng mà nói, tôi không hiểu làm thế nào ta có thể nhìn thấy bất cứ thứ gì ở khu vực đó của khu rừng lắm.

— Chuẩn luôn, viên cảnh binh trả lời. Như tôi đã nói rõ trong tờ cung, tôi không đi bằng đường chính.

Anh ta lại chỉ thước kẻ lên bản đồ.

Tôi đã đi qua một lối tắt nối với đường D133, ở quãng này.

— Và với tất cả lòng kính trọng tôi dành cho ông, tá ạ, ông làm trò quỷ quái gì trên một con đường rừng xa xôi như vậy vào sáng sớm tinh mơ thế?

Muselier vẫn không tắt nụ cười.

— Ông có thích đi săn không, đại úy? Bởi vì với tôi, đó là một thú vui lớn, một niềm đam mê.

— Ở đây thì săn được gì?

— Hoẵng, lợn rừng, hươu, thỏ hoang. Nếu may mắn ra, anh có thể vớ được gà gô và chim trĩ. Tóm lại, vào ngày đó - hôm ấy là một sáng thứ Sáu trong tháng Mười khu vực săn bắn đã mở được vài tuần, nhưng tất cả các dịp cuối tuần trước đều công cốc.

Anh ta quay lại ngồi và nói tiếp:

— Trời cứ mưa mãi không dứt! Lần đó, rốt cuộc thì theo dự báo thời tiết, cũng sẽ có hai ngày rất đẹp trời. Tôi là thành viên Câu lạc bộ săn bắn Moselle, và tôi cùng đám bạn đã dự kiến sẽ tận dụng hết hai ngày cuối tuần đó. Vì thế tôi đã đi theo con đường ấy để rà lại các địa điểm, chuẩn bị cho ngày hôm sau. Kiểm toa lại tình trạng đường mòn và ranh giới, vân vân. Tôi thích ngắm mặt trời mọc trong rừng sau cơn mưa, tôi thích hít hà các loại mùi dưới tán rừng.

Ông là cảnh binh, ông bạn ạ, đâu phải người trông coi khu vực săn bắn, Marc nghĩ nhưng không đưa ra nhận xét nào. Trơn tuột và sặc mùi thăng thăn giả tạo, gã này không rõ ràng, nhưng Marc không tìm ra điểm yếu nào để tấn công anh ta.

Ông kín đáo thở dài và lái câu chuyện trở về trọng tâm:

— Vậy là từ ngoài đường ông đã nhìn thấy khói...

— Đúng thế. Và bởi vì tôi đang đi xe công vụ - một chiếc Megane ngon lành, đại khái thế tôi đã dùng radio thông báo được cho cả các đồng nghiệp lẫn đội cứu hỏa.

— Rồi ông đến tận nơi?

— Đúng thế, để yên tâm là đội cứu hộ sẽ đến và chắc chắn là không có người đi dạo hoặc đi săn nào lang thang quanh đó. Logic mà, đúng không?

— Phải rồi, ông đã làm đúng việc của mình.

— Ông thật tốt khi công nhận như thế.

Muselier mỉm cười và kéo một bên vạt áo lên lau chiếc kính Ray-Ban Aviator. Caradec vẫn không chịu buông tha:

— Nếu ông cho phép, tôi muốn hỏi thêm một hai câu nữa...

— Thế thì thật nhanh nhé, người kia vừa trả lời vừa xem đồng hồ. Tôi phải đến gặp người của mình ở bùng binh trên đường A4. Đám nông dân đã dựng hàng rào chắn đường từ sáng nay và...

Caradec cắt ngang lời anh ta:

— Tôi đã đọc lại những bài báo hồi đó. Người ta nói tương đối ít về xe của Kieffer. Chiếc xe nơi người ta đã tìm thấy dấu vết gien của Claire Carlyle ấy.

— Không chỉ có dấu vân tay của cô bé đó, viên cảnh binh lưu ý. Có dấu vết của tất cả các nạn nhân khác. Và anh biết tại sao không? Bởi vì đó chính là chiếc xe mà gã điên ấy dùng để chuyên chở các con mồi của hắn. Khi các kỹ thuật viên giám định hình sự đến nơi để lấy mẫu, tôi đã có thể quan sát chiếc xe tang khốn kiếp đó dưới mọi góc độ. Kieffer đã lắp vào xe một thứ kiểu như cái lồng, kết sắt hoặc một chiếc quan tài cách âm to tướng.

Caradec lục túi áo và rút ra một bài báo mà ông đã trong căn hộ của Raphaël.

— Đây là bức ảnh duy nhất mà tôi tìm được, ông vừa vừa đưa nó cho viên cảnh binh.

Muselier quan sát bức ảnh. Đen trắng, ố vàng.

— Đúng là nó, một chiếc xe bán tải Nissan Navara.

— Thế còn đây là cái gì, ở đằng sau ấy?

— Là mô tô của Kieffer. Một chiếc 125 phân khối kiểu cào cào. Nó bị bó chặt trong thùng xe bán tải.

— Nó làm cái quái gì ở đó?

— Làm sao mà tôi biết được cơ chứ?

— Với tư cách là một cảnh binh, hẳn ông phải có cách giải thích.

Muselier lắc đầu.

— Tôi chưa bao giờ đặt ra câu hỏi đó. Như đã giải thích với ông, tôi không phụ trách vụ này. Mà này, chỗ đồng nghiệp với nhau, ta có thể xưng hô thân mật được không?

— Tất nhiên, Marc hưởng ứng. Cậu có biết Kieffer trước khi vụ việc vỡ lở không?

— Chưa gặp bao giờ, cũng chưa từng nghe nói đến.

— Thế nhưng cậu thường săn bắn gần nhà hẳn, không phải sao?

— Rừng rộng mênh mông mà, Muselier vừa đáp vừa đứng lên với lấy áo vest. Thôi, bây giờ thì tôi phải đi thật rồi.

— Một câu hỏi cuối cùng nếu cậu cho phép, Caradec hỏi, ông vẫn ngồi trên ghế. Mười năm sau vụ việc, làm sao cậu có thể nhớ được nhãn xe của hẳn? Bức ảnh hoàn toàn mờ mịt.

Viên cảnh binh không hề tỏ ra nao núng:

— Đúng thế, là vì vụ của Boisseau! Tôi tưởng anh đến hỏi tôi chính là về vụ này.

— Kể cho tôi nghe đi.

Ngần ngừ một lát, viên cảnh binh lại ngồi xuống. Có điều gì đó trong cuộc trò chuyện này khiến anh ta thích thú. Trong trò chơi mèo vờn chuột này, anh ta có cảm giác mình là kẻ bất khả chiến bại.

— Gia đình nhà Boisseau-Desprès, anh có biết họ không?

Marc lắc đầu.

— Thực ra cũng không phải mỗi anh không biết. Ít người biết họ lắm, kể cả trong vùng này. Tuy nhiên, ta có thể tìm thấy tên họ trong danh sách một trăm năm mươi gia đình có tài sản lớn nhất nước Pháp. Những con người rất kín đáo, xuất thân từ một dòng họ hoạt động lâu đời trong ngành công nghiệp ở Nancy, hiện đang đứng đầu một đế chế nhỏ trong lĩnh vực phân phối vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng.

— Có liên quan gì đến vụ án của tôi?

Muselier thích thú trước vẻ sốt ruột của người đối thoại.

— Anh hãy hình dung là sáu tháng trước, tôi đã được đón tiếp tại đây một trong những hậu duệ của gia đình đó: Maxime Boisseau, một thằng nhóc hai mươi tuổi, mong manh, hiếu động, khó ở. Nó cũng ngồi đúng chiếc ghế anh đang ngồi bây giờ, trình bày với tôi một bài diễn văn lộn xộn, giải thích rằng nó đang phải theo một khóa điều trị tâm lý và chính bác sĩ tâm lý đã khuyên nó đến gặp tôi để rốt cuộc cũng được thừa nhận là nạn nhân và...

Caradec sốt ruột:

— Cậu làm ơn nói ngắn gọn được không?

— Nhưng phải biết anh muốn gì đã chứ! Tóm lại, tôi đã chăm chú lắng nghe câu chuyện của nó, và tóm tắt lại là thế này: ngày 24 tháng Mười năm 2007, thằng nhóc ấy, khi đó mới mười tuổi, khẳng định đã bị một gã bắt cóc ở ngay trung tâm Nancy.

— Ngày 24 tháng Mười? Hai ngày trước vụ cháy?

— Chuẩn luôn! Một vụ án chớp nhoáng. Chỉ hơn hai mươi tư giờ từ thời điểm bắt cóc đến lúc giao tiền chuộc. Thằng bé nói với bọn tôi là hồi đó, nó đã nhanh trí ghi nhớ biển số xe của kẻ bắt cóc. Chín năm sau, nó đọc lại cho bọn tôi, bọn tôi nhập số đó vào cơ sở dữ liệu, và anh đoán xem?

— Chính là biển số xe bán tải của Kieffer, Marc đã hiểu ra.

— Trúng phóc! Anh có công nhận là chuyện này thật điên rồ không? Lúc đầu, bọn tôi nghĩ là thằng bé bịa chuyện, nhưng chính anh cũng đã nói: biển số đó không hề bị rò rỉ trên báo chí.

— Thằng bé Boisseau đó còn nói gì với cậu nữa?

— Theo nó nói, bố nó đã trả tiền chuộc mà không hề phán đối, cũng không báo cảnh sát. Vụ trao đổi diễn ra ở một khu rừng gần đây: 500.000 euro, giao cho Kieffer trong một cái túi vải màu vàng.

Nghe nhắc đến chiếc túi, Marc cảm thấy một luồng adrenalin bốc lên, nhưng ông vẫn tỏ ra thản nhiên. Ông không có ý định tặng cho tay cảnh binh này bất cứ món quà nào, dù là nhỏ nhất.

— Thằng bé có kể chi tiết với cậu vụ bắt cóc nó không?

Nó có bị xâm hại không?

— Không, nó đảm bảo rằng Kieffer đã không chạm vào nó. Sau đó, nó bắt đầu nói lung tung. Lúc thì nó khẳng định là Kieffer có một tông phạm, lúc lại không nói rõ như thế.

Một tông phạm ư?

— Tại sao thằng bé lại đến tìm cậu?

— Cũng vì lý do giống anh thôi. Nó đã tìm kiếm trên Internet và bắt gặp tên tôi được nhắc đi nhắc lại trong nhiều bài báo.

— Thế tại sao bố mẹ nó không bao giờ đâm đơn kiện?

— Để cho vụ này không vỡ lở. Đó cũng chính là điều mà cậu con trai trách cứ họ! Vợ chồng nhà Boisseau- Desprès coi như đã tự giải quyết xong vấn đề và họ không bị ảnh hưởng gì nhiều vì nửa triệu euro đó. Im lặng là vàng: trong trường hợp này, câu ngạn ngữ thể hiện toàn bộ ý nghĩa của nó.

Solveig gõ cửa và đẩy cửa bước vào, không chờ được mời.

— Meyer đang tìm gặp ông, thưa trung tá: một chiếc máy kéo đang phá công trình điêu khắc ở vòng xoay trên đường A4.

— Chết tiệt, lũ nhà quê ngu ngốc! - Viên cảnh binh bực bội hét và đứng lên.

Caradec cũng đứng lên theo.

— Cậu có thể cho tôi xem biên bản ghi lời khai của Maxime Boisseau không?

— Tôi không ghi. Về khía cạnh hình sự, đến nay câu chuyện của cậu ta không còn ý nghĩa gì nữa. Sau nhiều lần phối hợp xử lý, anh cũng biết rõ như tôi là vụ án sẽ bị chấm dứt tổ tụng. Anh muốn chúng ta truy tố ai bây giờ nữa?

Caradec thở dài.

— Ít ra cậu cũng biết thằng bé đó đang trú ngụ ở đâu chứ?

— Không hẳn. Nó đang mâu thuẫn với gia đình. Theo thông tin mới nhất, nó đang làm cho một hiệu sách lớn ở Nancy: Sảnh sách.

— Tôi biết rồi.

Trong lúc Muselier khoác áo vest, Solveig thổ lộ với Marc:

— Tôi làm việc cho tạp chí Cảnh sát quốc gia. Lúc này, tôi đang viết một bài báo về những nhân vật nổi tiếng trong ngành. Có lẽ tôi có thể

phỏng vấn ông chẳng?

— Thật lòng là tôi không có thời gian.

— Nếu vậy thì chỉ một câu hỏi thôi: phải có phẩm chất quan trọng nào mới có thể trở thành một cảnh sát giỏi?

— Chắc chắn là phải phát triển máy phát hiện nói dối của chính mình. Đó chính là thứ hữu ích nhất với tôi trong các cuộc điều tra: tôi biết khi nào người ta nói dối tôi.

— Thế còn tôi, tôi có nói dối anh không? Muselier hỏi.

— Có, anh đã nói dối tôi một lần, Caradec khẳng định, ông lại quay về cách xưng hô khách sáo.

Không khí căng thẳng tăng thêm một nấc.

— Thế sao? Anh quả là người ngạo mạn! Giải thích xem tôi đã không nói thật với anh lúc nào?

— À, đó chính là điều tôi còn phải tìm.

— Vậy đấy, lúc nào tìm ra thì đến gặp tôi nhé!

— Tôi sẽ không quên đâu.

10

Hai chị em đang sống yên ổn

*Không có người vô
tội. Tuy nhiên, có
nhiều mức độ trách
nhiệm khác nhau.*
Stieg LARSSON

1.

Nối từ Phalsbourg đến Nancy là một con đường lớn vắng tanh, vô tận và khiến người ta yên lòng.

Ngồi trước tay lái chiếc 4x4 cũ kỹ, Caradec thích sự đơn điệu này, nó khiến ông cảm thấy thư thái: những bãi chầy thả, những đàn gia súc, mùi phân bón, những cánh đồng nối tiếp cánh đồng cùng những chiếc máy kéo nhả nhả trên mặt đường nhựa, và ông cũng chẳng vội vã gì mà phải vượt lên trước.

Trên bảng điều khiển, ánh mặt trời chiếu vào tạo nên những hình phản chiếu như một ống kính vạn hoa. Từ chiếc radio gắn hên xe đang phát ra những bản nhạc jazz tinh tế theo phong cách tối giản của nhạc công kèn trumpet Kenny Wheeler. Theo những lần di chuyển của ông, chiếc CD đã quay vòng trong xe ông từ mười năm nay. Đây là món quà cuối cùng mà vợ ông tặng cho ông trước khi ra đi.

Trước khi chết.

Trong suốt chuyến đi, Marc nghĩ đến những chuyện viên cảnh binh đã kể với ông. Ông thăm tua lại cuộc trò chuyện của họ như thể đã ghi âm nó. Ông để những câu trao đổi giữa hai người tự nhắc lại. Ông tiêu hóa chúng.

Và tự khen mình đã nghe theo bản năng. Ông đã ngay lập tức có linh cảm rằng Muselier là một nhân chứng quan trọng mà những điều tra viên đầu tiên đã đánh giá thấp. Ông biết rằng viên cảnh binh đã nói dối, nhưng vẫn còn phải làm nhiều việc mới có thể tóm được anh ta.

Khi vào đến khu dân cư của Nancy, ông ngập ngừng không biết có nên để lại lời nhắn vào hộp thư thoại của Raphaël không. *Không, còn quá sớm.* Ông muốn chờ có thêm nhiều thông tin cụ thể hơn nữa.

Vào đến trung tâm thành phố, ông định đỗ xe ở nơi có biển cấm đỗ đằng trước hiệu sách, nhưng lại từ bỏ ý định. Mạo hiểm với nguy cơ có thể bị cầu xe đi mất là việc làm không hợp lý. Ông tìm được một chỗ trong bãi đỗ xe Saint-Jean, gần nhà ga và trung tâm thương mại lớn, một tòa nhà có hình dáng bè bè, xây toàn bộ bằng bê tông từ những năm 1970.

Ông đi bộ rời khỏi khu phố không chút duyên dáng, bị các công trình làm biến dạng đó.

Xám xịt, tẻ nhạt, thô lương, không chút sinh khí: hình ảnh về Nancy trong ông không có chút gì tích cực. Tuy nhiên, chính ở nơi này, vào năm 1978, ông đã gặp cô gái sẽ trở thành vợ ông. Hồi đó, là thanh tra trẻ (như người ta vẫn gọi khi ấy) vừa mới tốt nghiệp trường Cannes-Écluse, Marc miễn cưỡng tham dự lớp đào tạo nghiệp vụ kéo dài một tuần, tổ chức tại khoa Văn học và khoa học xã hội thuộc trường đại học Nancy. Chính ở đó, trong một giảng đường, khi trao đổi về bài học, ông đã gặp Élise. Élise hai mươi tuổi, là sinh viên văn học cổ điển và sống trong một phòng ký túc xá ở phố Notre-Dame-de-Lourdes.

Marc làm việc tại Paris. Suốt hai năm, trong khi chờ Élise học xong, ông đã đi đi lại lại như con thoi giữa hai thành phố. Ông vẫn nhớ những tối khi mà trong một con dốc đồng, ông rời thủ đô và đi gặp bà, vô tư lao về phía Nancy sau tay lái chiếc R8 Gordini. Ông cảm thấy mắt mình nhòe đi. Người ta chỉ trải qua những việc như thế một lần duy nhất, nhưng ngay lúc đó, người ta hiếm khi ý thức được giá trị của nó. Và đó là một trong những bi kịch của cuộc đời.

Chết tiệt. Lẽ ra ông không nên mở van xả ký ức. Lẽ ra ông phải chặn đứng chúng, chiến đấu giáp lá cà với chúng, không nhường cho chúng dù

chỉ một tắc đất, nếu không ông sẽ tiêu đời.

Ông chớp mắt, nhưng hình ảnh của Élise vẫn khắc sâu trước mắt ông. Một cô gái miền Đông đích thực. Khuôn mặt quả quyết và buồn rầu, mái tóc màu tro, đôi mắt màu trong veo như pha lê. Thoạt nhìn, đó là một vẻ đẹp lạnh lùng, xa xôi, gần như không thể chạm tới. Nhưng khi đã thân thiết, bà trở nên hoàn toàn trái ngược: vui vẻ, quyến rũ, đầy nhiệt thành.

Chính Elise đã đưa ông đến với văn học, hội họa và nhạc cổ điển. Đòi hỏi cao, nhưng không chảnh chọe, bà lúc nào cũng ôm sách trên tay: khi là một cuốn tiểu thuyết, khi thì một tập thơ, hoặc một catalogue triển lãm. Nghệ thuật, thế giới tưởng tượng và những ảo ảnh là một phần không thể thiếu trong thế giới của bà. Khi đưa ông đến với không gian nhạy cảm đó, Élise đã biến đổi ông. Nhờ có bà, Caradec đã ngộ ra một điều: thế giới không bó hẹp trong thực tại trần trụi của những cuộc điều tra. Thế giới rộng lớn hơn, khó nắm bắt hơn, khiến người ta chóng mặt hơn.

Trong lúc đi thơ thẩn giữa thành phố, Marc cảm thấy mình đang thất bại trong cuộc chiến. Ông mở ngăn đựng tiền lẻ trong ví lấy ra một viên Lexomyl rồi bẻ làm đôi. Viên đạn cuối cùng của ông. Một viên thuốc ngậm dưới lưỡi. Nhờ tới sự chi viện của hóa học để khỏi gục ngã. Để khoanh vùng nỗi đau vì đã không đủ khả năng yêu Élise mạnh mẽ hơn. Vì đã không đủ khả năng giữ bà lại.

Ông cảm thấy tác dụng của viên thuốc gần như tức thì. Các hình ảnh bớt dữ dội, nỗi căng thẳng giảm đi một nấc. Trong khi hình ảnh vợ ông nhạt nhòa đi, những lời của Flaubert mà bà rất thích trở lại trong tâm trí ông: “Mỗi người chúng ta đều có một cung cấm trong tim mình. Tôi đã xây bít nó lại, nhưng nó không bị phá hủy.”

2.

Vào buổi chiều cuối hè này, quá khứ xấu xí của phố Bilberry dường như xa xôi đến mức ta tưởng như nó đã bị bịa ra. Đám lá xào xạc trong làn gió nhẹ thì thầm một khúc hát dịu dàng vào tai người qua đường. Như một

họa sĩ trường phái ấn tượng, mặt trời dát vảy vàng trên các hàng rào, vẽ nên một bức tranh vừa u sầu vừa nồng nhiệt, pha trộn giữa phong cách của Norman Rockwell và Edward Hopper.

Ở số nhà 299, trên thềm nhà, hai phụ nữ da đen đang vừa hóng mát vừa trông một bé gái và một cậu nhóc đang ngồi làm bài tập bên chiếc bàn trong vườn.

— Anh tìm gì vậy?

Người lên tiếng hỏi tôi, lớn tuổi hơn, hẳn là Angela, chị cả của Joyce Carlyle.

— Chào hai cô, cháu tên là Raphaël Barthélémy, cháu muốn hỏi hai cô vài câu về...

Bà phản ứng ngay lập tức:

— Ít ra anh không phải nhà báo đấy chứ?

— Không, cháu là nhà văn.

Đó chính là điều luôn đập vào mắt tôi: có vẻ như mọi người càng ghét nhà báo bao nhiêu thì lại càng ưa thích các tiểu thuyết gia bấy nhiêu.

— Cậu hỏi về chuyện gì?

— Về người chị em gái của hai cô, cô Joyce.

Bằng một cử chỉ dứt khoát và bức bối, bà tát vào khoảng không như thể xua đuổi một con ong vò vẽ.

— Joyce chết mười năm rồi! Cậu là ai mà nghĩ mình có quyền quấy rối ký ức về cô ấy?

Angela có giọng nói trầm và cứng rắn. Bà giống một diễn viên trong những bộ phim blaxploitation ^[15]. Phong cách của người Phi, tóc bông, xoắn phồng thành một ụ trên đầu. Một Pam Griver mặc áo thun sặc sỡ và áo bu đông da không tay.

— Cháu rất tiếc khi phải làm sống dậy những ký ức đau buồn, nhưng có lẽ cháu có vài thông tin có thể khiến hai cô quan tâm.

— Thông tin gì?

— Liên quan đến cháu gái của hai cô, Claire.

Ánh than hồng bùng lên trong mắt bà. Bà nhảy bật khỏi chiếc ghế bập bênh để la mắng tôi:

— Tao không thích trò tổng tiền của mày đâu, đồ nhãi ranh! Nếu mày có điều gì cần nói với chúng tao thì nói luôn đi, còn không thì biến!

Gladys, người phụ nữ trẻ hơn, liền cứu viện tôi:

— Để cậu ta nói đi, Angie, trông cậu ta cũng có vẻ đáng tin đấy.

— Cái mặt đáng tin của lũ sâu mọt, đúng đấy! -Bà hét lên, rồi bỏ vào nhà, lôi theo hai đứa bé, như thể bà đang tìm cách đưa chúng vào nơi an toàn.

Tôi đã trò chuyện hồi lâu với Gladys. Bà có phong cách cổ điển hơn chị gái, gần giống với Claire: tóc dài và suôn, đường nét thanh tú, trang điểm rất tinh tế. Với chiếc váy trắng xẻ rất cao khiến ta không thể bỏ qua đôi chân trần, bà khiến tôi nhớ đến vỏ đĩa *Four Seasons of Love*. Album nhạc disco đó của Donna Summer có mặt trong tủ đĩa hát của bố mẹ tôi, và đã mang lại niềm vui cho những năm tôi còn rất nhỏ.

Nhã nhặn và tò mò, bà đồng ý kể với tôi về người chị gái đã qua đời. Không để tôi phải nài nỉ, bà xác nhận với tôi những gì Marlène Delatour, phóng viên tờ Miền Tây nước Pháp đã kể: Joyce Carlyle đúng là đã chết vì sốc thuốc, chưa đầy một tháng sau khi Claire bị bắt cóc.

— Sau từng ấy năm bỏ thuốc, đột nhiên cô Joyce lại tái nghiện sao?

— Làm sao trách chị ấy được? Chị ấy bị hủy hoại vì vụ con gái mất tích.

— Nhưng vào thời điểm cô ấy dùng thuốc quá liều, vẫn còn hy vọng tìm thấy Claire còn sống mà.

— Tinh thần căng thẳng và rối loạn đã tàn phá chị ấy. Cậu có con không, cậu Barthélémy?

Tôi cho bà xem ảnh Théo trên điện thoại.

— Cậu bé đang hít hà niềm vui sống! - Bà thốt lên. Trông cậu bé giống cậu lắm.

Thật ngốc nghếch, nhưng lần nào lời nhận xét đó cũng khiến tôi vui sướng. Trong khi tôi đang cảm ơn bà, cánh cửa mở ra. Angela lại xuất hiện, kẹp dưới cánh tay một tập album, và bà đến bên chúng tôi. Bà đã bình tĩnh

lại và chủ động tham gia vào cuộc trò chuyện mà rõ ràng bà đã theo dõi này giờ từ đằng sau cửa sổ.

— Nếu cậu muốn hiểu về Joyce, thì phải luôn tâm niệm một sự thật trong đầu: em gái tôi là một đứa bông bột, say mê, si tình. Tính tôi không như thế, nhưng tôi tôn trọng nó.

Câu nói của Anatole France vang lên trong đầu tôi: “Tôi vẫn thích sự điên cuồng của đam mê hơn là sự khôn ngoan của hờ hững.”

Angela trầm ngâm dùng tập album mà bà mang ra để quạt.

— Lúc còn trẻ, Joyce thường xuyên làm những chuyện dại dột, bà nói tiếp. Từ khi Claire ra đời, nó đã có cuộc sống ổn định hơn. Nó là một phụ nữ có học thức và là một bà mẹ tốt, nhưng vẫn mang trong mình thứ tia lửa đen tối đó, thứ xung động tự phá hủy bản thân thường có trong một số người. Một thứ thú vật nội tâm mà đôi khi cậu có thể thuần hóa trong suốt nhiều năm trời, đến mức tưởng như đã quật ngã nó. Nhưng con thú ấy không bao giờ chết và tia lửa đó chỉ chờ dịp để cháy bùng trở lại.

— Hai cô đã không nhận thấy gì sao? Cháu tưởng là thời gian đó, cô ấy phải được mọi người bao bọc hết

Bà nhìn tôi với nỗi buồn vô hạn trong mắt.

— Chính tôi đã tìm thấy Joyce trên sàn phòng tắm với một chiếc kim tiêm cắm trên cánh tay. Và hẳn là chính tôi cũng có phần trách nhiệm trong cái chết của nó.

3.

Nancy.

Đi từ vỉa hè này sang vỉa hè khác, Caradec luồn lách giữa dòng người qua đường. Dưới ánh mặt trời, thành cổ của các công tước xứ Lorraine này dường như đã được tiếp thêm nguồn sức sống mới so với những kỷ niệm mà ông vẫn giữ về nó. Thời tiết đẹp khiến mọi thứ thay đổi, mang lại cho thành phố những liều vitamin mà nó thiếu hụt trong những ngày mưa. Hôm nay, kể cả những tòa nhà nhỏ trên phố Claudion cũng có dáng dấp của chốn

thị thành miền Nam. Trở thành con phố đi bộ và chỉ có tàu điện chạy qua, phố Saint-Jean tràn đầy năng lượng.

Phố Saint-Dizier. Sảnh sách. Cửa hàng sách lớn này vẫn trung thành với ký ức của Marc về nó. Ông nhớ như in những viên đá lát nền ở tầng trệt và những lối đi thông phòng chạy khắp mỗi tầng, đôi khi khiến ta có cảm giác đang ở trên một con tàu.

Vừa bước vào, ông đã hỏi một nhân viên đang xếp những cuốn từ điển bỏ túi lên một khay trưng bày màu sắc lòe loẹt.

— Tôi tìm Maxime Boisseau.

— Dây truyện trinh thám, tầng bốn.

Marc trèo hai bậc một lên cầu thang, nhưng đến trước những bàn trưng bày sách kinh dị và tiểu thuyết đen, ông chỉ thấy một cô bán sách trẻ đang chia sẻ với một độc giả niềm yêu thích của mình đối với cuốn *Nécropolis* [16], kiệt tác của Herbert Lieberman.

— Maxime à? Vì đang là mùa khai giảng, nên cậu ấy qua giúp mấy anh chàng ở gian bán văn phòng phẩm một tay.

Caradec vừa càu nhàu vừa quay trở lại. Khai giảng... Chết tiệt thật, không đúng lúc chút nào. Đang là chiều thứ Sáu. Các lớp học vừa kết thúc và gian hàng văn phòng phẩm đông nghịt học sinh lẫn phụ huynh.

Hai người bán hàng bận túi bụi. Trên chiếc áo gi lê đỏ đang mặc, anh chàng trẻ hơn cài một chiếc phù hiệu có ghi tên mình.

— Maxime Boisseau? Tôi là đại úy Caradec, Đội Cảnh sát trấn áp tội phạm có tổ chức, tôi muốn hỏi cậu vài câu.

— Vâng, nhưng cháu... Mà thật ra, ở đây thì không được, cậu ta ấp úng.

Maxime Boisseau trẻ hơn nhiều so với hình dung của Marc. Cậu có khuôn mặt đẹp đẽ nhưng rõ ràng là bị giày vò bởi những nỗi ngờ vực cũng như sự mong manh trong mình. Caradec nghĩ ngay đến Montgomery Clift trong những vai diễn đầu tiên: *Dòng sông đỏ*, *Một chỗ dưới ánh mặt trời*...

— Cậu có thể nghỉ một lát, anh chàng nhân viên còn lại cũng là phụ trách gian hàng đảm bảo. Tôi sẽ gọi Mélanie.

Maxime cởi bỏ chiếc áo gi lê đồng màu với cửa hàng rồi đi theo Caradec, ông đang ra sức huých cùi chỏ để lách khỏi đám đông ồn ào.

— Đông thế này, cháu còn chẳng có thời gian mà ăn trưa nữa, anh chàng bán sách nói khi ra đến vỉa hè. Có một quán bar phục vụ món sushi ở trên kia một quãng, chú thấy thế nào?

— Tôi thích ăn bít tết hơn, nhưng sao lại không chứ.

Năm phút sau, hai người đàn ông đã yên vị cạnh nhau trên những chiếc ghế quầy bar. Nhà hàng hoạt động theo nguyên tắc quay vòng: những chiếc đĩa nhỏ được bọc giấy bóng kính chạy trên băng chuyền. Vào giờ này, họ vừa mở cửa và gần như còn vắng tanh.

— Cháu đã kể hết với trung tá Muselier rồi, Boisseau bắt đầu nói trong lúc dùng ống hút khuấy cốc Vittel bạc hà.

Caradec nói thẳng ý định của mình:

— Quên gã ngốc ấy đi. Cậu cũng hiểu ra rồi đấy, gã không phải người sẽ giúp được cậu đâu.

Mặc dù cách nói toạc móng heo này có vẻ không khiến anh chàng bán sách trẻ khó chịu, nhưng Maxime vẫn bao biện cho viên cảnh binh:

— Xét về mặt nào đó, Muselier cũng không sai: đã chín năm kể từ khi vụ án xảy ra, câu chuyện của cháu chẳng còn ý nghĩa gì hết.

Marc lắc đầu:

— Không chỉ có ý nghĩa, mà nó còn có thể giúp chúng tôi điều tra một vụ án khác nữa.

— Thật sao?

— Trước hết, hãy để tôi hỏi cậu rồi tôi sẽ giải thích cho cậu sau, được không?

Chàng trai trẻ đồng ý. Marc thuật lại những chi tiết cơ bản trong câu chuyện mà viên cảnh binh đã kể với ông.

— Vậy là, hồi đó cậu mười tuổi, đúng không?

— Mười tuổi rưỡi. Cháu vừa vào lớp sáu.

— Hồi đó cậu sống ở đâu?

— Ở nhà bố mẹ cháu, trong một khách sạn tư ở quảng trường Carrière.

— Trong thành cổ, đúng không? Gần quảng trường Stanislas?

Boisseau gục gặc đầu và nói tiếp:

— Chiều thứ Tư hằng tuần, tài xế của gia đình chở cháu đến lớp học giáo lý.

— Ở chỗ nào?

— Ở giáo đường Saint-Epvre. Cháu đã nói dối bố về giờ học để có thêm chút thời gian riêng. Tài xế thả cháu ở phố Guise và cứ cách buổi, thay vì đến gặp các cha xứ, cháu lại đến công viên Orly. Ở đó có một hoạt náo viên của Văn phòng Thanh niên Quốc tế tổ chức các lớp kịch cho trẻ con. Vào cửa tự do. Không cần ghi tên, không rắc rối gì. Vô cùng thú vị.

Marc tu một ngụm bia và vớ lấy một đĩa sashimi. Maxime tiếp tục câu chuyện bằng giọng run rẩy:

— Đúng lúc cháu quay về thì bị gã đó tóm. Cháu vẫn luôn đi lối tắt ngang qua Bệnh viện Đại học của vùng. Cháu không nhìn thấy gã đi tới, và chỉ trong vài giây cháu đã bị nhốt đằng sau chiếc xe 4x4 của gã.

— Gã có biết cậu là ai không?

— Đương nhiên là có chứ. Với lại đó cũng chính là điều đầu tiên gã nói với cháu: “Mọi việc rồi sẽ tốt đẹp: bố mày sẽ sớm đưa mày ra khỏi đây thôi.” Chắc là gã đã theo dõi cháu nhiều tuần rồi.

— Hai người chạy xe trong bao lâu?

— Khoảng hai tiếng. Khi đến nhà gã, ở giữa rừng, trời mưa và gần như đã về đêm. Lúc đầu gã nhốt cháu trong một nhà kho chứa dụng cụ ở gần nhà. Cháu nghĩ cháu đã bị sốt vì quá sốc. Cháu mê sảng, gào thét, không thể nào dừng lại được. Nói tóm lại là cháu đã sợ vãi cả ra, chú hiểu không? Cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Gã đã cho cháu hai ba cái tát gì đó, rồi quyết định cho cháu vào trong nhà. Lúc đầu, gã bịt mắt cháu, rồi đưa cháu đi xuống rất nhiều bậc cầu thang. Gã mở một cánh cửa, rồi lại một cánh cửa nữa. Cuối cùng, gã giao cháu cho một chị. Chị ấy có giọng nói rất dịu dàng và có mùi rất thơm. Mùi nước xịt áo mới là. Chị ấy bảo cháu đừng tháo dải băng bịt mắt và đừng lo lắng. Chị ấy tắm cho cháu bằng gừng tắm, thậm chí còn ru để cháu ngủ nữa.

— Cậu có biết tên cô gái đó không?

Boisseau gật đầu.

— Chị ấy bảo chị ấy tên là Louise.

Caradec nhấp nháy mắt.

Louise Gauthier, nạn nhân đầu tiên, mười bốn tuổi khi mất tích vào cuối năm 2004, khi đang đi nghỉ tại nhà ông bà ở Bretagne.

Lúc này, giọng nói của Maxime pha lẫn tiếng nước nở.

— Thế mà trong suốt từng ấy năm, cháu cứ tưởng chị ấy là đồng phạm của gã! Chỉ mới gần đây, khi đọc những bài báo về gã, Heinz Kieffer, cháu mới đoán ra chị ấy là ai! Chính là...

— Tôi biết cô gái ấy là ai. Cậu có liên hệ với các cô gái khác khi ở dưới đó không?

— Không, chỉ có Louise thôi. Chẳng có điều gì khiến cháu nghĩ rằng trong nhà còn có các cô gái khác nữa.

Bất động, mắt nhìn mông lung, Maxime câm lặng trong gần một phút.

— Bố mẹ cậu mất bao lâu mới gom đủ tiền chuộc? Caradec muốn biết.

— Chờ đã, chờ đã. Cái cặp nào? Bố cậu đã để tiền; một cái túi, đúng không?

— Không, đó là một cái cặp kiểu doanh nhân.

— Muselier nói với tôi rằng cậu đã kể với anh ta về một chiếc túi vải màu vàng.

Boisseau nổi cáu:

— Cháu chưa bao giờ nói thế! Đó là một cái cặp tài liệu cứng, loại Samsonite, bố cháu có rất nhiều cặp như thế. Sau đó, có thể Kieffer đã chuyển tiền sang một cái túi. Mà chuyện đó thì cũng có gì phải ngạc nhiên đâu. Gã đề phòng mọi chuyện. Gã nghĩ mọi người muốn gài bẫy gã bằng một cái máy phát hay thứ gì đó tương tự như thế.

Caradec cúi đầu và nhìn thấy những ngón tay của Boisseau đặt trên mặt quầy, chúng bị găm tới rướm máu. Cậu nhóc này quá dễ nhạy cảm và dễ bị tổn thương, vô cùng cảnh giác. Khuôn mặt thiên thần bị biến dạng vì căng thẳng và sợ hãi.

— Sau đó, đã xảy ra chuyện gì với bố mẹ cậu?

— Chẳng có chuyện gì cả. Không hề tranh cãi, không hề nói chuyện. Đối với họ, tất cả là lỗi của cháu. Hai ngày sau, cháu bị gửi đến trường nội trú. Lúc đầu là ở Thụy Sĩ, sau đó là ở Mỹ. Họ không bao giờ nhắc lại với cháu về thời kỳ đó, và theo thời gian, cuối cùng chính cháu cũng quên dần đi.

Marc nhú mào.

— Cậu muốn nói là cậu chưa từng liên hệ chuyện của mình với các nạn nhân của Kieffer?

— Không. Cháu sống ở Chicago, cách xa tất cả những chuyện này. Cho đến tận sáu tháng trước, thậm chí cháu còn chưa bao giờ nghe nói đến Kieffer.

— Cú hích đó là gì? Muselier gợi đến việc điều trị tâm lý.

— Đúng thế, cháu muốn ở lại Mỹ và học kịch ở Broadway, nhưng cháu đã phải trở về Pháp sau khi tốt nghiệp trung học. Vì lý do sức khỏe. Cháu chưa bao giờ khỏe mạnh thực sự. Lúc nào cháu cũng có xu hướng sợ mọi thứ, nhưng những cơn khủng hoảng vì lo lắng của cháu cứ nhân mãi lên. Cháu phải chịu đựng các xung động muốn tự sát, hoang tưởng cuồng ám và ảo giác. Cháu đang ở ngưỡng cửa của bệnh điên. Người ta đã cho cháu điều trị sáu tháng ở một bệnh viện tâm thần tại Sarreguemines. Cháu đã dần dần hồi phục, lúc đầu là nhờ thuốc, sau đó là nhờ một bác sĩ tâm lý.

— Và trong những buổi điều trị, ký ức về vụ bắt cóc thường trở lại...

— Vâng, và mọi chuyện đã trở nên tồi tệ hơn khi cháu biết được rằng kẻ bắt cóc cháu là Kieffer và gã đã phóng hỏa đốt cả căn nhà chỉ vài giờ sau đó. Lẽ ra cháu đã có thể cứu được các cô gái đó, chú hiểu không!

— Chuyện đó thì còn phải bàn đã, Marc nhận định.

Boisseau bắt đầu gào lên:

— Cháu đã biết được biển số xe, chết tiệt thật! Nếu bố con cháu đi gặp cảnh sát, thì có lẽ họ đã lần ra gã trước khi gã thực hiện vụ tàn sát đó.

Marc ôm lấy vai cậu để giúp cậu bình tĩnh lại.

— Bố mẹ cậu mới là người phải chịu trách nhiệm về việc đó. Không phải cậu.

— Họ thật khốn kiếp! Để tên mình không bị đưa lên mục tin vặt, họ thà để mặc một kẻ giết người được tự do. Chuyện đó khiến cháu phát điên!

— Cậu đã nói chuyện đó với họ sao?

— Cháu không còn nói chuyện với họ từ khi hiểu ra họ đã làm gì. Cháu sẽ từ chối mọi khoản thừa kế. Cháu không muốn nợ họ bất cứ thứ gì. Chính ông bà cháu là người đã trả tiền chữa bệnh cho cháu.

Marc thở dài.

— Cậu không phải chịu trách nhiệm gì trong vụ rắc rối này, hồi ấy cậu mới chỉ mười tuổi!

— Việc đó chẳng bào chữa được gì hết.

— Có đấy, việc đó bào chữa được mọi chuyện! Vài người có ít nhiều lý do để phải tự trách mình trong vụ này, nhưng tin tôi đi, cậu không nằm trong số đó đâu.

Maxime đưa tay lên ôm đầu. Anh chàng không động vào món sushi. Caradec thả dài. Ông rất thích cậu nhóc này: tròn vẹn, nhạy cảm, dễ tổn thương, trung thực. Ông thực sự muốn giúp cậu.

— Nghe này, tôi biết nói thì dễ hơn làm, nhưng cậu phải tìm cách để bỏ qua chuyện này đi, OK? Mà cậu vẫn còn ở lại đây làm cái quái gì chứ?

— Ở đâu?

— Ở Nancy. Hãy đi khỏi đây, cậu có những ký ức tồi tệ gắn với thành phố này, và vùng này. Hãy nhận tiền của bố mẹ cậu, đến New York, trả tiền học kịch. Ta chỉ có một cuộc đời, và nó trôi qua nhanh lắm.

— Cháu không thể làm thế.

— Tại sao?

— Cháu đã nói với chú rồi, cháu bị ốm. Cháu có vấn đề về tâm thần. Bác sĩ điều trị cho cháu sống ở đây và...

— Chờ đã! viên cảnh sát giơ tay lên ngắt lời.

Trên mép quầy, ông vớ lấy một tấm danh thiếp của nhà hàng, viết vội lên đó một cái tên kèm theo số điện thoại rồi đưa cho Boisseau.

— Esther Haziël, chàng trai trẻ đọc. Ai vậy ạ?

— Một cựu bác sĩ tâm thần ở Sainte-Anne. Người Mỹ gốc Pháp. Bà ấy hiện đang làm việc ở Manhattan, ở phòng khám riêng và tại một bệnh

viện. Nếu cậu gặp vấn đề gì ở đó, hãy bảo bà ấy là tôi giới thiệu cậu đến.

— Sao chú lại quen bà ấy?

— Tôi cũng từng cần được hỗ trợ. Suy sụp, ảo giác, khủng hoảng, sợ người khác và sợ chính mình, và như cậu đã từng nói, tôi đã qua cửa địa ngục.

Maxime vẫn còn sững sờ.

— Nếu chỉ nhìn chú thì sẽ chẳng thể tưởng tượng là có chuyện đó. Thế bây giờ, chú đã khỏi chưa?

Caradec lắc đầu.

— Chưa, những bệnh như thế, ta không bao giờ khỏi hẳn được. Đó chính là tin xấu đấy.

— Thế còn tin tốt ạ?

— Tin tốt là ta có thể học cách sống chung với nó.

4.

Phố Bilberry.

Angela Carlyle đặt cuốn album cũ lên tấm khăn phủ chiếc bàn ngoài thềm - cuốn sổ kỷ niệm mà những người ngày xưa thường tự làm, thay vì lưu trữ hàng mấy trăm tấm ảnh trong điện thoại rồi quên lãng chúng.

Gladys và Angela bắt đầu âu yếm lật giở từng trang trước mắt tôi. Lúc này, những chiếc van đóng nổi nhớ đã mở hết. Qua các tấm ảnh, Joyce như được hồi sinh đôi chút. Chuyện đó khiến họ đau đớn, nhưng cũng làm họ thấy vui hơn.

Từng năm một lướt qua: 1988, 1989, 1990... và các bức ảnh không thể hiện những gì tôi đã chuẩn bị tinh thần đón nhận. Vào thời gian đó, Joyce không phải là một xác sống nghiện ngập như Marlène Delatour đã mô tả. Mà là một cô gái trẻ rạng rỡ, vui vẻ, tuyệt vời. Cựu biên tập viên của tờ Tây Nam đã nhầm lẫn chăng? Hay cô đã rút gọn câu chuyện, như thói quen nghề nghiệp? Trước mặt hai chị em gái họ, tôi dè dặt hỏi, lúc này tốt hơn hết là không nên đề cập đến chủ đề Joyce từng làm gái:

— Một nhà báo Pháp cho cháu biết rằng khi sinh Claire, cô Joyce đang nghiện cocain và heroin.

— Nói láo! Angela giận dữ. Joyce chưa từng động đến cocain. Nó có vấn đề với heroin, đúng thế, nhưng là rất lâu trước đó rồi! Claire sinh năm 1990. Hồi đó, Joyce đã không còn dùng chất kích thích từ lâu. Nó đã quay lại sống ở nhà bố mẹ chúng tôi, ở Philadelphia, nó đã tìm được việc làm trong thư viện và thậm chí còn tình nguyện tham gia vào một trung tâm hoạt động xã hội của thành phố.

Tôi vừa thầm ghi nhớ thông tin này vừa ngắm nhìn những bức ảnh khác: ảnh của Claire, khi còn nhỏ, cùng với mẹ, bác gái, dì và bà ngoại. Nỗi xúc động khiến cổ họng tôi nghẹn lại. Thật bối rối và xót xa khi nhìn thấy cô gái tôi yêu ở độ tuổi lên sáu lên bảy. Tôi nghĩ đến mầm sống đang thành hình trong bụng nàng. Có thể là một bé gái giống nàng. Nếu tôi tìm lại được nàng.

Một lần nữa, các bức ảnh khác xa so với những hình ảnh bi thảm đầy rẫy trên báo chí. Chị em nhà Carlyle là những phụ nữ có học thức và khá thoải mái về mặt tài chính. Mẹ họ, bà Yvonne, là luật sư và đã làm việc cả đời tại văn phòng thị trường Philadelphia.

— Không có ảnh của bố các cô sao? tôi ngạc nhiên hỏi.

— Thật khó mà chụp ảnh một bóng ma, Gladys trả lời.

— Một làn gió thì đúng hơn, Angela chỉnh lại. Một làn gió với cái của quý treo lưng lửng.

Hai người phụ nữ phá lên cười sặc sụa trong vô thức và tôi cũng không thể ngăn mình mỉm cười.

— Thế còn Claire? Bố cô ấy là ai?

— Chúng tôi không biết, Gladys vừa cam đoan vừa nhún vai.

— Joyce không bao giờ nói về chuyện đó và chúng tôi cũng chưa từng tìm cách khám phá xem anh ta là ai.

— Cháu thấy khó tin quá. Khi còn nhỏ, chắc hẳn cháu gái hai cô phải nhiều lần hỏi câu đó chứ!

Angela nhíu mày. Bà ghé sát vào mặt tôi gầm gừ:

— Cậu có thấy gã đàn ông nào trong album này không?

— Không ạ.

— Cậu có thấy gã đàn ông nào trong căn nhà này không?

— Đúng là không ạ.

— Không có, chưa từng có và sẽ không bao giờ có. Chúng tôi, người nhà Carlyle là như thế đấy. Chúng tôi sống không cần đàn ông. Chúng tôi là những nữ chiến binh Amazon.

— Cháu không chắc là phép loại suy đó đúng đắn đâu ạ.

— Tại sao?

— Trong thần thoại Hy Lạp, người ta kể rằng họ bẻ gãy chân tay của những bé trai. Hoặc họ móc mắt chúng để biến chúng thành nô lệ.

— Cậu hiểu rất rõ tôi muốn nói gì rồi đấy. Chúng tôi chẳng trông chờ gì ở đàn ông hết, nhai ranh ạ. Đó là triết lý của chúng tôi, dù cậu thích hay không cũng mặc.

— Không nên cho tất cả đàn ông vào chung một rọ.

— Có, có chứ, chính xác là thế, đàn ông đều cùng một cả: bất lương, thay lòng đổi dạ, hèn hạ, lừa đảo, thích khoe khoang. Các người không đáng tin. Các người tưởng mình là chiến binh, nhưng thực ra chỉ là những con rối đáng thương bị điều khiển bởi dục vọng của chính các người. Các người tưởng mình nam tính, nhưng thực chất chỉ là kẻ săn đuổi những thứ vô giá trị.

Đến lượt tôi muốn tranh luận cho ra lẽ, và tôi kể cho hai người nghe về trải nghiệm của mình với Natalie, người đã bỏ tôi một tháng sau khi sinh con. Nhưng như thế vẫn không đủ để được hưởng sự khoan dung của họ.

— Đó chỉ là một ngoại lệ, lại càng khẳng định thêm quy luật, Angela tuyên bố.

Năng đã tàn. Hơi nóng đã dịu, vẻ mặt dễ mến vẫn luôn có ích cho tôi, vì mặc dù không biết thực ra tôi là ai, nhưng hai người phụ nữ đã chuyển sang tâm sự với tôi. Angela đã thôi cảnh giác. Dù bà vẫn khẳng định điều ngược lại, nhưng tôi cảm thấy bà không vô cảm với câu chuyện của tôi.

Bà gấp cuốn album lại. Trong thoáng chốc, những đám mây tụ lại che khuất mặt trời rồi tỏa dần ra.

— Tại sao khi này cô lại bảo rằng cô cảm thấy có đôi chút trách nhiệm trong cái chết của cô Joyce?

— Tất cả chúng tôi đều có phần trách nhiệm, Gladys khẳng định.

Angela thở dài.

— Sự thật là chúng tôi thậm chí còn không có mặt ở đây vào cuối tuần khi chuyện ấy xảy ra. Chúng tôi đang ở nhà mẹ tại Philadelphia. Joyce đã không muốn đi cùng. Tôi ngờ rằng nó lại chìm vào nghiện ngập rồi, mặc dù nó vẫn chối.

Gladys góp chuyện:

— Chúng tôi đã đi nhanh về nhanh, vì mẹ chúng tôi vừa mổ khớp háng và không thể đi lại được. Bà cũng lo lắng muốn chết về vụ Claire bị bắt cóc, và thật lòng, tôi cũng không biết nếu chúng tôi có mặt ở đây thì có thay đổi được gì không.

— Chính xác thì mọi việc diễn ra thế nào ạ?

Angela lại lên tiếng:

— Chính tôi là người tìm thấy xác Joyce, trong phòng tắm, vào tối Chủ nhật khi chúng tôi quay về. Trên cánh tay nó có cắm một cái kim tiêm. Rõ ràng là nó đã bị ngã, đầu đập vào lavabo.

— Người ta không tiến hành điều tra sao?

— Có chứ, tất nhiên, Gladys cam đoan. Và bởi vì đó là một ca đột tử, nên bên Giám định Pháp y đã yêu cầu khám nghiệm tử thi.

Angela nói thêm:

— Cảnh sát đã ủng hộ yêu cầu đó do có một sự việc khiến mọi người rất bối rối: một cuộc gọi nặc danh đã báo rằng có vụ tấn công xảy ra ở địa chỉ nhà Joyce vào ngày nó chết.

Như có một luồng điện giật, cả người tôi nổi da gà từ chân đến đầu. Tôi biết cái cảm giác này. Trong quá trình viết một cuốn tiểu thuyết, sẽ luôn có lúc các nhân vật khiến bạn phải ngạc nhiên. Hoặc họ bắt đầu muốn làm những việc mà bạn không dự định cho họ làm, hoặc họ tiết lộ với bạn một điều động trời ngay giữa một cuộc đối thoại tuôn ra qua đầu các ngón tay bạn trên bàn phím. Trong những trường hợp đó, lúc nào bạn cũng có thể ấn phím “Delete” và làm như tất cả những chuyện đó chưa hề tồn tại. Nhưng

thông thường, bạn sẽ không lựa chọn theo hướng đó, bởi điều nằm ngoài dự kiến ấy cũng chính là thời điểm hào hứng nhất của việc viết lách. Là thời điểm H khiến câu chuyện của bạn trở nên mới lạ. Và đó chính là cảm giác tôi nhận thấy khi nghe lời tiết lộ của Angela.

— Điều tra viên phân tích những cuộc gọi cuối cùng trên điện thoại của Joyce. Họ đã tạm giam kẻ bán thuốc cho nó, một thằng vô lại tép riu trong khu này. Tên đó thừa nhận đã bán cho Joyce một liều lớn đủ phê cả dịp cuối tuần, nhưng hẳn có chứng cứ ngoại phạm rõ ràng vào chiều hôm nó chết nên đã được thả.

— Tối nghiêm túc hỏi:

— Liệu còn ai có bất cứ động cơ nào để sát hại chị em gái của các cô không?

Gladys mỉm cười buồn bã.

— Tôi không nghĩ thế, nhưng khi cậu đã rơi vào nghiện ngập, dù không muốn cậu cũng sẽ phải giao du với những thứ cặn bã của nhân loại.

Angela tiếp lời:

— Dù sao đi chăng nữa, kết quả khám nghiệm tử thi đã xác nhận tình trạng dùng thuốc quá liều. Vết thương ở đầu là tự nó gây ra khi ngã đập vào thành lavabo.

— Thế còn cuộc gọi nặc danh kia?

— Chuyện thường ngày ở huyện thôi. Trò của đám trẻ ranh để khiến cảnh sát phải nổi điên lên ấy mà.

— Dù sao, hai cô cũng không thấy là có quá nhiều điểm trùng hợp sao?

— Có chứ, tất nhiên, chính vì thế mà chúng tôi đã thuê một luật sư gửi cho chúng tôi một số nội dung của cuộc điều tra.

— Thế rồi sao ạ?

Đột nhiên, mắt Angela nhòa đi. Như thế bà tiếc nuối vì đã nói quá nhiều. Như thế bà nhận ra rằng bà không biết gì về tôi. Như thế bà đột nhiên nhớ ra điều tôi đã nói với bà nửa tiếng trước: “Có thể cháu có thông tin về cháu gái của hai cô.”

— Lúc trước cậu ám chỉ đến những thông tin gì vậy? Cậu nghĩ có thể cho chúng tôi biết điều gì về Claire?

Tôi biết rằng thời khắc này sẽ đến và nó sẽ diễn ra không mấy tốt đẹp. Điện thoại của tôi vẫn nằm trên bàn. Tôi chọn trong số các bức ảnh một bức đặc biệt. Bức selfie Claire và tôi chụp chung vào ngày hôm kia trước khi đến nhà hàng, chụp vội trên cảng Antibes với hậu cảnh là pháo đài Carré.

Tôi đưa điện thoại cho Angela.

Tất nhiên, ta có thể khiến một bức ảnh nói lên bất cứ điều gì, nhưng tôi tin rằng bức ảnh này không nói dối.

— Claire còn sống, tôi tuyên bố đơn giản.

Bà ngăm nhìn bức ảnh hồi lâu rồi bỗng lấy hết sức bình sinh ném điện thoại của tôi ra vỉa hè.

— Cút khỏi nhà tôi ngay! Cậu là kẻ lừa đảo! bà hét lên rồi òa khóc nức nở.

11

Những phụ nữ không thích đàn ông

*Máu trên tuyết, rất
thuần khiết, đỏ và
trắng, rất đẹp.*

Jean GIONO

1.

— Bố stop! Tự Théo! Tự Théo!

Ngồi trên chiếc ghế ăn của mình, con trai tôi giăng lấy chiếc thìa nhựa từ tay tôi để tự xúc nốt món bột nghiền rắc giấm bông. Sau khi đã chắc chắn là yếm của bé được buộc cẩn thận, tôi chộp lấy ly Caipirinha [17] thay cho cốc bông ngô, và giống như đang xem một buổi diễn, tôi ngắm nhìn bé thực hiện vụ tàn sát của mình. Các động tác của bé vẫn chưa được vững. Mũi, cằm, tóc, sàn nhà, chiếc ghế: tôi có cảm giác món bột nghiền đó hạ cánh khắp nơi ngoại trừ trong miệng bé. Nhưng có vẻ việc này khiến bé vui thích và cả tôi cũng phải phì cười.

Hương vị của nước Ý phảng phất trong không khí. Chúng tôi đang ngồi bên dưới mái vòm của khoảnh sân trong Bridge Club. Một chỗ nấu mình đầy màu xanh và yên bình giữa lòng New York. Một không gian đậm chất thôn quê và nằm ngoài thời gian, chỉ mình nó đã đủ để lý giải cho cái giá cắt cổ của khách sạn này.

— Hấp nơi..., Théo nói.

— Đúng thế, anh bạn ạ: con để bột vương khắp nơi rồi. Chẳng có gì đáng khoe khoang đâu. Con có muốn ăn sữa chua bây giờ không?

— Không, xuống cơ!

— Bố không nghe thấy “giúp con ạ”.

— Giúp con ạ, bố, xuống.

Ừm, bé sẽ ăn sữa chua sau vậy. Tôi lấy khăn lau cho bé, một nhiệm vụ khó nhọc, bởi vì Théo quay đầu tứ phía để thoát khỏi tôi. Rồi tôi cởi yếm cho bé, nhắc bé khỏi ghế và để bé nhảy nhót tung tăng trong khung cảnh điền viên này, giữa những cây cọ, những loại cây ngoại nhập và cây trầu bà rủ xuống từ mấy bức tường.

Ở giữa sân là tượng một thiên thần mệt mỏi, được điêu khắc bằng đá cẩm thạch, và một vòi phun nước hai tầng ẩn tượng có cây và hoa bao quanh. Tôi nhìn theo con trai luồn lách giữa những bụi cây được cắt tỉa cẩn thận tạo thành hoa văn hình học khiến ta nghĩ đến một mê cung. Hình ảnh bộ phim *The Shining* của đạo diễn Kubrick lướt qua tâm trí và khiến tôi rùng mình.

— Đừng đi xa quá nhé, Théo, được chứ?

Bé quay lại và dành cho tôi một nụ cười đáng yêu kèm với một cái vẫy tay khe khẽ.

Tôi vớ lấy điện thoại và xem xét những thiệt hại của nó sau khi bị Angela đối xử tàn tệ. Màn hình kính bị nứt, nhưng vỏ máy đã bảo vệ điện thoại đủ để nó vẫn tiếp tục hoạt động được. Tôi truy cập Wi-Fi của khách sạn và trong vòng mười phút cố gắng tìm lại dấu vết của Olivia Mendelshon, bạn của Claire, nhân chứng duy nhất trong vụ bắt cóc, nhưng vô ích. Tôi không tin lắm là sau hơn mười năm cô còn có thể cho tôi biết điều gì mang tính quyết định, nhưng đó là một trong những hướng điều tra hiếm hoi còn lại. Không phải vì nóng lòng mà tâm trí tôi kém sáng suốt. Tôi không ngừng nghĩ đến Claire, bị bắt cóc lần thứ hai trong đời.

Một nhân viên phục vụ cúi xuống bên tôi.

— Có người tìm ông, thưa ông Barthélémy.

Tôi quay nhìn về phía cửa ra vào gần quầy bar cocktail. Là Gladys, em gái út trong ba chị em nhà Carlyle. Bà đã thay chiếc váy trắng bằng áo bu đông da ngựa, một bộ đồ liền thân màu sắc sặc sỡ in họa tiết kính vạn hoa và một đôi giày gót cao đến chóng mặt. Tôi quan sát trong khi bà tiến đến,

duyên dáng uyển chuyển lướt đi giữa những chiếc đèn lồng phong cách Ma Rốc dẫn đường cho lối đi lát gạch đất nung nằm giữa thảm cỏ.

Tôi nhẹ cả người khi nhìn thấy bà. Trước khi rời khỏi nhà họ, tôi đã viết nguệch ngoạc địa chỉ khách sạn lên danh thiếp của mình rồi nhét nó xuống dưới một cái cốc để trên mặt bàn kê ngoài thềm.

— Chào cô Gladys, cảm ơn cô đã đến.

Bà ngồi xuống chiếc ghế mây trước mặt tôi, nhưng vẫn im lặng.

— Cháu rất hiểu phản ứng của chị cô.

— Angela nghĩ cậu là một kẻ lừa bịp đang tìm cách đảo tiền của chúng tôi.

— Cháu không muốn tiền.

— Tôi biết. Tôi đã tìm tên cậu trên Internet. Tôi nghĩ cậu kiếm sống tốt.

Cô nhân viên phục vụ lại gần. Gladys gọi một cốc trà xanh bạc hà.

— Cho tôi xem lại bức ảnh, bà yêu cầu.

Tôi đưa bà chiếc điện thoại và cho chạy lướt nhiều bức ảnh của Claire. Bà ngắm nghía như bị thôi miên, cho đến khi lệ dâng lên trong mắt.

— Nếu cậu không muốn tiền, thì cậu muốn gì đây?

— Muốn hai người giúp cháu, để tìm lại cô gái mà cháu yêu.

Vì phải trông chừng Théo đang say sưa với con mèo vằn của khách sạn, tôi phải mất đến mười lăm phút mới giải thích được một cách chi tiết cho bà vụ tìm kiếm của tôi. Từ khi tôi gặp Claire rồi vụ cãi cọ giữa chúng tôi ở miền Nam nước Pháp cho đến chuỗi các sự kiện đã dẫn tôi tới New York. Tôi chỉ lược bớt việc Claire có thai để câu chuyện đỡ nặng nề.

Dán mắt vào môi tôi, bà lắng nghe chuyện tôi kể, nửa hoài nghi, nửa say sưa. Gladys là một phụ nữ thông minh. Bà suy nghĩ một lát rồi nhận xét:

— Nếu những gì cậu nói với tôi là thật, tôi không hiểu tại sao cậu lại không báo cảnh sát.

— Bởi vì có lẽ Claire sẽ không muốn cháu làm thế.

— Làm sao cậu có thể tin chắc như thế?

— Cô nghĩ xem. Từ gần mười năm nay, cô ấy đã tìm cách trốn tránh cảnh sát! Cháu muốn tôn trọng bí mật mà cô ấy đã dày công che giấu.

— Kể cả mạo hiểm mạng sống của con bé sao? bà thốt lên.

Tôi không có câu trả lời cho câu hỏi đó. Tôi đã lựa chọn cách làm mà tôi cho là đỡ tệ nhất. Lúc này, tôi đã quyết định sẽ làm theo lựa chọn đó đến cùng.

— Cháu đang làm hết khả năng để tìm lại cô ấy, tôi giải thích.

— Ở đây, ở Harlem này sao?

— Cháu nghĩ một phần của lời giải thích việc cô ấy biến mất sẽ được tìm thấy ở đây, đúng thế. Trong quá khứ của cô ấy.

— Nhưng cậu là tiểu thuyết gia, không phải điều tra viên.

Tôi tránh nói với bà rằng trong đầu tôi, điều đó cũng không khác biệt nhiều lắm. Thay vì thế, tôi cố gắng trấn an bà.

— Marc Caradec, một người bạn của cháu, một cảnh sát nổi tiếng, đang tiếp tục điều tra tại Pháp.

Tôi đưa mắt tìm con trai. Bé đang cố gắng leo lên một cái vò bằng đất nung cao gấp đôi người bé.

— Cần thận đấy, Théo.

Cứ nói đi, bố, ai thèm nghe chứ...

Gladys nhắm mắt để suy nghĩ tập trung hơn. Tiếng róc rách êm dịu của đài phun nước nhắc nhở đến những đĩa CD thư giãn mà bác sĩ châm cứu của tôi vẫn mở trong phòng chờ.

— Từ tận đáy lòng, tôi vẫn nuôi một hy vọng mong manh là Claire còn sống, bà thổ lộ. Khi cháu gái tôi bị bắt cóc, tôi hai mươi tư tuổi, và tôi vẫn nhớ rằng, trong những tuần sau đó, tôi đã...

Gladys tìm cách diễn đạt.

“... tôi đã thường xuyên có cảm giác mình đang bị theo dõi. Chẳng có căn cứ cụ thể nào, nhưng cảm giác đó rất thật.

Tôi để bà nói tiếp.

— Ngay cả khi người ta tìm thấy ADN của con bé ở nhà gã ấu dâm đó, tôi vẫn nghĩ là còn thiếu nhiều mảnh trong bức tranh ghép hình đó.

Thật lạ lùng: tất cả những người có liên quan mật thiết đến cuộc điều tra này đều có cùng cảm giác đó.

— Cô thực sự không biết ai là cha của Claire sao?

— Không, và tôi nghĩ điều đó không có gì quan trọng hết. Joyce có nhiều nhân tình, nhưng chị ấy không tha thiết với ai cả. Cậu hiểu rõ rồi đấy: trong gia đình, chúng tôi là những phụ nữ tự do, theo nghĩa cao quý của từ đó.

— Thật ra sự căm thù đàn ông đó xuất phát từ đâu vậy?

— Đó không phải là căm thù. Chỉ là quyết tâm không trở thành nạn nhân thôi.

— Nạn nhân của điều gì?

— Cậu là người có học thức, Raphaël ạ. Không đến lượt tôi phải giải thích với cậu rằng, trong tất cả các xã hội loài người và ở tất cả các thời kỳ, sự thống trị của đàn ông đối với đàn bà vẫn luôn hiện hữu. Sự độc tôn mạo xưng đã ăn sâu vào đầu óc con người ta đến nỗi nó trở thành một điều tự nhiên và hiển nhiên. Ngoài ra, chúng tôi lại còn là phụ nữ da đen...

— Nhưng không phải tất cả đàn ông đều như thế.

Bà nhìn tôi như thể tôi chẳng hiểu gì hết.

— Đây không phải là vấn đề cá nhân, bà ngao ngán nói. Đây là vấn đề về sinh sản của toàn xã hội, là vấn đề... Thôi, bỏ qua đi: hy vọng cậu làm điều tra viên giỏi hơn là nhà xã hội học.

Bà nhấp một ngụm trà rồi mở chiếc túi xách xinh xắn đỏ rực bằng da trăn.

— Tôi không biết chính xác cậu tìm gì ở đây, nhưng tôi đã sao cho cậu những thứ này, bà thông báo và lấy ra một túi giấy đựng tài liệu.

Tôi lật giở mấy trang đầu. Đó là những giấy tờ tư pháp mà Angela đã có được trước đây nhờ viên luật sư bà thuê.

— Ở đây không thể hiện toàn bộ hồ sơ của cảnh sát, nhưng cậu có một cái nhìn mới mẻ. Có thể cậu sẽ phát hiện ra chi tiết nào đó mà chúng tôi đã để tuột mất.

Gladys chăm chú nhìn tôi một lát để đánh giá, rồi quyết định. Bà còn có thứ khác cho tôi.

— Và nếu đã quyết định điều tra, cậu có thể ghé qua chỗ này, bà khuyên rồi đưa cho tôi chiếc chìa khóa treo lủng lẳng ở đầu một móc khóa quảng cáo.

— Đây là chìa khóa của cái gì vậy ạ?

— Của một khoang chứa đồ nơi cất giữ một phần đồ đạc của Joyce và con gái chị ấy. Đến đấy đi. Có thể cậu sẽ tìm thấy thứ gì đó.

— Điều gì khiến cô tin như thế?

— Vài tuần sau khi Joyce chết, chúng tôi đã thuê một chỗ trong kho hàng này để cất một số đồ đạc của chị ấy. Ngày chúng tôi đến nơi, khoang chứa đồ đặt trước rất cuộc lại chưa dọn xong, do những người thuê trước chậm chuyển đồ ra. Người chủ đã đề nghị chúng tôi dùng tạm một khoang khác, kèm theo điều kiện sẽ bớt tiền thuê cho chúng tôi.

Bà nói nhanh đến nỗi tôi phải chật vật lắm mới theo kịp, nhưng đoạn kết của câu chuyện có vẻ hấp dẫn.

— Và cậu đoán được gì không? Ngày hôm sau, khoang đồ lẽ ra phải giao cho chúng tôi đã cháy rụi. Quá nhiều điều ngẫu nhiên, đúng không?

— Họ tìm cách làm biến mất điều gì chứ?

— Cái đó thì cậu phải tự tìm hiểu thôi, nhà văn ạ.

Tôi nhìn bà thêm vài giây nữa mà không nói gì. Việc đó khiến tôi cảm thấy dễ chịu, bởi vì qua một số biểu cảm trên khuôn mặt mình, bà nhắc tôi nhớ đến Claire.

Bà nhắc anh rằng anh nhớ em biết chừng nào.

— Cảm ơn cô đã tin tưởng cháu.

Gladys bĩu môi hoài nghi rồi nhìn thẳng vào mắt tôi.

— Tôi tin cậu vì tôi không thể làm gì khác được, dù tôi vẫn không chắc rằng cô gái mà cậu nói với chúng tôi có thực sự là Claire hay không. Nhưng tôi cảnh báo trước: phải mất nhiều năm Angela và tôi mới để tang xong người chị em của mình. Bây giờ, cả hai chúng tôi đều đã có con, và tôi sẽ không để một kẻ rao bán hy vọng phá hủy tổ ấm của chúng tôi đâu.

— Cháu không bán gì cả, tôi tự vệ.

— Cậu là tiểu thuyết gia. Cậu bán những câu chuyện đẹp đẽ.

— Rõ ràng là cô chưa đọc sách của cháu.

— Nếu Claire còn sống, hãy tìm nó về, tôi chỉ yêu cầu cậu có thể.

2.

Trời đổ mưa từ khi Marc rời Nancy.

Lại lên đường. Lại một giờ rưỡi lái xe về phía Đông, nhưng chuyến đi này không dễ chịu bằng hồi chiều, do có rất nhiều xe trọng tải lớn mà nền đường thì trơn trượt.

Viên cảnh sát quay về sở cảnh binh Phalsbourg. Như ông đã lo ngại, Muselier không có ở đó, nhưng Solveig làm thêm giờ, cô đang vào Facebook, sau màn hình máy tính.

— Thế nào, đại úy, ông đã quyết định qua đêm ở vùng đất xinh đẹp của chúng tôi sao?

Caradec chẳng có tâm trạng nào để đùa:

— Muselier đâu?

— Ông ấy về nhà rồi, tôi nghĩ thế.

— Chính xác là ở đâu?

Nữ cảnh binh lấy một tờ giấy trong khay máy in rồi phác ra cho ông một sơ đồ.

— Trung tá sống ở đây, cô giải thích và dùng bút đánh một dấu chữ thập. Ở Kirschatt, một nơi khi ho cò gáy nằm giữa Steinbourg và Hattmatt.

Tì cánh tay lên quầy lễ tân, viên cảnh sát day day thái dương để xua đuổi cơn đau nửa đầu vừa chớm xuất hiện. Toàn những cái tên cứ như anh em sinh đôi, mang âm hưởng vùng Alsace, bắt đầu khiến ông căng thẳng thần kinh.

Ông nhét tấm sơ đồ vào túi, cảm ơn Solveig rồi lại lên đường giữa cơn mưa. Trong lúc ông vượt qua ba mươi ki lô mét, trời đã gần về đêm. Giữa bóng tối, đèn hiệu báo cạn dầu trên xe sáng lên. Đen thật! Đã mấy tháng nay chiếc Range của ông bị rỉ dầu đôi chút, nhưng ông đã cẩn thận “tự sửa ở nhà” trước khi rời Paris. Ông thầm cầu nguyện để tình hình không tồi tệ hơn. Đi tiếp vài ki lô mét, đèn hiệu tắt. Báo động giả. Chiếc xe cũng chính

là hình ảnh của ông: mệt mỏi, hồng hóc, có thể trở thành nạn nhân của những lần kiệt sức nhưng rốt cuộc vẫn chưa thể chết được.

Theo chỉ dẫn của Solveig, ông rời tỉnh lộ 6 để rẽ vào một con đường đất hẹp chạy vào rừng. Đúng lúc ông tưởng mình đi nhầm, thì con đường bỗng mở ra một vạt rừng trống nhỏ, ở giữa là một trang trại kiểu Alsace có tường lát gỗ. Một căn nhà nông thôn cũ kỹ, giống với đồng đồ nát hơn là một hình ảnh trong tạp chí Nghệ thuật & Trang trí.

Mưa đã tạnh. Caradec đỗ xe rồi đi vài bước trên nền đất bùn nhão nhoét. Ngồi trên một chiếc ghế thấp kê trước cửa, dưới ánh sáng của bóng đèn không chao, Franck Muselier đang nốc cạn một cốc bia.

— Tôi đang chờ anh đây, đại úy ạ. Tôi biết là anh sẽ quay lại, anh ta vừa cam đoan vừa tung cho ông một lon bia.

Marc bắt lấy nó.

— Lại đây ngồi đi, anh ta vừa nói vừa chỉ vào chiếc ghế ngoài trời bằng gỗ bách hương đã kê sẵn bên cạnh.

Caradec vẫn muốn đứng hơn và châm một điếu thuốc. Viên cảnh binh phá lên cười.

— Chiếc túi màu vàng, tất nhiên rồi! Chính vì nó mà tôi đã làm hỏng hết mọi việc, như một thằng lính mới.

Marc không chớp mắt. Như trong một buổi tạm giữ, Muselier đã nhũn như chi chi. Không cần phải hỏi nhiều nữa, chỉ cần nghe các câu trả lời. Dần dần, viên cảnh binh sẽ hạ bài.

— Anh phải hình dung ra tôi vào thời điểm đó. Không phải là cái hũ chìm đang ở trước mặt anh đâu. Tôi đã kết hôn, đã có một đứa con trai. Hồi ấy, tôi là một tay cớm giỏi và có tham vọng. Làm ơn cho tôi xin điếu thuốc!

Marc chìa gói thuốc và bật lửa cho anh ta. Muselier châm lửa, rít một hơi dài rồi ngậm trong miệng một lát trước khi nhả khói.

— Anh muốn biết chuyện gì đã thực sự xảy ra vào buổi tối tệ hại hôm đó, đúng không? Cái ngày thứ Năm ngày 25 tháng Mười năm 2007 kỳ lạ đó, tôi đã ở Metz cả tối, trong căn hộ của cô nàng bồ nhí, Julie, bán hàng ở Trung tâm mua sắm Lafayette. Anh biết câu nói này chứ: “Theo tình tình phớt, phớt tình tình theo”. Hoàn toàn đúng với tình cảnh của hai đứa bọn

tôi. Bọn tôi lại cãi nhau thêm lần nữa. Lần đó, bọn tôi đã chiến cả rượu và cocain. Tôi lên xe về vào nửa đêm. Lúc đó tôi say mềm và phê đứ đừ. Tôi bắt đầu tụt dốc.

Anh ta lại rút một hơi thuốc dài và uống một ngụm bia rồi nói tiếp:

— Tôi lái xe được gần một tiếng đồng hồ thì việc đó xảy ra. Tôi say đến nỗi đi nhầm đường và đang tìm cách quay trở lại tỉnh lộ. Đúng lúc đó thì nó xuất hiện trước xe tôi, chẳng biết từ đâu lao ra, và đứng sững ở đó, giống như một con nai, trong ánh đèn pha của xe tôi.

— Claire Carlyle, Marc đoán.

— Phải lâu sau tôi mới biết con bé tên như thế. Nó gầy như một cái bóng, chỉ mặc cái quần ngủ và chiếc áo thun. Khuỷu tay nhưng cũng rất đẹp. Tôi đã lấy hết sức bình sinh đạp ga, nhưng vẫn đâm vào nó và nó ngã nhào ra đất.

Anh ta ngừng lại một lát để đưa ống tay áo lên chùi nước mũi, chẳng khác nào một đứa trẻ con.

— Tôi không biết phải làm sao. Tôi ra khỏi xe và cúi xuống xem xét. Đó là một đứa con gái, một đứa trẻ lai xinh xắn, rất gầy. Nó khoảng chừng mười lăm, mười sáu tuổi gì đó. Một cái túi vải màu vàng nằm lăn lóc trên mặt đất bên cạnh nó. Lúc đầu, tôi tưởng mình đã giết chết nó, nhưng khi ghé sát vào mặt nó, tôi hiểu rằng nó vẫn còn thở. Nó bị xây xước vài chỗ, nhưng có vẻ không bị thương.

— Cậu đã làm gì?

— Sẽ là nói dối nếu tôi nói với anh là đã không nghĩ đến việc bỏ trốn. Nếu gọi cứu hộ hoặc cứu thương, cảnh binh sẽ đến ngay. Họ sẽ cho tôi thối vào quả bóng chết tiệt đó, và tôi sẽ phải trải qua màn xét nghiệm nước bọt. Một cảnh binh với hai gram cồn và lỗ mũi đầy bột thì sẽ chẳng có gì tốt đẹp cả. Tôi sẽ phải phân trần với vợ, trước đó tôi đã bảo với cô ấy là tôi phải làm muộn.

— Thế rồi sao?

— Tôi đã hoảng loạn. Tôi bế con bé lên rồi đặt nó nằm vào ghế sau. Tôi nhặt túi của nó và vòng lại hướng Saveme mà không biết rõ mình sẽ quyết định thế nào. Trên đường, tôi đã tò mò lục trong chiếc túi để xem con

bé có giấy tờ tùy thân không, và thế là... Chết tiệt! Cả đời tôi chưa từng thấy nhiều tiền như thế bao giờ. Hàng chục xấp tiền. Hàng trăm ngàn euro.

— Tiền chuộc cậu nhóc Boisseau...

Muselier gật đầu.

— Tôi sẽ sờ cả người. Tất cả những chuyện đó chẳng thể cắt nghĩa nổi. Con bé ấy làm gì với số tiền lớn đến thế? Tôi không muốn nghĩ đến chuyện đó. Tôi còn có việc khẩn cấp hơn cần giải quyết. Và thật nực cười, anh thấy không, bởi vì trên đường đi, tôi đã hy vọng trở lại. Tôi vẫn nghĩ mình có thể thay đổi được mọi việc. Chị dâu tôi là y tá ở Bệnh viện Đại học Saveme. Tôi đã chần chừ định gọi cho chị ấy. Rốt cuộc, tôi đã chọn một giải pháp khác: để tránh bị phát hiện, tôi đã để con bé và cái túi ở đằng sau bệnh viện, tại khu giặt là. Rồi tôi bỏ đi. Tôi lái xe đi vài ki lô mét, sau đó gọi cho bệnh viện bằng số điện thoại ẩn để báo với họ là có người bị thương rồi gác máy ngay lập tức.

Viên cảnh binh dốc lon bia vào miệng như thể người ta nạp nhiên liệu cho một động cơ. Trên khuôn mặt phì nộn của anh ta, mồ hôi rịn ra thành từng giọt to tướng.

Chiếc áo sắc phục màu xanh da trời phanh cúc đến tận rốn, để lộ ra những túm lông xám xịt.

— Ngày hôm sau, ngay từ sáng sớm, tôi đã lao đến bệnh viện. Viện có là đang tiến hành điều tra về tình trạng ăn cắp thuốc xảy ra từ nhiều tháng trước trong kho của một số hiệu thuốc trong vùng, tôi đã hỏi han được các nhân viên và nhanh chóng hiểu ra rằng con bé không có ở đó. Tôi đã bí mật hỏi chị dâu tôi. Chị ấy khẳng định rằng bộ phận trực đã nhận được cú điện thoại của tôi hôm trước, nhưng các y tá không tìm thấy ai ở nơi được chỉ dẫn cả. Tôi không muốn tin điều đó: hẳn là con bé đã tỉnh lại và đi mất! Thật may, họ nghĩ đó là một cuộc gọi quấy rối như thỉnh thoảng vẫn nhận được, và họ đã không ghi lại hay báo cho ai hết.

Trời lại mưa. Những tán lá cây xào xạc. Trong bóng tối, khu rừng xung quanh trở nên ngột ngạt và khiến người ta cảm thấy lo lắng. Một vành đai được tạo bởi những pháo đài thực vật, dày đặc, nhưng bất trắc, không thể ngăn cản kẻ thù nếu có luôn lách đến tận ngôi nhà. Những giọt nước to

tướng rơi xuống mặt và vai Caradec, nhưng vì đang sốt ruột muốn biết phần tiếp theo của câu chuyện, dường như ông không nhận ra điều đó.

— Diễn biến của các sự kiện làm tôi bị ngợp. Lo lắng, tôi quay lại đoạn đường nơi tôi đâm phải con bé, và chính ở đó tôi đã nhìn thấy cột khói bốc lên từ trong rừng.

Viên cảnh binh như thể đang sống lại thời khắc đó, đầy bồn chồn và hoảng loạn:

— Ngay khi người ta biết chuyện đã xảy ra trong căn nhà đó, tôi hiểu ra rằng con bé là một nạn nhân của Kieffer và nó đã trốn thoát được! Vì việc phân tích ADN diễn ra chậm chạp, phải chờ đến gần hai tuần mới biết được tên nó: Claire Carlyle. Tất cả mọi người đều tưởng nó đã chết, nhưng tôi thì biết không phải thế! Tôi vẫn luôn tự hỏi sau đó nó ra sao và làm thế nào mà nó thoát được các mắt lưới điều tra. Tôi không hiểu tại sao không bao giờ có người nào nhắc đến số tiền khổng lồ mà Kieffer giữ ở nhà hủn và rõ ràng là đã bị con bé lấy cắp. Cuối cùng, câu trả lời đã được Maxime Boisseau mang dâng cho tôi... chín năm sau.

Vẫn thản nhiên, khuôn mặt không để lộ cảm xúc, Caradec tiếp nối câu chuyện bằng một câu hỏi:

— Ngoại trừ số tiền, còn có thứ gì khác trong túi không?

— Hả?

— Nghĩ đi.

Muselier chật vật mãi mới nhớ lại được.

— Ở... vâng, một thẻ điện thoại và một... như kiểu một cuốn sổ to có bìa cứng màu xanh lơ.

— Cậu đã đọc bên trong viết gì chứ?

— Không, tôi còn việc khác phải làm chứ, anh nghĩ mà xem!

Trời càng lúc càng mưa to. Cảm thấy mình đã biết khá đủ thông tin, Caradec kéo cao cổ áo và quay gót đi.

Muselier theo ông ra đến tận xe, chân ngập trong bùn, van vãi:

— Liệu nó có còn sống không? Con bé đó ấy! Tôi tin chắc là anh biết, đại úy ạ! Anh có thể cho tôi biết không, hả? Cùng là cảnh sát với nhau.

Marc trèo lên chiếc Range Rover mà không thèm nhìn người đồng nghiệp.

— Chuyện này như một phát súng đối với tôi! anh ta hét lên khi Marc khởi động xe. Giá tôi báo cho đội cứu hộ đâm phải con bé đó, có lẽ người ta sẽ thăm vấn nó và có thể cứu được những bé gái khác! Chết tiệt! Tôi làm sao mà biết được cơ chứ!

Chiếc 4x4 đã đi xa, nhưng viên cảnh binh vẫn tiếp tục gọi với theo Caradec:

— Tôi làm sao mà biết được cơ chứ! anh ta hét.
Đôi mắt nhòa lệ và vằn tia máu.

3.

Màn đêm và lũ muỗi đã xua chúng tôi khỏi khoảnh sân trong, nhưng đổi lại chúng tôi cũng không thiệt thòi gì. Phòng khách của Bridge Club là một cái kén êm ái, ánh sáng dịu nhẹ, đầy những đồ gỗ và thảm cổ, mời gọi ta yên vị trên một trong những chiếc xô pha lút êm. Mỗi lần ở trong căn phòng này, được trang trí bằng những đồ mỹ nghệ vừa lạ lùng vừa mang phong cách chiết trung, tôi đều có cảm giác mình đang là khách mời của một nhà thám hiểm người Anh vừa trở về sau chuyến viễn chinh. Chỗ này có chút gì đó của Centaur Club, vốn được Blake và Mortimer rất ưa chuộng, và thư viện của Henry Higgins trong bộ phim *My Fair Lady*.

Théo đã lại gần lò sưởi và vừa nhặt một chiếc que cời.

— Không, không, đặt nó xuống, con yêu! Cái đó không dành cho trẻ con!

Tôi can thiệp trước khi bé tự làm mình bị thương và nhắc bồng bé lên đặt bé ngồi bên cạnh trong khi tôi nghiên ngẫm hồ sơ mà Gladys đã đưa. Tôi đã lướt qua một lượt, nhưng hình thức của chúng khiến tôi thấy ngao ngán: bản photo của các bản sao đen trắng. Những trang giấy gần như không thể đọc được, chỉ chút các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Tôi đi thẳng đến chi tiết khơi gợi trí tò mò của mình: bản sao lại cuộc gọi 911, số điện thoại khẩn cấp. Ngày 25 tháng Sáu năm 2005, vào lúc 3 giờ chiều, giọng một phụ nữ báo tin về “vụ tấn công bạo lực” tại số 6 đường Bilberry, nhà của Joyce. “Các anh nhanh lên cho! Có người đang giết chị ấy!” giọng nói đó cầu xin. Tôi lục tìm cả tập để lấy ra tờ giấy tương ứng với biên bản khám nghiệm tử thi của Joyce. Theo ước tính, bà chết vào khoảng 4 giờ chiều, với sai số tối thiểu là hai tiếng.

— Bố ời xuống! Giúp con ạ!

Théo đã để cho tôi yên trong khoảng hai phút ba mươi giây - được như thế đã là nhiều rồi. Tôi giải phóng bé khỏi chiếc ghế và đọc tiếp.

Một xe cảnh sát được cử đến nhà Joyce. Vào lúc 15 giờ 10, hai cảnh sát tuần tra, sĩ quan Powell và Gomez, đã đến hiện trường. Rõ ràng là căn nhà trống không. Họ đã kiểm tra xung quanh và không thấy gì khả nghi. Qua cửa kính, họ nhìn vào bên trong phòng khách, phòng bếp, phòng tắm và phòng ngủ ở tầng trệt nhưng không nhận thấy có điều gì đáng lo ngại. Không hề có dấu vết đột nhập hay tấn công, cũng không có máu. Họ kết luận đó là trò chơi khăm cảnh sát. Một cuộc gọi ác ý giống như hàng chục cuộc gọi mà cảnh sát nhận được hồi đó, đặc biệt là ở Harlem. Được thị trưởng Rudolph Giuliani khởi xướng và người kế nhiệm ông tiếp tục theo đuổi, chính sách “không khoan nhượng” đã dẫn đến nhiều biến tướng: kiểm soát nhân thân, nhiệt tình thái quá, chính sách số lượng, mà người da đen và người Mỹ Latinh là những nạn nhân đầu tiên. Một mầm mống của thứ sau này hẳn sẽ diễn ra ở Fegusson. Bực bội trước sự quấy rối của cảnh sát, đến lượt một số người dân trong khu đã chọn cách khiến cho nhiệm vụ của lực lượng giữ trật tự càng trở nên phức tạp bằng cách gọi điện thoại quấy rối. Những hành động như thế không kéo dài, nhưng đã đạt đến cao trào vào mùa hè đó.

Mặc dù vậy, người ta vẫn lần theo dấu vết cuộc gọi. Nó xuất phát từ một ca bin điện thoại công cộng ở khu Đông Hạ Manhattan, nằm trong góc giao giữa đường Bowery và đường Bond. Nghĩa là cách Harlem già mười lăm ki lô mét...

Từ đó có thể suy ra điều gì? Rằng đó chỉ là cuộc gọi lừa đảo? Nếu không phải thế, có nghĩa là người phụ nữ đã gọi 911 dù thế nào cũng không thể là nhân chứng trực tiếp chứng kiến cái được gọi là vụ tấn công Joyce. Vậy làm sao cô ta lại biết về vụ đó? Có thể là vì Joyce đã báo cho cô ta qua điện thoại. Nhưng trong trường hợp đó, tại sao Joyce không tự mình gọi cho 911? Và tại sao hai viên cảnh sát được cử gấp đến hiện trường lại không nhận thấy điều gì? Đúng là một vòng luẩn quẩn. Rõ ràng có ai đó đã không nói sự thật. Thậm chí còn nói dối rất nhiều.

Tôi ngẩng đầu lên. Con trai tôi lại đang giở bài quyền rũ với một cô gái tóc hung xinh đẹp ngồi nhấm nháp ly martini gần lò sưởi. Cô ta đưa tay phác một cử chỉ khêu gợi để ra hiệu với tôi, tôi mỉm cười lịch sự đáp lại và nghĩ đến T., một nhà văn bạn tôi, đã ly hôn, gia trưởng, người từng khẳng định rằng cậu con trai hai tuổi của anh ta là “thời nam châm hút phụ nữ” thực thụ và luôn dẫn cậu bé đi cùng mỗi khi muốn tán gái.

Tôi lại vui đầu vào tập hồ sơ. Viên cảnh sát phụ trách điều tra về cái chết của Joyce hồi đó là một phụ nữ gốc Hàn Quốc: thám tử May Soo-yun. Cô đã yêu cầu phân tích chi tiết lịch sử các cuộc gọi cố định và di động của Joyce. Kết quả cho thấy rằng, trong buổi sáng trước khi qua đời, Joyce đã liên hệ với một người nào đó tên là Marvin Thomas, hai mươi bảy tuổi, đã nhiều lần bị kết án vì tội bán lại ma túy và cướp giật có sử dụng vũ lực.

Số của gã bán lẻ ma túy đó xuất hiện ba lần trong danh sách những số điện thoại được Joyce gọi đi trong hai tuần cuối cùng của cuộc đời. May Soo-yun đã ra lệnh bắt anh ta ngay thứ Hai sau đó.

Trên giấy tờ, Marvin Thomas là một thủ phạm lý tưởng: một bản lý lịch tư pháp rất dày đầy tiền sự bạo lực đã được ghi nhận. Khi bị tạm giữ, anh ta khẳng định đã bán một khối lượng đáng kể heroin cho Joyce Carlyle, nhưng lại được loại trừ khỏi mọi vụ tấn công. Thomas có chứng cứ ngoại phạm rất chắc chắn: vào giờ Joyce chết, anh ta đang ở cùng hai gã cò mồi tại tiểu bang New Jersey, thành phố Atlantic. Nhiều camera giám sát đã quay lại được bộ dạng bặm trợn của anh ta trong một khách sạn, một tiệm spa và một sòng bạc. Anh ta đã được trả tự do.

Sau đó, báo cáo khám nghiệm tử thi chính thức đã xác nhận giả thiết dùng thuốc quá liều, và do không có yếu tố mâu thuẫn nào, trung úy Soo-yun đã đề nghị xếp lại vụ việc.

Tôi đưa tay dụi mắt. Tôi không thể đứng vững nữa và thất vọng. Tôi đã biết được rất nhiều điều, nhưng những điều đó không giúp cho việc điều tra tiến triển thêm. Làm gì bây giờ? Lao vào tìm kiếm gã bán lẻ ma túy đó? Cố gắng có được những lời chứng cụ thể hơn từ hai sĩ quan Powell và Gomez? Liên hệ với May Soo-yun? Tôi thấy có vẻ như trong số đó chẳng có hướng điều tra thực sự nào. Vụ việc đã xảy ra từ mười một năm trước. Và đã nhanh chóng được khép lại. Rất ít khả năng những nhân vật chính hồi đó còn nhớ rõ các chi tiết. Chưa kể tôi đang thiếu thời gian và không hề có quyền gì để móc nối với hệ thống rối rắm của Sở cảnh sát New York.

— Bố, tu ti!

Con trai tôi đã kết thúc màn tự phụ và vừa dụi mắt vừa quay trở về với gia đình. Tôi liền lục trong các túi áo để tìm chiếc nệm ti kỳ diệu, và sờ thấy chiếc chìa khóa kho gửi đồ mà Gladys đã đưa cho tôi.

Đã muộn rồi, nhưng chúng tôi đang ở thành phố không bao giờ ngủ và trên chiếc móc khóa có ghi rõ: “Kho gửi đồ tự phục vụ Coogan’s Bluff - Mở cửa 24/7”.

Vấn đề là tôi đã cho cô nàng Marieke xinh đẹp về nghỉ và không còn bảo mẫu nữa. Tôi liền cúi xuống sát Théo và thì thầm vào tai bé:

— Con biết gì không, anh bạn? Cả hai chúng ta sẽ đi dạo một chút nhé.

12

Harlem về đêm

*Thần Chết sẽ đến và
sẽ chiếm lấy đôi mắt
người.*

Cesare PAVESE

1.

Đột nhiên thấy lạnh tê tái, Franck Muselier bỏ những lon bia xuống mấy viên gạch lát ngay trên nền đất và bước vào nhà.

Phòng khách cũng chính là hình ảnh của anh ta: cũ kỹ, già yếu, đáng thương. Một căn phòng có trần thấp tịt, bừa bãi, đầy những đồ gỗ bong tróc và được trang trí bằng những chiến lợi phẩm săn bắn phủ đầy bụi: một cái đầu lợn rừng nhồi rơm, mấy cặp sừng hươu, một con gà rừng thuộc da.

Anh ta châm lửa trong lò sưởi rồi uống một ngụm lớn rượu vang Riesling, nhưng vẫn chưa đủ làm ấm người và quên đi câu chuyện của Claire Carlyle. Trong kho dự trữ riêng của anh ta, chỉ còn một chút cần sa và hai ba viên thuốc. Không phải thứ anh ta cần tối nay. Anh ta gửi một tin nhắn SMS cho người vẫn bán thuốc cho anh ta, Laurent Escaut, một thằng nhóc vô tích sự thường tự xưng là Escobar.

Đó là một thực tế mà người ta không thường xuyên nói đến trên bản tin truyền hình, nhưng ngay cả ở vùng nông thôn, chất kích thích cũng có mặt khắp nơi. Trong số những vụ mà Muselier từng xử lý (trộm cướp, tấn công, thanh toán lẫn nhau...), ma túy đều ít nhiều có liên quan. Ngay cả ở những xứ xa xôi hẻo lánh nên thơ và đầy hoa với chỉ khoảng ba trăm dân, ta cũng tìm thấy chất bột trắng sau những cánh hồng.

Hai gram, OK, thằng bé bán lẻ ma túy trả lời gần như ngay lập tức. Trong khi chờ nó, Franck buông mình ngồi phịch xuống ghế xô pha. Anh ta khiến mọi người thương hại, nhưng lòng thương không đủ để kéo theo bất kỳ thay đổi nhỏ nhất nào trong cuộc đời anh ta. Trong cuộc chiến giữa quyết tâm và sức ì trong anh ta, sức ì luôn chiến thắng. Viên cảnh binh cởi cúc áo, xoa bóp vùng cổ. Anh ta thấy khó thở, anh ta thấy lạnh. Có lẽ anh ta cần hơi ấm và cái mùi khiến người ta thấy được an ủi từ con chó của mình, nhưng con Mistoufle già nua đã chết từ hồi mùa xuân.

Ranh giới phân định. Có tội hay vô tội? Bởi vì không thể quyết định được số phận mình, anh ta hình dung mình đang tự bào chữa trước một tòa án tưởng tượng. Sự việc, chỉ có các sự việc thôi: chín năm trước, anh ta đã đâm vào một bé gái đang lơ ngơ chạy trên con đường đó vào nửa đêm. Anh ta đã đưa con bé đến tận bệnh viện và thông báo. Chắc chắn là lúc ấy anh ta đang phê lòi kèn, nhưng vẫn đã làm những việc cần thiết. Hơn nữa, sau đó nếu con bé muốn bỏ trốn, thì nó cũng có tội chẳng kém gì anh ta.

Anh ta nghe có tiếng xe đi đến.

Escobar đã không lần chần.

Muselier, nô lệ của ma túy, đứng bật dậy.

Anh ta mở cửa bước ra hiên và nhìn thấy một dáng người qua màn mưa. Có ai đó đang đi về phía anh ta, nhưng không phải Escobar.

Khi bóng người hiện ra rõ hơn, viên cảnh binh nhận thấy một khẩu súng đang chĩa về phía mình.

Sững sờ, anh ta há miệng, nhưng không thể kêu dù chỉ một tiếng.

Ranh giới phân định. Có tội hay vô tội? Rõ ràng là có một người khác đã quyết định giúp anh ta. Anh ta cúi đầu tỏ ý phục tùng.

Rốt cuộc, như thế này có lẽ cũng tốt, Franck nghĩ trước khi hộp sọ vỡ tung.

2.

Harlem. Chín giờ tối.

Chiếc taxi thả chúng tôi xuống trạm tàu điện ngầm ở Đại lộ Edgcombe. Kho giữ đồ tự phục vụ Coogan's Bluff mà Gladys nói với tôi nằm giữa khuôn viên của những tòa tháp Polo Grounds Towers, một khu nhà cho thuê giá rẻ xây bằng gạch. Những tòa tháp cao hình chữ thập khiến ta có cảm giác chúng sinh sản phân đôi mãi không dứt trên một khoảnh đất rộng vuông vắn nằm kẹp giữa dòng sông, đường Harlem River Drive và phố 155.

Không khí nóng ẩm, cả khu không mấy sáng sủa. Tuy nhiên, nhiều cư dân đang tập trung bên ngoài nhà, ngồi túm năm tụm ba trên những bức tường thấp và thảm cỏ.

Không khí như có tích điện, nhưng không khác nhiều so với một số khu ở Essonne nơi tôi đã sống suốt thời niên thiếu. Chỉ có điều dân ở đây toàn là người da đen. Tôi tự nhủ mình đang ở trong một bộ phim của Spike Lee. Thời Spike Lee còn làm được những bộ phim hay.

Trong màn đêm ẩm áp, tôi mở chiếc xe đẩy và đặt Théo vào bên trong. Để làm bé vui, tôi vừa đẩy xe vừa kêu như đang đua xe Công thức 1. Mọi người nhìn chúng tôi tò mò, nhưng vẫn để chúng tôi yên.

Sau nhiều phút dạo chơi, tôi thở hổn hển, vừa đến trước tòa nhà mình đang tìm. Tôi vào trong và tự giới thiệu. Vào giờ này, người phụ trách kho đồ là một sinh viên hơi cao ngạo đang lướt ngón tay trên chiếc MacBook. Vóc dáng cao lớn lòng không của cậu ta như đang bơi trong chiếc áo thun có mũ của trường đại học Columbia. Khuôn mặt khô khan đầy mụn trứng cá bị nén chặt bên dưới mái tóc cắt cua kiểu Phi và cặp kính oversize [18] có gọng dày cộp nhưng vẫn không đủ che kín đôi lông mày rậm rạp.

— Đây không hẳn là nơi dành cho trẻ con, cậu ta vừa nói vừa photocopy thẻ căn cước của tôi. Lẽ ra bé phải ở trên giường rồi chứ, đúng không?

— Bé đang đi nghỉ. Ngày mai bé không phải đi nhà trẻ.

Cậu ta ném cho tôi ánh mắt khó chịu như thể đang hỏi: “Này anh, anh định đùa tôi đấy hả?” Và đúng là như thế thật.

Bất chấp cuộc độ sủng âm thầm đó, cậu ta vẫn chỉ cho tôi vị trí của khoang tôi cần tìm trên sơ đồ.

Tôi cảm ơn cậu ta, và lại tiếp tục vừa chạy trong kho vừa bắt chước tiếng gầm của một chiếc xe đua.

— Bố, ô tô! Bố, nhanh hơn! Nhanh hơn! Théo hét lên để cổ vũ tôi.

Đến trước cửa ga ra, tôi bắt chước một cú trượt bánh trước khi dừng hẳn chiếc siêu xe lại. Rồi nhắc con trai ra khỏi xe và đẩy cửa cuốn lên.

Đương nhiên là có bụi, nhưng không nhiều như tôi tưởng tượng trước đó. Tôi bế Théo lên (còn bé thì ôm con chó bông Fifi), bật đèn và bước vào bên trong.

Ký ức về quá khứ.

Tôi phải để tâm đến bối cảnh khi tất cả những thứ này được tập hợp vào đây. Angela và Gladys đã cất những đồ đạc này sau khi Joyce chết, năm 2005. Hai năm trước khi người ta thu thập được ADN của Claire ở nhà Heinz Kieffer. Thời đó, hẳn hai chị em vẫn nuôi một hy vọng mong manh là sẽ tìm thấy cô gái và một ngày nào đó tài sản của mẹ cô sẽ trở về với cô.

Cái khoang rất rộng, nhưng lộn xộn. Tôi cùng con trai bước đi giữa nơi ngổn ngang đó, như thể đang đưa bé đi thám hiểm cái hang của Alibaba. Vốn luôn thích phiêu lưu, Théo phấn khích trước bất cứ thứ gì bé nhìn thấy: mấy món đồ gỗ được sơn màu, một chiếc xe đạp, một đôi giày trượt patanh, quần áo, đồ làm bếp.

— Bố, xuống, giúp con ạ!

Tôi đặt bé đứng xuống đất để bé tự chơi. Chắc chắn là sẽ phải tắm cho bé một chậu ra trò khi về đến khách sạn.

Tôi nghiêm túc bắt tay vào việc. Có thể ở đây có thứ gì đó đủ làm liên lụy hoặc nguy hiểm đến nỗi ai đó đã phải mạo hiểm để phóng hỏa nó.

Đĩa DVD, đĩa CD, báo chí, sách vở. Rất nhiều tiểu luận và tiểu thuyết, nhưng có chọn lọc: *Lịch sử dân tộc Mỹ* của Howard Zinn, *Tạo dựng sự đồng thuận* của Noam Chomsky, *Rừng rậm* của Upton Sinclair, *Những người của đáy vực* của Jack London, *No Logo - Thế giới không phẳng* hay là *Mặt khuất của thương hiệu và toàn cầu hóa* của Naomi Klein. Có cả các cuốn tiểu sử: Lucy Stone, Anne Braden, Bill Clinton, Malcolm X, nhóm

The Little Rock Nine, César Chávez. Thậm chí tôi còn tìm được một bản tiếng Anh của cuốn *Sự thống trị của nam giới* của Pierre Bourdieu. Cũng giống như các chị em của mình, Joyce Carlyle là một phụ nữ có học thức rất nhạy cảm với những vấn đề nữ giới và thân với phe cực tả, điều không phổ biến lắm ở Mỹ.

Tôi cũng tìm thấy những món quần áo của bé gái hẳn là thuộc về Claire, cũng như vở bài tập của nàng. Thoáng chút xúc động, tôi lật giở những cuốn vở học sinh kín đặc nét chữ trau chuốt. Giữa các bài tập, tôi dừng lại trước một bài luận mà nàng đã viết: *Tại sao tôi muốn trở thành luật sư*. Lập luận bao quát viện dẫn đến cả Ralph Nader lẫn Atticus Finch (đó là vào năm 2005, rất lâu trước khi nước Mỹ phát hiện ra ông ta là một gã khốn thực sự). Trong lúc đọc những dòng này, tôi lại nhớ ra một chuyện: Marlène Delatour đã khẳng định với tôi rằng Claire muốn trở thành luật sư. Vào thời điểm nàng mất tích, ước muốn đó tưởng như đã là một dự định nghề nghiệp chín chắn và được xác định rõ ràng. Rốt cuộc, điều gì đã khiến nàng quyết định trở thành bác sĩ? Hẳn là thời gian nàng bị giam cầm. Mong muốn giúp đỡ người khác một cách cụ thể hơn. Tuy nhiên, tôi vẫn lưu lại thông tin này vào một góc trong đầu và tiếp tục tìm kiếm.

Được chừng bốn mươi lăm phút, Théo mệt nhoài. Sau khi lê la khắp nơi, bé bấn như một con lợn con. Tới hạ phần tựa lưng của xe đẩy xuống và đặt bé nằm vào trong. Rồi ông bố tồi tệ là tôi còn khiến tình hình tệ hại hơn bằng cách bật một bộ phim hoạt hình trên chiếc điện thoại iPhone sứt sẹo của mình để dỗ cho bé ngủ.

Có lẽ tôi sẽ phải mất cả đêm ở đây, nhưng không có chuyện tôi ra về tay không. Có khối việc phải làm. Với đồng giấy tờ lộn xộn này: hóa đơn, sao kê ngân hàng, biên lai, vân vân. May thay, Joyce là người ngăn nắp và đã cẩn thận sắp xếp tất cả các tài liệu lưu trữ của bà trong những túi đựng hồ sơ bìa cứng.

Trong khi con trai đang say sưa ngủ, tôi ngồi xếp bằng xuống và bắt đầu xem xét tỉ mỉ mọi thứ. Không có gì đáng chú ý lắm. Trong nhiều năm, Joyce làm văn thư tại một trường trung học trong vùng. Mẹ bà, người chủ thực sự của căn nhà, đã cho bà thuê lại với cái giá chẳng đáng là bao. Bà ít

tiêu pha, không có nguồn thu nhập nào ngoài công việc. Trong đồng giấy tờ có một thứ khiến tôi chú ý: một loạt những bài báo bà cắt ra từ tờ *New York Herald* và cất trong một cái túi đựng tài liệu bằng nhựa. Tôi đọc lướt qua các tiêu đề: “Tình trạng nợ nần quá mức của tầng lớp trung lưu”, “Bất bình đẳng đạt mức kỷ lục ở Mỹ”, “Ngày càng khó tiếp cận quyền phá thai”, “Một nửa thành viên Quốc hội Mỹ là tỉ phú”, “Wall Street chống lại Main Street”^[19]. Điểm chung của những bài báo này là gì, ngoài tính chất “cấp tiến” của chúng? Sau khi đọc lướt một loạt, tôi chẳng tìm thấy bất cứ điểm chung nào.

Tôi đứng dậy để vươn vai. Phải khó khăn lắm mới không nản lòng. Có thể về phần mình, Marc đã tìm thấy gì chẳng? Tôi thử gọi cho ông, nhưng ở dưới tầng hầm không có sóng.

Tôi lại chìm vào đồng hồ sơ của Joyce. Một bản hướng dẫn lắp tủ Ikea, những tờ hướng dẫn sử dụng và các phiếu bảo hành: lò nướng, điện thoại di động, máy giặt, máy pha cà phê... Stop. Tôi lật lại đồng phiếu. Tờ hướng dẫn sử dụng khiến tôi chú ý là của một chiếc điện thoại di động có tài khoản trả trước. Tờ phiếu thu vẫn ghim vào đó được ghi ngày 30 tháng Năm năm 2005. Hai ngày sau khi Claire bị bắt cóc!

Tôi lại đứng dậy, phấn khích đến tột độ. Trong những hồ sơ điều tra mà Gladys đã đưa, tôi nhận thấy cảnh sát đã xem xét kỹ lịch sử cuộc gọi cả từ số điện thoại cố định lẫn số điện thoại di động “chính thức” của Joyce. Nhưng rõ ràng là bà còn có một chiếc điện thoại khác. Một mẫu điện thoại không cần thuê bao, nạp thẻ trả trước, việc lần theo dấu vết sẽ phức tạp hơn nhiều. Điều đáng lo ngại nhất không phải sự tồn tại của chiếc điện thoại này, mà là việc Joyce mua nó chỉ mấy chục tiếng đồng hồ sau khi Claire bị bắt cóc. Các giả thiết chen chúc nhau trong đầu, nhưng tôi cố gắng kiềm chế. Trong trạng thái kích động, tôi lại bắt tay vào việc. May mắn này kéo theo may mắn khác.

Quần áo.

Một giai đoạn quan trọng trong thời niên thiếu của tôi đã bị đảo lộn chỉ vì một bộ com lê. Mẹ tôi, vốn nghi ngờ rằng bố tôi lừa dối bà, đã cho ra

đời một hệ thống giám sát tỉ mỉ (tôi đang nói với các bạn về thời kỳ tiền sử, trước khi có Internet, Facebook, các phần mềm chỉ điểm và những trang web mai mối). Bố tôi rất cẩn thận, nhưng chỉ cần một lần thôi là đủ. Bao giờ cũng chỉ một lần là đủ. Một biên lai trở tiền khách sạn bỏ quên trong túi áo com lê. Mẹ tôi vớ được nó khi mang cả bộ đi giặt là. Vì không thể chịu đựng được cảnh sống trong dối trá, bà đã bỏ chồng, từ bỏ ngôi nhà luôn chào đón và cuộc sống êm đềm mà chúng tôi từng có tại Antibes. Bà quay trở lại Paris - hay đúng hơn là ngoại ô Paris. Còn tôi, tôi đã theo bà. Bị bắt buộc và miễn cưỡng, tôi từ bỏ bạn bè, ngôi trường trung học Roustan cũ kỹ thanh bình, cơ hội ra ngắm biển mỗi ngày, những cuộc dạo chơi trong rừng thông hoặc trên những bức tường thành. Tôi đã theo bà đến vùng Essonne xám xịt toàn bê tông. Một phần trong tôi ngưỡng mộ bà vì lựa chọn đó; phần còn lại căm ghét bà.

Tôi cũng áp dụng cách thức xử lý tương tự đối với quần áo của Joyce và lục tất cả các túi váy, túi áo khoác, túi áo vest, túi áo sơ mi và túi quần. Tôi tìm thấy một vé tàu điện ngầm, một cái bút, tiền lẻ, vài tờ biên lai mua sắm, những phiếu giảm giá, một băng vệ sinh dạng ống, một lọ aspirin, một tấm danh thiếp...

Một tấm danh thiếp chỉ có một cái tên và một số điện thoại. Tôi chăm chú quan sát:

Florence Gallo

(212) 132 - 5278

Tôi thấy cái tên này quen quen. Chắc chắn là tôi đã nhìn thấy nó, hoặc mới có người nhắc đến nó với tôi. Tôi sụp xuống vì mệt. Như thể có kiến bò khắp tứ chi, mắt cay sè vì bụi, nhưng tim tôi đập thật mạnh. Đó là một cảm giác dễ chịu. Cảm giác biết rằng mình vừa chạm tay vào thứ gì đó quan trọng và tin chắc rằng rốt cuộc sẽ tìm ra được thứ gì đó. Tôi hiểu được niềm say mê của Caradec đối với nghề nghiệp trước đây của ông.

Trời đã se lạnh. Tôi đắp áo vest cho con trai rồi rời khỏi kho giữ đồ sau khi đã nhét vào bên dưới chiếc xe đẩy càng nhiều càng tốt những túi đựng hồ sơ bìa cứng để có thể tiếp tục nghiên cứu ở khách sạn. Tôi dừng lại trong sảnh kho một lát - dưới ánh mắt vẫn thiếu thiện cảm như trước của

cậu sinh viên mặt mụn - để gọi một chiếc xe thuê có lái qua ứng dụng trên điện thoại di động. Trong lúc chờ xe, tôi lại thử gọi cho Marc lần nữa, nhưng vẫn không có ai bắt máy. Nhân thế, tôi cũng thử gọi cho người có tên là Florence Gallo đó: “Số điện thoại bạn vừa gọi đã ngừng hoạt động.” Rồi một tin nhắn SMS báo rằng xe của tôi đã đến. Tôi rời khuôn viên các tòa tháp Grounds Towers và đi ra xe. Anh chàng tài xế dễ mến giúp tôi gập chiếc xe đẩy lại và xếp nó cùng đồng túi hồ sơ vào trong cốp.

Tôi bế Théo ngồi vào ghế sau, cẩn thận để không đánh thức bé. Nội thất xe bằng da, nhạc cổ điển, có bố trí chai nước. Chiếc xe lướt đi trong đêm. Khu Harlem của dân nói tiếng Tây Ban Nha. Khu Đông Thượng Manhattan. Công viên Trung tâm. Đến lượt tôi nhắm mắt lại. Cảm thấy hơi thở quý giá của con trai phả vào cổ mình. Tôi vừa bắt đầu thở mình trôi theo một giấc ngủ gà gật êm dịu, thì một hình ảnh lướt qua tâm trí tôi, và tôi đột ngột bảo tài xế:

— Dừng lại! Làm ơn dừng xe lại!

Anh chàng nháy đèn và đỗ xe hàng đôi ngay dưới lòng đường, đồng thời bật đèn hiệu dừng khẩn cấp.

— Anh có thể mở cốp xe giúp tôi không?

Tôi vặn vẹo người để chui ra ngoài. Con trai tôi mở hé một bên mắt lo lắng:

— Fifi có ở đây không?

— À, có, tất nhiên là cậu ấy ở đây, tôi vừa trả lời vừa tóm lấy chú chó bông. Con ôm chặt cậu ấy đi.

Tôi lục trong cốp xe, và bằng bàn tay duy nhất còn rảnh rồi lấy chiếc túi đựng các bài báo ra. Bây giờ, tôi đã biết Florence Gallo là ai: chính là nhà báo ký tên dưới tất cả các bài viết của tờ *New York Herald* mà Joyce đã cắt ra. Tôi nhìn ngày phát hành các số báo: tất cả đều được viết trong khoảng thời gian từ ngày 14 đến ngày 20 tháng Sáu năm 2005. Tương ứng với tuần lễ sau khi Joyce đến Pháp. Tôi nhớ lại hình ảnh vô cùng suy sụp của bà trong bản tin thời sự trên truyền hình. Một giả thiết điên rồ lướt qua đầu tôi: thế nếu như vụ Claire Carlyle chỉ là một đoạn tiếp nối bi thảm của vụ Joyce Carlyle thì sao? Nếu như lời nguyên dành cho gia đình Carlyle

không phải bắt nguồn từ vụ bắt cóc Claire, mà từ một sự kiện khác xa xưa hơn, trực tiếp gắn liền với mẹ nàng? Dù thế nào, có một điều chắc chắn là: giống như cách những con búp bê Nga lồng vào nhau, những tìm kiếm của tôi chẳng khác nào đang mở ra một cái tủ nhiều ngăn.

Tôi lại quay vào xe với con trai. Đêm nay, tôi đã biết được nhiều điều. Đầu tiên là Joyce đã mua một chiếc điện thoại không thể lẫn ra dấu vết, chỉ hai ngày sau khi con gái bà bị bắt cóc. Rồi trong tuần lễ sau khi từ Gironde quay về, bà đã liên hệ với một phóng viên điều tra, hẳn là để thổ lộ với cô ta điều gì đó quan trọng.

Vài ngày sau, bà chết.

Chiếc xe lại lăn bánh trên đường. Một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng tôi.

Vẫn chưa có bất kỳ bằng chứng nào, nhưng lúc này tôi tin chắc rằng Joyce Carlyle đã bị sát hại.

3.

Quốc lộ có khả năng khiến ông gà gât chẳng khác nào một bộ phim dở ẹc, nên Caradec đã chọn cách đi theo các lối tắt để quay về Paris. Ông dừng lại trước một trạm xăng ở lối ra đường Vitry-le-François. Đèn hiệu báo dầu của ông đã lại sáng lên từ vài ki lô mét trước. Trạm xăng sắp đóng cửa, nhưng “cậu bé” đang tắt máy bơm vẫn đồng ý đổ đầy bình cho ông. Marc chìa cho cậu ta một tờ bạc.

— Thêm dầu cho tôi và bỏ chiếc bi đông vào cốc.

Trong cửa hàng, ông mua chiếc sandwich cuối cùng còn sót lại. Bánh mì công nghiệp Bắc Âu và cá hồi nhồi đầy chất độc. Ông ra ngoài vừa nhấm nháp vừa kiểm tra điện thoại. Và phát hiện một tin nhắn SMS của Malika Ferchichi, hộ lý y học tâm lý ở trung tâm Sainte-Barbe. Một tin nhắn vừa ngắn gọn vừa khiến ông ngạc nhiên:

Nếu anh muốn mời tôi ăn tối...

Tôi rảnh vào cuối tuần. M.F.

Ngay lập tức, ký ức về mùi thơm váng vất tỏa ra từ cô gái trẻ lại quay trở lại bỗng bành trong tâm trí ông. Mùi vỏ quýt, quả lê và hoa huệ chuông. Một tia sáng trong bóng tối tâm hồn ông.

Bối rối trước nỗi rung động của sự sống đang dâng lên trong người, ông chưa vội trở lời mà bấm số điện thoại của Raphaël. Hộp thư thoại. Để lại tin nhắn: “Tôi có thông tin mới. Nặng ký đấy! Gọi lại cho tôi xem cậu đã tìm thấy gì chưa.”

Cà phê, thuốc lá, cười đùa với anh chàng nhân viên trạm xăng trong khi mưa lại bắt đầu rơi.

Caradec chui vào chiếc Range Rover, mở khóa và kiểm tra lại các đèn hiệu trên bảng điều khiển. Ông khởi động xe, nhìn thấy biển báo dừng ở lối ra khỏi trạm xăng và nhân đó châm một điếu thuốc mới. Rồi trong khi ông còn đang mơ mộng với tin nhắn của Malika, một hình ảnh đột ngột đập vào mắt ông.

Chết tiệt, khốn kiếp!

Chiếc xe vừa chạy hết tốc lực trước mặt ông là một chiếc X6 BMW màu đen. Caradec đã nhận ra những tấm kính xe màu đen và lưới tản nhiệt kép mạ crom. Ông dám cá đó chính là chiếc xe đã bắt cóc Claire, nếu sai thì cứ tay ông mà chặt!

Băng ngang đường để quay ngược xe lại, Caradec lái chiếc 4x4 đuổi theo. Đây không thể nào là một sự trùng hợp. Chiếc xe SUV đó làm gì ở nơi hẻo lánh này? Ông đuổi kịp nó, nhưng vẫn giữ khoảng cách khá xa, hy vọng tìm ra được những thông tin khác. Không được để mình bị phát hiện.

Vừa bật hệ thống thông gió, ông vừa đưa ống tay áo lên lau kính chắn gió mờ hơi nước. Lúc này trời đang mưa nặng hạt và gió quất nước ràn rạt.

Ngay sau một chỗ ngoặt nguy hiểm, chiếc X6 rẽ mà không xi nhan, lao vào một con đường nông thôn không có bất cứ biển chỉ dẫn nào. Caradec không ngần ngại lao theo.

Càng đi, tình trạng mặt đường càng tệ hơn. Không thể nào nhìn xa quá mười mét. Lối đi rất chật, kẹp giữa những bụi rậm và vách đá. Dù chiếc SUV đã đi trước mở đường, Marc vẫn tiến lên rất khó nhọc. Chỉ đến khi

phát hiện mình khó mà quay xe trở lại, ông mới hiểu ra là mình đã bị gài bẫy.

Quả thực, chiếc X6 đột ngột dừng phắt lại.

Tay lăm lăm một khẩu súng sẵn, một dáng người mặc áo choàng màu sẫm chui ra từ chiếc xe và tiến về phía Caradec. Trong ánh sáng đèn pha, Marc nhận ra khuôn mặt hằn. *Mẹ kiếp!*

Ông nín thở. Trong đầu ông, khuôn mặt của bốn người phụ nữ trộn lẫn vào nhau: Élise, con gái ông, Malika, Claire.

Trước mặt ông, kẻ tấn công kê súng lên vai và nhắm bắn.

Không, thế này thì quá ngu ngốc. Ông không thể chết lúc này được.

Không phải khi đã tới gần đích đến thế.

Không phải trước khi giải quyết xong vụ Claire Carlyle.

Một tiếng nổ vang lên, làm rung chuyển chiếc xe và khiến tấm kính chắn gió của chiếc Range Rover vỡ toang.

13

Trong mắt kẻ khác

*Nỗi bất hạnh [...] là
một vũng bùn lầy
lạnh giá, một thứ
bùn đen, một mảng
hoại tử đờn đau
buộc chúng ta phải
lựa chọn: đầu hàng
hay vượt qua nó.*

Boris CYRULNIK

1.

Tôi tên là Claire Carlyle.

Chắc là tôi mười lăm hoặc mười sáu tuổi. Mọi thứ thực ra phụ thuộc vào số ngày tôi bị giam trong cái nhà tù này. Hai trăm? Ba trăm? Sáu trăm? Không thể nào biết chính xác là bao nhiêu.

Trong phòng giam của mình, tôi không nhìn thấy ánh sáng ban ngày. Tôi không hề có đồng hồ, không có báo chí cũng chẳng có ti vi. Phần lớn thời gian, tôi sống trong cảm giác mù mịt vì thuốc an thần. Mà vừa mới đây, trước khi đi - tôi nghĩ hẳn sắp ra ngoài bởi hẳn mặc áo vest rộng có lớp lót và quàng khăn... -, hẳn đã đến tiêm cho tôi một mũi vào cánh tay. Trước kia, hẳn cho tôi thuốc uống, nhưng rồi cuộc hẳn đã nhận ra rằng tôi chỉ uống có một nửa số đó.

Mũi tiêm làm tôi đau bởi hẳn đang căng thẳng và bồn chồn. Hẳn toát mồ hôi, hẳn chửi rủa, hẳn chớp mắt không ngừng. Khuôn mặt hẳn xường

xấu, đôi mắt điên cuồng. Tôi đã hét lên một tiếng vì đau, và lập tức nhận được một cái tát cùng cú đâm vào ngực. Hẳn giận dữ gọi tôi là “con đĩm bẩn thỉu”, rồi rút kim ra và rời khỏi phòng, đóng sập cửa lại. Bởi vì hẳn không xích tôi, nên tôi ngồi co quắp trong một góc phòng giam, dưới tấm chăn bẩn thỉu.

Trời lạnh cắt da cắt thịt. Xương cốt tôi đau nhức, nước mũi chảy ròng ròng và đầu nóng như lửa. Dù có hệ thống cách âm, dường như tôi vẫn nghe thấy tiếng mưa, nhưng chuyện đó là không thể, có lẽ mưa chỉ rơi trong đầu tôi. Nằm dài trên sàn nhà, tôi chờ giấc ngủ mang tôi đi, nhưng nó không đến dễ dàng. Lỗi là do một bài hát đang vang lên trong đầu tôi. Freedom, bài hát của Aretha Franklin. Tôi đã cố làm nó im đi, nhưng vô ích. Có điều gì đó khắp khiêng, tôi không biết là gì, và phải vô cùng lâu sau tôi mới hiểu ra: hẳn đã quên khóa cửa!

Tôi bật dậy. Từ khi bắt giam tôi, hẳn mới chỉ quên như thế có hai lần. Lần đầu tiên thì chẳng ích gì. Một phần bởi tôi bị xích, phần khác bởi hẳn nhận ra gần như ngay lập tức. Lần thứ hai, tôi đã ra được đến hành lang và leo lên một cầu thang bằng bê tông láng xi măng dẫn đến một cánh cửa có mã bảo vệ. Tôi đã quay ngược lại vì hẳn vẫn còn ở trong nhà và tôi sợ hẳn nghe thấy. Nhưng lần này, hẳn đang sắp đi rồi!

Tôi mở cửa, chạy dọc hành lang rồi phi nhanh lên cầu thang. Tôi áp tai vào cánh cửa. Hẳn không có ở đó, tôi tin chắc như thế. Tôi nhìn chiếc hộp đang sáng lên trong bóng tối, mời gọi tôi nhập mật mã. Tim tôi đập dữ dội trong lồng ngực. Tôi phải tìm ra! Vừa nhìn vào cái màn hình chữ nhật nhỏ và những con số hiện lên khi ta nhấn phím, tôi suy ra rằng mật mã mở cửa hẳn không vượt quá bốn con số. Giống như mã pin của một chiếc điện thoại di động. Tôi gõ ngẫu nhiên một loạt mã: 0000#, 6666#, 9999#, vân vân. Rồi tôi tự nhủ nếu mật mã gồm bốn chữ số thì hoàn toàn phù hợp với một ngày tháng nào đó. Tôi nhớ có một hôm hẳn từng khẳng định với tôi: “Ngày chúng ta gặp nhau chính là ngày đẹp nhất đời ta.” Câu nói đó đã khiến tôi muốn lộn mửa. Cái mà hẳn gọi là ngày gặp gỡ đó chính là ngày hẳn bắt cóc tôi, ngày 28 tháng Năm năm 2005. Không tin tưởng lắm, tôi gõ

0528#, rồi nhớ ra rằng ở châu Âu người ta viết ngày trước tháng sau. 2805#.

Nhằm to.

Không có gì đáng ngạc nhiên. Ngày đẹp nhất của một kẻ thần kinh cỡ này chỉ có thể là ngày thuộc về hẳn hoàn toàn. Một ngày dành riêng cho hẳn. Thế nếu như chỉ đơn giản là hẳn chọn ngày sinh nhật mình, giống như một thằng bé con? Một ký ức. Một tối, vài tuần sau khi bắt cóc tôi, hẳn vào phòng tôi, mang theo một chiếc bánh ga tô: một chiếc bánh ngọt Rừng đen, khô khốc và cháy sém, phủ một lớp kem tằm lợm. Hẳn đã bắt tôi ăn đến nổi làm tôi phát nôn. Rồi hẳn cởi khóa quần và đòi tôi tặng “quà sinh nhật”. Trong khi quỳ gối, tôi nhìn thấy ngày tháng hiện trên mặt đồng hồ của hẳn. Ngày 13 tháng Bảy. Rồi tôi lại nôn lần nữa.

Tôi bấm bốn con số: 1307, rồi xác nhận bằng nút #. Và cánh cửa mở ra. Lần này, tim tôi như sắp ngừng đập đến nơi. Tôi không dám tin vào chuyện này. Tôi bước vào một căn phòng tối, không dám mạo hiểm bật đèn. Toàn bộ cửa chớp đều khép. Tất cả các cửa sổ cũng đóng kín. Không có bất kỳ tiếng động nào ngoài tiếng mưa gõ trên mái nhà và cửa kính. Thậm chí tôi còn không cố gắng kêu lên. Tôi không có ý tưởng nào về nơi mình đang ở. Tất nhiên là một căn nhà đơn độc (vào những lần rất hiếm hoi, hẳn cho phép tôi đi vài bước trong một thứ giống như bãi chôn thả có hàng rào đằng sau nhà), nhưng ở nơi nào của nước Pháp? Và gần với thành phố nào?

Thậm chí tôi còn chưa kịp đi khám phá ngôi nhà thì đã nghe thấy tiếng động cơ. Thật lạ lùng, lúc này tôi cảm thấy rất bình tĩnh, mặc dù biết rõ rằng cơ may này sẽ không bao giờ xuất hiện lần nữa. Thuốc khiến thân thể và tâm trí tôi dờ dẩn, nhưng tôi sẽ không gục ngã. Ít ra là chưa gục ngã. Adrenalin và nỗi sợ hãi phản lại tác dụng của thuốc an thần. Tôi đã nhìn thấy một vật. Thứ đầu tiên tôi nhìn thấy khi bước vào căn phòng này: một cái đèn bằng đồng nặng trĩu. Tôi nhấc chao đèn và giật sợi dây điện ra. Vừa kịp đứng vào đằng sau cánh cửa thì tôi nghe thấy tiếng hẳn đi đến. Các giác quan của tôi như nhảy bén lên gấp bội, tôi đoán hẳn đang chạy, nhưng vẫn nghe thấy tiếng động cơ xe tiếp tục nổ. Tại sao? Bởi vì hẳn hoảng sợ. Hẳn

hắn đã nhận ra là mình quên khóa cửa. Và tôi biết hắn là kẻ hay sợ sệt. Lo lắng. Hèn nhát.

Cánh cửa mở ra. Tôi vẫn ung dung. Không còn sợ nữa. Tôi chờ khoảnh khắc này từ rất lâu rồi. Tôi biết rất rõ mình chỉ được đập một cú. Được ăn cả ngã về không. Hai bàn tay xấp xập mồ hôi, nhưng tôi vẫn nắm chắc chân đèn bên trên vai. Lấy hết sức bình sinh, tôi đập cái đèn vào đầu hắn đúng lúc hắn ngẩng lên. Trước mắt tôi, hành động đó rời rạc như trong một bộ phim quay chậm. Đầu tiên tôi nhìn thấy nỗi ngạc nhiên khiến mặt hắn đỏ ra, rồi cái chân đèn sắc cạnh đập xuống chẻ dọc sống mũi hắn, làm đường nét trên khuôn mặt hắn biến dạng trong một tiếng hét đau đớn. Hắn loạng choạng, trượt đi và mất thăng bằng. Tôi buông vũ khí xuống, đột nhiên nó như nặng đến cả tấn, và bước qua người hắn.

2.

Tôi đã ở bên ngoài.

Đêm tối, trời mưa, cơn say. Nỗi sợ.

Tôi chạy lao về phía trước mà không tự hỏi mình điều gì. Tôi đang đi chân trần - trong suốt thời gian vừa qua, chưa bao giờ hắn thêm cho tôi lấy một đôi tất -, chỉ mặc một chiếc quần thể thao chật ních và chiếc áo thun cũ dài tay.

Đất. Bùn. Bóng dáng chiếc xe bán tải nằm giữa đường, đèn pha vẫn bật sáng. Tôi đã sai lầm khi quay đầu lại. Kieffer đang bám sát gót tôi. Máu tôi đông lại. Tôi mở cánh cửa xe, đóng lại, mất không biết bao lâu để tìm ra hệ thống khóa điện. Một màn mưa nhỏ giọt trên kính chắn gió. Một cú đập. Kieffer điên cuồng gõ vào kính, khuôn mặt méo xệch vì căm thù, đôi mắt điên loạn. Tôi cố không đếm xỉa đến sức ép hắn gây ra. Tôi nhìn vào bảng điều khiển, hộp số. Trong đời mình, tôi chưa từng lái xe, nhưng theo những gì tôi cho là mình hiểu được, thì đây là một chiếc xe số tự động. Ở New York, tôi đã thấy nhiều phụ nữ đi giày Jimmy Choo gót cao mười hai phân

và móng tay tía tốt hoàn hảo ngồi trước tay lái những chiếc Porsche Cayenne to đùng. Tôi không ngốc hơn là...

Cú đập khiến tôi hét lên. Kính xe vừa vỡ tan. Tim tôi hẫng đi. Kieffer đã tìm được một thanh sắt. Hắn giơ nó lên để giáng thêm một cú nữa. Tôi rướn người trên ghế và nhấn chân vào bàn đạp. Chiếc xe bán tải bắt đầu chuyển động. Một cú gạt nước. Tôi đang ở trên một con đường rừng. Xung quanh tôi là bóng tối đen đặc. Những bụi cây đáng sợ, bầu trời tối mờ, những bóng cây đen sì đầy đe dọa. Tôi cẩn trọng. Nhất thiết không được để mình bị tai nạn vào lúc này. Đi được chừng trăm mét, con đường bùn lầy mở rộng hơn một chút. Rẽ phải hay rẽ trái? Tôi đi theo hướng dốc xuống và tiếp tục nhấn ga. Vài khúc ngoặt rất ổn và tôi vững tin trở lại. Tôi bật đèn trần và phát hiện ra một chiếc túi trên ghế lái phụ. Chiếc túi vải màu vàng của tôi! Chiếc túi mà tôi đeo vào hôm bị bắt cóc. Tôi không kịp tự hỏi tại sao nó lại có mặt ở đây, bởi tôi nghe thấy tiếng động cơ đằng sau. Tôi kéo gương chiếu hậu vào hướng thuận lợi và nhìn thấy Kieffer đang ngồi trên xe mô tô lao theo tôi. Tôi tăng tốc, cố gắng kéo dài khoảng cách với hắn, nhưng càng lúc hắn càng xích lại gần hơn. Đường trơn trượt. Tôi vẫn nhấn ga. Một lối ngoặt nữa. Lần này, chiếc xe rời khỏi lòng đường và đâm vào một vách đá. Tôi thử lùi lại, nhưng chiếc xe bán tải đã bị sa lầy.

Nỗi kinh hoàng bắn vọt thành tia trong huyết quản tôi. Tôi vơ lấy chiếc túi và ra khỏi xe. Chân tôi lún sâu trong lớp đất sũng nước. Chiếc xe mô tô chỉ còn cách vài mét và sắp bắt kịp tôi. Tôi không thể ở lại con đường chính này nữa. Tôi liền đi cắt ngang rừng. Tôi chạy. Chạy. Cành cây cào vào mặt tôi, gai mâm xôi xé rách da tôi, đá đâm toạc chân tôi, nhưng tôi lại thấy thế là tốt. Tôi chạy. Trong vài giây, tôi được tự do, tôi còn sống và trên đời này không có gì tốt đẹp hơn thế. Tôi chạy. Tôi hòa làm một với thiên nhiên xung quanh. Tôi là nước mưa đang thấm ướt người tôi, tôi là cánh rừng đang bao bọc và nuốt chửng tôi, tôi là dòng máu đang cuộn chảy trong tim tôi. Tôi chạy. Tôi là nỗ lực đang khiến tôi mệt nhoài, là con mồi bị thương không chịu chấp nhận tiếng reo chặn được thú săn.

Đột nhiên, đất hẫng đi và tôi lăn xuống nhiều mét bên dưới, vẫn ôm chặt cái túi vào ngực. Tôi rơi xuống một con đường rải nhựa, không hề có

đèn đường. Còn chưa kịp thở lấy hơi, tôi đã nghe thấy tiếng động cơ mô tô đang bắt kịp dấu vết tôi. Tôi quay ngoắt người chạy về hướng đối diện. Một chỗ ngoặt. Rồi đột ngột có hai chiếc đèn pha chói lóa, tiếng còi rít lên như thể nó đang bị ai đó đè nghiêng vào. Một cú va đập.

Một cái hố đen lớn.

Tôi không chạy nữa.

3.

Tiếng bánh xe rít lên.

Tiếng động cơ nhỏ dần.

Tôi mở mắt.

Trời vẫn tối đen; được tô điểm bằng quầng sáng vàng xung quanh các cây đèn đường. Tôi đang nằm sõng soài trong góc một bãi đỗ xe ngoài trời. Lưng tôi xước sát, một con đau nửa đầu khiến tôi xây xẩm mặt mày, hai bên hông nhói đau. Đầu tôi chảy máu. Chiếc túi vải được để cạnh tôi.

Nhưng mình làm cái quái gì ở đây thế này?

Nước mắt lăn trên má tôi. Có lẽ là tôi đang mơ. Có thể là tôi đã chết. Tôi chống hai tay nhòe dấy. Không, chết không thể giống thế này được.

Tôi nhặt chiếc túi “của tôi” và mở ra xem bên trong có gì. Tôi nghĩ mình đang bị ảo giác, bởi vì bên trong, có hàng xấp, hàng xấp tiền. Hàng nghìn euro, có lẽ phải là hàng mấy chục nghìn. Trong đầu tôi mọi thứ đều mơ hồ đến nỗi thậm chí tôi còn chẳng tự hỏi tại sao kẻ bệnh hoạn đó lại chở từng này tiền trong chiếc xe bán tải của hắn. Trong ngăn túi bên, tôi còn thấy một cuốn sổ dày có bìa cứng màu xanh da trời và một cái thẻ điện thoại, và đúng vào thời khắc đó, đối với tôi hạt vừng thần kỳ này còn giá trị hơn nhiều so với hàng nghìn euro kia. Tôi bước vài bước trên mặt đường rải nhựa. Tôi đang ở giữa một công trình xây hình chữ U. Tòa nhà đầu tiên khá cũ, bằng gạch nâu, mái lợp đá bảng. Tòa còn lại hiện đại hơn, một hình hộp hoàn hảo bằng bê tông và kính.

Có tiếng động cơ, một chiếc đèn hiệu màu xanh lơ nhấp nháy, một chiếc xe cứu thương lao vào bãi đỗ. Tôi sợ thót cả bụng. Bất cứ lúc nào, tôi cũng chuẩn bị tinh thần sắp nhìn thấy Kieffer hiện ra. Tôi phải rời khỏi nơi này. Nhưng để đi đâu? Khi luồn lách giữa những chiếc xe, tôi nhìn thấy một tấm biển sáng trưng: “Trung tâm y tế Saveme”. Hóa ra, tôi đang ở trước một bệnh viện. Nhưng ai đã đưa tôi đến đây? Tại sao tôi lại ở trong cái sân sau này? Tôi đã bị ngất trong bao lâu?

Trong một lát, tôi ngần ngại định bước vào sảnh, nhưng rồi lại thôi. Tôi phải gọi cho mẹ. Tôi chỉ tin tưởng mình mẹ. Mẹ sẽ biết hướng dẫn tôi và bảo tôi phải làm gì.

Tôi rời khỏi khuôn viên bệnh viện và tiếp tục đi theo một con đường hai chiều, hai bên là những căn chòi nhỏ. Một tấm biển chỉ dẫn cho thấy trung tâm thành phố ở gần đây. Tôi bước đi. Mưa đã tạnh và lúc này không khí gần như mát mẻ. Tôi vẫn không biết đang là mấy giờ, cũng không biết đang là ngày bao nhiêu. Khi đi qua một căn nhà, tôi nhìn thấy vòm cổng nhỏ bên trên cửa ra vào, đằng trước cửa tất cả các thành viên trong gia đình phơi áo mưa và giày bết bùn. Tôi trèo qua hàng rào, lấy một chiếc áo gió và một đôi giày basket hăn là của bà mẹ. Gắn băng cở của mình, tôi vừa nghĩ vừa vo tròn rồi nhét xuống dưới tấm thảm chùi chân hai tờ năm mươi euro lấy ra từ trong chiếc túi vải.

Tôi đi tiếp. Tôi cảm thấy chóng mặt, vẫn không thể tin nổi là mình đã tự do. Tôi nghĩ trước sau gì mình cũng sẽ tỉnh giấc mơ. Tôi vẫn đi. Như một kẻ mộng du. Lần này, thuốc an thần như muốn bẻ gãy chân tôi và khiến đầu óc tôi mụ mị. Tôi vẫn đi. Và chẳng mấy chốc, tôi đến Saveme, quảng trường Nhà ga. Đồng hồ nhà ga chỉ 1 giờ 45 phút sáng. Phía xa hơn, một tấm biển thông báo: “Strasbourg 54 km”. Vậy là tôi đang ở miền Đông nước Pháp. Điều đó tuyệt nhiên không gợi lên trong tôi cảm giác gì. Ví thử có ai đó bảo tôi đang ở Lausanne hay Brest thì tôi cũng chẳng thấy băn khoăn hơn. Mọi thứ với tôi dường như quá vô thực.

Nơi này vắng hoe, ngoại trừ hai người vô gia cư đang ngủ đằng trước những ô kính cửa hàng. Ở lối vào nhà ga có một cabin điện thoại. Tôi bước vào, nhưng không đóng cửa. Mùi nước tiểu, nhớp nháp và ngọt ngọt, nồng

nặc trong “cái quách” này. Hai bàn tay tôi run lên khi nhét thẻ điện thoại vào khe. Tôi kiểm tra để chắc chắn rằng thẻ vẫn còn tiền và cố gắng đoán nghĩa tờ thông báo được ép plastic có in hướng dẫn để gọi điện thoại ra nước ngoài. Tôi đọc, nhưng không hiểu gì, bởi vì cả tờ hướng dẫn đầy những hình vẽ graffiti ngu ngốc, kiểu như: “Nước Pháp là thế đấy!”, “Nelly thích bú các lão già”, “Gewurztraminer sẽ thắng”, “Anne-Marie tượng sứ/ Anne-Marie tự sướng”, “Tôi là thi sĩ”.

Sau chừng năm phút và rất nhiều thao tác, cuối cùng tôi cũng nghe thấy tiếng đường dây. Sáu hồi chuông nối tiếp nhau với sự chậm chạp đến tuyệt vọng rồi cuối cùng mẹ tôi cũng nhắc máy. Lúc này tôi mới cảm thấy mình được giải thoát thực sự:

— Mẹ, là con đây, Claire đây! Con thoát được rồi, mẹ ời! Con thoát được rồi.

Nhưng, ở đầu dây đằng kia, không phải mẹ tôi. Là một phụ nữ bình thản thông báo rằng mẹ tôi đã chết từ hai năm trước.

Lúc đầu, tôi có cảm giác thông tin đó không tác động được tới tôi, não tôi từ chối nó. Hai tai tôi ong ong và rất đau, như thể có ai đó đóng đinh vào màng nhĩ. Rồi mùi nước tiểu xộc lên tận óc. Tôi quỳ sụp xuống để nôn. Nhưng thậm chí tôi chẳng còn đủ sức làm việc đó. Và một lần nữa, tôi lại rơi vào một hố đen to tướng.

4.

Khi tôi tỉnh dậy, đã là 6 giờ sáng. Như một xác sống, tôi vào ga và tìm được một chỗ trên chuyến tàu đi Paris.

Tôi đổ sụp xuống ghế, áp mặt vào cửa kính, và lại thi u thi u ngủ cho đến khi một nhân viên soát vé kéo tôi tỉnh giấc. Vì không có vé tàu, nên tôi trả tiền phạt cộng với giá vé bằng tiền mặt. Gã đó bỏ tiền vào túi mà không đưa vé cho tôi. Tôi nghĩ chính gã cũng chưa tỉnh ngủ hẳn. Rồi tôi lại thiếp đi ngay lập tức. Một giấc ngủ tồi tệ đầy mộng mị chập chém. Tôi chỉ nhớ rằng sau khi qua Reims một chút, tàu dừng lại giữa một nơi nào đó và đứng

bất động suốt hơn tiếng rưỡi. Trong toa, mọi người cầu nhau. Lời chửi rủa của họ khiến tôi nghĩ đến những hình vẽ graffiti thô tục trong cabin điện thoại: “Đất nước chết tiệt”, “Không có lấy một thằng giải thích xem chuyện gì đang xảy ra”, “Lại một vụ đình công khốn kiếp của chúng nó đây”, “Cầu cho mau tư nhân hóa hết đi”...

Rồi cuối cùng tàu cũng tiếp tục chạy, và do chậm trễ, nên tận 10 giờ 30 nó mới đến Paris.

Bây giờ thì sao đây?...

Trong cả nửa chuyến đi, tôi không ngừng nghĩ đến Candice Chamberlain.

Candice là một cô gái rất tốt bụng và xinh đẹp sống cách nhà tôi ở Harlem chừng một trăm mét. Chị lớn hơn tôi, nhưng chúng tôi thường trò chuyện với nhau trên đường đi học về. Chị là học sinh giỏi, một cô gái tốt muốn thoát khỏi cuộc sống ở nơi đó. Chị thường cho tôi mượn sách, khuyên tôi những điều xác đáng và cảnh báo tôi trước không ít những ảo tưởng.

Thế nhưng, một hôm, sau sinh nhật lần thứ mười sáu ít lâu, chị đã đi theo nhóm mấy gã trai sống ở khu Baumer Apartments, một khu phức hợp nhà cho thuê giá rẻ nằm phía trên phố 150 một chút. Tôi không biết tại sao chị, bình thường vốn dè dặt và cẩn trọng đến thế, lại dấn thân vào cảnh khổ nhục đó, cũng không biết chính xác mọi chuyện đã diễn ra thế nào. Tất cả những gì tôi biết, đó là mấy gã đó đã nhốt chị trong nhà chứa rác bỏ không ở tầng hầm một tòa chung cư của khu. Tất cả những gì tôi biết, đó là chúng đã lần lượt hãm hiếp chị trong nhiều ngày liền, và phải mất hai tuần cảnh sát mới tìm ra và giải thoát chị.

Sau khi nằm viện vài ngày, Candice trở về sống cùng bố mẹ, ở phố 134, gần nhà thờ Tân giáo. Kể từ lúc đó, giới truyền thông bắt đầu bị kích động. Ngày cũng như đêm, các nhà báo, phóng viên ảnh và thợ săn ảnh cắm chốt trước căn nhà của gia đình Chamberlain. Mỗi sáng, khi đến trường, tôi đều nhìn thấy phóng viên và thợ quay phim đang quay những thước phim để minh họa cho việc họ đang tác nghiệp trực tiếp trên các kênh truyền hình địa phương và quốc gia.

Đã nhiều lần, bố của Candice yêu cầu giới truyền thông tôn trọng nỗi đau của con gái ông, và rút đi cho, nhưng không ai thèm nghe ông. Candice là người da đen, còn một trong những kẻ hăm hiếp chị là người da trắng. Các cộng đồng và chính khách cố gắng chính trị hóa một bi kịch, mà theo tôi, thể hiện sự dã man hơn bất cứ vấn đề phân biệt chủng tộc nào.

Hồi đó, tôi mười một hay mười hai tuổi gì đó, và câu chuyện đã khiến tinh thần tôi bị tổn thương. Chẳng ấy người lớn làm trò chết tiệt gì trước căn nhà đó chứ? Tất cả họ đều đã ăn học đàng hoàng. Họ trông đợi gì, khi tụ tập thành một bầy chó săn, chen lấn nhau trước hàng rào như thế? Họ trông đợi gì khi lục lọi trong thùng rác quá khứ, hy vọng vớ được một lời chứng của ông hay bà hàng xóm nào đó, của bạn bè chị hồi nhỏ, để rồi sau đó mổ xẻ, tách nó khỏi bối cảnh, liên tục nhào nặn nó, khoái trá với thứ đầu đáng buồn nôn mà họ đổ thêm vào lửa ấy? “Đó là nguyên tắc tự do thông tin”, một trong số những phóng viên đã trở lời như thế khi tôi hỏi chị ta vào một chiều đi học về. Nhưng thông tin về cái gì chứ? Một cô gái trẻ đã trải qua thứ không thể gọi tên và gia đình cô phải đau đớn cùng cô. Có cần phải thêm vào nỗi đau đó việc tấn công và thói nhìn trộm của họ nữa không? Có thực sự cần phải sản xuất ra những hình ảnh chẳng có mục đích nào khác ngoài thêm mắm giấm muối cho mấy câu chuyện trong quán rượu và khiến người xem rùng mình để bán được những tờ phụ đính quảng cáo ngu ngốc không?

Và điều gì phải đến đã đến. Một buổi sáng, bà Chamberlain phát hiện xác con gái nằm sõng soài trong bồn tắm đầy nước đỏ ngầu máu. Candice đã cắt cổ tay trong đêm. Theo như tôi được biết, chị bạn tôi đã không để lại thư tuyệt mệnh giải thích hành động của mình, nhưng tôi vẫn luôn nghĩ rằng chị đã gục ngã vì nhận ra rằng mình sẽ không bao giờ có được cuộc sống bình thường nữa. Trong mắt người khác, chị sẽ luôn là cô gái đã bị hăm hiếp trong những thùng rác ở khu Baumer Apartments.

Điên lên vì đau đớn, bố chị, ông Darius Chamberlain, đã vớ lấy khẩu súng và lao ra hiên. Rất bình tĩnh, ông nạp đạn rồi thông thả quan sát trước khi bắn nhiều phát vào nhóm người, khiến nữ phóng viên đã dạy tôi về

“nguyên tắc tự do thông tin” bị thương nặng và giết chết một thợ quay phim vốn cũng có hai đứa con.

Từ ngày hôm đó, tôi không còn bất cứ ảo tưởng nào. Ở nhà gã Kieffer ngu ngốc kia cũng có sách. Đó là cách giải trí duy nhất hân cho phép tôi: một thư viện nhỏ với những giá sách hân đã đặt trong phòng giam của tôi. Những cuốn sách cũ về triết học và tâm lý học của mẹ hân trước đây. Trong hai năm, trừ đôi chút ghi chép trên những quyển vở mà Kieffer tịch thu mỗi khi viết hết, tôi không có cách giết thời gian nào khác ngoài đọc sách. Tôi đọc đi đọc lại vài cuốn đến nỗi có những đoạn đã thuộc lòng. “Con người không hề là sinh vật nhu nhược, có trái tim khao khát yêu thương”, Freud đã viết như thế trong cuốn *Sự khó chịu trong văn minh*. Đúng thế, con người chính là động vật ăn thịt người tồi tệ nhất. Con người gây chiến tranh chống lại chính con người. Ở sâu thẳm trong mình, con người chất chứa đầy bạo lực, hung hăng, xung năng chết, mong muốn thống trị đồng loại, bắt đồng loại phải làm nô lệ đồng thời sỉ nhục họ.

5.

Ga phía Đông. Thang cuốn bị hỏng. Khi leo lên các bậc thang bộ, tôi phải vất vả lắm mới chống cự được với đám đông giẫm đạp lên tôi và cuốn tôi đi như một làn sóng. Cảm thấy mình đang lả đi, tôi liền trú chân trong một quán cà phê chẳng có gì đặc biệt trong một chuỗi nhà hàng. Vì quán đã đầy ắp người, tôi buộc phải ngồi ngay tại quầy. Bụng tôi sôi sùng sục. Tôi nhai ngấu nghiến một thanh sô cô la và hai chiếc bánh sừng bò. Nước mắt lăn trên má, nhưng tôi cố kìm lại để không làm anh chàng bồi bàn để ý. Vốn dĩ tôi đã ăn mặc chẳng đâu vào đâu rồi.

Thế bây giờ thì sao?

Tôi không muốn có kết cục như Candice, nhưng tôi cũng biết rằng mình sẽ không bao giờ có thể có được cuộc sống bình thường nữa. Trong mắt người khác, tôi sẽ luôn là con bé đã bị một kẻ tâm thần giam cầm và hãm hiếp suốt hơn hai năm trời. Đó sẽ là cái nhãn dán lên tôi. Không thể

tẩy sạch. Tôi sẽ là dị nhân trong gánh xiếc buộc phải trả lời cả đống câu hỏi. Con quái vật đó đã làm gì cô? Bao nhiêu lần? Như thế nào? Cảnh sát sẽ muốn biết. Tòa án sẽ muốn biết. Cảnh phóng viên sẽ muốn biết. Tôi sẽ trả lời, nhưng mỗi câu trả lời sẽ lại dẫn đến một câu hỏi khác. Họ sẽ còn hỏi mãi. Hỏi thêm nữa. Để tôi thổ lộ tất cả. Thêm nữa và thêm nữa.

Có thể một ngày nào đó tôi sẽ yêu. Tôi sẽ gặp người đàn ông yêu tôi, làm tôi cười và tôn trọng sự độc lập cũng như nhu cầu được che chở của tôi. Thật tuyệt khi nghĩ đến điều đó. Hình dung ra cảnh chúng tôi gặp nhau, như trong một bộ phim. Chuyện đó sẽ xảy ra khi tôi ít chờ đợi nhất. Rốt cuộc, tôi đã dự tính như thế trong đầu mình. Và sẽ đến thời điểm anh biết được tôi là ai. Cô gái bị Kieffer bắt cóc. Cái nhãn đó sẽ che lấp tất cả những cái nhãn khác. Và có thể sau đó anh vẫn yêu tôi, nhưng không còn như trước nữa. Mà thông cảm nhiều hơn, thương hại nhiều hơn. Nhưng tôi không muốn lòng thương hại đó. Tôi không muốn là cô gái đó trong mắt người khác.

Tôi run lên. Tôi lạnh. Tôi đã thôi cảm thấy cuộc vượt ngục của mình giống như một chiến công và sự giải thoát. Tôi mạnh mẽ. Tôi có thể bứt mình ra khỏi mọi thứ. Tôi đã trải qua hai năm địa ngục. Tôi không muốn lại trở thành một con vật sợ sệt. Sau khi đã là con mồi của một kẻ tâm thần, không có chuyện tôi đánh đổi địa ngục này lấy một địa ngục khác.

Mắt tôi nhắm lại. Tôi kiệt sức. Hậu quả gián tiếp của những nỗ lực thể chất và tâm lý trong suốt những giờ phút tôi vừa trải qua. Ngồi trên chiếc ghế quầy bar, tôi đấu tranh để không gục xuống. Tôi lại nhìn thấy hình ảnh mẹ và nước mắt lại tuôn rơi. Tôi không biết mẹ chết như thế nào, nhưng đã biết rằng, theo một nghĩa nào đó, chính tôi đã giết mẹ.

Thời gian như tan loãng ra. Tôi không còn điểm mốc nào. Trong đầu tôi, một số chuyện đã rõ ràng, những chuyện khác hoàn toàn mờ mịt.

Đột nhiên, trên màn hình ti vi treo trong góc quán cà phê, tôi thấy thấp thoáng những hình ảnh có vẻ như siêu thực. Một ảo giác thực sự. Tôi dụi mắt và dỏng tai nghe người dẫn chương trình nói trên kênh tin tức:

“Phát hiện rừng rợn ở vùng Alsace nơi một vụ cháy lớn đã xảy ra sáng sớm nay tại một căn nhà trong khu rừng Petite Pierre, gần thành phố

Saveme.

“Được một cảnh binh báo tin, lính cứu hỏa đã nỗ lực hiệu quả để chặn đứng ngọn lửa đang bắt đầu lan ra các khu vực rừng lân cận. Cuộc điều tra sẽ làm rõ nguyên nhân gây ra hỏa hoạn, bởi sau khi can thiệp dập tắt đám cháy, cảnh sát cứu hỏa đã phát hiện ít nhất bốn thi thể trong ngôi nhà thuộc về Heinz Kieffer, một kiến trúc sư người Đức đang...”

Tim tôi tan nát. cổ họng như có cục nghẹn dâng lên, nghệt thở.

Trốn đi.

Tôi đặt tờ giấy bạc trên mặt quầy rồi đứng dậy không chờ nhận lại tiền thừa. Tôi vớ lấy chiếc túi và ra khỏi quán cà phê.

Claire Carlyle không còn nữa.

Từ nay trở đi, tôi là một người khác.

SÁNG NGÀY THỨ BA
VỤ ÁN JOYCE CARLYL

14

Thác Thiên Thần

*Người nào sợ nước,
hãy ở trên bờ*

Pierre De Marbeuf

1.

Đêm thật ngắn.

Đứt đoạn, lo lắng, xáo trộn, giấc ngủ của tôi không kéo dài được quá 6 giờ sáng. Sau khi tỉnh dậy và tắm một chậu giúp lấy lại chút nghị lực, tôi đóng cánh cửa trượt ngăn phòng ngủ - nơi con trai tôi vẫn đang ngủ tiếp - với phòng khách nhỏ có ô cửa sổ nhìn ra trên mặt nước vẫn còn tối sẫm của sông Hudson. Xong xuôi, tôi pha một cốc cà phê Espresso rồi bật máy tính xách tay lên và kiểm tra điện thoại di động. Caradec đã tìm cách gọi cho tôi, và để lại một in nhắn. Tôi thử gọi lại cho ông, nhưng chỉ gặp hộp thư thoại. Chết tiệt. Tại sao Marc không trả lời? Tôi bức mình nhiều hơn là thực sự lo lắng. Caradec không phải con nghiện điện thoại. Theo như tôi hiểu về ông, thậm chí còn có khả năng ông đã quên sạc ở Paris khi đi điều tra ở miền Đông nước Pháp.

Tôi uống một hơi nốt chỗ cà phê còn lại kèm với một viên giảm đau Doliprane. Hai tai tôi ong ong, như thể hàng chục câu hỏi đã quay cuồng tôi trong giấc ngủ lại đang nẩy lên xóc óc.

Ngồi trước màn hình máy tính trong ánh ban mai, tôi hy vọng Internet sẽ giúp tôi khai phá mảnh đất này. Google. Tìm kiếm đầu tiên: “May Sooyun”, nữ thám tử thuộc Sở Cảnh sát New York, người đảm nhiệm vụ điều tra về cái chết của Joyce. Bằng vài cú nhấp chuột, tôi hiểu rằng cô không

còn là cảnh sát nữa. May đã ra khỏi ngành vào đầu những năm 2010. Hiện cô làm việc với tư cách phát ngôn viên của Transparency Project, một tổ chức phi lợi nhuận có sức ảnh hưởng, nổi tiếng với chương trình hỗ trợ tư pháp nhằm giúp đỡ các nạn nhân phải chịu oan sai.

Trên trang web của Transparency, tôi dễ dàng tìm thấy địa chỉ thư điện tử của cô và gửi cho cô một email xin hẹn gặp. Để làm sống lại ký ức của nữ cựu cảnh sát này, tôi viết vài dòng gọi cho cô nhớ đến những nét chính trong vụ Joyce Carlyle mà cô phụ trách chín năm trước. Tôi không mong nhận được câu trả lời nhanh chóng - rất có khả năng cô còn chẳng thèm trả lời -, nhưng nghĩa vụ của tôi là phải bắt đầu từ đó.

Tìm kiếm thứ hai: “New York Herald”, tờ báo nơi Horence Gallo, nữ phóng viên hình như đã được Joyce liên hệ vài ngày sau khi Claire bị bắt cóc, làm việc. Và ngạc nhiên thứ hai: tờ nhật báo không còn tồn tại. Là nạn nhân của khủng hoảng báo chí, *New York Herald* đã biến mất khỏi các sạp báo vào năm 2009. Sau khi trải qua thời kỳ hoàng kim vào những năm 1970, tờ báo bắt đầu nợ nần chồng chất. Mặc dù đã qua nhiều lần tái cấu trúc, nó vẫn không vượt qua được những khó khăn của thị trường xuất bản và rốt cuộc khủng hoảng tài chính đã kết liễu nó.

Tuy nhiên, khi xem xét kỹ hơn, trang web của tờ nhật báo này vẫn hoạt động, cho phép lục lọi những tài liệu lưu trữ, nhưng không đăng thêm bài mới. Nguyên tổng biên tập Alan Bridges cũng như một phần nhỏ phóng viên, sau đó đã lập ra một trang thông tin Online hoàn toàn. Với nguồn tài chính thu về từ các thuê bao, #WinterSun là một dạng Mediapart ở Mỹ, chuyên về báo chí điều tra chính trị. Suy nghĩ thêm một chút, tôi nhớ mình đã từng nghe nói đến Alan Bridges và trang web của ông khi mà, theo dòng vụ Snowden, trang #WinterSun đã đăng tài liệu do những người tung tin cảnh báo khác cung cấp liên quan đến việc theo dõi hoạt động trên mạng của công dân do cơ quan tình báo NSA tổ chức.

Tôi gõ “Florence Gallo” vào thanh tìm kiếm của *New York Herald* để xem cô đã tiến hành điều tra những gì sau các bài báo mà Joyce thu thập.

Kết quả mới nhất khiến tôi lạnh người.

Nữ phóng viên đó đã chết.

2.

Không thể tin được...

Tôi vắn vẹo người trên ghế. Những tư liệu lưu trữ của *New York Herald* giúp lần lại thông báo về cái chết của Florence dưới dạng một văn bản ngắn đăng trên số ra ngày 27 tháng Sáu năm 2005:

Chúng tôi vô cùng đau buồn thông báo về sự ra đi đột ngột của người bạn, người đồng nghiệp của chúng tôi là Florence Gallo, sau một vụ tai nạn nhảy base jump. Florence hai mươi chín tuổi. Cô là người sống vì công việc. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên lòng nhiệt huyết, sự vui vẻ, tính cách chín chắn, linh cảm sắc bén và sự quyết đoán của cô, những điều đã tạo nên một phụ nữ và một phóng viên đặc biệt.

Tất cả các thành viên trong ban biên tập đều vô cùng đau lòng. Chúng tôi xin gửi lời chia buồn sâu sắc đến gia đình và người thân của cô.

Bài viết được minh họa bằng một bức ảnh lạ lùng. Mái tóc vàng rực, vẻ trẻ trung rạng rỡ, đi ủng cao và mặc quần soóc, Florence đang tạo dáng trên mô tô. Một bản sao gần như hoàn hảo của Brigitte Bardot vào cuối những năm 1960, thời của xe Harley Davidson và thời trang mang phong cách Roger Vivier.

Tôi cũng vậy, tôi cũng đang bị sốc. Trong khi tôi đang nghĩ cuối cùng đã tìm được ai đó dứt khoát có thể giúp mình, thì lại được biết người đó đã chết.

Tôi pha thêm một cốc cà phê nữa trong lúc những câu hỏi cứ dồn dập nảy ra trong đầu. Tôi lại ngồi xuống trước màn hình và mở đồng thời nhiều cửa sổ trình duyệt, để có thể cùng lúc tiến hành hàng loạt tìm kiếm. Tôi biết rằng thông tin đang ở đó, ngay trong tầm nhấp chuột.

Bước đầu, tôi thu thập đủ thông tin để phác ra phần tiểu sử của nữ phóng viên. Mang quốc tịch Thụy Sĩ, Florence đã ở trong cái nôi truyền thông từ rất sớm. Bố cô là phóng viên thể thao của tờ *Buổi sáng* còn mẹ cô đã có thời gian dài làm người dẫn cho một chương trình văn hóa trên sóng của đài RTS. Cô đã học trung học ở Geneva, rồi năm mười chín tuổi cô đã thực tập tại nhiều tòa soạn khác nhau, trong đó có 24 giờ, thời báo của bang

Vaud. Đồng thời, cô theo học tại CRFJ, Trung tâm đào tạo phóng viên thuộc vùng nói tiếng Pháp ở Thụy Sĩ. Năm 2002, cô làm một năm ở Luân Đôn cho kênh kinh tế Bloomberg TV, rồi vượt Đại Tây Dương để đến định cư tại New York, nơi lúc đầu cô viết bài cho Prance-Amérique, tờ báo tiếng Pháp ở Mỹ, sau đó gia nhập ban biên tập *New York Herald* vào năm 2004.

Cửa sổ thứ hai. Google hình ảnh. Tất cả các bức ảnh của Florence hiện có trên mạng đều cho thấy một cô gái xinh đẹp, có dáng dấp thể thao, khỏe mạnh, lúc nào cũng đang hoạt động, nụ cười lúc nào cũng nở trên môi. Một vẻ đẹp dễ gần, không cao ngạo, gợi cảm giác dễ mến. Một cô gái trẻ gần giống với hình ảnh những bài báo cô viết. Tôi tài về cả mấy chục bài: nhiều bài viết chân dung nhân vật, những đề tài căn bản và những bài điều tra về đời sống chính trị, các vấn đề xã hội, vấn nạn xã hội. Không đao to búa lớn, ngôn từ đúng mực. Văn phong của cô trôi chảy và cân đối. Rộng lượng mà không chiều ý độc giả. Không khoan nhượng, nhưng cũng không vô liêm sỉ. Được trình bày một cách thấu đáo, những trang viết của cô vẽ nên chân dung một New York muôn hình vạn trạng, phức tạp, sinh động như một tấm kính vạn hoa. Một xã hội Mỹ đôi khi mất phương hướng và đau khổ, nhưng xuyên suốt là một nghị lực và cái nhìn hướng về tương lai. Đặc biệt, không thể phủ nhận rằng Florence có năng khiếu gây dựng quan hệ với mọi người, cô có mối thiện cảm với chủ thể trong các bài báo của mình giống như tình cảm của một số tiểu thuyết gia dành cho các nhân vật của mình.

Đọc những bài báo của cô, tôi cố gắng đoán biết mối liên hệ gắn kết cô với Joyce. Làm thế nào mà hai người phụ nữ này lại quen biết nhau? Phải chăng Florence đã liên hệ với Joyce, hay ngược lại? Linh tính của tôi hướng đến giả thiết thứ hai. Sau khi con gái bị bắt cóc, nhận thấy cơ may tìm được con gái còn sống ngày càng giảm đi, Joyce đã quyết định nhờ đến báo chí giúp đỡ. Chính xác là bà có ý tưởng gì trong đầu? Tôi còn chưa biết, nhưng sẵn sàng cá rằng bà chỉ đơn giản là tìm đến người có những bài viết mà bà đánh giá cao.

Trang web mới. Tôi giữ điều này đến cuối cùng, mặc dù nó đã đập vào mắt tôi ngay lập tức. Sự thật khiến tôi bán khoăn nhất: ngày Florence chết, gần với ngày Joyce qua đời đến mức tôi khó mà tin được đó chỉ là chuyện

ngẫu nhiên. Tôi vừa bắt đầu tìm kiếm thông tin chi tiết hơn, vừa lo sợ về những gì mình sắp phát hiện ra. Lúc này, đây không chỉ còn là cuộc điều tra về vụ mất tích hoặc bắt cóc cô gái tôi yêu. Mà có thể là phát hiện ra sự thật về một vụ giết người hàng loạt chưa bị trừng phạt: Joyce, Florence, và những người khác nữa, sao lại không chứ...

Tìm kỹ hơn tên trang web, tôi moi ra được một bài báo đưa tin toàn diện hơn đôi chút về cái chết của Florence Gallo. Một bài viết ngắn đăng trên tờ báo địa phương của Virginia, tờ *Lafayette Tribune*:

TIN VẮT

Sáng hôm qua, Chủ nhật ngày 26 tháng Sáu, xác một phụ nữ trẻ đã được phát hiện trong khu vực Công viên Sông Bạc (Tây Virginia).

Theo ban quản lý công viên, nạn nhân - cô Florence Gallo, một phóng viên người New York - có vẻ như đã nhảy hòng cú nhảy base jump, một môn nhảy dù cảm giác mạnh theo đó người chơi nhảy từ một điểm cố định chứ không phải từ máy bay.

Những người leo núi đã tìm thấy thi thể nữ vận động viên này gần bờ sông và thông báo cho nhà chức trách. Florence Gallo biết rất rõ vùng này và là một vận động viên nhảy base jump lão luyện. Trước đây, cô đã từng thực hiện nhiều cú nhảy từ cây cầu thép này, đặc biệt là trong những buổi trình diễn nhảy base jump được tổ chức trong khuôn khổ các lễ hội của “Ngày hội cầu”. Lần này là một cú nhảy không có người xem, xảy ra bên ngoài khu vực được phép thực hiện hoạt động này. Việc điều tra được giao cho văn phòng cảnh sát trưởng quận Fayette. Lúc này, nguyên nhân tai nạn đang là hướng điều tra ưu tiên. Theo những nhận định ban đầu, dù của cô Gallo đã không mở, lý do vẫn đang tiếp tục được xác minh.

Tôi nhìn ngắm vài bức ảnh chụp cây cầu. Cầu Sông Bạc là một điểm sáng nổi tiếng trong giới thể thao cảm giác mạnh. Nằm trong dãy Appalachian, khối kiến trúc bằng thép rất ấn tượng này cao hơn ba trăm mét so với mặt nước. Nghĩ đến việc người ta có thể nhảy dù từ trên cầu xuống khiến tôi rùng mình.

Trong suốt thời gian dài, cây cầu từng là một trong những niềm tự hào của vùng này trước khi bị cấm lưu thông vào giữa những năm 1990 sau

nhều cảnh báo về an toàn. Mặc dù vậy, nó vẫn được bảo trì và mở cửa cho người đi dạo và du khách đến thăm Công viên Sông Bạc. Từ thành cầu, môn nhảy base jump vẫn được phép thực hiện, nhưng trong khuôn khổ chặt chẽ và với những biện pháp an toàn nghiêm ngặt mà rõ ràng là Florence Gallo đã không tuân thủ.

Tôi tìm kiếm trong đồng tài liệu lưu trữ của tờ báo để xem việc điều tra có đưa đến kết luận gì không, nhưng không tìm thấy gì. Một trang tìm kiếm mới, theo hướng trang web của #WinterSun. Bằng cách điền thông tin vào một mẫu khai có sẵn, ta có thể gửi email cho tổng biên tập, Alan Bridges. Tôi không trông chờ điều gì đặc biệt, nhưng một lần nữa vẫn thử vận may, xin hẹn gặp để gọi nhớ những kỷ niệm của anh về Florence Gallo.

Tin nhắn vừa được gửi đi thì điện thoại di động của tôi đổ chuông. Alexandre. Ở New York lúc này đang là 9 giờ 30, tức là 15 giờ 30 ở Pháp.

— Chào Alex.

— Chào anh. Em tranh thủ giờ nghỉ để gọi lại cho anh.

— Cậu tốt quá. Tin mới tốt lành chứ?

Một tiếng thở dài buột ra ở đầu dây bên kia.

— Không, thật đáng tiếc. Điều ta lo ngại đã xảy ra. Rạng sáng nay, người ta đã chẩn đoán có một bọc máu tụ trong não Clotilde Blondel.

— Chết tiệt...

— Họ đã mổ cấp cứu cho bà ấy, chỗ chảy máu sâu và khó xác định. Bản thân ca mổ diễn ra không tệ, nhưng bệnh của anh đang bị suy hô hấp. Lúc này, bà ấy vẫn đang hôn mê.

— Cậu vẫn theo dõi tiếp nhé?

— Cứ tin ở em.

Vừa gác máy, tôi đã nhận thấy hai email gần như đến cùng lúc trong hộp thư điện tử của mình. Cứ như thể May Soo-yun và Alan Bridges đã thống nhất trước với nhau: hoàn toàn trái ngược với những gì tôi chờ đợi, họ sẵn lòng dành thời gian cho tôi và đồng ý gặp khi nào tôi muốn. Tôi vừa căn giờ để hẹn với họ hai cuộc gặp nối tiếp nhau trong ngày, vừa tự hỏi về sự nhanh chóng và mức độ thành thật trong câu trả lời của họ. *Theo suy diễn*, không ai trong số hai nhân vật của công chúng này có lý do nào thực

sự để giúp tôi. Cách giải thích duy nhất là họ đang tìm hiểu xem tôi biết được gì về vụ này...

Chín giờ ba mươi. Rõ ràng là con trai tôi đã kết thúc giấc ngủ nướng. Từ phía bên kia cánh cửa ngăn hai phòng, tôi nghe thấy tiếng bé bi bô hạnh phúc và vui vẻ. Théo đang bập bẹ tập hát nghe khá thuyết phục bài Get Back của nhóm Beatles, bài hát ưa thích của bé từ hai tuần nay. Tôi mở hai cánh cửa để đánh cắp của bé vài nụ cười trong lúc gọi cho lễ tân và đặt trước người trông trẻ. Rõ ràng là tràn đầy phong độ, Théo chuyển sang diễn lại màn Papaoutai tươi vui. Trong nửa giờ tiếp theo, tôi sẽ chỉ chăm sóc cho bé: tắm gội từ đầu đến chân bằng xà phòng Marseille, đóng bím, mặc bộ body, quần áo sạch thơm mùi oải hương.

— Bít ky! Bít ky!

Vừa đứng xuống đất, cái dạ dày có chân đó đã ngấp nghé hộp Oreo mà bé phát hiện ra trong chiếc giỏ đặt cạnh quầy bar mini.

— Không, không, không ăn bích quy lúc này. Bây giờ là giờ uống sữa. Nào, đi thôi! Ta sẽ uống ở dưới lầu.

— Nào, đi! bé nhắc lại.

Tôi lấy chiếc túi đựng tất cả đồ đạc của hai bố con, và trước khi đóng cửa, tôi thăm kiểm lại danh sách những thứ nhất thiết không được quên: *Fifi: có! Bình sữa: có! Yếm: có! Cuốn truyện T'choupi: có! Ô tô đồ chơi: có! Bím để thay: có! Giấy ướt: có! Khăn giấy: có! Sáp màu Crayola: có! Vở tô màu: có!*

Yên tâm, tôi bước ra hành lang. Chúng tôi chỉ vừa bước chân vào thang máy thì... “Bố, tu ti.” Chết tiệt, tôi lại quên cái núm vú đáng ghét đó.

— Con không thể nói trước được sao, hở?

Phật ý. Nước mắt cá sấu phụ họa. Về phần mình, tôi cũng không chịu sám hối:

— Thôi nào, đừng đóng kịch nữa, diễn viên tồi ạ!

Quay lại phòng, năm phút để tìm thấy núm ti (dưới gầm giường, phủ một lớp bụi), rửa núm ti, cảnh báo có mùi lạ, kiểm tra lại, khẳng định có sát khuẩn, thở dài náo nức, lại thay bím, lên con đói, tâm kích, tội lỗi, thương thuyết đủ kiểu. Mất thời gian kinh khủng. Lại thang máy. Tranh thủ chiếc

gương để vuốt lại tóc. Tôi rồi đến bé. Một nụ cười và mọi thứ đều ổn. Bé và tôi.

Đã quá 10 giờ khi thang máy xuống đến sảnh. Cùng lúc đó, từ bên kia sảnh, cánh cửa ra vào nặng nề của khách sạn mở ra trước một vóc dáng đồ sộ. Khuôn mặt Théo sáng lên.

— Mac! Mac! bé hét lên và chỉ tay về phía người khách đứng giữa sảnh.

Tôi quay lại và nhúu mày. Không thể tin vào mắt mình, nhưng tôi lại cảm thấy nhẹ nhõm lạ lùng: Marc Caradec đã đến New York gặp tôi!

3.

— Trời mưa như trút nước. Chỉ có mình tôi trong xe, giữa đám cỏ cao lút người trên đường. Một bóng đen có trang bị súng săn chui ra từ chiếc 4x4 trước mặt tôi và lao đến dưới trời mưa.

Ngồi bên một chiếc bàn trong sân khách sạn, Caradec và tôi đã trò chuyện được nửa giờ. Chúng tôi trao đổi tất cả thông tin mình tìm được. Một lần nữa, chúng ăn khóp, bổ sung cho nhau một cách bất ngờ, soi rọi thêm quá khứ của Claire và mẹ nàng với những tình tiết càng lúc càng thêm bí hiểm.

— Gã đó giương súng về phía tôi, Marc nói tiếp. Trong ánh đèn pha, tôi nhìn thấy gã rõ mồn một. Gã có dáng người rất lạ lùng, vừa lùn vừa béo, tóc dài màu gỉ sắt và râu rậm. Gã cách tôi ba mét, ngón tay đặt trên cò súng.

Trong khi tôi đang dán mắt vào môi ông, Caradec dừng lại để lau miệng cho Théo. Ngồi trên chiếc ghế ăn của mình, con trai tôi khiến tôi có cảm giác bé đang chăm chú theo dõi câu chuyện giữa chúng tôi trong lúc nhăm nháp một miếng bánh phủ phô mai tươi.

— Gã đã bắn và kính chắn gió của tôi vỡ tung, Marc nói tiếp. Tôi cảm thấy viên đạn sượt qua thái dương, chỉ cách vài mi li mét.

— Rồi sau đó?

Ngồi co ro trên ghế, tôi bàng hoàng trước quy mô của cuộc điều tra.
Caradec nhún vai rồi uống một ngụm cappuccino lớn.

— Thế cậu tưởng thế nào: tôi đâu có để cho gã kịp bắn tôi lần thứ hai. Nỗi sợ hãi khiến tôi chúi xuống dưới tay lái. Trong lúc va đập, học dừng đồ bật mở và khẩu súng của tôi trượt xuống sàn. Tôi tóm lấy nó và bắn. Gã hoặc tôi phải chết, và lần này may mắn đã thuộc về tôi.

Trong khi những con rùng mình chạy dọc sống lưng tôi, Marc không có vẻ gì là bị ảnh hưởng quá mức bởi chuyến phiêu lưu của mình. Tuy nhiên, tôi hiểu ông đủ để hiểu rằng đằng sau dáng vẻ trơ lì như đá cẩm thạch kia ẩn giấu một người đàn ông nhạy cảm và khắc khoải nhận thức rất rõ sự mong manh của kiếp người.

— T’soupi! T’soupi!

Mặt dính đầy pho mai tươi, Théo đòi cuốn sách *T’choupi làm trò ngốc nghếch*.

Tôi tìm trong túi xách và đưa cuốn truyện cho bé. Điều Caradec thú nhận sau đó khiến tôi lặng người:

— Tôi không lạ gì gã đó, ông nói tiếp. Gã là cảnh sát. Tôi từng gặp gã cách đây lâu rồi. Hồi đó, gã làm ở đội cảnh sát bảo vệ trẻ vị thành niên, nơi tất cả mọi người đều gọi gã là “Tiều phu”, nhưng tên thật của gã là Stéphane Lacoste.

Cổ họng tôi nghẹn lại. Tôi không thể tin được rằng Caradec đã giết người. Tôi bàng hoàng và khiếp sợ bởi những gì mình đã gây ra. Ấy thế mà tất cả những chuyện này lại bắt đầu từ một vụ cãi cọ đơn thuần. Vụ cãi cọ mà tôi khởi xướng. Chỉ vì tôi ghen. Chỉ vì tôi nghi ngờ quá khứ của cô gái mình sắp cưới.

Marc kéo tôi trở về với thực tại:

— Tôi đã lục trong xe và cả người gã, nhưng chẳng tìm thấy gì cả. Không có dấu vết nào của Claire. Không một đầu mối nào. Hẳn là Lacoste đã đề phòng, bởi thậm chí gã còn không có cả điện thoại di động.

— Chết tiệt! Cảnh sát sẽ lần ra ông, Marc ạ.

Ông lắc đầu.

— Không, tôi không nghĩ vậy. Trước hết, họ sẽ không thu được viên đạn mà tôi đã bắn ra. Và nhất là tôi đã đặt xác Lacoste vào ghế lái và chế biến món nướng ngon lành với chiếc xe. Đó là chiếc xe ăn cắp, tôi tin chắc thế. Và tất cả những gì người ta tìm được từ Stéphane Lacoste sẽ là một bộ xương cháy thành than. Trước khi nhận dạng được gã, sẽ phải lấy mẫu răng, việc đó sẽ mất vô khối thời gian.

— Thế còn xe của ông đâu?

— Cậu nói đúng, đó chính là điểm khó xử lý nhất. Tôi không thể đi lâu với cái kính chắn gió vỡ tung như thế. Tôi đã cẩn thận lái chừng mười ki lô mét đến tận Châlons-en- Champagne. Đến đó, tôi đánh cắp một chiếc xe, theo kiểu cũ, bằng cách nối dây điện. Cậu sẽ gọi nó là một đồng đồ nát: một chiếc Supercinq đời 1994. Cậu có biết là nó vẫn còn chạy được không? Chắc nó sẽ được định giá 200 euro trên trang L'Argus^[20]...

— Nhưng người ta sẽ tìm thấy chiếc Range Rover của ông.

— Cậu đừng lo: tôi đã nhờ một cậu bạn chủ xưởng sửa chữa xe đến lấy nó về. Giờ này, hẳn là con ngựa già của tôi đang được làm đẹp ở Paris.

Tôi nhắm mắt lại để tập trung. Tôi phải kết nối một số sợi dây với nhau.

— Theo ông, gã cảnh sát đó, Stéphane Lacoste ấy, gã có liên quan gì đến vụ Claire mất tích?

Marc lấy từ túi ra một cuốn sổ và lật trang.

— Điều đó thì tôi phải thú thật là tôi không biết gì cả. Ở sân bay, tôi đã gọi nhiều cuộc điện thoại để biết rõ hơn về quá trình làm việc của Lacoste. Lúc đầu, gã phục vụ ở Đội cảnh sát tìm kiếm và can thiệp Orléans, sau đó chuyển sang Đội cảnh sát bảo vệ trẻ vị thành niên và Cảnh sát tư pháp Versailles. Người ta thấy gã lúc nào cũng cặp kè với một tay cớm khác, đại úy Richard Angeli. Theo một trong các đồng nghiệp cũ của tôi cho biết, Angeli đã cố đưa Lacoste về Đội cảnh sát tìm kiếm và can thiệp số 36, nhưng gã đã trượt kỳ thi sát hạch.

Tôi ngọ nguậy trên ghế.

— Chờ đã! Tôi biết cái tên Richard Angeli đó! Tôi mới vừa nghe nhắc đến nó.

Tôi lục tìm trong ký ức, nhưng bộ não của tôi như thể đã bị mọt ruỗng.

— Nhân vụ gì?

— Tôi không rõ nữa. Rồi tôi sẽ nhớ ra. Còn ông, cái tên đó không có ý nghĩa gì với ông sao?

— Không, tôi chưa từng gặp hẳn. Nhưng theo như tôi hiểu, gã đó đã có một sự nghiệp xán lạn. Gần bốn mươi tuổi mà đã có những chiến công đáng khen ngợi. Chắc là một tay cớm giỏi. Không phải ngẫu nhiên mà lên được chức đại úy đội chống các băng nhóm tội phạm. Nhất là ở...

Tôi nhảy bật khỏi ghế, và theo đà phấn khích, giằng lấy cuốn sách từ tay con trai.

Ngạc nhiên, Théo òa khóc nức nở và trốn vào vòng tay Marc. Tôi cuống cuống lật trang cho đến khi tìm thấy những dòng chữ viết vội khi đang ngồi taxi trên đường ra sân bay.

— Tôi biết Richard Angeli là ai rồi! tôi vừa nói vừa cho Caradec xem cuốn sách. Đó là bạn trai cũ của Marlène Delatour. Tay cảnh sát trẻ tuổi của đội Trọng án Bordeaux đã tham gia vào vụ Carlyle năm 2005.

Caradec tiếp nhận thông tin rồi đưa ra một giả thiết.

— Thế nếu là anh ta thì sao?

— Anh ta?

— Viên thám tử mà Joyce đã bí mật thuê. Còn gì tốt hơn là một cảnh sát Pháp trực tiếp tham gia vụ án để có thể tiếp cận toàn bộ thông tin và tiến hành những điều tra bổ sung?

Kịch bản đó cũng không phải là vô lý. Tôi cố gắng hình dung Joyce bí mật thuê tay cảnh sát trẻ tuổi đầy triển vọng đó. Nhưng thông qua trung gian nào? Và trong khi cuộc điều tra hồi đó không mang lại kết quả gì, tại sao bây giờ chúng tôi lại thấy bóng dáng của Angeli và gã trung úy đệ tử Stéphane Lacoste?

— *Hello, Theo, how are you, adorable young boy?* [\[21\]](#)

Tôi ngẩng đầu lên. Marieke, cô công nữ của con trai tôi, vừa bước vào sân trong, vẫn trau chuốt như mọi khi, cô mặc chiếc váy ôm bằng vải wax [22] và đăng ten có thể khiến ta nghĩ rằng, đang trong giai đoạn tuần lễ thời trang này, cô vừa vội vã rời khỏi sàn diễn để tới đây.

Théo chẳng mấy chốc đã lấy lại được vẻ vui tươi. Nở nụ cười khôn lỏi trên môi, bé đang tỏ vẻ dễ thương trước người đẹp Đức.

Tôi nhìn đồng hồ và đứng dậy. Đã đến lúc đi gặp Alan Bridges rồi.

Vụ án Joyce Carlyle

*Hãy yêu em nhiều
hơn trước, bởi vì em
đang đau khổ.*
George SAND

1.

Trụ sở của #WinterSun chiếm trọn một tầng của Flatiron Building, tòa cao ốc nổi tiếng của New York dễ nhận biết vì có hình tam giác khiến ta nghĩ đến chiếc bàn là. Trong ánh mặt trời cuối buổi sáng, những hàng cột trang trí trên mặt tiền đá vôi mang lại cho tòa nhà dáng dấp một đền thờ Hy Lạp.

Bên trong, văn phòng của #WinterSun giống như văn phòng của một công ty khởi nghiệp đã vơ đủ tiền để sử dụng dịch vụ của một nhà trang trí thời thượng. Tất cả các vách ngăn đều biến mất để tạo nên không gian làm việc mở, được bố trí xung quanh những khu vực họp không chính thức. Sàn lát gỗ có vân nổi, gần như màu trắng, chạy giữa loạt bàn gỗ, ghế đẩu, xô pha thấp và ghế thư giãn Eames nhiều màu.

Chính giữa phòng, đằng sau quầy bar, là một nhân viên pha chế đang pha những cốc cappuccino sủi bọt. Xa hơn, các nhân viên đang đối đầu nhau quanh một bàn bóng bàn và một bàn ăn. Tuổi trung bình của họ hẳn không vượt quá hai mươi lăm. Thậm chí có cảm tưởng một số người là học sinh đang chuẩn bị thi tốt nghiệp trung học. Có đủ các loại phong cách, thị hiếu khác nhau. Đối với cánh con trai thì từ hipster râu rậm cho đến bản sao của Zuckerberg, trong khi ở cánh con gái, ta được chiêm ngưỡng từ đồng

phục kiểu chân váy sặc sỡ trẻ trung Williamsburg kết hợp áo đơn giản cho đến những phong cách tinh tế hơn gợi nhớ đến loạt ảnh chụp bằng máy Polaroid mà một số blogger về thời trang thường đăng tải.

Điện thoại di động như dính vào lòng bàn tay, máy tính xách tay đặt trên đầu gối, toàn bộ cái thế giới xinh xắn này vừa lướt ngón tay trên bàn phím vừa nhón những loại hạt mầm và cải xoăn chiên đựng trong những hũ xa lát lớn trên các bàn. Đây chính là điều không ngừng khiến tôi ngạc nhiên: thực tế thường vượt xa các bức biếm họa đến nhường nào.

— Xin lỗi vì tôi đến muộn, tôi chạy đua đã ba ngày nay rồi!

Alan Bridges chào đón chúng tôi bằng thứ tiếng Pháp gần như hoàn hảo.

Đến lượt tôi chào ông và giới thiệu Caradec là một cựu cảnh sát xuất sắc giúp đỡ tôi trong việc điều tra.

— Tôi rất thích nước Pháp, ông khẳng định và bắt tay chúng tôi. Hồi hai mươi tuổi, tôi đã học một năm ở Aix- en-Provence. Đã lâu lắm rồi. Các anh tưởng tượng xem, hồi đó Giscard vừa mới được bầu làm tổng thống!

Tuổi trạc lục tuần nhưng hoạt bát, tổng biên tập của #WinterSun mặc sơ mi trắng, quần vải sáng màu, áo vest bằng vải tweed nhẹ và đi giày thể thao bằng da. Với vóc dáng cao lớn, giọng nói ấm áp và uy tín không thể phủ nhận, Alan Bridges giống người cùng họ với ông, diễn viên Jeff Bridges. Một điều khá khôi hài, bởi vì tôi đã đọc trên Internet rằng tên thật của ông là Alan Kowalkowski và ông đã lấy bút danh này năm mười bảy tuổi khi viết bài cho tờ báo của trường đại học.

— Mời theo tôi, ông đề nghị và dẫn chúng tôi vào căn phòng duy nhất có vách ngăn trong cả tầng.

Từ khi đến New York và đi ngang qua Flatiron, tôi vẫn luôn tự hỏi bên trong tòa tháp chọc trời khó tin này trông như thế nào, và tôi đã không thất vọng. Được đặt trong một căn phòng hình tam giác chạy suốt dọc chiều dài tòa nhà, văn phòng của Bridges nhìn ra khung cảnh tuyệt đẹp trên đường Broadway, Đại lộ số 5 và Công viên Quảng trường Madison.

— Mời các anh ngồi, ông nói. Tôi gọi nốt một cuộc điện thoại nữa rồi sẽ tiếp chuyện hai anh. Thời sự đang hơi nóng với hội nghị đảng cử ứng

viên tổng thống.

Không thể nào không nhận ra điều đó. Dự kiến ban đầu là sẽ tổ chức tại Minneapolis, nhưng hội nghị sơ bộ của đảng Cộng hòa đã phải gấp rút dời đến New York do nguy cơ sẽ xảy ra bão trong vùng Minnesota là rất cao. Hội nghị đã khai mạc hai ngày trước tại Vườn hoa Quảng trường Madison và chắc hẳn sẽ bế mạc tối nay sau bài diễn văn của Tad Copeland, người vừa chiến thắng trong cuộc đua đề cử ứng viên của đảng này.

Trên ba màn hình phẳng gắn trên tường, kết nối ở chế độ im lặng với các kênh tin tức, ta có thể nhìn thấy hình ảnh các nhân vật chủ chốt của đảng này: Jeb Bush, Carly Fiorina, Ted Cruz, Chris Christie, Tad Copeland.

Liếc nhìn bàn làm việc của Bridges - thật ra là một cánh cửa trượt cũ bằng gỗ nguyên khối đặt trên hai chân giá di động tôi thoáng thấy một bản sao thông tin của chính mình trên Wikipédia mà hình như nhà báo này đã nghiêm túc ghi chú lại.

Trong khi Bridges cố gắng có được một cuộc phỏng vấn độc quyền với ứng cử viên đảng Cộng hòa, tôi tự do đi lại đôi chút trong phòng.

Pha trộn giữa cảm hứng Phật giáo và Đạo giáo, văn phòng này rất độc đáo. Trần trụi, khiêm nhường, đề cao giá trị của những thứ không hoàn hảo và sự gặm nhấm của thời gian: ta cảm thấy người thiết kế văn phòng này đã tuân theo các nguyên tắc wabi-sabia [\[23\]](#).

Đặt trên một chân giá thô mộc, một khung tranh theo kiểu tối giản trưng một bức ảnh chụp Bridges và Florence Gallo tay trong tay ở Công viên Battery. Bức ảnh duy nhất trong căn phòng. Điều hiển nhiên đột ngột đập vào mắt tôi: Florence và Bridges từng là nhân tình của nhau! Chỉ vì lý do này mà vị tổng biên tập mới chịu tiếp tôi. Như bức ảnh đang chứng minh, Florence là mối tình mất mát, là người vắng mặt mà có lẽ giờ ông vẫn nghĩ đến hằng ngày.

Thứ hình ảnh khiến ta đau đớn nhắc cho tôi nhớ rằng, trong một thời gian dài, tôi đã ghét cay ghét đắng đến nhường nào máy ảnh, thứ máy móc tàn nhẫn tạo nên hoài niệm. Hàng chục nghìn tiếng tách tách lừa dối làm ngưng đọng trong giây lát một điều bột phát vốn đã bay biến. Tệ hơn nữa,

giống như những khẩu súng trường hai nòng, thường phải nhiều năm sau chúng mới chạm đích, nhưng luôn bắn trúng tim. Bởi vì, trong vô số những thứ tồn tại trên đời, không gì mạnh hơn quá khứ, sự trong trắng đã mất và những mối tình bị chôn vùi. Không gì khiến ta quặn lòng hơn ký ức về những cơ hội bị bỏ lỡ và hương vị hạnh phúc mà ta đã để tuột mất.

Cũng chính vì lý do này mà tôi rất thích được làm cha. Có con là một phương thuốc chống lại hoài niệm và sự tươi trẻ đã úa tàn đó. Có con buộc bạn phải giải thoát bản thân khỏi một quá khứ quá nặng nề, điều kiện duy nhất để dự tính cho tương lai. Có con đồng nghĩa với việc tương lai của con trở nên quan trọng hơn quá khứ của bạn. Có con, chính là tin chắc rằng quá khứ sẽ không bao giờ chiến thắng được tương lai nữa.

2.

— Giờ tôi sẵn sàng tiếp chuyện các anh rồi, Bridges vừa gác máy vừa nói với chúng tôi. Tôi đã rất chú ý khi đọc email của anh, anh Barthélémy ạ, nhưng tôi không hiểu lắm tại sao anh lại quan tâm đến Florence Gallo.

Để khỏi mất thì giờ, tôi quyết định không rào trước đón sau.

— Ông chưa từng nghĩ rằng tai nạn của Florence có thể là một vụ dàn cảnh sao?

Trong khi nhà báo nhú mào, Caradec bồi thêm:

— Ông chưa từng nghĩ rằng Florence có thể đã bị sát hại sao?

Ngạc nhiên, Bridges lắc đầu.

— Ý nghĩ đó chưa từng lướt qua đầu tôi, ông khẳng định dứt khoát. Theo như tôi được biết, kết quả điều tra đã xác nhận rõ ràng giả thiết tai nạn. Florence thường đến đó để nhảy mỗi khi có chuyện buồn và muốn giải tỏa đầu óc. Xe của cô ấy đã được tìm thấy trong công viên, cách cây cầu vài mét.

— Dù của cô ấy không mở, có phải chỉ là rủi ro không?

— Đừng có nói những chuyện ngu ngốc nữa. Tôi không phải chuyên gia về nhảy base jump, nhưng tai nạn kiểu đó có thể xảy ra trong môn này.

Với lại, nếu anh muốn giết ai đó, có nhiều cách khả dĩ hơn là ném người đó xuống từ cây cầu ở một xó xỉnh của Virginia, đúng không?

— Ai có thể hằn thù cô ấy?

— Đến mức giết cô ấy ư? Theo tôi biết thì không có ai.

— Ông có nhớ trước khi chết Florence đang làm vụ gì không?

— Không nhớ rõ lắm, nhưng không có gì nghiêm trọng cả.

— Chẳng phải cô ấy là chuyên gia săn tin nóng sao?

— Nói đúng ra thì không hẳn. Có lẽ các tin nóng tự tìm đến cô ấy thì đúng hơn. Bởi vì con người cô ấy kết hợp được cả sức thuyết phục và sự thấu hiểu. Florence là một người hiếm có. Một cô gái tài năng, thật vậy. Thông minh, độc lập, tận tụy và có lòng đồng cảm thực sự, và đối với cô ấy đạo đức không phải là một từ nói suông. Cô ấy có nét tao nhã hiếm hoi trong nghề này: một thứ gì đó hơi theo lối cổ, hơi không hợp thời.

Ông im lặng trong vài giây rồi đưa mắt nhìn về phía bức ảnh. Đôi mắt ông sáng lên. Khi nhận ra chúng tôi đã nhìn thấy vẻ bối rối của mình, ông không che giấu tình cảm nữa.

— Tôi sẽ rất rõ ràng với các anh, và thực ra chuyện này cũng chẳng còn bí mật với bất kỳ ai. Hồi đó, Florence và tôi đang đi lại với nhau. Và chúng tôi yêu nhau.

Ông thở dài rồi ngồi sụp xuống. Chỉ trong vài giây, ông đã già đi cả chục tuổi.

— Đó là một giai đoạn phức tạp đối với tôi, ông nói tiếp. Tôi và vợ tôi, Carrie, đã có một đứa con bốn tuổi và cô ấy đang có thai tám tháng. Cứ việc coi tôi là một thằng khốn hay bất cứ thứ gì, tùy các anh, nhưng chuyện là thế đấy. Đúng, tôi yêu Florence, đúng, tôi định rời bỏ người vợ đang bụng mang dạ chửa để đến với cô ấy. Bởi vì cô ấy là người phụ nữ mà tôi chờ đợi bấy lâu nay. Cô gái phù hợp cuối cùng cũng xuất hiện trong cuộc đời tôi. Thật đáng tiếc là không đúng lúc...

Khi nghe Bridges nói, tôi lập tức cảm thấy có thiện cảm với ông. Sau khoảnh khắc ủ rũ ngăn ngui, một ngọn lửa lại thắp lên trong mắt nhà báo. Kỷ niệm về Florence hẳn là rất sống động, nên chẳng cần đào bới lâu để đánh thức nó.

— Anh Barthélémy này, tại sao anh lại quan tâm đến Florence? ông lại hỏi.

Tôi đang sắp trả lời thì Caradec đưa mắt cảnh báo, khiến tôi khựng lại. Và ông đã không nhầm. Bridges là một nhà báo lão luyện, nằm trong tay cả đội quân điều tra viên. Lỡ miệng một từ thôi là bí mật của Claire tiêu tùng. Tôi liền suy nghĩ một lát để tìm cách diễn đạt trước khi thốt ra câu trả lời:

— Chúng tôi có những lý do nghiêm túc để nghĩ rằng có người đã gây ra cái chết của Florence Gallo.

Alan Bridges thở dài.

— Hai anh này, tôi nghĩ chúng ta chơi thế là đủ rồi. Trong nghề này, thông tin đổi lấy thông tin. Tôi đã cho các anh thông tin của tôi. Bây giờ, đến lượt hai người. Các anh có gì trong tay?

— Tôi có thể nói với ông Florence đang điều tra gì trước khi chết.

Gần như không thể cưỡng lại, viên tổng biên tập siết hai nắm tay chặt đến nỗi móng tay cắm sâu vào lòng bàn tay. Thông tin này khiến ông quan tâm và ông khó mà che giấu nỗi điều đó. Marc đã cảm thấy mối tương quan lực lượng đang ngả theo hướng có lợi cho chúng tôi.

— Ông biết đấy, Alan, chúng ta đang ở cùng phe mà, ông đảm bảo. Đó là cùng tìm kiếm sự thật.

— Nhưng chết tiệt thật, các anh đang nói đến sự thật nào vậy?

— Chúng ta sắp đi tới sự thật ấy rồi, nhưng trước đó, hãy cho phép tôi hỏi một câu cuối cùng. Ông vừa nói rằng Florence có thói quen đi nhảy dù mỗi khi tâm trạng buồn bã.

— Chính xác.

— Điều gì khiến ông tin rằng dịp cuối tuần đó cô ấy đang suy sụp?

Lại một tiếng thở dài. Lần này, kỷ niệm không chỉ buồn, mà còn đau đớn nữa.

— Hai hôm trước ngày Florence chết - hôm đó là thứ Sáu - vợ tôi đã phát hiện ra mối quan hệ giữa chúng tôi. Vào đầu giờ chiều, Carrie đã xông đến tòa soạn báo, bụng chứa vượt mặt, giận dữ điên cuồng. Cô ấy hét vào mặt tôi trước toàn bộ nhân viên. Cô ấy bảo tôi đã sỉ nhục cô ấy và cô ấy sẽ cắt mạch máu, ngay tại đó, trước mặt tôi. Khi nhìn thấy Florence, cô ấy liền

lao vào Florence rồi phá phách bàn làm việc, lật đổ tất cả những gì có thể lật đổ, ném máy tính vào tường. Dữ dội đến mức cô ấy bị khó ở và phải nhập viện, rồi cô ấy đã sinh non ở đó.

Câu chuyện khiến tôi bàng hoàng. Mỗi đời người đều có ngày phải trải qua một con địa chấn như thế: thời khắc mà tình cảm trở thành những que diêm quẹt lên giữa một khu rừng khô xác. Màn dạo đầu cho một vụ hỏa hoạn có thể tàn phá tất cả những gì ta đã xây đắp, và kéo ta xuống vực thẳm. Hoặc sự tái sinh.

— Lần cuối cùng ông nói chuyện với Florence là khi nào?

Caradec vẫn không để mất mạch điều tra. Ông rất thoải mái khi hỏi cung và đã bắt thóp được Bridges.

— Cô ấy đã để lại lời nhắn trong hộp thư thoại của tôi, vào hôm sau. Lời nhắn mà phải đến tối tôi mới nghe được.

— Và cô ấy nói gì?

Viên tổng biên tập suy nghĩ vài giây.

— “Em vừa gửi cho anh một email, Alan ạ. Hãy copy lại tệp đính kèm. Anh sẽ không tin được vào tai mình đâu. Gọi lại cho em nhé.”

Marc nhìn tôi. Chúng tôi đã nắm được điều gì đó, chắc chắn thế. Bridges nói tiếp:

— Như tôi đã nói với các anh, chiều thứ Bảy đó, tôi ở bệnh viện nơi vợ tôi vừa sinh. Các anh cũng hình dung được chúng tôi đang trong tình cảnh nào rồi đấy. Tuy nhiên, tôi vẫn kiểm tra hòm thư, nhưng không thấy email của Florence. Chẳng có gì trong hòm thư cá nhân, hòm thư công việc cũng không nốt. Không có gì trong mục thư rác. Kể cả lời nhắn của cô ấy cũng mập mờ tôi không biết nó liên quan đến chuyện của chúng tôi hay đến công việc.

— Dù sao nó cũng khiến ông băn khoăn chứ?

— Tất nhiên. Tối đó, tôi trốn khỏi bệnh viện để đến căn hộ của Florence trong khu Đông Hạ Manhattan, nhưng cô ấy đi vắng. Tôi nhìn vào ngõ cụt đằng sau tòa nhà nơi cô ấy thường để xe. Chiếc Lexus nhỏ của cô ấy không có ở đó.

Một nữ phóng viên tóc hung gõ cửa kính và bước vào văn phòng.

— Tad Copeland đồng ý phỏng vấn rồi! cô vừa kêu lên vừa chỉ cho Bridges thấy màn hình chiếc máy tính cô đang cầm trên tay. Chúng ta được đăng độc quyền bài tham luận đầu tiên của ông ấy: chỉ có ông và ông ấy, sáng mai, trên một sân bóng rổ gần Công viên Columbus. Tuyệt quá, nhưng ông không sợ việc đó sẽ khiến mọi người có cảm giác là ông đang chiều ý ông ta sao?

— Hãy cứ tin ở tôi, tôi sẽ đặt cho ông ta những câu hỏi xác đáng, Cross ạ, viên tổng biên tập trả lời.

Bridges chờ cho nữ nhân viên rời khỏi phòng rồi lại chìm vào quá khứ.

— Tin Florence qua đời là một con sóng thần. Cuối cùng tôi đã ly hôn và vợ tôi thuê một gã lính đánh thuê lột sạch của tôi đến chiếc sơ mi cuối cùng, và khiến tôi chỉ thi thoảng mới được gặp các con. Còn công việc thì đúng là địa ngục: tôi không còn làm phóng viên nữa. Việc của tôi là sa thải người cho đến thời điểm tờ báo đệ trình hồ sơ ngừng hoạt động lên tòa án thương mại, dự kiến là vào năm 2009. Một trong những thời kỳ đen tối nhất trong đời tôi.

Caradec bám lấy ý tưởng ông đang có trong đầu:

— Ông không tìm kiếm email của Florence bằng các cách khác sao?

— Trong một khoảng thời gian, tôi không còn nghĩ đến lời nhắn đó nữa. Rồi tôi cũng ngó nghiêng hộp thư công việc của Florence, nhưng vẫn chẳng tìm được gì. Hồi đó, tờ báo đang là nạn nhân của hoạt động tin tặc trên diện rộng. Hộp thư cá nhân của chính tôi cũng bị xâm nhập. Một mớ bòng bong thực sự.

— Và chuyện đó không khiến ông nghi ngờ gì sao?

— Thật lòng mà nói, những chuyện như đe dọa hay tin tặc đó thường xuyên xảy ra với chúng tôi. *New York Herald* là một tờ báo cấp tiến. Hồi đó đang là hai năm cuối nhiệm kỳ của George w. Bush. Suốt ngày chúng tôi chỉ có chống phá chương trình Faucons và tố cáo những dối trá của chính quyền này. Thế nên...

— Ông thực sự nghĩ rằng trò tin tặc đó xuất phát từ giới chính trị sao?

— Không nhất thiết. Kẻ thù thì chúng tôi có cả đồng: các tổ chức ủng hộ phổ biến vũ khí, những người chống lại việc chấm dứt thai kỳ tự nguyện, những người chống hôn nhân đồng giới, những người chống nhập cư, những người theo tự do chủ nghĩa... Tóm lại là một nửa nước Mỹ.

— Thế trên máy tính của Florence cũng không có gì sao?

— Quả thực, tôi không biết cô ấy đã dùng máy tính nào vì vợ tôi đã phá hỏng máy tính của cô ấy.

— Thông thường, Florence viết cho ông bằng hòm thư nào?

— Do mối quan hệ của chúng tôi, cô ấy quen viết cho tôi qua địa chỉ cá nhân. Với lại hòm thư ấy lúc nào cũng được kích hoạt.

Ông lấy từ trong túi áo vest ra một tấm danh thiếp, và bên cạnh các thông tin liên hệ liên quan đến công việc, ông viết thêm một địa chỉ khác: alan.kowalkowski@att. net.

— Bridges không phải là họ thật của tôi, nhưng nghe như thế kêu hơn khi tôi bắt đầu viết báo. Với lại, các cô gái cũng thích cái họ đó...

Mắt nhìn mông lung, ông dừng lại trong thoáng giây với thời thanh xuân đã mất, rồi quay lại với thực tại.

— Thôi, bây giờ đến lượt các anh! Florence đang làm vụ gì trước khi chết?

Lần này tôi lên tiếng:

— Vài ngày trước khi xảy ra tai nạn, Florence đã liên hệ với một phụ nữ, Joyce Carlyle.

Ông ghi nguệch ngoạc cái tên lên tập giấy nhớ trước mặt. Tôi nói tiếp:

— Một phụ nữ có con gái bị một tên tội phạm tình dục ở Pháp bắt cóc, chuyện đó không gọi điều gì cho ông sao?

Nhà báo lắc đầu, đồng thời trên mặt ông lộ vẻ thất vọng.

— Dù sao thì tôi cũng không nhớ gì cả. Nhưng tôi không rõ chuyện bản thiêu đó có thể liên quan gì đến...

— Joyce Carlyle chết vài giờ trước Florence, tôi cắt lời ông.

Mặt ông sáng lên.

— Vì sao lại chết?

— Chính thức thì là vì dùng thuốc quá liều, nhưng tôi nghĩ bà ấy đã bị sát hại.

— Điều gì khiến anh nghĩ thế?

— Tôi sẽ nói với ông khi nào tôi biết rõ hơn.

Bridges đan hai bàn tay vào nhau và dùng ngón tay cái dụi mắt.

— Tôi sẽ điều tra về bà Joyce Carlyle đó.

Ông đứng dậy và đưa tay chỉ vào tổ ong đang kêu ù ù đằng sau cửa kính.

— Những cậu nhóc mà hai người nhìn thấy ngoài kia, trông họ không có vẻ gì là đang làm việc, nhưng đó là những *muckracker* [24] giỏi nhất tôi từng biết. Nếu cần tìm hiểu gì đó về người phụ nữ này, thì họ sẽ tìm ra ngay.

Tôi lấy từ trong túi ra chùm chìa khóa mà Gladys đã đưa cho tôi.

— Nếu ông có thời gian, hãy đến xem qua nơi này.

— Chìa khóa đó mở thứ gì vậy? ông vừa hỏi vừa nhận chùm chìa khóa.

— Một khoang giữ đồ nơi các chị em gái của Joyce cất đồ của bà ấy.

— Chúng tôi sẽ qua đó xem một vòng, ông hứa.

Trong khi ông tiễn chúng tôi ra đến tận thang máy, tôi có cảm giác mọi việc vẫn còn chưa kết thúc. Cũng chính là cảm giác mà đôi khi tôi gặp phải khi viết hết một chương sách. Một chương sách hay phải chứa đựng phần mở đầu, phần giải quyết vấn đề và kết thúc. Ở đây, dường như tôi đã đi bên rìa đề tài. Bên rìa điều cốt yếu nhất. Lẽ ra tôi phải nhìn thấy thứ gì? Tôi còn câu hỏi nào chưa đặt ra?

Bridges-Kowalkowski bắt tay chúng tôi, và trong khi cửa thang máy đang đóng, tôi đưa tay đẩy mạnh để chặn nó lại.

— Hồi đó Florence ở đâu? tôi hỏi Alan.

Viên tổng biên tập quay người lại.

— Tôi nói với anh rồi mà, trong khu Đông Hạ Manhattan.

— Nhưng địa chỉ cụ thể là gì?

— Một tòa chung cư nhỏ, ở góc giao giữa đường Bowery và đường Bond.

Tôi bần chồn đưa mắt nhìn Caradec. Đó chính xác là nơi phát đi cú điện thoại thông báo việc Joyce bị tấn công!

3.

Rời Flatiron, chúng tôi đi bộ về phía Nam, trên những vỉa hè đầy nắng của đường Broadway và quảng trường University, cho đến tận Greenwich Village. Manhattan kín đặc người. Hội nghị bầu ứng cử viên của đảng Cộng hòa đã thu hút một lượng người lớn kinh khủng: phóng viên, đại biểu, binh sĩ, những người ủng hộ. Ở đây thì không, nhưng xung quanh Vườn hoa Quảng trường Madison, nhiều con phố đã phải cấm lưu thông hoặc chỉ dành riêng cho những chiếc xe buýt làm nhiệm vụ chở người tham dự đại hội từ khách sạn đến tận nơi tổ chức sự kiện.

Tuy nhiên, theo đúng truyền thống, New York có thể là bất cứ thứ gì ngoại trừ một thành trì của đảng Cộng hòa. Tôi đã từng ở Manhattan, vào mùa xuân năm 2004, để lấy thực tế cho một cuốn tiểu thuyết. Tôi vẫn nhớ bầu không khí thù địch ngự trị nơi đây bởi những người ủng hộ G. w. Bush đã chọn thành phố này làm nơi tổ chức hội nghị của họ, với hy vọng bằng cách đó sẽ làm sống dậy nỗi xúc động trước loạt vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng Chín. Hồi đó, New York căm thù các đảng viên Cộng hòa, đặc biệt là qua Michael Moore, hàng trăm nghìn người biểu tình chống Bush đã chiếm cứ thành phố để phản đối những lời dối trá và cuộc chiến phi pháp mà tổng thống của họ đang tiến hành tại Iraq. Manhattan như thể bị bao vây. Những cuộc biểu tình đã biến thành vô số cuộc đụng độ, kéo theo hàng trăm vụ bắt giữ. Hình ảnh những đảng viên Cộng hòa, bị vây hãm trong Vườn hoa Quảng trường Madison với rào chắn là những khối xi măng và được bảo vệ bởi hàng nghìn cảnh sát, đã được lan truyền khắp thế giới. Việc ấy cũng không ngăn được Bush tái đắc cử, nhưng đảng Vĩ đại Kỳ cựu cũng không trường thành hơn sau vụ đó.

Mười hai năm sau, nước chảy chân cầu. Và chiều thứ Bảy hôm nay, dù các lực lượng gìn giữ trật tự được huy động đông đảo, không khí lại có vẻ êm ả một cách ngạc nhiên. Phải nói rằng, lần đầu tiên, đảng Cộng hòa đã chọn một ứng cử viên trẻ và ôn hòa, tưởng như vừa bước ra từ một loạt chương trình truyền hình của Shonda Rhimes. Tad Copeland, thống đốc bang Pennsylvania, đang sát cánh cùng Hillary trong các bảng thống kê kết quả điều tra.

Ủng hộ phá thai, bảo vệ môi trường, ủng hộ việc kiểm soát vũ khí và bảo vệ các quyền của người đồng tính, Copeland khiến cho một phần đáng kể những người trong chính phe của ông bối rối, thậm chí bức tức. Nhưng sau cuộc đối đầu kịch liệt trong vòng bầu cử sơ bộ, ông đã gây ngạc nhiên khi hạ sát nút Donald Trump và Ted Cruz, hai ứng cử viên bảo thủ cực đoan của đảng Cộng hòa.

Hiện giờ, động thái của chiến dịch đang nghiêng về phía “Barack Obama da trắng”, biệt danh mà giới báo chí đã gán cho ông. Cũng giống như tổng thống đương nhiệm, Copeland bắt đầu sự nghiệp với vai trò là nhà hoạt động xã hội trước khi làm giảng viên luật hiến pháp tại trường Đại học Philadelphia. Xuất thân từ tầng lớp bình dân và đang sung sức ở độ tuổi xấp xỉ ngũ tuần, Copeland lôi kéo và thu hút một phần lá phiếu của nữ ứng cử viên đảng Dân chủ, già hơn và được xem như xuất thân từ một triều đại chính trị.

Tôi nhìn đồng hồ. Còn lâu mới đến cuộc hẹn tiếp theo, và tôi nhận thấy Caradec không còn nhanh nhẹn nữa mà đang lê bước được một lúc rồi.

— Một đĩa hào chẳng, ông nghĩ sao?

— Không từ chối, Marc trả lời. Tôi bắt đầu thấy hơi mệt. Tác động của lịch múi giờ...

— ... và hẳn là cú sốc cảm xúc vì đã hạ Lacoste nữa.

Ông nhìn tôi, thản nhiên.

— Đừng mong tôi than khóc cho gã đó.

Tôi ngẩng đầu nhìn lên để định vị.

— Theo tôi nào!

Tôi biết một địa chỉ ở khu này. Một tiệm sò ở góc giao giữa đường Cornelia và Bleecker, nơi anh bạn Arthur Costello, một nhà văn người New York có tác phẩm được xuất bản tại cùng nhà xuất bản ở Pháp với tôi, đã dẫn tôi đến nhiều lần.

Caradec theo gót tôi và để tôi dẫn đến tận một con phố nhỏ nằm lọt giữa những tòa chung cư xây bằng gạch đỏ, hai bên là hai hàng cây rực rỡ sắc màu.

— *Hello guys, join us anyivhere ai the bar!*^[25]

Mỗi lần đẩy cánh cửa của Oyster Bar, tôi lại nhẹ người vì không phải gặp khách du lịch ở đó.

— Chỗ này dễ chịu đấy, Marc vừa nhận xét vừa ngồi xuống một trong những chiếc ghế đầu đặt quanh quầy bar.

— Tôi biết là ông sẽ thích mà.

Tại Oyster Bar, thời gian ngưng đọng lại đâu đó ở khoảng đầu những năm 1960. Ta đang ngồi trong một nhà hàng trên bến cá thuộc New England, nơi nữ nhân viên phục vụ gọi bạn là “*darling*”^[26] khi mang món khai vị là bánh quy giòn ra. Nơi chiếc radio đang phát những bài hát của Richie Valens, Johnny Mathis và Chubby Checker. Nơi ông chủ kẹp bút chì sau vành tai. Nơi dâu tây có mùi vị của dâu tây. Nơi người ta không biết đến cả sự tồn tại của Internet và Kim Kardashian.

Chúng tôi gọi một khay “Đặc biệt” kèm chai vang trắng Sancerre. Giờ đã muộn, nhưng không ngăn được chúng tôi chạm cốc, và trong khi nâng cốc, một cảm giác biết ơn mãnh liệt xâm chiếm tôi. Từ khi tôi quen ông, Caradec luôn có mặt vì tôi và vì con trai tôi. Và cả hôm nay cũng thế, ông đã không ngần ngại lên máy bay và theo tôi đến tận New York. Vì tôi, ông đã phải nỗ lực và rơi vào tình thế buộc phải hạ sát một người.

Cũng phải sáng suốt thừa nhận điều này: ngoại trừ Claire và ông, tôi không còn ai trên đời này. Tôi chưa từng có điểm gì chung với em gái; mẹ tôi từ giờ về sau sẽ sống ở Tây Ban Nha, và hình như mới chỉ đến thăm cháu nội được hai lần kể từ khi bé ra đời; còn bố tôi, ông vẫn sống ở miền Nam nước Pháp, nhưng đã làm lại cuộc đời một lần nữa với một cô gái hai

mười lăm tuổi. Chính ra mà nói, tôi không giận bất kỳ người nào, nhưng mối quan hệ giữa tôi với họ rất xa cách, thậm chí là chẳng có quan hệ gì. Một gia đình đáng buồn.

— Cảm ơn ông đã ở đây, Marc ạ. Tôi thật sự rất tiếc vì đã kéo ông vào vụ việc mệt mỏi này.

Ánh mắt chúng tôi giao nhau. Nháy mắt, đồng cảm, ngượng ngùng.

— Cậu đừng lo. Chúng ta sẽ kéo được cô nàng Claire Cariyle của cậu ra khỏi vụ này.

— Ông chỉ nói thế để động viên tôi thôi.

— Không, tôi thực sự nghĩ vậy. Việc điều tra đang có tiến triển. Chúng ta là một đội ăn ý.

— Thật sao?

— Ờ, cậu làm điều tra viên cũng không tồi đâu.

Cuộc gặp Alan Bridges đã nạp thêm nhiên liệu cho động cơ trong mỗi chúng tôi. Chúng tôi đã nhật nhạch được những chi tiết mới, nhưng tôi vẫn luôn có cảm giác đang đứng trước một cuộn len khổng lồ cần gỡ rối.

Marc đeo kính và rút từ trong túi ra một bản đồ chắc đã lấy ở sảnh khách sạn.

— Được rồi, chỉ cho tôi xem các sự kiện trong ngày Joyce chết đã xảy ra ở đâu đi.

Theo các chỉ dẫn của tôi, ông đánh dấu chữ thập ở vị trí nhà Joyce tại Harlem, rồi nhà Florence Gallo trong khu Đông Hạ Manhattan, cách đó mười lăm ki lô mét.

— Kịch bản của cậu là gì? ông vừa hỏi vừa rót thêm rượu vang.

Tôi nói ra suy nghĩ của mình:

— “Anh sẽ không tin vào tai mình đâu”: Florence đã nói thế với Alan ngay sau khi gửi cho ông ấy một email mà ông ấy khẳng định là chưa từng nhận được.

— Hừm.

— Cô ấy không nói: “Anh sẽ không bao giờ tin chuyện đó” hoặc “Anh sẽ không bao giờ tin vào mắt mình.” Cô ấy đã nói: “tai mình”. Vậy theo tôi, rõ ràng là thế này: cô ấy đã gửi cho ông ấy một tệp âm thanh.

— Đồng ý, nhưng là tài liệu gì?

— Một cuộc trò chuyện mà cô ấy vừa ghi âm lại bằng điện thoại.

Caradec bĩu môi nghi ngờ; có thể là đúng, cũng có thể sai. Nhưng tôi không để nổi hoài nghi của ông lây sang mình.

— Ông muốn một kịch bản, vậy thì đây. Trước hết phải nói là, Florence đã không lên ghi âm Joyce.

— Điều gì cho phép cậu khẳng định như thế?

— Trước hết, đó không phải kiểu làm việc của cô ấy, và tôi vẫn luôn nghĩ rằng chính Joyce là người đã chủ động tìm gặp Florence để kể cho cô ấy nghe về chuyện của bà.

— Vậy là cậu tin rằng họ đã phối hợp với nhau để ghi âm một người thứ ba?

— Đúng, một người mà Joyce đã hẹn gặp tại nhà. Kế hoạch là như thế này: Joyce thả mồi câu để khiến người đó nói trong khi bà thực hiện một cuộc gọi bằng chiếc điện thoại dùng thẻ trả trước kia. Ở đầu dây bên kia, Florence nghe và ghi âm lại cuộc trò chuyện. Thế rồi đột nhiên...

—... cuộc trò chuyện biến thành cãi vã, Marc tiếp lời tôi, nhập vai vào trò chơi. Có thể người kia đã nhận ra là mình bị ghi âm. Dù thế nào, người đó cũng đã cư xử hung bạo và bắt đầu đánh Joyce, bà ấy liền gào lên.

— Thế là Florence phát hoảng. Cô ấy chạy xuống cabin điện thoại công cộng ở dưới nhà để gọi báo về vụ hành hung. Chính xác những gì được nêu trong các tài liệu mà Gladys đã đưa cho tôi.

Trong lúc nhà hàng mang khay hầu ra, tôi rút tập tài liệu photo từ trong túi rồi đưa cho Marc. Ông lại phải đeo kính lặn nữa để đọc lướt qua bản sao lưu cuộc gọi 911.

Ngày tháng: thứ Bảy ngày 25 tháng Sáu năm 2005. Giờ: 3 giờ chiều.

“Tôi gọi để báo rằng đang có một vụ tấn công bạo lực, ở số 6 phố Bilberry, nhà của chị Joyce Carlyle. Các anh nhanh lên cho! Có người đang giết chị ấy!”

Cho đến tận đây mọi chuyện đã trùng khít với nhau một cách hoàn hảo. Chỉ trừ có một điều là sáu phút sau, cảnh sát đã đến tận nơi và không nhận thấy điều gì khả nghi. Tôi đưa mắt nhìn qua vai Marc rồi lấy bút

khoanh tròn đoạn biên bản nói rõ rằng hai cảnh sát đã nhìn tường tận toàn bộ khung cảnh bên trong ngôi nhà, kể cả phòng tắm, và không hề nhận thấy bất cứ dấu vết bẻ khóa, ấu dả nào, cũng không hề có vết máu.

— Thế nhưng đúng là thi thể Joyce được phát hiện ở đó..., Caradec thì thầm.

— Đúng thế, vào ngày hôm sau. Bà Angela, chị gái Joyce, nhìn thấy bà ấy nằm dưới chân lavabo. Bà ấy còn khẳng định với tôi là khắp nơi trong phòng đều có máu.

— Thật khó hiểu, Marc thừa nhận. Và thế là mớ lý lẽ hỗn tạp của chúng ta cũng tiêu luôn.

Tôi thở dài và nghiêng răng. Rồi bực dọc đập tay xuống mặt quầy.

16

Vụ án treo

*Tempus tantum
nostrum est.
Chỉ có thời gian mới
thuộc về chúng ta.*
SÉNÈQUE

1.

Những âm thanh ầm ĩ không có chỗ ở Oyster Bar, và vài khách quen của quán đưa mắt nhìn tôi khó chịu. Tôi cố gắng kiềm chế cơn bức tức.

— Chính hai gã cảnh sát tuần tra đó, Powell và Gomez, chính hai gã đó đã nói dối, chắc chắn thế!

— Tôi sẽ không đánh cược về chuyện này đâu, Marc vừa trả lời vừa phết một chút bơ lên miếng bánh mì lúa mạch đen.

— Ông giải thích xem.

Ông nhún vai.

— Tại sao hai cảnh sát đó lại phải nói dối? Nhằm mục đích gì chứ?

— Có thể họ đã không hề đến tận nơi. Hồi đó, có rất nhiều cuộc gọi quấy nhiễu nên...

Ông giơ tay ra hiệu ngăn tôi lại:

— Thông tin của Florence đủ độ tin cậy để được coi là nghiêm túc. Quy trình can thiệp trong trường hợp tấn công bạo lực được quy định rất rõ ràng, và sẽ không ai mạo hiểm mà bỏ qua một cuộc gọi yêu cầu hỗ trợ kiểu đó. Và kể cả trong trường hợp đi kiểm tra qua quýt, thì chắc là hai cảnh sát

đó sẽ khẳng định là rèm cửa kéo kín. Như thế họ sẽ gặp ít rủi ro hơn nhiều so với khai như trong biên bản.

Bán tín bán nghi, tôi cân nhắc những lập luận đó một lát rồi hỏi:

— Vậy ông giải thích thế nào?

— Rất tiếc là tôi chẳng có cách giải thích nào cả, viên cảnh sát đáp và ăn nốt miếng bánh mì.

Rồi Marc vừa nhăm nháp món hào vừa tiếp tục đọc các trích lục báo cáo của cảnh sát mà Gladys đã đưa cho tôi. Tiếng Anh của ông cũng tạm ổn, nhưng ông vẫn thường xuyên phải hỏi tôi về những thuật ngữ chuyên ngành hoặc những câu tối nghĩa.

Hai lần liền, ông trở đi trở lại với một chi tiết mà tôi đã không để ý, hay nói đúng hơn là không thấy có liên quan. Isaac Landis, người quản lý cửa hàng rượu nằm ở số 2E phố 132, khẳng định đã bán một chai vodka cho Joyce Carlyle vào ngày thứ Bảy 25 tháng Sáu đó, vào lúc 14 giờ 45 phút. Tôi lên tiếng:

— Vậy là ta biết chắc chắn rằng đúng là Joyce đã ở trong khu phố đó và vẫn còn sống vào thời điểm ấy, nhưng ngoài ra thì có gì không?

Caradec đưa tay phác một cử chỉ đề nghị tôi định vị cửa hàng đó trên bản đồ. Nó nằm cách số 6 phố Bilberry, nhà của mẹ Claire, khoảng gần bảy trăm mét.

— Tôi rất khó hình dung các địa điểm, ông thú nhận với tôi sau phút trầm ngâm. Cậu có biết là tôi chưa từng đặt chân đến Harlem không?

— Thật sao? Lần cuối cùng ông đến New York là khi nào?

Ông huýt sáo.

— Đó là khi tôi đi cùng với Élise và con bé, trong kỳ nghỉ Phục sinh năm 2001, vài tháng trước loạt vụ khủng bố.

Tôi đưa điện thoại cho ông, trong đó tôi đã lưu tất cả ảnh chụp khu phố chiều hôm trước, khi đến gặp Ethel Faraday và hai chị em nhà Carlyle. Ông chăm chú nhìn, sử dụng chức năng zoom của màn hình cảm ứng và đặt rất nhiều câu hỏi.

— Thế chỗ này là ở đâu?

Ông chỉ vào tấm biển nhô ra bên trên một cửa hàng. “Rượu vang và Rượu mạnh - Từ 1971”.

— Nó nằm ở đoạn giao giữa đường Lenox và Bilberry.

— Nghĩa là ngay sát nhà Joyce, đúng không?

— Đúng, cách hai chục mét.

Mắt Caradec sáng lên. Ông tin chắc là đã nắm được điều gì đó, dù tôi còn chưa rõ là gì. Ông đặt bàn tay lên cánh tay tôi.

— Nếu Joyce muốn lên đây cốt tinh thần một chút, thì tại sao lại phải đi bộ gần cây số để mua rượu, trong khi có một cửa hàng rượu ở ngay trước cửa nhà mình?

Tôi thấy chi tiết này có vẻ vật vờ.

— Có thể cửa hàng đó đóng cửa, tôi đánh liều nói.

Ông ngược mắt lên trời.

— Vào chiều thứ Bảy ư? Cậu nói đùa chắc! Chúng ta đang ở Mỹ, không phải ở Pháp. Họ không cần phải chờ có luật Macron mới dám mở cửa hàng vào cuối tuần!

— Ờ nhỉ.

Tôi vẫn không tin lắm, nhưng Caradec không từ bỏ.

Trong khi tôi nhìn chòng chọc vào bản đồ trái hên mặt quây, lời tâm sự của Angela Carlyle chọt trở lại trong tâm trí tôi. Dịp cuối tuần tồi tệ đó, bà và Gladys đã đến Philadelphia để thăm mẹ. Vậy là ngôi nhà vắng tanh. Một con rùng mình phấn khích chạy dọc sống lưng tôi.

— Tôi tìm ra rồi! tôi tuyên bố với Marc.

Trước vẻ ngạc nhiên của ông, tôi đưa ra giả thiết của mình: vì một lý do nào đó mà tôi còn chưa biết, Joyce đã muốn tiếp người khách kia ở nhà các chị gái thay vì nhà mình, nhưng lại thấy không cần thiết phải báo chuyện đó cho Florence. Điều này giải thích tất cả: tại sao bà lại đi mua chai vodka xa như thế và nhất là tại sao cảnh sát lại không thấy có gì khả nghi ở nhà Joyce. Chỉ đơn giản là vì cô phóng viên đã cho họ địa chỉ mà không biết địa chỉ đó là sai!

Quá đổi phấn khích, tôi đột ngột quờ tay làm đổ ly rượu đặt trên mặt quây.

— Tôi vụng về quá đi mất!

Chân ly đập xuống vỡ tan. Rượu bắn lên quần áo tôi, vẽ thành một vết loang ngay giữa áo sơ mi.

Tôi đắp một chiếc khăn vào chỗ đó, nhưng người tôi vẫn sặc mùi vang Sancerre.

— Tôi sẽ quay lại ngay, tôi vừa nói vừa tụt xuống khỏi ghế.

Tôi đi qua phòng ăn để vào nhà vệ sinh, nhưng vì ở đó đang có người, tôi đành đứng chờ trước cửa. Đúng lúc đó, điện thoại của tôi đổ chuông. Là Marieke. Cô hoảng hốt gọi cho tôi vì Théo đã bị ngã và đầu sưng u một cục.

— Tôi muốn báo cho ông biết trước! cô tuyên bố sau khi đã đẩy vấn đề sang cho tôi.

Ở đầu dây bên kia, tôi nghe thấy Théo rên rỉ. Tôi bảo cô cho tôi nói chuyện với bé, và trong vài giây, đã hiểu ra là anh chàng không bị gì nghiêm trọng cả.

— Nào chàng kếp hát, nói đi nào!

Cậu chàng lỏi con đó chỉ tìm cách diễn trò để được cô trông trẻ cưng nựng và thơm hít thôi. Bé đã hết đau, và trong khi Théo kể cho tôi nghe hàng loạt những thứ bé đã ăn, tôi quan sát Caradec từ xa. Phải thừa nhận một phẩm chất ở viên cảnh sát này: ông có khả năng khiến người khác tin tưởng. Lúc này, như thể đã quen biết từ lâu, ông đang vui vẻ trò chuyện với người ngồi bên cạnh, một sinh viên mỹ thuật đeo một cặp kính đồi mồi dày cộp, cậu ta đã ghi chép bằng bút chì vào một cuốn sổ trong suốt bữa ăn. Tôi nheo mắt. Marc vừa mượn điện thoại của cậu ta. Ông đã báo trước với tôi rằng chiếc Nokia cũ của ông không hoạt động được ở Mỹ. Viên cảnh sát không gọi cho ai cả. Ông lướt mạng. Để tìm gì nhỉ?

Cửa phòng vệ sinh mở. Tôi chui vào đó và cố gắng khắc phục thiệt hại bằng dung dịch rửa tay, nước ấm và khí nóng thổi ra từ chiếc máy sấy chạy điện. Khi ra ngoài, tôi sặc mùi hương bài Java và hơi có dáng dấp của một gã say thắm đắm rượu vang loại tồi.

Nhưng Marc không còn ngồi ở quầy nữa.

— Người đàn ông đi cùng tôi đâu rồi? tôi hỏi cậu sinh viên.

— Tôi không biết hai người là một cặp.

Đồ ngốc!

— Ông ấy đâu rồi?

— Ông ấy vừa đi khỏi, anh chàng đeo kính trả lời.

— Cái gì?

Cậu ta chỉ vào cánh cửa kính lán của Oyster Bar. Tôi sững sốt.

— Ông ấy để lại cái này cho anh, cậu ta vừa nói vừa mặc áo khoác.

Cậu ta kéo khóa áo và đưa cho tôi tấm bản đồ New York, ở mặt sau Caradec đã viết nguệch ngoạc vài dòng bằng thứ chữ sin sít của ông:

Raph,

Xin lỗi vì đã bỏ rơi cậu, nhưng tôi phải xác minh một chuyện. Có thể là vô lý. Nếu đó là đường cụt, tốt nhất là tôi đi một mình.

Cứ tiếp tục hướng điều tra của cậu. Cậu đã tìm ra phương pháp của mình: hãy điều tra giống như cách cậu viết văn. Hãy tiếp tục lần theo bóng ma, Ghost của cả nhà Carlyle.

Tôi nghĩ cậu đã nói đúng: mọi sự thật trên thế giới này đều bắt rễ trên mảnh đất thời thơ ấu.

Tôi sẽ báo cho cậu biết ngay khi có tin mới. Hôn anh bạn Théo giúp tôi.

Marc.

Thật khó tin. Trước khi anh chàng sinh viên đi khỏi, tôi túm lấy ống tay áo cậu ta.

— Tại sao ông ấy lại muốn dùng điện thoại của cậu?

Cậu nhóc móc túi lấy ra chiếc điện thoại.

— Anh tự xem đi.

Tôi bật chức năng truy cập Internet, nó mở ra trang web White Pages. Trang trắng. Danh bạ điện thoại nước Mỹ.

Marc đã tìm một số điện thoại hoặc một địa chỉ. Nhưng trang web không lưu tìm kiếm của ông.

Tôi trả lại điện thoại cho chủ nó và choáng váng mất một lúc, bất hạnh chẳng khác nào một đứa trẻ, với cảm giác mình vừa bị bỏ rơi.

Tại sao tất cả những người quan trọng trong đời tôi rốt cuộc đều xa lánh tôi?

2.

Cựu thám tử May Soo-yun đã hẹn gặp tôi tại văn phòng của Transparency Project, nằm ngay trong khuôn viên khoa luật thuộc Đại học Luật Manhattan, khu Quảng trường Washington.

Văn phòng nơi một trụ lý đề nghị tôi ngồi chờ có tường màu xanh lá cây, nhô ra bên trên phòng đọc của trường đại học. Vào đầu giờ chiều như thế này, thư viện chật cứng người. Các khóa học đã khai giảng trở lại từ tuần trước, và đằng sau những cuốn sách cùng màn hình máy tính, các sinh viên đang học tập trong bầu không khí vừa chăm chỉ vừa thư giãn.

Trước khung cảnh rất thích hợp cho việc nghiên cứu đó, tôi nhớ đến cái trường đại học thối nát nơi mình lấy bằng đại học: giảng đường đông nghịt, những giờ học buồn ngủ, giảng viên làm chính trị hoặc theo chủ nghĩa tôi mặc kệ, các tòa nhà xây dựng từ những năm 1970 vừa xấu xí vừa lở vữa, thiếu vắng sự thi đua, không khí nặng như chì bởi tình trạng thất nghiệp và những viễn cảnh không lối thoát. Dĩ nhiên là bối cảnh không giống nhau. Các sinh viên ghi danh ở đây trả học phí rất đắt, nhưng hẳn là thứ họ nhận được ít ra cũng xứng với đồng tiền bỏ ra. Đây là một trong những điều khiến tôi phần nộ nhất ở Pháp: làm sao mà từ bao nhiêu thập kỷ nay, xã hội có thể thỏa mãn với một hệ thống giáo dục cứng nhắc đến thế, ít khuyến khích đến thế và nói cho cùng là bất công đến thế đằng sau những bài phát biểu bề ngoài?

Xua đuổi những ý nghĩ ảm đạm mà tôi biết rằng một phần là do Caradec bỏ đi, tôi tranh thủ thời gian xem lướt trên màn hình điện thoại tất cả những tài liệu mình đã tải về khi tìm kiếm sáng nay.

Được Ethan và Joan Dixon, hai vợ chồng luật sư nhiệt thành đấu tranh chống lại án tử hình, thành lập vào đầu những năm 1990, Transparency Project hỗ trợ cho những người có khả năng là nạn nhân bị oan sai.

Để tiến hành những cuộc điều tra phản biện của chính mình, ngay từ đầu tổ chức này đã thiết lập quan hệ đối tác với nhiều trường đại học luật trong cả nước. Dưới quyền trượng của các luật sư đã được chứng thực, các sinh viên liền bắt đầu mở lại những vụ án hình sự cũ mà trong đó các cá nhân, thường là có hoàn cảnh khó khăn, đã bị phá hỏng cuộc đời chỉ vì những vụ điều tra cấu thả và những vụ tố tụng bị những tòa án quá tải làm cho xong.

Theo nhiều năm, việc thực hiện phổ biến các xét nghiệm ADN, kể cả trong những trường hợp án đã được tuyên, đã làm sáng tỏ một số lượng đáng sợ những vụ oan sai. Công luận Mỹ liền phát hiện ra rằng nền tư pháp của họ không chỉ không công bằng, mà còn trở thành một cỗ máy kết án hàng loạt người vô tội. Như vậy, không phải hàng chục, mà là hàng trăm, thậm chí hàng nghìn công dân, đôi khi chỉ dựa trên một lời chứng duy nhất, đã phải ngồi bóc lịch cả đời hoặc bị tổng vào xà lim tử tù.

ADN đương nhiên không phải là chiếc Chén Thánh, nhưng nhờ có những tổ chức như Transparency, nhiều người bị kết án oan từ nay đã được ngủ tại nhà mình chứ không phải giữa bốn bức tường xà lim nữa.

— Chào anh Barthélémy.

May Soo-yun khép cánh cửa lại sau lưng. Tuổi trạc tứ tuần, cô có dáng đi cứng nhắc và kiêu kỳ đối lập với bộ trang phục thoải mái đang mặc: quần jean sáng màu, áo vest nhung màu xanh cổ vịt thêu phù hiệu của khoa, giày Adidas Super-star cũ. Mái tóc đen nhánh là thứ đầu tiên ở cô khiến người ta để ý. Mái tóc quấn quanh chiếc trâm màu lam ngọc tạo thành một búi, khiến cô có nét sang trọng quý tộc.

— Cảm ơn chị vì đã nhận lời tiếp tôi ngay.

Cô ngồi xuống trước mặt tôi và đặt lên bàn tập hồ sơ đang kẹp dưới cánh tay, cùng với một trong những tiểu thuyết của tôi đã được dịch sang tiếng Hàn.

— Nó là của em dâu tôi, cô giải thích và đưa cuốn sách cho tôi. Sách của anh được đọc rất nhiều ở Hàn Quốc. Nó sẽ rất vui nếu được anh ký tặng cuốn này. Nó tên là Lee Hyo-jung.

Trong khi tôi thực hiện nhiệm vụ, cô chia sẻ:

— Tôi vẫn nhớ rất rõ vụ Carlyle, chỉ vì đó là một trong những vụ cuối cùng tôi phụ trách trước khi rời ngành cảnh sát.

— Mà tại sao chị lại chuyển sang phía bên kia chiến tuyến thế? tôi hỏi và đưa cuốn sách trả cho cô.

Một cái nhú mày làm rung động khuôn mặt xinh đẹp được trang điểm rất kỹ của cô.

— Phía bên kia chiến tuyến ư? Cách nói của anh vừa đúng lại vừa sai. Về cơ bản, tôi vẫn làm công việc đó: tôi điều tra, phân tích các biên bản hỏi cung, thăm lại các hiện trường vụ án, tìm lại các nhân chứng...

— Chỉ có điều chị tìm cách đưa người ta ra tù thay vì giam họ vào đó.

— Tôi vẫn tìm cách làm thế nào để công lý được thực hiện.

Tôi cảm thấy May Soo-yun đang đề phòng và nói những câu sáo rỗng để tự vệ. Trước khi đi vào chủ đề chính, tôi tìm cách diễn đạt có duyên nhất và cố gắng hỏi thêm một câu nữa về công việc của cô, nhưng cô đã khiến tôi hiểu rằng thời gian của cô là quý giá:

— Anh muốn biết gì về vụ Carlyle?

Tôi cho cô xem tập hồ sơ mà Gladys đã đưa cho tôi.

— Làm sao anh có được thứ này? cô thốt lên và lật các trang giấy.

— Bằng cách thức trung thực nhất. Đây là bộ hồ sơ mà gia đình nạn nhân đã có được sau khi vụ điều tra gặp trục trặc.

— Không hề có trục trặc nào trong cuộc điều tra hết, bị chạm nọc, cô trả lời.

— Chị nói đúng, vậy thì có thể gọi là trục trặc giữa thông tin báo cho 911 và nhận xét của các cảnh sát đầu tiên đến địa chỉ đó.

— Đúng, tôi có nhớ chi tiết này.

Đôi mắt cô tối sầm trở lại. Cô xem lướt tập hồ sơ, rõ ràng là đang tìm kiếm những nội dung còn thiếu.

— Người ta chỉ gửi các trích lục cho gia đình thôi, tôi nói rõ.

— Tôi cũng thấy thế.

Tôi mất mười phút để giải thích cho cô nghe những điều mình mới khám phá ra: việc Joyce mua một chiếc điện thoại dùng thẻ trả trước vài ngày trước khi chết, mối liên hệ giữa bà và nữ phóng viên Florence Gallo,

cũng là người có nhà nằm ở vị trí đã phát đi cuộc gọi khẩn quẩn kia. Cuối cùng, tôi nói với cô giả thiết của mình, theo đó Joyce đã bị giết chết tại nhà của chị em bà, sau đó cái xác được đưa trở về phòng tắm nhà bà.

Nữ cựu cảnh sát im lặng trong suốt quãng thời gian tôi trình bày, nhưng càng đưa ra nhiều quân cờ, tôi càng thấy cô rệu rã, tưởng như sắp ngã ngửa người ra sau.

— Nếu những điều anh nói là đúng, thì có nghĩa là hồ sơ đã bị khép lại quá sớm, nhưng hồi đó, chúng tôi không có được toàn bộ các thông tin này, cô thừa nhận khi tôi nói xong.

Cô nheo mắt và phân trần:

— Bản thân cảnh sát tư pháp cũng kết luận đây là vụ dùng thuốc quá liều ngớ ngẩn đáng buồn, mặc dù có cuộc gọi khó hiểu kia.

Khuôn mặt cô trắng bệch ra. Một lần nữa, cô lại cúi đầu và nhìn chăm chăm vào những tờ giấy nằm rải rác trước mặt. Tôi liền nảy ra một linh cảm:

— Chị này, trong hồ sơ này còn có thứ gì khác quan trọng không? Thứ gì đó không nằm ở đây?

May Soo-yun nhìn ra cửa sổ. Ánh mắt mờ mịt, cô tự hỏi:

— Tại sao anh lại quan tâm đến vụ điều tra đã từ hơn mười năm nay rồi nhỉ?

— Điều đó thì tôi không thể nói với chị được.

— Thế thì tôi không thể giúp anh.

Cơn giận dữ đột ngột bùng lên, tôi ghé sát vào mặt cô và lên giọng:

— Chị sẽ không chỉ giúp tôi, mà còn làm chuyện đó ngay lập tức cơ! Bởi vì chị đã sai lầm nghiêm trọng mười năm trước! Và bởi vì mấy bài diễn văn hay ho của chị về công lý không thể chỉ là những câu thần chú!

3.

Hoảng hốt, May Soo-yun lùi lại và nhìn tôi như thể tôi là một kẻ thần kinh. Ít ra, vào lúc này, lớp băng cũng đã nứt vỡ. Trong vài giây, cô nhắm

mắt và tôi khó mà đoán biết được chuyện gì sắp xảy ra. Liệu cô có rút từ trong túi ra một thanh kiếm Hàn để chặt đầu tôi không? Thay vì thế, cuối cùng cô đưa ra một nhận xét:

— Giả thiết của anh vẫn không cho biết ai đã giết Joyce.

— Chính vì thế tôi mới cần đến chị.

— Nghi phạm của anh là ai? Một trong hai chị em gái của Joyce chẳng?

— Tôi không biết gì hết. Tôi chỉ muốn tìm hiểu xem có điều gì hữu ích trong phần còn lại của tập hồ sơ không thôi.

— Chẳng có gì có thể khai thác được trước tòa, cô đảm bảo.

— Chị vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.

— Tôi sẽ kể cho anh nghe một chuyện, anh Barthélémy ạ. Anh là nhà văn, nên chắc là sẽ thấy thú vị đấy.

Trong phòng có một máy bán đồ giải khát tự động, cô đứng dậy, lấy tiền lẻ trong túi quần jean ra và mua một lon trà matcha.

— Về cơ bản, tôi học chuyên ngành khoa học, cô vừa kể vừa tựa lưng vào chiếc máy. Nhưng tôi vẫn luôn muốn đối đầu với thực địa và cuộc sống của con người theo khía cạnh cụ thể nhất. Sau khi làm xong tiến sĩ sinh học, tôi đã thi đỗ vào Sở Cảnh sát Thành phố New York. Lúc đầu, tôi thích nghề này và khá thành công với nó, nhưng mọi thứ đã hỏng bét vào năm 2004.

Cô uống một ngụm trà xanh rồi nói tiếp:

— Hồi đó, tôi được cử về *đồn cảnh sát khu vực số 52*, ở khu Bedford Park thuộc quận Bronx. Tôi đã điều tra hai vụ án giống nhau như hai giọt nước, chỉ cách nhau có vài ngày. Một người đàn ông đột nhập vào nhà các nạn nhân, đều là phụ nữ trẻ, hãm hiếp rồi tra tấn trước khi kết liễu họ. Hai vụ án vừa khủng khiếp vừa bẩn thỉu, nhưng lại có vẻ dễ giải quyết bởi vì kẻ sát nhân đã để lại cả đồng dấu vết di truyền học: kẹo cao su, mẫu thuốc, lông, móng tay. Còn thuận lợi hơn nữa, vì hân ta có hồ sơ lưu trong CODIS, cơ sở dữ liệu di truyền học của FBI.

— Và thế là chị đã bắt được kẻ sát nhân?

Cô gật đầu.

— Đúng, ngay khi có được những kết quả phân tích đầu tiên. Cậu ta tên là Eugene Jackson. Một thanh niên da đen hai mươi hai tuổi, sinh viên một trường thiết kế. Đồng tính, nhút nhát, rõ ràng là thông minh. Cậu ta có tên trong cơ sở dữ liệu sau khi bị kết tội khoe thân ba năm trước. Một vụ cá cược giữa bạn bè với nhau bị đổ bể, hồi đó cậu ta biện bạch như vậy. Một chuyện chẳng có gì nghiêm trọng, nhưng cậu ta đã bị kết án phải theo dõi tâm lý. Khi bị hỏi cung, Eugene đã phủ nhận các vụ hãm hiếp và giết người, nhưng bằng chứng ngoại phạm của cậu ta rất mơ hồ, và nhất là kết quả xét nghiệm ADN đã cột chặt cậu ta. Đó là một thằng nhóc yếu đuối. Trong tuần lễ sau khi bị tổng giam ở Rikers, cậu ta bị các bạn tù tàn hại. Được chuyển đến bệnh viện của nhà tù, cậu ta đã treo cổ ngay trước khi diễn ra phiên tòa.

Im lặng một lúc lâu. May thở dài rồi quay lại ngồi đối diện với tôi. Nhìn khuôn mặt bơ phờ của cô, tôi đoán đó vẫn chưa phải là điều tồi tệ nhất. Một số ký ức giống như bệnh ung thư: thuyên giảm không có nghĩa là đã khỏi.

— Một năm sau, tôi rời Bronx, nhưng vẫn còn những vụ án khác kiểu đó. Những cô gái trẻ bị hãm hiếp và tra tấn trước khi bị giết. Lần nào kẻ sát nhân cũng có hồ sơ trong cơ sở dữ liệu và tặng cho chúng tôi những dấu vết di truyền của mình. Điều tra viên tiếp quản công việc của tôi thấy chuyện đó hơi quá dễ dàng và anh ta đã đúng. Con quỷ giấu mặt đằng sau những trò quái gở đó tên là André de Valatte.

— Tôi chưa từng nghe nói đến chuyện này.

— Các nhà nghiên cứu tội phạm và báo chí đã gọi hắn là “kẻ cắp ADN”. Hắn là y tá người Canada làm việc tại một trung tâm y tế, nơi các phạm nhân tình dục bị theo dõi. Đặc biệt là những người mà hắn thu thập được các dấu vết di truyền rồi đặt ở hiện trường những vụ án mà hắn gây ra. André de Valatte là kẻ giết người hàng loạt duy nhất theo kiểu này. Nạn nhân thực sự của hắn không chỉ là những cô gái bất hạnh bị hắn giết chết, mà còn là những người đàn ông bị hắn đẩy vào cảnh phải chịu tội thay và hủy hoại cuộc sống của họ. Đó mới là hành trình thực sự của hắn.

Tôi thần người trước câu chuyện của nữ cựu cảnh sát. Câu chuyện này đáng được dựng thành một kịch bản trinh thám, nhưng tôi không hiểu tại sao cô lại liên hệ nó với vụ giết hại Joyce.

— Chính vì tôi mà Eugene đã tự sát, người phụ nữ châu Á than thở. Đã mười hai năm nay cái chết của cậu ta đè nặng lên lương tâm tôi, và tôi không thể chịu đựng nổi khi biết mình đã rơi vào bẫy của Valatte.

— Chị đang định nói gì với tôi vậy, May?

— Rằng ADN là thứ hiệu quả nhất, nhưng cũng tồi tệ nhất trong mọi thứ. Vả, trái với những gì chúng ta hằng tin tưởng, bản thân nó không phải là một bằng chứng.

— Chuyện đó thì có liên quan gì đến Joyce?

— Có một dấu vết ADN tại hiện trường, cô đón ánh mắt tôi và thú nhận.

Trong một lát, thời gian đông đặc lại. Rốt cuộc chúng tôi đã đến đích.

— Một dấu vết khác với ADN của Joyce và các chị em gái?

— Đúng thế.

— Vậy thì là của ai?

— Tôi không biết.

— Sao lại thế, sao chị lại không biết? Tại sao hồi đó chị không khai thác nó?

— Bởi vì tôi vừa thoát khỏi vụ Valatte. Tôi đang ở thế yếu và sẽ không tòa án nào nghe tôi chỉ với bằng chứng duy nhất này.

— Tại sao?

Có điều gì đó tôi chưa nắm được. May Soo-yun vòng vo và không nói hết với tôi.

— Để hiểu được điều đó, có lẽ anh phải tự đọc toàn bộ hồ sơ điều tra.

— Làm sao tôi có được?

— Anh không thể. Dù thế nào chăng nữa, sau mười năm, tất cả dấu niêm phong đều đã bị hủy.

— Dấu niêm phong thì có thể, nhưng hồ sơ vẫn tồn tại đâu đó trong hồ sơ lưu của Sở Cảnh sát New York, đúng không?

Cô gật đầu xác nhận.

— Hãy lấy lại giúp tôi. Tôi đã đọc những bài báo về Transparency. Tôi biết là ngay trong nội bộ cảnh sát, kể cả ở cấp cao, các vị cũng có những người chỉ điểm nặc danh cung cấp thông tin về các vụ chệch đường.

Cô lắc đầu.

— Anh không biết mình đang nói gì đâu.

Tôi tiếp tục ngón bíp:

— Cảnh sát giúp các vị bởi vì họ xấu hổ khi phải thuộc về một thể chế mà người dân không còn tin tưởng. Một thể chế tàn nhẫn và quá đáng với những người yếu thế. Một thể chế, để kiếm thật nhiều tiền, luôn nhắm đến cùng những cộng đồng người đó. Một thể chế tay vấy máu, nhưng lại được hưởng sự miễn trừ gần như tuyệt đối. Một thể chế...

Cô cắt ngang bài diễn văn sử dụng biện pháp lấy đầu của tôi:

— Được rồi! Anh thôi đi! Tôi sẽ cố gắng liên hệ với người nào đấy để tìm hồ sơ đó cho anh.

— Cảm ơn chị.

— Đừng cảm ơn tôi, và nhất là đừng có vui mừng hão. Khi anh hiểu ra tại sao tôi không thể làm gì hồi đó, anh sẽ biết là mình đã mất thời gian và sẽ chỉ cảm thấy cay đắng hơn thôi.

Florence Gallo

*Và tìm ta ời tại sao
người đập?
Như một người lính
gác muện phiên Ta
quan sát màn đêm
và cái chết.*

**Guillaume
APOLLINAIRE**

1.

Thứ Bảy ngày 25 tháng Sáu năm 2005

Tôi tên là Florence Gallo.

Tôi hai mươi chín tuổi và tôi là phóng viên.

Tám tiếng nữa, tôi sẽ chết, nhưng tôi còn chưa biết chuyện đó.

Lúc này, tôi đang ngồi trên bồn cầu, cố gắng đi tiểu vào một ống thử thai. Chỉ vài giọt nước mà mất không biết bao nhiêu thời gian, lại càng lâu thêm vì tôi đang lo lắng.

Khi rốt cuộc cũng xong việc, tôi đứng dậy và đặt que thử bằng nhựa lên thành lavabo. Ba phút nữa, tôi sẽ biết.

Tôi ra khỏi phòng tắm, cố gắng kiên nhẫn và lấy một chai nước trong tủ lạnh ra. Tôi đi vài bước trong phòng khách nhỏ, hít thở sâu để bình tĩnh lại. Tôi ngồi lên thành cửa sổ và ngửa mặt đón ánh mặt trời. Hôm nay là một thứ Bảy đầu hạ đẹp trời. Dưới bầu trời xanh ngắt và trong làn gió nhẹ hây hây, thành phố rung động trong một luồng năng lượng tích cực. Tôi

ngắm nhìn những cư dân New York bận rộn đang đi lại trên vỉa hè. Và nhất là nghe tiếng hét của đám trẻ đang chơi đùa vọng lên từ dưới phố, khiến tôi cảm thấy vui vẻ như đang nghe nhạc Mozart.

Tôi muốn có thai. Tôi muốn có con, mặc dù chưa biết Alan sẽ phản ứng thế nào. Một phần trong tôi ngất ngây hạnh phúc. Tôi đang yêu. Rất cuộc tôi cũng yêu! Tôi đã gặp người đàn ông tôi hằng chờ đợi. Tôi sống mãnh liệt từng giây phút chúng tôi bên nhau và sẵn sàng làm tất cả để chuyện của chúng tôi tiếp diễn. Nhưng niềm hưng phấn đó vẫn nhuộm một cảm giác tội lỗi khiến tôi như bị gãy cánh. Tôi ghét con người mình lúc này: “tình nhân” của anh. Một phụ nữ theo đuổi chồng của một phụ nữ khác, và ý thức được điều đó. Tôi chưa từng nghĩ mình có thể đóng một vai trong câu chuyện từng khiến mình đau khổ. Tôi lên sáu tuổi khi bố tôi bỏ nhà ra đi làm lại cuộc đời với một đồng nghiệp. Trẻ trung hơn, tươi mới hơn mẹ tôi. Tôi đã ghét người phụ nữ đó cũng giống như hôm nay tôi ghét cái cảm giác mình đang đánh cắp hạnh phúc của một người khác.

Tiếng chuông điện thoại làm những kỷ niệm đó đột ngột tan biến. Nhạc chuông vui vẻ mà tức thời tôi không nhận ra. Và nguyên do: đó là nhạc chuông tôi đã cài cho số điện thoại trả trước của Joyce Carlyle, nhưng không nghĩ là nó lại vang lên sớm một tiếng đồng hồ.

Tôi nhắc máy, nhưng không kịp thốt ra lời nào.

— Florence à? Joyce đây. Anh ta đã đổi giờ hẹn!

— Sao lại thế? Nhưng...

— Anh ta đến rồi! Tôi không thể nói chuyện với cô được!

Cảm thấy chị đang phát hoảng ở đầu dây bên kia, tôi tìm cách trấn an chị:

— Hãy làm đúng như kế hoạch mà chúng ta đã cùng lập ra, Joyce ạ. Hãy dùng băng dính gắn chặt điện thoại dưới bàn ăn, được không?

— Tôi... Tôi sẽ thử.

— Không, Joyce, đừng thử, hãy làm thế!

Hoảng sợ tột độ. Cả tôi cũng chưa chuẩn bị gì. Tôi đóng cửa sổ để không còn nghe thấy tiếng động từ đường phố nữa, bật loa điện thoại lên. Tôi ngồi trên bàn trong căn bếp nhỏ và mở chiếc máy tính mà em trai đã

cho tôi mượn. Edgar Ở New York từ ba tuần nay. Sau ba năm học ở Ferrandi, anh chàng đã được tuyển vào Cafe Boulud và chiếm chỗ trong căn hộ của tôi trong lúc chờ tháng lương đầu tiên.

Tôi vụng về hành động: tôi chưa từng thích máy tính để bàn, nhưng Carrie, vợ Alan, đã đập vỡ chiếc Mac của tôi chiều qua khi ném nó vào tường văn phòng. Tôi mở một ứng dụng và cắm micro vào máy tính để ghi âm cuộc trò chuyện.

Trong một phút, chẳng có gì xảy ra. Thậm chí tôi còn nghĩ đường dây đã bị mất tín hiệu rồi bỗng nghe thấy một giọng đàn ông, kiên quyết, lạnh lùng. Những phút tiếp theo như có tích điện. Tôi sững sờ trước những gì mình nghe được. Rồi cuộc trò chuyện chuyển hướng xấu. Lý lẽ nhường chỗ cho đe dọa, cho những tiếng la hét, nước nỡ. Và đột nhiên, tôi hiểu rằng điều không thể vãn hồi đang xảy ra. Cuộc sống đang trượt khỏi đường ray, cái chết đang nhuộm bẩn. Tôi nghe thấy tiếng hét xé lòng của Joyce. Joyce đang kêu cứu. Joyce đang cầu cứu tôi.

Hai bàn tay tôi nhóp nhép mồ hôi. Cổ họng nghẹn lại.

Trong một lát, tôi đờ đẫn, như thể hai chân chỉ còn làm bằng bông. Rồi tôi lao vọt ra khỏi nhà. Phóng xuống cầu thang. Vía hè. Đám đông. Máu dồn dập trong các huyết mạch. Cabin điện thoại nằm đối diện với quán Starbucks. Lối sang đường cho người đi bộ. Chen lấn. Hai bàn tay tôi run bần khi bấm số 911, rồi giọng tôi vang lên liên một mạch: “Tôi gọi để báo rằng đang có một vụ tấn công bạo lực, ở số 6 phố Bilberry, nhà của chị Joyce Carlyle. Các anh nhanh lên cho! Có người đang giết chị ấy!”

2.

Tôi không còn kiểm soát được tim mình nữa. Nó đập như đang tìm cách xuyên thủng ngực tôi để ra ngoài.

Thang máy bị hỏng. Cầu thang bộ. Tôi leo lên căn hộ của mình, áp sát chiếc điện thoại dùng thẻ trả trước vào tai, nhưng đầu dây bên kia đã không

còn ai. Tôi cố gắng gọi cho Joyce, nhưng chuông điện thoại reo mãi mà không ai nhấc máy.

Chết tiệt. Đã xảy ra chuyện gì?

Tôi run lên. Không biết phải làm gì. Đến tận nơi chẳng? Không, chưa được. Đột nhiên, tôi nhận ra là mình không chỉ sợ cho Joyce, mà cho cả mình nữa. Cảm giác như nguy hiểm rình rập khắp nơi. Tôi biết rõ cảm giác này. Một linh cảm, loại giác quan thứ sáu thường làm nên sự khác biệt trong nghề của tôi. Tôi vớ lấy máy tính “của tôi” rồi quay xuống đường Bowery. Không ở một mình. Sử dụng đám đông làm lá chắn.

Tôi vào quán Starbucks, gọi một cốc cà phê. Tìm một chỗ trong phòng, bật màn hình máy tính, cắm tai nghe iPod, tôi nghe lại đoạn ghi âm. Kinh hoàng. Hoảng hốt. Bằng vài thao tác, tôi nén nó lại và chuyển thành tệp dữ liệu mp3.

Uống một ngụm cà phê macchiato. Trên biên lai mua cà phê, tôi thấy mã Wi-Fi của tòa nhà. Internet. Hộp thư điện tử. Chết tiệt. Tất nhiên, tôi vừa mở hộp thư của em trai, và danh bạ địa chỉ liên hệ của tôi không được lưu trên phần mềm này. Không sao. Ngón tay tôi lướt trên bàn phím. Tôi tải đoạn băng ghi âm dưới dạng tệp đính kèm, và nhanh như cắt, nhập địa chỉ của Alan: alan.kowalkowsky@att.net.

Thế là xong, email đã được gửi đi. Tôi thở lấy hơi rồi gọi vào điện thoại di động của Alan. Ba hồi chuông. *Làm ơn nhấc máy đi!* Hộp thư thoại. Tôi để lại lời nhắn: “Em vừa gửi cho anh một email, Alan ạ. Hãy copy lại tệp đính kèm. Anh sẽ không tin được vào tai mình đâu. Gọi lại cho em nhé. Yêu anh.”

Tôi không thể ở lại đây. Tôi sẽ lấy xe, xe tôi đỗ trong ngõ cụt đằng sau câu lạc bộ âm nhạc CBGB khi xưa, rồi tôi sẽ lái đến tận Harlem để đích thân kiểm tra xem đã xảy ra chuyện gì. Tôi lên nhà để lấy chìa khóa. Trong hành lang, từ xa, tôi nhìn thấy như có một cô bé đang đứng trước cửa nhà mình. Vóc dáng nhỏ bé, quần jean suôn sẫm màu, áo sơ mi kẻ ca rô hiệu Vichy, giày Converse màu hồng, ba lô bằng vải thô và áo bu đông Levis ôm sát người giống như tôi thường mặc khi còn là nữ sinh. Khi cô bé quay lại, tôi nhận ra đó là một người trưởng thành và trạc tuổi tôi. Khuôn mặt mịn

màng, toàn bộ sắc đẹp bị che giấu bên dưới lớp tóc mái màu nâu và cặp kính hiệu Wayfarer.

Tôi biết người phụ nữ này, thậm chí còn ngưỡng mộ cô ta. Cô ta tên là Zorah Zorkin. Tôi đã đọc sách của cô ta, nghe những buổi hội thảo của cô ta, tôi đã cố gắng đến cả chục lượt để phỏng vấn cô ta, nhưng cô ta luôn từ chối lời đề nghị của tôi. Và hôm nay, tôi biết cô ta đến đây để nói chuyện gì với mình.

Hoặc ít ra là tôi tưởng mình biết. Nhưng tôi đã lầm. Zorkin không đến để nói chuyện. Cô ta tiến về phía tôi bằng những bước chân chậm rãi, và cô ta càng đến gần, tôi càng như bị thôi miên bởi đôi mắt rằm mà tôi không biết phải nói là màu xanh lục hay màu hạt dẻ. Lúc này, cô ta chỉ cách tôi chưa đầy hai mét, và tất cả những gì tôi có thể thì thầm được với cô ta là:

— Các người nhanh thật đấy.

Cô ta thò tay vào túi áo bu đông và lôi ra một khẩu súng điện, chĩa vào tôi rồi nói:

— Cô thật sự rất xinh đẹp.

Tình huống này siêu thực đến nỗi tôi dờ dẫm cả người. Nào tôi không thể xem như tất cả những chuyện này là thực. Tuy nhiên, Zorah Zorkin đã bóp cò súng và hai mũi điện cực của khẩu Taser đâm vào cổ tôi, phóng một luồng điện như sét đánh khiến tôi sụp xuống đất và mở ra một cái hố lớn đen sì.

3.

Khi tỉnh lại, đầu óc tôi như phủ một màn sương mù, bị bóp nghẹt trong một cái bao dẹt bằng những sợi dây thôi miên. Bị lên cơn sốt, tôi thấy buồn nôn và run rẩy. Miệng tôi đắng ngắt và lưỡi đã sưng phồng gấp đôi. Tôi thử cử động. Cột sống tôi kêu răng rắc như thể đã bị bóp vụn.

Hai tay tôi bị kéo quặt ra đằng sau, hai cổ tay bị còng, hai chân bị buộc vào nhau bởi một sợi dây rút dót trúc. Nhiều vòng băng dính loại siêu bền quấn sâu vào trong miệng tôi.

Mặc dù bị bịt miệng, tôi vẫn cố nuốt nước bọt. Nỗi hoảng sợ đã xâm chiếm tôi hoàn toàn.

Tôi đang ở đằng sau một con vật khổng lồ thực sự - chiếc Cadillac Escalade kính đen - làm chủ con đường từ độ cao hai mét và khiến ta có cảm giác đang bay trên mặt đường rải nhựa. Băng ghế dài bị ngăn cách với khoang đằng trước bởi một vách kính Plexiglas. Chưa rõ vì lý do gì, tôi đang mặc trên người bộ đồ nhảy base jump của mình. Đủ cả bộ: mũ bảo hiểm, bộ quần áo nhảy dù thít chặt hai đùi và vai, chiếc túi đựng dù gấp gọn bên trong.

Sau vách kính trong suốt, tôi thấy rõ vóc dáng nặng nề của tài xế: dáng dấp quân nhân, gáy cạo nhẵn, tóc màu xám cắt theo kiểu đầu đinh. Bên cạnh gã, Zorah Zorkin đang dán mắt vào màn hình điện thoại. Được chiếc mũ bảo hiểm bảo vệ, tôi ra sức đập đầu vào vách ngăn. Zorkin liếc mắt nhìn tôi, nhìn mà không thèm để ý đến tôi, rồi lại cúi mũi vào điện thoại. Khi nheo mắt, tôi nhìn thấy chiếc đồng hồ nhỏ gắn trên bảng điều khiển. Đã hơn 10 giờ tối.

Tình huống này hoàn toàn vượt ngoài tầm lý giải của tôi. Toàn bộ những chuyện này có ý nghĩa gì? Làm sao mọi chuyện có thể diễn biến nhanh đến thế?

Tôi nhào người di chuyển để nhìn cảnh vật lướt qua sau kính hậu. Trời đêm. Một con đường hẻo lánh. Hút tầm mắt là những rừng thông, tán lá nhọn hoắt bị gió quất hiện rõ trên nền trời đen như mực.

Được vài ki lô mét, tôi bắt đầu đoán ra mình đang ở đâu. Nếu xe đã chạy được khoảng sáu bảy tiếng đồng hồ, hẳn là chúng tôi đã đi qua Pennsylvania, Maryland và Tây Virginia. Chúng tôi đang ở trong dãy Appalachian, gần Cầu Sông Bạc.

Trong thoáng chốc, tôi hy vọng trở lại khi nhìn thấy một chiếc xe khác chạy đằng sau. Tôi đập vào kính hậu để khiến người lái xe chú ý, rồi khi nhìn gần hơn, tôi nhận ra chiếc Lexus nhỏ màu đỏ ánh kim của mình và hiểu ra nó đang đi theo chiếc xe này.

Lúc đó, tôi đột ngột hiểu ra kế hoạch của chúng và bắt đầu khóc.

4.

Tôi đã không nhìn nhầm: từ hai mươi phút trở lại đây, theo sau là chiếc xe của chính tôi, chiếc 4x4 to tướng này đang leo lên những con đường mòn cao ngất của Công viên Sông Bạc. Chẳng bao lâu sau, hai chiếc xe đã đỗ sát cạnh nhau trên mũi đất vắng tanh nhô ra bên trên thung lũng và dẫn xuống lan can có tay vịn của cây cầu cũ.

Sau khi khóa điện đã tắt, mọi sự diễn biến rất nhanh: gã quân nhân – mà Zorah gọi là Blunt – mở cửa bên của chiếc SUV và túm lấy thắt lưng tôi lôi ra với sức mạnh của một siêu nhân, rồi vác tôi lên vai đưa đến cầu. Zorah Zorkin đi sau chúng tôi vài trăm mét để giám sát. Tôi cố gắng gào lên, nhưng chỉ cần mở miệng, dải băng dính cách điện lại rách vào khoe môi tôi. Dù sao, có gào cũng chẳng ích gì, Trong không trung chẳng có ai nghe thấy bạn gào đâu. Vào giờ này, ở công viên Sông Bạc cũng gần như vậy.

Cho đến tận giây phút cuối cùng, tôi vẫn không tin vào điều không thể tránh được. Có thể chúng chỉ muốn dọa cho tôi sợ. Nhưng sẽ chẳng ai vượt sáu trăm ki lô mét chỉ để dọa cho một người sợ.

Làm sao chúng lại có ý tưởng này được? Làm sao chúng biết được? Về nơi này, về môn thể thao này? Dễ thôi. Chỉ đơn giản là chúng đã lục lại căn hộ của tôi, tìm thấy đồ nghề của tôi, những bức ảnh và những tấm bản đồ đã được tôi ghi chú.

Đến giữa công trình bằng thép đó, Blunt quăng tôi xuống đất. Tôi nhòe dậy và cố gắng chạy trốn, nhưng do bị trói chặt, tôi lại sụp xuống gần như ngay lập tức.

Tôi ngồi dậy. Tôi nghe tiếng dòng sông bạc chảy ba trăm mét bên dưới. Đêm thật đẹp, trời rất sáng. Bầu trời quang đãng, cái lạnh khô khốc, mặt trăng gần như tròn vành vạnh, nặng nề, khổng lồ.

Zorah Zorkin đứng đối diện với tôi trên cầu. Cô ta thọc tay vào túi áo vest Barbour bằng vải bông chần và đội chiếc mũ bóng chày của Đại học New York, ngôi trường nơi cô ta từng theo học.

Tôi đọc thấy trong ánh mắt cô ta sự quyết tâm không thể lay chuyển. Đối với cô ta, vào thời khắc này, tôi không còn là một con người. Chỉ là một vấn đề cần giải quyết càng nhanh càng tốt.

Tôi nghẹt thở, toát mồ hôi, tè cả ra quần. Một hình ảnh kinh hoàng gặm nhấm đầu óc tôi. Máu tôi đông lại. Thứ tôi nhìn thấy là điều không thể nghĩ đến, vượt lên cả nỗi hoảng loạn. Cả người tôi cứng đờ, gần như tê liệt. Khi dải băng dính cách điện vừa đứt lìa, tôi liền gom hết chút sức lực còn lại để lê đến trước mặt cô ta. Tôi gào lên. Tôi quỳ xuống, van xin cô ta, cầu khẩn cô ta.

Nhưng cô ta vẫn thờ ơ, băng giá.

— Làm thôi, Blunt nói rồi cúi xuống người tôi cắt đứt sợi dây buộc chốt của chiếc dù. Tôi chẳng thể làm được gì. Gã là một khối đá đổ ra từ vách núi. Một gã khổng lồ cũng đang sốt ruột muốn kết thúc mọi chuyện. Và chính lúc đó, điều không thể nghĩ đến đã xảy ra. Trước khi đế gã đao phủ làm việc của mình, một tia sáng ánh lên trong mắt Zorah.

— Tôi không biết cô đã biết chưa, cô ta nói. Nếu cô chưa biết, thì tôi nghĩ là cô sẽ muốn biết.

Tôi không hiểu cô ta ám chỉ điều gì cho đến khi, miệng nói tay làm, cô ta lấy từ trong túi ra thứ gì đó. Que thử thai của tôi.

— Dương tính. Cô đã có thai, Florence ạ, chúc mừng cô.

Trong vài giây, tôi đông cứng, sững sờ. Tôi không còn thuộc về thế giới này. Tôi đã ở một nơi khác.

Rồi, gần như chỉ bằng một động tác, Blunt cắt dây trói, túm lấy hai chân tôi, nhấc tôi lên và ném qua lan can cầu.

5.

Tôi rơi xuống.

Và thậm chí còn không nghĩ đến việc kêu lên.

Lúc đầu, nỗi kinh hoàng khiến tôi không nghĩ được gì.

Rồi vài giây của cú rơi như tan loãng ra.

Và dần dần, tôi buông mình nhẹ hơn.

Nỗi sợ hãi đã biến thành tiếc nuối. Tôi không thấy lại cảnh đời mình được tua nhanh. Tôi chỉ nghĩ đến tất cả những gì mình từng yêu: bầu trời trong xanh, ánh sáng ấm áp, làn gió mạnh mẽ.

Và chủ yếu là nghĩ đến con tôi.

Đứa con mà tôi đang mang trong bụng và sẽ chết cùng tôi.

Để không khóc, tôi tự nhủ phải tìm cho con một cái tên.

Mặt đất xấp lại gần, từ giờ trở đi, tôi hòa làm một với bầu trời, với những ngọn núi, những rừng thông. Tôi chưa từng tin vào Chúa, tuy nhiên, trong khoảnh khắc này, tôi có cảm giác Chúa ở khắp nơi. Hay đúng hơn thiên nhiên chính là Chúa.

Nửa giây trước cú va đập, tôi có một linh tính.

Con của tôi là con gái.

Bé sẽ tên là Rebecca.

Tôi chưa biết mình sẽ đi đâu, nhưng tôi sẽ đến đó cùng bé.

Và điều đó khiến tôi bớt sợ.

CHIỀU NGÀY THỨ BA
CON RỒNG TRONG ĐÊM

Con Đường Phía Tây

*Ta chẳng bao giờ
chỉ yêu một bóng
ma.*

Paul Valéry

1.

Mặt trời. Bụi. Nhựa đường.

Cái nóng cuối hè. Tiếng John Coltrane trên đài phát thanh.

Cửa sổ để mở, một cánh tay gập lại trên thành cửa, tóc tung bay trong gió, Marc Caradec lái xe như lướt trên đường.

Cảnh vật lướt đi sau đôi kính sẫm màu của ông. Những trang trại chăn nuôi, những bãi chăn thả, những chiếc máy kéo và tháp chứa ngũ cốc. Cảnh vật của nông thôn nước Mỹ, bất động trong thời gian. Những cánh đồng trải dài hút tầm mắt. Những mảng nhẵn lì đơn điệu màu lúa mạch, màu ngô, màu đậu tương, màu thuốc lá.

Đây là lần đầu tiên Marc đặt chân đến vùng Trung Tây nước Mỹ. Ông lập tức nghĩ đến những bài học địa lý ông từng giúp con gái ôn tập khi con bé học trung học. Những tấm bản đồ tô bút chì màu khoanh vùng không gian nông nghiệp rộng lớn của nước Mỹ: Vành đai Ngô, Vành đai Hoa quả, Vành đai Lúa mì, Vành đai Sữa... Những bài tập chán ngắt, hoàn toàn trừu tượng khi ta mười bốn tuổi và chưa được đi du lịch nhiều, nhưng hôm nay với ông nó lại trở nên thực tế đến xúc động.

Caradec duỗi tay để khỏi bị chuột rút và nhìn đồng hồ. Hơn 17 giờ một chút. Bốn tiếng đồng hồ đã trôi qua kể từ khi ông bỏ rơi Raphaël ở

quán hầu. Theo một linh cảm, ông đã lao đến sân bay quốc tế John F. Kennedy và mua một vé máy bay đi Ohio. Chưa đầy hai giờ bay sau, ông hạ cánh xuống Columbus. Ở sân bay, ông đã thuê một chiếc Dodge. Những ki lô mét đầu tiên, ông đã cố gắng cho hệ thống GPS hoạt động, rồi sau đành từ bỏ. Ông nhắm thẳng hướng Tây Bắc, đành đi theo những tấm biển chỉ đường về hướng Fort Wayne.

Ông đã không ngủ cả đêm qua và hai đêm trước thì ngủ rất ít. Cộng thêm tình trạng lệch múi giờ và thuốc an thần, lẽ ra ông phải gục xuống thành một đống, nhưng điều xảy ra lại hoàn toàn ngược lại: ông tràn đầy năng lượng. Adrenalin chảy trong cơ thể giúp ông duy trì trạng thái phấn khích, tất cả các giác quan đều được đặt trong tình trạng báo động. Sẵn sàng cho điều tốt đẹp nhất cũng như điều tồi tệ nhất.

Điều tốt đẹp nhất, đó là sự nhạy bén trong lập luận. Các ý nghĩ của ông phun trào, tuôn chảy, tăng tốc, xô đẩy nhau trong đầu ông, tạo thành một mớ hỗn độn phong phú cho đến lúc này vẫn giúp ông có được những quyết định đúng đắn. Khía cạnh ảm đạm hơn, đó là một kiểu quá mẫn. Những kỷ niệm ủa ra đánh úp: Élise, cô con gái nhỏ, một số sự kiện không thể vẫn hồi đầy khủng khiếp.

Thình thoảng, một giọt nước mắt ấm nóng đột ngột trào ra và lăn trên má ông. Những bóng ma lượn lờ và chỉ có thuốc mới giúp ông giữ khoảng cách được với chúng. Ông nghĩ đến một câu nói của Aragon: “Là con người, nghĩa là có thể rơi xuống đến tận cùng.” Còn ông, đã mười hai năm nay ông rơi xuống. Những ngày vừa qua, nỗi đau lại trỗi dậy. Cuối cùng rồi nó sẽ chiến thắng, ông biết thế. Sẽ đến cái ngày nó thả lũ chó ra và chúng sẽ cắn xé tất cả. Ngày đó đang đến gần, nhưng chưa phải là hôm nay.

Marc hít một hơi dài. Vào lúc này, trên con đường đơn độc này, ông cảm thấy mình được trời phú cho óc sáng suốt. Thậm chí ông còn có cảm giác mình đi được trên mặt nước. Từ khi hạ gã cảnh sát, cái gã Stéphane Lacoste gà mờ đó, ông bị cuốn theo thứ gì đó vượt quá tầm xử lý của mình. Khi viên đạn sượt qua ông, nỗi sợ hãi bỗng tiêu tan. Ông nhớ lại đoạn sau của cảnh tượng, chậm rãi lần giở những hình ảnh. Ông đã cầm súng, ngồi

dậy và khai hỏa. Ông đã đoạt mạng gã với một cảm giác sáng suốt và ban ơn. Như thế ông không thực sự là người bắn.

Sự thật hiển nhiên đập vào mắt ông.

Ông sẽ tìm lại được Claire bởi đó là sứ mệnh của ông.

Ông sẽ tìm lại được Claire bởi điều đó nằm trong quy luật của vạn vật.

Trong một cuộc điều tra của cảnh sát, quy luật của vạn vật chính là thời khắc đặc biệt này, khi mà không phải ta tìm ra sự thật nữa, mà là sự thật tìm đến ta.

Sau hơn mười năm từ khi xảy ra, vụ Carlyle để lộ những chân rết ngày càng lan rộng tứ phía và đầy bất ngờ. Một dòng thác đô mi nô khổng lồ đã vượt qua bờ Đại Tây Dương. Trong đầu, Marc nghe thấy âm thanh của những quân cờ hình chữ nhật lần lượt gục ngã: Clotilde Blondel, Franck Muselier, Maxime Boisseau, Heinz Kieffer, Joyce Carlyle, Florence Gallo, Alan Bridges...

Việc một đứa con mất tích hoặc bị chết không bao giờ chỉ tác động đến một gia đình. Nó bao trùm mọi thứ trên đường đi của mình, nó thiêu hủy mọi thứ, nó bẻ gãy mọi người, nó đảo lộn các trách nhiệm, buộc mỗi người phải đối mặt với những bất lực và ác mộng của chính mình.

Marc đến một lối rẽ, nhưng thậm chí còn không đạp phanh. Ông rẽ phải mà không nhìn bản đồ, cũng không nhìn biển báo. Ông không chắc mình biết rõ đường này dẫn đến đâu, nhưng tin chắc một điều: đoàn tàu đã khởi hành. Trong chuỗi các hành tinh đang xếp hàng, sự thật đột ngột khôi phục quyền năng của mình. Nó trôi lên, vọt ra, vấy bẩn với tất cả sức lực mà một số kẻ đã bỏ ra để che giấu nó. Một quá trình tất yếu và hết sức tàn khốc.

Và ông, Marc Caradec, chỉ là một công cụ đơn thuần của sự thật.

2.

Sau khi gặp May Soo-yun, tôi quay về khách sạn gặp con trai. Tôi đã phải đánh vật với bé để buộc bé ngủ trưa. Và đã thất bại. Như thường lệ,

trận chiến kết thúc trước màn hình máy tính để xem một bộ phim cũ của Louis de Funès. Khoảng 15 giờ, cuối cùng bé cũng ngủ thiếp đi trong khi xem bộ phim *Đại Nhà hàng*, và dù không muốn, tôi cũng cùng bé ngả vào vòng tay của nữ thần Ngủ.

Tiếng chuông khê kêu báo có tin nhắn SMS đánh thức tôi. Tôi mở mắt, người đầm mồ hôi. Théo nói bập bẹ ở cuối giường, bé đang nằm ngửa, hai chân giơ lên trời, chơi đùa với chú chó bông Fifi. Tôi nhìn đồng hồ: đã quá 18 giờ.

— Mẹ kiếp! - Tôi hét lên và nhảy khỏi giường.

— Mẹ kiếp! - Con trai tôi vừa nhắc lại vừa cười thích thú.

Tôi hít một hơi thật sâu để không phá lên cười.

— Không được, Théo! Đó là một từ rất bậy, con không được nói thế!

Trong khi con trai tôi hớn hờ và rõ ràng là đang ngập ngừng muốn nhắc lại từ ngữ mà bé mới khám phá ra, tôi xem điện thoại. Tôi vừa nhận được một tin nhắn của May Soo-yun: Anh có hẹn trong 20 phút nữa. Cửa hàng bánh Knish Perlman's.

Không thông qua bộ phận lễ tân, tôi gọi cho Marieke bằng điện thoại cố định trong phòng. Cô trông trẻ đang chè chén với đám bạn tại Raoul's, một quán rượu ở Soho. Vừa đặt một chiếc xe thuê có lái bằng điện thoại di động, tôi vừa thương lượng để cô bằng lòng trông Théo trong thời gian còn lại của buổi tối. Cô có thể có mặt trong vòng 15 phút nữa, nhưng vốn là nhà tư bản xuất sắc, cô tận dụng vị thế của mình để buộc tôi trả thêm một khoản phí vô lý mà tôi buộc phải chấp nhận.

Và thế là tôi đến chỗ hẹn muộn khoảng nửa giờ. Cửa hàng bánh Knish Perlman's, khu Đông Hạ Manhattan chừng vài bước chân.

Cửa hàng vắng ngắt, ngoại trừ cặp vợ chồng người Nhật đang chơi trò chụp ảnh trước quầy. Đằng sau một tủ kính trưng bày lớn, một ông già bán những món đặc sản của người Do Thái. Tận cuối cửa hàng, người ta đã kê một vài chiếc bàn fomica, xung quanh là những chiếc ghế dài bọc da nhân tạo Skai màu đỏ.

Ngạc nhiên vì không thấy May, tôi ngồi vào vị trí gần cửa ra vào nhất và gọi một chai nước. Trên mặt bàn, người khách trước đã để lại tờ The

New York Times số ra ngày hôm nay. Tôi căng thẳng và giận dữ vì đã ngủ thiếp đi. Như một cái máy, tôi vừa lật giở tờ báo vừa đưa mắt trông chừng ra cửa. Trời oi ả. Một chiếc quạt cũ kỹ thốc ra những luồng gió nóng đầy mùi tỏi, rau mùi tây và hành phi. Điện thoại của tôi rung lên. Lần này là một tin nhắn của Alan:

Đến gặp tôi ngay, AB.

Có chuyện gì vậy? Tôi hỏi luôn.

Tôi có thông tin mới về Joyce Carlyle.

Ông nói đi, Alan.

Không nói qua điện thoại được.

Tôi sẽ đến ngay khi có thể, tôi hứa.

Trong khi tôi đang lướt ngón tay trên màn hình điện thoại, một người đàn ông đẩy cửa tiệm bánh vào. Trạc tuổi tôi, dáng người chắc nịch, tóc đen, râu ba ngày chưa cạo. Vẻ mặt mệt mỏi, anh ta đã nói lỏng cà vạt và xắn tay áo lên. Vừa nhìn thấy tôi, anh ta bước dọc cửa hàng đầy quyết đoán rồi ngồi xuống trước mặt tôi.

— Thám tử Baresi, anh ta tự giới thiệu. Tôi là cộng sự cũ của May. Chính tôi đã cùng làm với chị ấy trong vụ tử vong của Joyce Carlyle.

— Tôi là Raphaël Barthélémy.

Viên cảnh sát lấy khăn giấy lau mồ hôi trán.

— May đã đề nghị tôi gặp anh. Tôi báo trước là tôi không có nhiều thời gian. Đang có hội nghị bầu ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hòa, nên chúng tôi làm việc như điên từ ba ngày nay.

Baresi chắc hẳn là khách quen của cửa hàng, bởi vì ông chủ lập tức mang đồ ăn ra cho anh ta.

— Bánh knish vừa mới ra lò, anh chàng Ignazio ạ, ông chủ đảm bảo và đặt trước mặt viên cảnh sát một khay đựng những chiếc bánh rán nhân khoai tây, xà lách bộn và dưa chuột bao tử.

Một câu hỏi như thiêu đốt môi tôi:

— Anh đã tìm được hồ sơ vụ án rồi sao?

Baresi rót một cốc nước và lắc đầu.

— Hồ sơ đó đã cách đây mười năm rồi. Nếu còn tồn tại, nó cũng đang nằm trong đồng tài liệu lưu trữ của đội cảnh sát khu vực số 52. Nói cụ thể ra, như thế có nghĩa là nó được cất giữ trong kho ở Brooklyn hoặc Queens. Tôi không biết May đã hứa gì với anh, nhưng ta không thể chỉ búng ngón tay mà lấy ra được một tập hồ sơ cũ. Phải có giấy phép. Rất phức tạp, và nhất là phải mất đến vài tuần.

Tôi nuốt nổi thất vọng.

— Chị ấy đã bảo tôi là có một dấu vết di truyền trên hiện trường vụ án.

Baresi nhăn mặt.

— Chị ấy đã thực hiện vụ này hơi nhanh. Hiện trường vụ án hoàn toàn sạch sẽ, đúng thế. Thứ duy nhất mà chúng tôi tìm thấy, đó là một con muỗi.

— Một con muỗi?

Tôi nghĩ anh ta đang ám chỉ một từ lóng trong giới cảnh sát, nhưng đúng là một con côn trùng.

— Ờ... Một con muỗi bị đập chết, mọng máu, trên sàn phòng tắm trong nhà nạn nhân. Như mọi khi, May muốn chứng tỏ mình thông minh. Chị ấy tự nhủ là kẻ sát nhân có thể đã bị con côn trùng hai cánh đó đốt, và nếu đúng như thế, ADN của hắn vẫn nằm trong xác con muỗi. Từ đó, chị ấy đã nung nấu ý định cho phân tích nó.

— Anh đã phản đối sao?

Baresi ngốn một khoanh bánh khoai tây.

— Đương nhiên, bởi vì, ngay cả khi chúng tôi gặp may, thì điều đó liệu có chứng tỏ được tội ác không? Tuyệt đối không. Và bằng chứng đó cũng không đứng vững được lấy một giây trước tòa. Vậy nên làm thế sẽ chẳng được tích sự gì. Hồi đó, May chính là “Người chỉ biết đến mình”: một tham vọng quá mức, nguy hại. Chị ấy hy vọng người ta sẽ nói đến mình khi cố gắng làm một việc chưa từng có tiền lệ ở New York.

Baresi thong thả nhai thêm vài khoanh bánh rồi mới nói tiếp:

— Dù sao, các kỹ thuật viên cũng vẫn làm việc với con muỗi đó. Họ đã thu được một mẫu máu và chúng tôi chuyển cho phòng xét nghiệm. Ở đó, họ đã trích xuất được ADN và thiết lập được một trắc đồ di truyền.

— Rồi sau đó?

Viên cảnh sát nhún vai.

— Sau đó là quy trình cổ điển. Quy trình mà anh thường thấy trên các phim truyền hình: phòng xét nghiệm đã ghi trắc đồ mới đó vào cơ sở dữ liệu và so sánh nó với các trắc đồ hiện có.

— Kết quả thế nào?

— Không gì hết. Nada [\[27\]](#), Baresi khẳng định và đưa cho tôi một tờ giấy. Đây là bản sao báo cáo của phòng xét nghiệm. Tôi đã tìm lại được email của họ trên máy chủ.

Anh cũng có thể thấy đây: không hề trùng hợp với bất cứ trắc đồ nào đã được ghi nhận.

Anh ta cắn một miếng dưa chuột bao tử rồi nhồm nhoàm nhận xét:

— Dù sao, phòng xét nghiệm cũng đã mất rất nhiều thời gian trước khi chuyển được kết quả cho chúng tôi, đến nỗi trong thời gian chờ đợi, người ta đã đóng hồ sơ lại rồi.

Tôi xem bản báo cáo. Trắc đồ di truyền được thể hiện dưới dạng mã vạch hoặc một biểu đồ giới thiệu tổng hợp mười ba đoạn ADN, mười ba *locus* [\[28\]](#) cần thiết để xác định một cá nhân một cách đáng tin cậy. Thật bức mình: chắc chắn kẻ sát nhân đang ở đó, ngay trước mắt tôi, nhưng tôi không có cách nào biết được nhân thân của hắn.

— Hồi đó có bao nhiêu người được lưu dữ liệu?

Baresi nhún vai.

— Trong hệ thống CODIS à? Vào giữa những năm 2000? Tôi không biết chính xác. Có thể là hai triệu.

— Hiện nay trong hệ thống có bao nhiêu?

— Hơn mười triệu. Nhưng tôi biết anh định nói gì rồi: không có chuyện tiến hành tìm kiếm lại đâu.

— Tại sao?

Viên cảnh sát bức bối chỉ tay vào tôi cảnh cáo:

— Tôi sẽ nói thẳng với anh suy nghĩ của mình. Trong ngành cảnh sát, chúng tôi thường xuyên thiếu người. Công việc của chúng tôi là xử lý các

vụ án và tội phạm vào lúc chúng xảy ra. Không phải mười năm sau. Vụ án nào kéo dài cũng đều không ổn. Theo tôi, những *vụ án treo* là một kiểu làm hàng của đám trí thức và tôi không hề tôn trọng những đồng nghiệp thích các vụ như thế.

Tôi vô cùng ngạc nhiên.

— Tôi biết nhiều cảnh sát và gần như chắc chắn là không ai nghĩ như anh đâu.

Baresi thở dài và lên giọng, đồng thời tỏ thái độ cực cần:

— Vụ của anh thối như phân ấy, OK? Thế nên hãy bỏ qua đi! Anh không có việc gì làm ngoài chuyện khóc lóc cho cái chết của một ả nghiện hay sao?

Đến lượt mình sắp nổi giận thì tôi bỗng hiểu ra: viên cảnh sát không hề suy nghĩ như những điều anh ta nói. Sở dĩ anh ta cố gắng thuyết phục tôi từ bỏ vụ điều tra, là bởi anh ta biết kẻ sát nhân là ai.

3.

Mặt trời bắt đầu lặn xuống trên những cánh đồng miền Trung Tây nước Mỹ. Ánh mặt trời vàng óng chiếu tràn trề trên những thân cây ngô, luồn lách giữa những gốc đậu tương, hắt ngược sáng vào hình dáng đồ sộ của những kho ngũ cốc và hang trại sữa.

Ngồi trước vô lăng chiếc xe mi ni, Marc Caradec vẫn đang lao về phía Tây.

Nhiều người thấy cảnh vật vùng Ohio đơn điệu đến phát bực. Còn ông thì ngược lại, ông lái xe và cảm thấy có chút hài lòng được chạy giữa những sắc màu rực rỡ này, thưởng thức hàng ngàn sắc độ của ánh sáng, và cả loạt chi tiết lần lượt nối tiếp nhau trên đường: đường nét siêu thực của một chiếc máy gặt đập han gỉ, một đàn bò thông thả gặm cỏ, một dàn tua bin gió quay trong ráng chiều vàng nghệ.

Những tấm biển chỉ dẫn nối tiếp nhau, với những cái tên sức mùi miền Tây: Wapakoneta, Rockford, Huntington, Coldwater... Nơi ông đang tìm

kiếm năm trước Fort Wayne một chút, giáp ranh giữa Ohio và Indiana. Thêm vài ki lô mét nữa là ông sẽ biết mình có linh cảm tuyệt vời hay không, hay chỉ để mất một khoảng thời gian quý báu.

Một cửa hàng bách hóa tổng hợp hiện ra phía chân trời. Marc đưa mắt nhìn đồng hồ báo nhiên liệu. Nó chưa cạn hẳn, nhưng ông quyết định sẽ thoát khỏi gánh nặng đồ xăng ngay lúc này.

Xi nhan. Tốc độ chậm dần. Bụi cuốn mù. Ông đỗ xe trước cây xăng duy nhất, không xa một chiếc bán tải cũ như vừa thoát ra từ những trang tiểu thuyết của Jim Harrison.

— Đầy à, thưa ông?

Một thằng bé xuất hiện sau lưng ông. Nó mặc bộ quần áo bảo hộ lao động rộng thùng thình và đội chiếc mũ lưỡi trai của đội bóng chày Cincinnati Reds, mặt tươi roi rói. Cùng lắm nó cũng chỉ độ mười ba tuổi, nhưng ở đây để trẻ em lao động có vẻ không phải là một vấn đề.

— Yes, pleasea, - Ông vừa trả lời vừa đưa chìa khóa chiếc SUV cho thằng bé.

Marc đẩy cánh cửa nhà hàng nối với “cửa hàng bách hóa tổng hợp” và bước vài bước trên lớp sàn gỗ sứt hỏng phủ mặt cửa. Những phân tử bụi nhảy nhót trong ánh mặt trời vung vãi trên lối đi. Viên cảnh sát đưa mắt nhìn một lượt khắp phòng. Vào lúc sắp tối này, nhà hàng dựng bằng những chi tiết đục sẵn chìm trong bầu không khí ngái ngủ. Đằng sau quầy, vài người khách quen đang nốc cạn những cốc bia, đồng thời tổng thẳng cholesterol vào mạch máu mình dưới dạng những chiếc bánh hamburger thịt hun khói, sườn nướng BBQ và cá tẩm bột kèm khoai tây chiên dầm dầu mỡ. Trong một góc sát trần, chiếc ti vi một mét mỗi đang truyền trực tiếp diễn biến của hội nghị bầu ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hòa, nhưng tiếng đã bị tắt và chẳng ai để ý đến. Từ chiếc đài cũ kỹ đặt trên một tầng giá, vang lên một bài hát cũ nổi tiếng của Van Morrison.

Marc trèo lên ghế đầu và gọi một ly kem Bud rồi vừa nhấm nháp vừa đọc lại những gì ông đã ghi chép được. Trên giấy, giả thiết mà ông đã ưu tiên lựa chọn lại chẳng có giá trị gì, nhưng ông vẫn ra sức bám lấy nó. Nếu

trí nhớ của ông về những bài học tiếng Latinh còn tốt, trực giác là một khái niệm phái sinh từ thuật ngữ có nghĩa là “hình ảnh phản chiếu qua gương”.

Hình ảnh. Những hình ảnh. Đó chính là điều ông quan tâm: cuốn phim mà ông thấy lướt qua trong đầu mình khi cố gắng đặt mình vào vị trí của Florence Gallo. Đó là một phương pháp mà một cảnh sát lão luyện thuộc đội BRB, tín đồ của môn yoga, thư giãn tâm thể và giấc ngủ thôi miên đã dạy cho ông khi ông mới vào nghề. Cố gắng hòa nhập theo đứng nghĩa của từ này trong mỗi đồng cảm với nạn nhân. Đặt mình vào vị trí của người đó theo linh cảm, cảm nhận cùng một điều, trở thành nạn nhân trong một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Marc nghi ngờ khả năng thiết lập một kiểu kết nối tinh thần với nạn nhân, nhưng ông tin chắc rằng sự suy diễn và tính hợp lý chỉ phản ánh được đầy đủ nhất nếu chúng bao gồm các dữ liệu tâm lý. Từ quan điểm đó, cuộc trò chuyện giữa ông và Raphaël với Alan Bridges - tên thật là Alan Kowalkowski - đã trở nên vô cùng sáng rõ. Nó đã mang lại cho ông chất liệu để “thâm nhập vào đầu” Florence.

Raphaël đã có lý. Đúng là Florence đã gửi cho Alan một tệp âm thanh đính kèm email: một đoạn hội thoại giữa Joyce Carlyle và kẻ giết bà, mà cô đã ghi âm lại bằng điện thoại. Cô đã làm việc đó ngay sau khi gọi đến số điện thoại khẩn cấp để báo rằng mẹ Claire đang bị tấn công. Cô đã làm việc đó theo cảm xúc, trong tình trạng căng thẳng cùng cực. Và nhất là, cô đã làm việc đó bằng một chiếc máy tính không phải của cô, bởi vì vợ Alan đã phá nát văn phòng và trang thiết bị của cô vào hôm trước. Một chiếc máy tính mà cô không quen dùng và một hòm thư không lưu danh bạ địa chỉ liên hệ của cô.

Khi nhắm mắt lại, Marc gần như có thể nhìn thấy Florence: sự cấp bách, nỗi sợ hãi, mồ hôi túa ra, những ngón tay chạy trên bàn phím khi nhập địa chỉ của Alan. Giữa hai trang số, Marc đã tìm lại được tấm danh thiếp mà viên tổng biên tập của #WinterSun đã đưa cho ông và Raphaël, trên đó ông ta đã ghi địa chỉ email cá nhân: alan.kowalkowski@att.net.

Chỉ có điều Florence trong lúc vội vã đã không nhập chính xác địa chỉ này. Giả thiết của Marc là: Florence đã gõ alan.kowalkowsky@att.net.

Chữ y thay vì chữ i. Kowalkowsky thay vì Kowalkowski. Tại sao? Bởi vì chắc hẳn đó chính là lỗi viết đầu tiên nảy ra trong đầu cô. Trước hết, đây là lỗi thường xuyên xảy ra với dạng đuôi này. Hơn nữa, cô sống ở New York từ lâu và người Mỹ có xu hướng chuộng chữ y hơn đối với một số tên họ gốc Nga. Người Mỹ viết là Tchaikovsky, Dostoyevsky, Stanislavsky trong khi người nói tiếng Pháp chọn cách viết Tchaikovski, Dostoievski, Stanislavski. Chỉ có điều Kowalkowski chắc chắn là một cái tên gốc Ba Lan. Không phải Nga.

4.

— Anh biết kẻ giết hại Joyce là ai sao?

Cửa hàng bánh Knish Perlman's chìm trong không khí ẩm thấp, im lặng và mùi hành, mùi bạc hà lẫn mùi hành búi.

— Không, viên cảnh sát trả lời, mặt thản nhiên.

Tôi đặt lại câu hỏi:

— Thám tử Baresi này, anh đã không chờ đến lúc tôi đề nghị mới tra cứu lại cơ sở dữ liệu, đúng không?

Anh ta thờ dài.

— Chính vì thế mà tôi đến muộn, anh ta thừa nhận. May đã kể với tôi chuyện của anh và tôi phải thú nhận là nó đã khiến tôi bối rối.

Anh ta đưa mắt nhìn sang hướng khác và để mặc cho bầu không khí yên lặng trở lại. Tôi không còn ngồi yên được trên ghế. Rốt cuộc tôi cũng sắp được biết.

— Toàn bộ công việc đã được phòng thí nghiệm thực hiện mười năm trước, anh ta vừa giải thích vừa vẩy vẩy trước mắt tôi tài liệu trong đó đã xác định được trắc đồ di truyền. Tôi chỉ việc truy cập vào máy chủ CODIS và nhập dữ liệu.

— Và lần này thì đã có kết quả! - Tôi đoán.

Lại một tin nhắn SMS của Alan hiện lên trên màn hình điện thoại, nhưng tôi lờ đi. Baresi lấy ra từ trong túi áo sơ mi một tờ giấy gấp tư.

— Kẻ tình nghi của chúng ta đây.

Tôi giở tờ giấy và phát hiện đó là ảnh một người đàn ông có khuôn mặt to và vuông vức. Mái tóc cắt ngắn trên khuôn mặt giống như mặt chó bull. Gã khiến tôi thoáng nhớ đến Ernest Borgnine trong phim Tiểu đội trường giời.

— Gã tên là Blunt Liebowitz, Baresi nói thêm. Sinh ngày 13 tháng Tư năm 1964 tại Astoria thuộc quận Queens. Gã nhập ngũ, thuộc quân chủng bộ binh vào năm 1986 và ở đó đến tận năm 2002 mà không bao giờ vượt được lon trung úy. Đặc biệt, gã đã tham gia cuộc chiến đầu tiên ở Iraq và các chiến dịch của Mỹ ở Somalia.

— Thế còn sau khi gã giải ngũ thì sao?

— Tôi không đào sâu, nhưng, khi bị bắt cách đây bốn năm, gã đã nói mình đang đứng đầu một doanh nghiệp nhỏ trong ngành vệ sĩ riêng.

— Tên gã chưa từng xuất hiện trong cuộc điều tra về Joyce Carlyle.

— Không, không hề.

— Tại sao gã lại có trong cơ sở dữ liệu?

— Vì một tội nhẹ. Cảnh sát giao thông đã bắt gã tại Los Angeles vào năm 2012 vì lỗi lái xe trong tình trạng say rượu. Gã cao giọng đe dọa nhân viên cảnh sát đang thi hành nhiệm vụ. Gã đã bị giam một đêm, nhưng lại được tự do ra khỏi đồn cảnh sát.

— Không còn vụ kết án nào nữa sao?

— Theo tôi biết thì không.

Baresi đặt một tờ bạc trên bàn, lau miệng rồi đứng lên và cảnh báo tôi:

— Anh nghe cho rõ đây. Hẳn là anh có lý do để lôi vụ điều tra cũ rích này ra khỏi ngăn kéo, nhưng tôi không muốn biết những lý do đó đâu. Tôi đã cung cấp thông tin cho anh vì tôi nợ May một việc. Bây giờ, vụ này không còn liên quan đến tôi nữa. Hãy tự bới móc một mình và cố gắng đừng liên hệ lại với tôi nữa, hiểu chưa?

Không chờ tôi trả lời, anh ta quay ngoắt và đi ngang phòng. Tôi gọi với theo:

— Vậy là anh không quan tâm đến việc biết được sự thật?

Anh ta trả lời mà không quay đầu lại:

— Sự thật đó, tôi đã biết rồi. Và nếu anh không mù, có lẽ anh sẽ hiểu ra rằng nó đang nằm ngay trước mắt anh!

Trong lúc anh ta đi qua cửa, tôi suy ngẫm những lời anh ta vừa nói. Chính xác thì anh ta định nói gì với câu: “Sự thật đang nằm ngay trước mắt anh”?

Tôi cúi đầu, chăm chú đọc lại tất cả những thông tin mà anh ta vừa cung cấp liên quan đến gã Blunt Liebowitz. Tôi cáu điên vì bị viên cảnh sát vừa tự mãn vừa khó chịu kia coi là một thằng ngốc.

Rồi, đột nhiên, ánh mắt tôi nhìn vào tờ báo gấp lại đặt trên bàn. Và tôi hiểu ra.

Giống như tất cả các báo khác, tờ *The New York Times* dành cả trang nhất cho hội nghị bầu ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hòa. Trên bức ảnh chiếm phần lớn trang báo, ta thấy Tad Copeland, ứng cử viên của đảng này, đang lách giữa đám đông cùng với vợ. Ở phần hậu cảnh, ta nhìn thấy một người đeo tai nghe, hẳn là vệ sĩ của Copeland.

Đó là Blunt Liebowitz.

19

Tiểu sử

Wikipédia

[Trích]

TAD COPELAND

Để đọc những bài viết về các nhân vật trùng tên, xin xem Copeland (từ đồng âm).

Thaddeus David “Tad” Copeland, sinh ngày 20 tháng Ba năm 1960 tại Lancaster, Pennsylvania, là một chính khách Mỹ, đảng viên đảng Cộng hòa. ông là thị trưởng Philadelphia từ năm 2000 đến năm 2004 và là thống đốc Pennsylvania từ tháng Một năm 2005.

Học vấn và sự nghiệp

Xuất thân trong một gia đình bình dân (bố ông là chủ xưởng sửa chữa ô tô còn mẹ là nhân viên công tác xã hội), Tad Copeland tốt nghiệp khoa Luật thuộc Đại học Luật Philadelphia vào năm 1985.

Sau khi tốt nghiệp đại học, ông làm việc cho văn phòng luật nổi tiếng Wise & Ivory. Chính ở đó, ông đã gặp người vợ tương lai, Carolyn Ivory, con gái của Daniel Ivory, một trong những người đồng sáng lập văn phòng. Sau khi kết hôn vào năm 1988, Tad Copeland rời văn phòng luật của bố vợ và trở thành giảng viên môn luật hiến pháp, đầu tiên là ở trường Luật Cornell tại Ithaca, sau đó là ở Philadelphia tại trường Đại học Pennsylvania danh giá. Song song với công việc giảng dạy, ông thành lập Take Back Your (TBY), một tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của trẻ vị thành niên trong khu Đông Bắc Philadelphia.

Copeland tiến hành các hoạt động đáng chú ý trong lĩnh vực giáo dục, nhà ở và chống nghiện hút. Đặc biệt, ông đã thuyết phục tòa thị chính tiến hành một chiến dịch thông tin rộng lớn nhằm chống lại tình trạng mang thai sớm ở trẻ vị thành niên và lôi kéo thanh niên đăng ký tham gia bầu cử.

Thị trưởng Philadelphia

Vào năm 1995, ông được bầu vào hội đồng thành phố Philadelphia, đại diện cho khu Đông Bắc, trở thành một trong những đảng viên đảng Cộng hòa hiếm hoi trong tổ chức đa phần là người của đảng Dân chủ này.

Rất được lòng dân chúng trong một số khu, ông đã kết nối được với một số đồng minh, và trước sự ngạc nhiên chung của dư luận, các mối liên kết này đã giúp ông được bầu làm thị trưởng Philadelphia vào năm 2000. Nhiệm kỳ đầu tiên của ông được đánh dấu bằng việc tái cân bằng tài chính, giảm các khoản thuế do tòa thị chính quy định và hiện đại hóa cơ chế vận hành của các cơ sở dạy học trong thành phố.

Copeland thiết lập các mối quan hệ đối tác giữa chính quyền thành phố và lĩnh vực tư nhân để triển khai một kế hoạch tái định cư rộng lớn ở khu vực trung tâm thành phố. Dựa theo mô hình thử nghiệm “không khoan nhượng” ở New York, ông tiến hành một cuộc cải cách phi thường hệ thống cảnh sát của thành phố để chống lại tình trạng phạm tội.

Ông cũng là người khởi xướng dự án Rail Park, một hành lang sinh thái xanh cho hơn năm kí lô mét đường cải tạo lại từ những tàn tích của một tuyến đường sắt cũ.

Âm mưu ám sát

Năm 2003, khi đang thực hiện chiến dịch vận động cho nhiệm kỳ tiếp theo, Copeland đã trở thành nạn nhân của một âm mưu ám sát trong lúc rời khỏi đại bản doanh. Một kẻ mất cân bằng tâm lý năm mươi ba tuổi, Hamid Kumar, đã khai hỏa và bắn nhiều phát về phía ông. Hai phát trong số đó đã trúng thị trưởng. Một viên chọc thủng phổi, viên kia xuyên qua bụng dưới.

Được đưa đến bệnh viện trong tình trạng nghiêm trọng, Copeland mất nhiều tháng mới hồi phục được sau khi bị thương, chúng khiến ông bị lỡ nhiệm kỳ thứ hai, nhưng mang lại cho ông sự ủng hộ của dư luận, vốn là người ủng hộ kiểm soát vũ khí nóng, lòng tin của Copeland lại càng được củng cố sau sự kiện này.

Thống đốc Pennsylvania

Vào tháng Mười một năm 2004, nhờ có sự ủng hộ của đông đảo dân chúng, ông hạ bệ thống đốc hết nhiệm kỳ thuộc phe Dân chủ và được bầu làm thống đốc bang Pennsylvania. Ông đảm nhận chức vụ từ tháng Một năm 2005 và xác định vị trí cho mình bằng một chương trình bình ổn thuế. Một số khoản chi tiêu bị cắt để phục vụ cho giáo dục, xây nhà hưu trí và nhất là để tiến hành công cuộc cải tổ bảo hiểm y tế, cho phép người dân Pennsylvania được thụ hưởng một trong những hệ thống bảo hiểm y tế phổ cập hiểm hoi và hoàn thiện nhất ở Mỹ.

Ông dễ dàng tái đắc cử vào tháng Mười một năm 2008 và năm 2012.

Những nhiệm kỳ tiếp theo của ông kéo dài và khắc họa thêm hình ảnh một nhà cải cách và một chính khách thực dụng. Copeland cũng thể hiện mình là người bảo vệ môi trường khi ông cho bỏ phiếu để thông qua một loạt văn bản nhằm đẩy mạnh việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của bang.

Vào tháng Mười hai năm 2014, ông được xếp hạng là thống đốc được lòng dân đứng thứ sáu trong cả nước, với tỷ lệ ủng hộ trên 65%.

Tham vọng làm tổng thống

Mặc dù rất được lòng dân chúng địa phương, Copeland chưa bao giờ có được vị thế của một ứng cử viên đương nhiên đại diện cho đảng Cộng hòa trong cuộc tranh cử tổng thống.

Ủng hộ phá thai, ủng hộ hôn nhân đồng giới và kiểm soát chặt chẽ hơn các loại vũ khí nóng, đường hướng chính trị mà ông bảo vệ tỏ ra quá ôn hòa để có thể đạt được sự ủng hộ nền tảng trong đảng của mình.

Tuy nhiên, một số nhà phân tích chính trị vẫn nhận xét rằng việc ông được lòng một bộ phận cử tri có truyền thống ít ủng hộ các đảng viên đảng Cộng hòa - người Mỹ La tinh, phụ nữ và thanh niên - sẽ biến ông thành một ứng cử viên vòng hai sáng giá trong viễn cảnh các cuộc bầu cử tổng thống sắp tới.

Từ năm 2014 đến 2015, trong tất cả các điều tra liên quan đến những ứng cử viên tiềm năng dẫn đầu của đảng Cộng hòa, Copeland chưa bao giờ đạt được quá 3% ý định bầu.

Những kết quả này không ngăn cản ông tiếp tục nuôi tham vọng, bởi vì, ngày 1 tháng Chín năm 2015, ông chính thức lao vào cuộc đua giành chức tổng thống trong năm 2016.

[...]

Đời sống riêng

Vợ ông, Carolyn Ivory, xuất thân từ một gia đình thuộc phe Dân chủ lâu đời ở Pennsylvania. Sau khi trở thành luật sư, bà là trợ lý thứ nhất của Chương lý quận phía Tây Pennsylvania.

Kết hôn từ ngày 3 tháng Năm năm 1988, hai người có một con trai, Peter, sinh viên ngành y tại trường Đại học Johns-Hopkins, và một con gái, Natasha, sinh viên trường Cao đẳng Nghệ thuật Hoàng gia Luân Đôn.

Alan và các muckracker

*Bất kỳ người nào
cũng có ba cuộc
sống. Cuộc sống
công khai, cuộc
sống riêng tư và
cuộc sống bí mật.*

**Gabriel GARCÍA
MÁRQUEZ**

1.

Miền Trung Tây nước Mỹ

Trước khi rời khỏi quán ăn và tiếp tục lên đường, Marc Caradec thanh toán tiền đồ xăng và gọi thêm một cốc bia. Trên radio, Van Morrison đã nhường chỗ cho Bob Dylan đang hát Sara, một trong những tác phẩm ưa thích của ông. Ông nhớ hồi đó đã mua đĩa hát ấy: vào giữa những năm 1970, album Desire, ngay trước khi nam ca sĩ ly hôn với vợ, nàng Sara trở danh trong bài hát. Trong bài này, Dylan gọi lên những kỷ niệm, đóng khung những thời khắc nhớ nhung trong loạt câu từ đầy thơ mộng: một đụn cát, bầu trời, những đứa trẻ chơi đùa trên bãi biển, một cô gái được yêu mà ông ví như “viên đá quý rực rỡ”. Đoạn cuối bài hát ủa tàn hơn: nỗ lực hòa giải đã thất bại. Trên bãi biển vắng vẻ chỉ còn một con tàu bị han gỉ gặm nhấm.

Câu chuyện đời ông.

Câu chuyện của mọi cuộc đời.

— Ông không muốn nếm thử món chính ngày hôm nay sao? cô nàng phục vụ vừa hỏi vừa đặt trước mặt Marc chai bia mà ông đã gọi.

Đó là một “cô gái trẻ” không còn trẻ lắm mà khách quen gọi là Ginger. Cô có mái tóc ngắn, nhuộm màu đỏ, và hai cánh tay có hình xăm giống như cánh tay của một *biker* [29].

— Cô đề xuất món gì? ông hỏi lấy lệ.

— Ước gà ướp thảo mộc và khoai tây nghiền tỏi.

— Tôi sẽ bỏ qua lượt của mình, cảm ơn cô.

— Giọng ông nghe rất gọi cảm, ông từ đâu đến vậy? cô hỏi.

— Paris.

— Tôi có một cô bạn đi tuần trắng mặt ở đó đứng dịp bị khủng bố, cô thốt lên. Đáng sợ thật...

Caradec không bắt chuyện. Mỗi lần có người nhắc đến chủ đề này trước mặt ông, ông lại muốn nhắc đến câu nói của Hemingway: “Paris luôn đáng để bạn đến với nó, và bạn luôn nhận lại điều gì đó để đáp lại thứ bạn đã mang lại cho nó.”

— Điều gì đã đưa ông đến Fort Wayne, Indiana vậy? Ginger hỏi tiếp khi thấy ông không bắt chuyện.

— Một vụ án cũ. Tôi là cảnh sát.

— Và ông điều tra về chuyện gì?

— Tôi đang tìm một người đàn ông. Một người có tên là Alan Kowalkowsky. Tôi nghĩ chắc ông ta sống trong một trang trại cách xa đây một chút.

Ginger gật đầu.

— Ờ, tôi biết gã Alan khốn kiếp đó. Chúng tôi học cùng trường. Ông muốn gì ở anh ta?

— Tôi chỉ hỏi vài câu thôi.

— Sẽ khó cho ông đấy.

— Tại sao vậy?

— Bởi vì anh ta đã chết được mười năm rồi, cô ta lãnh đạm buông lời.

Marc sẵn sàng chịu trận. Ông muốn hỏi lại Ginger để biết rõ thêm, nhưng cô phục vụ đã bị những khách hàng khác gọi đi mất.

Chết tiệt.

Thông tin về cái chết đó khiến giả thiết của ông phức tạp hơn, nhưng không bác bỏ được nó. Marc vẫn nghĩ rằng email của Florence Gallo đã hạ cánh vào một hộp thư có tồn tại. Mặc dù không biết nhiều về tin học, nhưng ông lại có cả kho lương tri. Trong quán hầu, ông đã nảy ra ý tưởng tra danh bạ điện thoại trên mạng và có điều gì đó đã gây ấn tượng với ông. Ngoài danh sách đỏ, trên toàn bộ lãnh thổ nước Mỹ, có hàng trăm người mang họ Kowalkowski nhưng chỉ có bốn người mang họ Kowalkowsky, và một trong số đó tên là Alan, sống tại đây, ở ranh giới giữa Ohio và Indiana!

Từ khi phát hiện ra điều này, một ý nghĩ lặp đi lặp lại dai dẳng đã khắc sâu vào óc ông: thế nếu chính ông ta là người đã nhận được email của Florence? Một vụ nhầm lẫn tương tự cũng đã xảy ra với bản thân ông, hai năm trước. Một buổi sáng, ông thấy trong hộp thư của mình những bức ảnh trơ trẽn kèm theo bức thư khá đậm dục do một cô gái tên là Marie gửi cho người gần như trùng tên với ông, một gã Marc Karadec nào đó sống ở Toulouse và cũng có cùng nhà cung cấp đường truyền Internet với ông.

Một ngụm bia mát để suy nghĩ cho rõ ràng. Và một câu hỏi mới: nếu như gã Alan Kowalkowsky đó đã chết, thì giải thích thế nào về việc số điện thoại của anh ta vẫn tồn tại trong danh bạ?

Marc ra hiệu để gọi Ginger, nhưng cô thích nán lại với một gã trai trẻ đang sẫm soi chiếc cổ áo trễ vai của mình hơn. Marc thở dài rồi lấy ra tờ hai mươi đô la và vẫy về phía cô.

— Ông đừng tưởng có thể mua được tôi, Ginger buông lời rồi chạy lại để nhét tờ giấy bạc vào túi.

Caradec bắt đầu cảm thấy chóng mặt. Ông chớp mắt và hít một hơi dài. Đột nhiên, mọi thứ ở nơi này đều khiến ông buồn nôn: mùi chiên rán, khung cảnh thô tục, vẻ khốn khổ của những người gắn chặt vào cái quầy như thể đó là chân trời duy nhất của họ.

— Nói với tôi về Alan đi, ông bảo. Anh ta là chủ trang trại à?

— Đúng thế, anh ta có một trang trại nhỏ và điều hành nó cùng với vợ là Helen.

— Cô biết vì sao anh ta chết không?

— Anh ta tự sát. Một chuyện kinh khủng. Tôi không muốn nói đến chuyện đó.

Marc nheo mắt để đọc dòng chữ xăm trên ngực cô nàng phục vụ: “We live with the scars we choose”^[30]. Không hoàn toàn sai, nhưng không đơn giản đến thế.

Rồi ông lấy ra một tờ bạc khác mà Ginger nhét ngay vào túi quần jean.

— Alan chỉ có một niềm đam mê trong đời là săn hươu, và anh ta đi săn bất cứ lúc nào có cơ hội. Thông thường, anh ta bắt con trai đi cùng, mặc dù thằng bé chẳng thích việc đó cho lắm. Con trai anh ta tên là Tim. Một thằng bé tuyệt vời. Kiểu con trai khiến ông phải tiếc nuối vì không có con ấy.

Ánh mắt Ginger nhìn hút vào mông lung trong vài giây trước khi quay trở lại với câu chuyện.

— Một buổi sáng, cách đây mười năm, Tim đã từ chối đi theo bố, nhưng một lần nữa, Alan ra sức nài nỉ. Anh ta bảo rằng, nhờ săn bắn, con trai anh ta sẽ trở thành đàn ông. Toàn những chuyện ngu ngốc, ông biết đấy...

Marc gật đầu đồng ý.

— Hai bố con vẫn tiếp tục tranh cãi trong rừng, cho đến tận một đoạn đường cụt. Lần này, Tim đã đương đầu với bố và nói toạc ra suy nghĩ của mình. Trong khi con trai quay ngược đường để về trang trại, Alan tiếp tục theo dấu con mồi mà anh ta đã bám theo nhiều giờ liền. Đến một lúc, anh ta tưởng nghe thấy tiếng con hươu trong một bụi rậm và đã bắn đại. Ông đoán được đoạn sau rồi đấy.

Sững sờ trước một hình dung khủng khiếp, Marc lúng búng:

— Anh ta đã... bắn phải con trai mình sao?

— Ờ. Mũi tên bắn ra từ cái nỏ đã xuyên thủng ngực thằng bé ở đúng vùng tim. Tim chết gần như ngay lập tức. Thằng bé mười bốn tuổi. Alan

không thể chịu đựng nổi. Anh ta tự bắn mình bằng súng trường ngay hôm sau ngày chôn cất con trai.

Marc thở dài thành tiếng.

— Chuyện tệ quá, chết tiệt thật. Còn vợ anh ta thì sao?

— Helen ư? Cô ấy vẫn ở trang trại. Trước khi thảm kịch xảy ra, cô ấy vốn đã là một người kỳ lạ, đơn độc, trí thức. Từ hồi đó trở đi, cô ấy trở nên hoàn toàn mất trí. Cô ấy để mặc cho công việc làm ăn ở trang trại lụi tàn, sống sa lầy, say xỉn từ sáng đến tối...

— Cô ấy làm gì để sống?

Ginger nhổ bã kẹo cao su vào thùng rác.

— Ông muốn nghe sự thật chứ?

— Đã đến nước này thì...

— Trong vài năm, cô ấy làm gái. Với đám đàn ông trong vùng muốn xả bớt, thì ghé qua nhà vợ góa của Kowalkowsky là một giải pháp tiện lợi.

Marc nhìn ra phía cửa. Thật quá lắm rồi. Ông phải rời khỏi nơi này.

— Nếu ông muốn nghe ý kiến tôi, Ginger nói tiếp, thì hiện giờ hẳn là cô ấy không nhiều việc lắm đâu. Kể cả những gã đàn ông thiếu gái cũng không sẵn lòng ngủ với xác chết.

2.

New York

Alan Bridges đang tức giận.

— Anh làm trò quái gì thế hả, Raphaël? Tôi chờ anh hơn một tiếng đồng hồ rồi đấy!

— Tôi rất tiếc. Tôi sẽ giải thích với ông sau.

Ở tầng trên cùng tòa nhà Flatiron, văn phòng của Alan đã biến thành một đại bản doanh trong thời điểm khủng hoảng: người ta đã dính những bức ảnh cũ lên một tấm bảng ghim, ghi ngày tháng lên một tấm bảng mica hiệu Velleda, tháo dỡ những thùng các tông đựng đầy sách. Trên tường, ba màn hình tháo rời được đang kết nối Wi-Fi với máy tính xách tay của hai

phóng viên trẻ thuộc #WinterSun. Alan giới thiệu với tôi hai trợ lý của ông một cách chính thức hơn, những người tôi đã gặp ban sáng:

— Christopher Harris và Erika Cross. Tất cả mọi người ở đây đều gọi họ là Chris & Cross.

Cross là một cô gái xinh đẹp có mái tóc hung lượn sóng đổ trên bờ vai, còn Chris là một anh chàng gầy gò bé nhỏ, lặng lẽ, có dáng vẻ đồng tính và ánh mắt trốn tránh. Đằng sau bức tường kính, đội ngũ muckracker đang vò đầu bứt tai, đa số các phóng viên đã đến Vườn hoa Quảng trường Madison để theo dõi đoạn kết của hội nghị bầu ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hòa.

Alan lên tiếng, giọng nghiêm trọng:

— Tôi đã nghi ngờ những gì cậu kể với tôi, nhưng tôi đã nhầm.

Ông chỉ vào đồng thùng các tông đặt dưới đất.

— Chúng tôi đã làm theo lời khuyên của cậu: đến lục trong kho đồ đạc của Joyce Carlyle và có chuyện rất lạ đã khiến chúng tôi chú ý.

Ông cầm một cuốn sách trên bàn làm việc và đưa cho tôi. Cuốn sách có tiêu đề là ứng cử viên khác thường, một cuốn tiểu sử của Tad Copeland.

— Xuất bản vào cuối năm 1999, trong chiến dịch tranh cử đầu tiên của Copeland vào chức thị trưởng Philadelphia, ông giải thích. Cuốn sách này được xuất bản bằng chi phí của chính tác giả, với số lượng in khiêm tốn là năm trăm cuốn. Đây là loại sách chính trị tô hồng tiểu sử phi lợi nhuận, được bán chủ yếu ở nơi các ứng cử viên thường xuyên hoạt động và trong các buổi họp của họ.

Tôi đọc tên tác giả:

— Pepe Lombardi?

— Một phóng viên kiêm nhiếp ảnh gia cũ của *Philadelphia Investigator*, một tờ báo lá cải địa phương. Gã này đã đi theo Copeland ngay từ hồi sự nghiệp chính trị của ông ta bắt đầu, khi ông ta mới chỉ là ủy viên hội đồng thành phố.

Tôi lật giở cuốn sách, rồi mở đến trang có bức ảnh đặt chính giữa được đánh dấu bằng một tờ giấy nhớ.

— Cậu có nhận ra bà ấy không?

Hai bức ảnh được chụp từ hồi cuối những năm 1980 (theo như chú thích thì một bức được chụp vào tháng Mười một năm 1988 và bức kia vào tháng Ba năm 1989). Trong ảnh là Joyce và Tad trong văn phòng của Take Back Your Philadelphia, tổ chức mà Copeland đã lập ra trước khi xuất hiện trên chính trường. Hồi đó, mẹ của Claire thật rạng rỡ, trẻ trung, linh hoạt. Thân hình mảnh mai, đường nét thanh tú và đều đặn, hàm răng trắng bóng, đôi mắt to màu xanh hạnh nhân. Rõ ràng rất giống Claire.

Hai bức ảnh thể hiện rõ mồn một mối đồng cảm giữa hai người, nhưng tôi vốn nghi ngờ những bức ảnh.

— Chúng tôi đã tiến hành điều tra, Alan nói tiếp. Joyce đã làm việc cho TBY trong gần một năm, lúc đầu là tình nguyện viên, sau đó là nhân viên.

— Ông đã rút ra được kết luận gì?

— Anh có mù không vậy? Ông ta đã xơi tái bà ấy hoặc có ý định xơi tái bà ấy, Cross tuyên bố với tôi bằng giọng có chút nữ tính. Thứ này khiến tôi nghĩ đến những bức ảnh của Clinton và Lewinsky. Cách họ vai kề vai kia sặc mùi tình dục, đến cả mười dặm xung quanh cũng ngửi thấy.

— Đây chỉ là những bức ảnh, tôi phản bác. Ta có thể nói bất cứ điều gì về chúng, các ông biết rõ như thế còn gì.

— Chờ đoạn tiếp theo đi, cô nàng tóc hung nói tiếp. Chúng tôi đã lần ra dấu vết Pepe Lombardi trong một nhà hưu trí ở Maine. Bây giờ ông ấy đã chín mươi tuổi, nhưng vẫn còn rất minh mẫn. Tôi vừa gọi cho ông ấy cách đây 1 một giờ. Ông ấy kể với tôi rằng vào năm 1999, mười ngày sau khi xuất bản cuốn sách, Zorah Zorkin, giám đốc điều hành chiến dịch của Copeland đã mua lại toàn bộ số sách tồn kho cũng như phim chụp các bức ảnh của ông ấy.

— Với lý do gì?

Alan lại lên tiếng:

— Lý do chính thức là ứng cử viên yêu thích cuốn sách đến mức muốn tái bản lần nữa với lời tựa do chính ông ta viết.

— Và cuốn sách không bao giờ được tái bản, tôi đoán.

— Có chứ, đúng là nó có được tái bản! Thậm chí nó còn được biên tập lại nhiều lần, nhưng trong những bản in lại, hai bức ảnh có mặt Joyce đã biến mất.

Tôi đóng vai luật sư bào chữa cho quý dữ:

— Có cả ngàn lý do giải thích điều đó. Chính ông cũng đã nói: nếu những bức ảnh này đáng nghi ngờ, thì không có gì là không bình thường khi một chính khách tìm cách làm chúng biến mất khỏi cuốn tiểu sử của mình. Nhất là khi ông ta đã kết hôn.

— Chỉ có điều chuyện không chỉ dừng ở đó, Alan đảm bảo và quay sang phía Chris & Cross.

Cô nàng tóc hung rực lửa giải thích:

— Chúng tôi đã lục lọi đôi chút trong các góc ngách của mạng Internet, đặc biệt là các trang bán sách cũ. Mỗi khi xuất hiện một bản sách gốc, chẳng hạn như trên Amazon hoặc eBay, nó được mua lại gần như ngay lập tức bằng một khoản tiền lớn.

— Ai mua?

Cô nhún vai.

— Khó mà biết được chính xác, nhưng không quá khó để đoán ra.

Lần đầu tiên, anh chàng Chris đồng tính nhút nhát dè dặt lên tiếng:

— Còn một chuyện khác nữa. Hồi đó, một số hãng truyền thông và thư viện thành phố ở Pennsylvania đã mua cuốn tiểu sử đó. Tôi đã liên hệ được với vài thư viện. Họ có tìm thấy dấu vết cuốn sách trong catalogue trực tuyến, nhưng cụ thể thì nó không hề có mặt trên các kệ sách. Hoặc nó đã bị mất, hoặc đã được mượn và không bao giờ được trả lại.

Bằng một cái gật đầu, Alan yêu cầu hai trợ lý ra ngoài. Ông chờ đến khi chỉ còn hai chúng tôi trong phòng mới nói thẳng thừng:

— Thôi, chúng ta sẽ không vòng vo nữa, Raphaël ạ. Sở dĩ Copeland phải vất vả đến thế để làm biến mất những bức ảnh này, thì không chỉ vì ông ta đã có cuộc phiêu lưu tình ái với Joyce Carlyle, mà chủ yếu là vì ông ta là bố của Claire. Mọi chuyện đều trùng khớp: thời gian giả định ông ta có quan hệ với Joyce, việc cô bé là con lai...

— Tôi từng nghĩ đến điều đó, tất nhiên, đó là một khả năng.

— Ngược lại, điều khiến tôi ngạc nhiên, đó là anh khẳng định rằng Florence điều tra về Joyce và Copeland chỉ ít lâu trước khi cô ấy chết.

— Tại sao?

— Florence và tôi có cùng suy nghĩ về cuộc sống riêng của các chính khách: chúng tôi không quan tâm đến cuộc sống đó. Chúng tôi cho rằng báo chí hiện nay đang chết dần chính là vì chủ nghĩa thị dân đạo đức giả đó. Tôi không quan tâm đến việc tổng thống tương lai của Hoa Kỳ có thể từng phiêu lưu tình ái cách đây hai mươi năm. Theo quan điểm của tôi, chuyện đó không làm mất tư cách của ông ta trong việc lãnh đạo đất nước.

— Chờ đã, Alan, ông chưa hiểu rồi: tôi nghĩ là hồi đó, chính Joyce đã có ý định tiết lộ rằng Copeland, tân thống đốc Pennsylvania, là cha của con mình.

— Nếu bà ấy muốn được nổi tiếng, thì tại sao lại phải chờ lâu đến thế?

— Bởi vì con gái bà ấy vừa bị bắt cóc và việc điều tra đang giậm chân tại chỗ. Dù sao đó cũng là việc tôi sẽ làm nếu ở vào địa vị bà ấy: truyền thông quá mức về vụ đó với hy vọng người ta sẽ tìm lại con gái cho mình.

Căn phòng chợt yên ắng.

— Ý anh là gì, Raphaël?

— Ý tôi là chắc chắn Tad Copeland đã giết, hoặc cho người giết tình cũ của mình.

21

Mùa đau buồn

*Tối nay, váy em vẫn
còn ngát mùi
hương... Hãy hít thở
mùi kỷ ức ấy trên
người em...*

**Marceline
DESBORDES-
VALMORE**

1.

Miền Trung Tây nước Mỹ

Mặt trời thấp những tia lửa cuối cùng khi Caradec đến nhà bà góa Kowalkowsky.

Cơ ngơi chính là một ngôi nhà to bè hai tầng. Một trang trại điển hình của miền Trung Tây nước Mỹ giống như hàng trăm trang trại ông từng nhìn thấy khi đi ngược từ Columbus đến tận Fort Wayne. Nhưng thứ Marc không thấy ở đâu khác và tạo nên nét đặc biệt của cơ ngơi này, đó là cái kho. Một kho chứa ngũ cốc với mặt tiền đỏ thẫm và mái màu trắng có hình vòng cung nhọn, vóc dáng đồ sộ của nó nổi bật trên nền trời vàng rực.

Marc bước về phía ngôi nhà, dán mắt nhìn vào cái cổng đã bong sơn kéo dài hết cả mặt tiền. Ông trèo lên ba bậc thềm dẫn đến cửa ra vào. Hẳn là do trời nóng, cánh cửa mở để lộ một tấm màn chắn muỗi đang đung đưa trong làn gió nóng. Marc kéo tấm rèm bằng vải mỏng và lên tiếng:

— Chị Kowalkowsky!

Ông gõ vào cửa kính và sau khi chờ chừng một phút, ông quyết định bước vào trong nhà.

Cửa chính dẫn thẳng vào phòng khách, một căn phòng tỏa ra mùi hoang vắng: những bức tường cũ kỹ, lớp giấy dán tường đã bong tróc, thảm trải sàn đã sờn, đồ đạc vá víu.

Nằm co quắp trên chiếc xô pha vải màu xanh hạnh nhân là một phụ nữ đang ngủ. Dưới chân cô là một chai rượu gin nửa lít loại rẻ tiền rỗng không.

Marc thở dài và lại gần Helen Kowalkowsky. Do tư thế nằm, ông không nhìn thấy mặt cô. Nhưng khuôn mặt cô cũng chẳng có gì quan trọng. Người phụ nữ này chính là ông. Một biến thể của ông: một sinh vật bị nỗi đau buồn bẽ gãy không thể nào trỗi lên từ đáy màn đêm được nữa.

— Chị Kowalkowsky, ông thì thầm và khẽ lay vai cô.

Phải nhiều phút sau nữ gia chủ mới thức dậy. Cô làm việc đó một cách uể oải, không giật mình cũng không ngơ ngác. Cô đang ở nơi khác. Trên một địa hạt không gì có thể vươn tới.

— Tôi rất tiếc vì làm phiền chị.

— Ông là ai? - Cô vừa hỏi vừa cố đứng dậy. Tôi báo trước là ở đây chẳng có gì để lấy cắp đâu, kể cả cuộc đời tôi.

— Tôi là đối thủ của kẻ cắp. Tôi là cảnh sát.

— Ông đến để bắt tôi sao?

— Không, thưa chị. Tại sao tôi lại đến bắt chị chứ? Helen Kowalkowsky loạng choạng rồi lại ngã ngời xuống xô pha. Bảo rằng cô đang không ở trong tình trạng bình thường là một cách nói lái. Say rượu là cái chắc. Thậm chí có thể còn hơi phê thuốc. Mặc dù vẻ bề ngoài của cô lúc này - cô chỉ còn da bọc xương, khuôn mặt hốc hác và hai quầng mắt xám ngoét vẫn có thể đoán rằng trước đây cô từng là một cô gái xinh xắn: vóc dáng thanh mảnh, mái tóc màu tro, đôi mắt sáng.

— Tôi sẽ pha trà, thứ đó tốt cho chị đấy, được không? Caradec đề nghị.

Không có câu trả lời. Viên cảnh sát thấy bối rối khi phải mặt đối mặt với bóng ma này. Nhưng để đề phòng các bóng ma trỗi dậy và không muốn

bị bất ngờ, ông kiểm tra lại để chắc chắn là không có vũ khí rõ ràng nào trong phòng khách rồi bước vào bếp.

Đó là một phòng có những vách kính lốm đốm vết bẩn nhìn ra một cánh đồng cỏ mọc ngập đầu. Bát đĩa bẩn chất đống trong chậu rửa. Tủ lạnh gần như rỗng không ngoại trừ một hộp trứng và ngăn lạnh chứa đầy những be rượu gin. Trên bàn là những lọ thuốc: Valium, thuốc ngủ và thuốc hỗ trợ. Marc thở dài. Ông đã quá quen với tình cảnh này. Từ lâu, chính ông cũng qua lại mảnh đất không người này - địa ngục thật sự trên trái đất – nơi đang vất vưởng những người không còn chịu đựng nổi cuộc sống, nhưng vì nhiều lý do khác nhau mà không kiên quyết từ bỏ nó vĩnh viễn được.

Ông đặt nước lên đun và chuẩn bị pha trà với những thứ tìm được: chanh, mật ong và quế.

Khi Marc quay lại phòng khách, Helen vẫn ngồi trên xô pha. Marc đưa cho cô cốc nước chanh nóng. Ông mở miệng nhưng rồi lại đổi ý. Giải thích cho người phụ nữ này hiểu ông làm gì ở nhà cô lúc này có vẻ là một nhiệm vụ không thể vượt qua. Helen đã nhấp môi vào cốc và uống từng ngụm rất nhỏ. Đôi mắt trống rỗng, lưng còng xuống, vừa ủ rũ vừa mệt mỏi, cô chính là hình ảnh của ngôi nhà: úa tàn, bất động, khô héo. Caradec nghĩ đến những hình mẫu bị tra tấn của họa sĩ Egon Schiele, đến khuôn mặt bệnh tật của họ, nước da vàng vọt biến họ thành những sinh vật chết thì đúng hơn là sống.

Cảm thấy khó chịu trong căn nhà tắm tối, Marc kéo màn và mở cửa phòng khách cho thông gió. Rồi ông đưa mắt nhìn vào giá sách, nhận ra vài cuốn mà chính ông từng yêu thích và không nghĩ lại tìm thấy chúng ở đây, trong một trang trại heo hút ở tận cùng Ohio: Pat Conroy, James Lee Burke, John Irving, Edith VWharton, Louise Erdrich. Thậm chí cả một bản Thơ thị giác của Apollinaire do Tạp chí Đại học California xuất bản!

— Đây là thi sĩ mà tôi thích nhất, ông vừa nói vừa cầm lấy cuốn sách.

Nghe câu nói của ông, khuôn mặt Helen dường như hoạt bát hơn. Bằng thứ tiếng Anh bập bõm của mình, Caradec tiếp tục tạo dựng niềm tin ở cô, kể với cô về Apollinaire, những bài thơ gửi Lou, Chiến tranh Thế giới, chính ông nội ông đã chết trên chiến trường, dịch cúm Tây Ban Nha,

Élise vợ ông là chuyên gia về thời kỳ đó, ông gặp bà ra sao, bà đã dẫn dắt và khơi gợi ông đến với nghệ thuật như thế nào.

Khi ông nói xong, mặt trời đã lặn, căn phòng chìm trong bóng tối. Và điều kỳ diệu đã xảy ra. Đến lượt Helen buông ra với ông vài mẩu chuyện về mình: chuyện một cô học trò giỏi thường xuyên phải bỏ học để giúp đỡ bố mẹ, một nữ sinh đầy hứa hẹn nhưng kết hôn quá sớm với nhầm người, một người vợ với cuộc sống hằng ngày vất vả nhưng được chiếu sáng bởi sự ra đời của cậu con trai, Tim, niềm hạnh phúc duy nhất của cô trong cuộc sống ngoài những cuốn sách. Rồi miệng cống mở ra cùng với cái chết của Tim và những năm tháng đen tối tiếp theo đó.

Trước khi bước cả hai chân xuống mồ, người ta không bao giờ chết hẳn, Marc nghĩ khi nhìn cô. Tất nhiên, xưng tội với một người xa lạ luôn dễ dàng hơn, nhưng Helen nói như thể cô đã không còn trò chuyện với bất cứ người nào từ rất lâu rồi. Khi im lặng trả lại, cô vuốt tóc bằng những ngón tay thon dài chẳng khác nào một nàng công chúa sau một đêm say rượu. Caradec nhân dịp đó để cất tiếng:

— Sở dĩ tôi ở đây là do yêu cầu của một vụ điều tra.

— Tôi cũng không nghĩ ông từ Paris đến đây chỉ vì đôi mắt đẹp của tôi, Helen nhận xét.

— Chuyện này vừa rất đơn giản lại vừa rất phức tạp, Caradec trả lời. Một chuyện xảy ra từ mười năm trước đã phá hủy cuộc sống của nhiều người và có thể cô đang gián tiếp nắm giữ chìa khóa của nó.

— Nói cho tôi biết thêm đi, cô yêu cầu.

Caradec liền kể lại cuộc điều tra của ông và Raphaël, từ khi Claire mất tích. Biểu hiện của Helen biến đổi chậm chậm, nhưng thực sự rõ ràng. Đôi mắt cô sáng lên, hai vai cô vươn thẳng. Toàn bộ những điều này sẽ không kéo dài, cả hai người cùng biết như thế. Ngay ngày mai, cô sẽ lại chìm vào dòng sông rượu gin và vodka và sẽ chết đuối trong đám sương mù của các loại thuốc. Nhưng tối nay, một lần nữa trí óc cô sáng suốt và sắc bén. Dù sao cũng đủ khả năng để nghe toàn bộ câu chuyện về “cô gái Brooklyn” cùng những tình tiết quanh co xung quanh nó. Đủ để câu hỏi duy nhất mà cô đặt ra sau lời kể của Marc nhuộm vẻ tình nghich:

— Vậy là, nếu tôi không nhầm, ông đã đi cả ngàn cây số từ New York đến đây bởi vì ông đang tìm kiếm một email gửi nhầm vào hộp thư của chồng tôi, cách đây mười một năm?

— Đúng thế, chính xác là vào ngày 25 tháng Sáu năm 2005, Caradec trả lời, nhưng tôi biết rõ rằng khi kể lại mọi chuyện như thế này thì nghe có vẻ rất vô lý.

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, Helen Kowalkowsky dường như lại rơi vào con đờ đẫn rồi bỗng hồi tỉnh và sắp xếp lại suy nghĩ trong đầu.

— Từ khi dọn đến đây vào năm 1990, chúng tôi có một đường dây điện thoại đăng ký dưới tên Alan. Tôi vẫn giữ nó sau khi anh ấy chết, điều đó giải thích tại sao ông lại dò được đến tận đây nhờ vào những trang trắng. Với mạng Internet cũng thế: chúng tôi đã đăng ký một số thuê bao bằng tên chồng tôi, nhưng chủ yếu là để cho con trai tôi vui. Alan chẳng biết gì về tin học cả. Tim mới là người dùng hộp thư và kết nối mạng.

Marc hy vọng trở lại. Sự thật nằm ở đây, trong căn nhà này. Ông cảm thấy điều đó, ông biết điều đó.

— Nếu Tim nhận được một email lạ, liệu cháu có nói với anh chị không?

— Không, bởi vì chuyện đó có thể sẽ khiến tôi lo lắng, và nó luôn tìm cách để tôi không phải lo lắng.

— Liệu cháu có nói với bố không?

Im lặng nặng nề.

— Nhìn chung, Tim tránh phải nói chuyện với bố.

— Tài khoản đó vẫn còn hoạt động chứ?

Helen lắc đầu.

— Tôi không còn kết nối Internet từ khi con trai tôi chết. Vậy là địa chỉ đó không còn tồn tại từ gần mười năm nay

Lần này, Marc chịu trận. Những nỗi ngờ vực len lỏi trong tâm trí ông.

Trực cảm đã chơi khăm ông. Ông nhớ lại nguồn gốc của từ này: chỉ là hình phản chiếu trong gương. Một cách bố cục. Một ảo tưởng. Một công trình của đầu óc.

Trong thoáng chốc, ông cảm thấy mình lão đảo, nhưng rồi lại đứng vững.

— Helen này, chị có còn giữ máy tính của con trai không?

2.

New York

Mặt không biểu lộ cảm xúc, Alan lặng lẽ suy nghĩ.

— Trực tiếp hay gián tiếp, Tad Copeland cũng chính là người đã sát hại Joyce Carlyle, tôi nhắc lại.

— Thật vô lý, viên tổng biên tập gạt đi. Ta không thể nói ra những chuyện tày đình như thế mà không có bằng chứng. Như thế là vô trách nhiệm! Có thể Copeland là đảng viên Cộng hòa, nhưng ông ấy là ứng cử viên tổng thống tốt nhất kể từ thời Kennedy. Không có chuyện báo của tôi gây khó khăn cho ông ấy với một câu chuyện mơ hồ như thế này.

Càng tranh luận, tôi càng nhận thấy niềm say mê mơ hồ mà Alan dành cho nhà chính khách. Copeland là người thuộc thế hệ của Alan, người mà ông cảm thấy gần gũi hơn về mặt lý tưởng. Lần đầu tiên có một nhân vật cộng hòa đến được cánh cổng quyền lực mà lại có quan điểm đả kích những điều thái quá của chủ nghĩa tân tự do, ủng hộ việc kiểm soát vũ khí và giữ khoảng cách với tôn giáo. Thống đốc bang Pennsylvania đã làm nổ tung những đường ranh giới trong bối cảnh chính trị của nước Mỹ. Nhờ sự kết hợp gần như kỳ diệu của các yếu tố, ông ta đã chiến thắng trước tất cả các nhân vật theo trường phái dân túy trong phe của mình.

Thật lòng mà nói, cả tôi cũng không vô cảm với thuật hùng biện của ứng cử viên này. Tôi thích nghe ông ta trích dẫn Steinbeck và Mark Twain trong các bài diễn văn. Trong những cuộc thảo luận ở vòng bầu cử sơ bộ, tôi đã vui mừng hơn hờ khi ông ta gây khó khăn cho Trump và xạc cho Ben Carlson một bài học. Copeland có một chương trình hành động đầy tham vọng, ông ta nói những điều thông minh nhạy cảm với tôi: ý chí tiếp tục lâu dài các quyết định chính trị, quyết tâm trở thành ứng cử viên của tầng lớp

trung lưu, niềm tin sắt đá rằng sẽ là một nỗi nhục không thể chấp nhận nếu tăng trưởng kinh tế của Mỹ chỉ mang lại lợi ích cho một thiểu số rất ít những người siêu giàu.

Có thể Copeland là một người tốt - hoặc ít ra là một trong những chính trị gia ít tồi tệ nhất của đất nước này -, nhưng tôi tin chắc là ông ta có liên quan đến vụ bắt cóc Claire. Tuy nhiên, tôi chọn một góc độ khác để lôi kéo Alan đứng về phía mình:

— Ông muốn tôi đi xa hơn chút nữa không? tôi nói. Cũng chính là Copeland hoặc những kẻ thân cận với ông ta phải chịu trách nhiệm về cái chết của Florence Gallo.

— Đủ rồi đấy! - Ông bùng nổ.

Để thuyết phục ông, tôi lần lượt ngả hai con át chủ bài mà mình đang có trong tay: kết quả định vị cuộc gọi đến số 911 tương ứng với địa chỉ nhà Florence, cũng như ADN của Blunt Liebowitz được tìm thấy tại hiện trường vụ án. Sự trùng hợp giữa hai sự kiện này khiến nhà báo chìm vào nỗi bối rối. Ngay khi ký ức về Florence trở dậy, Alan lại đổi khác. Các đường nét trên mặt ông đan lại, ánh mắt tối đi, những nếp nhăn hằn sâu hơn.

— Ông biết Liebowitz sao?- Tôi hỏi.

— Tất nhiên, ông trả lời, giọng khó chịu. Tất cả các phóng viên chính trị đã tiếp cận Copeland đều biết Blunt Liebowitz là ai: vệ sĩ riêng của ông ấy. Anh ta quanh quẩn bên ông ấy từ lâu rồi. Cũng chính là chú của Zorah Zorkin.

Đây là lần thứ hai tôi nghe đến cái tên này. Alan giải thích với tôi:

— Zorah Zorkin là cái bóng của Copeland. Cô ta là giám đốc chiến dịch tranh cử, cũng là chuyên gia tư vấn chính của ông ấy. Cô ta tháp tùng ông ấy trong mọi chuyến đi. Cô ta từng làm việc cho văn phòng của ông ấy khi ông ấy còn là thống đốc, và trước đó, chính cô ta là người xoay xở để ông ấy được bầu làm thị trưởng Philadelphia. Tôi không nói với anh rằng Copeland là một con rối, nhưng nếu không có Zorah, có lẽ ông ấy sẽ vẫn chỉ là giảng viên luật ở Penn.

— Tại sao tôi lại không hề biết cô ta là ai nhỉ?

— Bởi vì cô ta kín đáo và công luận không thực sự biết đến những người ra quyết định đứng ở hậu trường, mặc dù chuyện này đang dần thay đổi: ba tháng trước, tờ *The New York Times* đã đăng ảnh cô ta trên bìa tạp chí của mình với tiêu đề: “Bộ não quyền rũ nhất nước Mỹ”. Nói riêng với anh, tôi nghĩ nói như thế không hề có gì là phóng đại cả.

— Cô ta có điểm gì phi thường đến thế?

Alan nhún mày.

— Trong một thời gian dài, do cách ăn mặc lỗ bịch nên không ai để phòng cô ta hết. Nhưng thời kỳ đó đã qua rồi: ngày nay, mọi người đều biết Zorkin là một người chơi cờ máu lạnh luôn đi trước đối thủ nhiều nước. Trong chiến dịch tranh cử sơ bộ, cô ta tỏ ra hiệu quả một cách đáng gờm trong việc thu hút quỹ đầu tư, đặc biệt là với các ông chủ thể hệ Facebook từng học đại học với cô ta. Mặc dù có kết quả thăm dò rất thấp, nhưng Copeland vẫn trụ được qua những khó khăn tài chính nhờ khoản tiền này và chờ thời thế đảo chiều. Zorkin không chỉ là một nhà chiến lược và chiến thuật ngoại hạng, mà còn là chuyên gia làm những việc điên rồ, một con pitbull đại không bao giờ buông bỏ miếng mồi.

Tôi nhún vai.

— Ở đâu cũng thế thôi, tôi nói. Kinh doanh, chính trị, giải trí. Tất cả những người có quyền lực đều cần ai đó để nhúng tay vào chàm thay cho mình.

Vừa gật đầu đồng ý với tôi, Alan vừa nhấn nút điện thoại nội bộ để nói chuyện với Chris và Cross.

— Đây hai nhóc, gửi cho tôi tất cả những gì hai người tìm được về thời gian biểu của thống đốc Copeland, thứ Bảy ngày 25 tháng Sáu năm 2005 nhé.

Tôi thấy ngờ vực cách làm này.

— Ngày Joyce chết sao? Mười năm sau, ông còn hy vọng phát hiện được gì chứ?

— Tất cả những chuyện này vượt quá tầm của tôi, nhưng anh sẽ thấy Chris & Cross có thể làm gì. Họ dùng một thuật toán “thông minh” sẽ tìm kiếm thông tin trên báo chí hồi đó, các trang web, các blog và mạng xã hội

với tốc độ chóng mặt. Cả anh và tôi đều biết rất rõ rằng với Internet, không có thứ gì bị xóa đâu: con người đã tạo ra một con quái vật mà họ không còn chế ngự được nữa. Nhưng rồi cuộc, đó lại là một câu chuyện khác...

Trong lúc trò chuyện, Alan ấn nút trên chiếc điều khiển từ xa để liếc qua các kênh thông tin đang chuyển tiếp tin tức hội nghị bầu ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hòa.

Tại Vườn hoa Quảng trường Madison, trước mặt mười nghìn người, các diễn giả lần lượt thay phiên nhau vẽ nên một chân dung ca ngợi ứng cử viên của mình. Trên nhiều màn hình khổng lồ, các nhân vật nổi tiếng trong giới thể thao và giải trí vừa vỗ tay vừa thốt lên những lời lẽ nồng nhiệt và hứng khởi mà tôi thấy thật nực cười. Hôm kia, các đại biểu của đảng đã bỏ phiếu bầu ứng cử viên của mình. Trong chưa đầy một giờ nữa, Tad Copeland sẽ có bài phát biểu nhậm chức. Rồi sẽ đến màn thả bóng bay truyền thống và cơn mưa giấy ba màu...

— Alan này, chúng tôi đang gửi cho ông mấy thứ, giọng Erika Cross vang lên trong điện thoại nội bộ.

Những tài liệu bắt đầu hiện lên trên các màn hình treo trên tường. Chris nói rõ:

— Từ năm 2004, lịch làm việc chính thức của thống đốc được truy cập tự do trên trang web của bang Pennsylvania. Chỉ cần biết cách lấy nó ra. Và đây là lịch làm việc vào sáng ngày 25 tháng Sáu năm 2005:

9h-10h30: Vòng thương lượng cuối với các nghiệp đoàn để công nhận những biện pháp nhằm cải thiện hiệu quả của các phương tiện giao thông công cộng.

11h-12h: Gặp gỡ các giáo viên trường cấp ba Chester Heights.

— Và đây là tất cả ảnh chụp những bài báo hoặc blog mà tôi đã lấy được về hai sự kiện này, cô gái tóc hung thông báo.

Một loạt ảnh hiện lên trên các màn hình: Copeland đang tạo dáng cùng với những người hoạt động trong nghiệp đoàn, rồi cùng với các giáo viên và học sinh.

— Zorah và Blunt không bao giờ đứng quá xa, Alan nhận xét và dùng bút chỉ vào vóc dáng đồ sộ của gã vệ sĩ và dáng dấp mảnh khảnh hơn của

một phụ nữ không rõ tuổi, thường bị che khuất hoặc cắt mất một phần trên các bức ảnh.

— Cho đến lúc này, chưa có gì bất thường cả, tôi nói.

— Đoạn sau còn thú vị hơn, Chris đáp lời tôi. Hai cuộc gặp sau được ghi trong lịch làm việc buổi chiều của Copeland:

12h30-14h: Ăn trưa và trao đổi với nhân sự của các nhà dưỡng lão ở hạt Montgomery.

15h: Khánh thành tổ hợp thể thao Metropol ở khu Đông Bắc Philadelphia.

— Nhưng Copeland đã báo ốm, nữ phóng viên bổ sung. Trong cả hai cuộc gặp này, ông được thay bằng Annabel Schivo, phó thống đốc.

— Chuyện này không hề logic chút nào, Alan thừa nhận. Đông Bắc luôn là khu vực yêu thích của Copeland và tôi biết dự án Metropol: đó là một dự án khổng lồ, không phải là một phòng thể thao bằng các cấu kiện đúc sẵn. Copeland mà bỏ vụ khánh thành này thì chắc chắn đã phải xảy ra một sự kiện quan trọng và đột xuất.

Lúc này, Alan tỏ ra phấn khích thấy rõ, khiến người khác cũng phấn khích theo.

— Tôi cho rằng người ta đã không thấy Copeland xuất hiện lại ở Philadelphia trong cả ngày hôm đó.

— Anh nhầm rồi! Chris thốt lên và gửi một bức ảnh khác. Vào lúc 18 giờ, ông ta đã tham dự trận đấu bóng rổ của đội Philadelphia 76ers tại sân Wells Fargo Center trước hơn hai mươi nghìn khán giả.

Tôi lại gần màn hình. Quàng khăn và đội mũ cổ động viên, Copeland không có vẻ gì là vừa giết chết một phụ nữ, nhưng chuyện đó thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Ai mà chẳng biết các chính trị gia rất có khả năng giả vờ.

— Cậu còn bức ảnh nào khác chụp trận đấu không?

Một loạt ảnh mới tràn ngập các màn hình.

Lần này, không hề nhìn thấy gã vệ sĩ lẫn giám đốc chiến dịch tranh cử trên bất cứ bức ảnh nào trong số đó.

— Erika, tìm cho tôi ảnh của các trận bóng khác, Alan yêu cầu.

— Nghĩa là sao?

— Những trận bóng khác ở sân Wells Fargo trước ngày hôm đó một chút.

Khoảng ba mươi giây trôi qua, rồi cô gái lại lên tiếng:

— Tôi tìm ra được ảnh này chẳng hạn: một trận đấu với đội Celtic vào tuần trước đó và một trận khác với đội Orlando vào cuối tháng Tư.

Trong cả hai trận đấu này, cùng một cảnh tượng lặp lại: Zorah ngồi sau viên thống đốc một hàng ghế. Trên một số bức chụp toàn cảnh, ta còn nhìn thấy cả vóc dáng đồ sộ của Blunt Liebowitz đứng ở lối đi.

— Nhìn này! Zorkin lúc nào cũng ngồi đúng chỗ đó đằng sau Copeland. Chỉ trừ cái ngày thứ Bảy 25 tháng Sáu đó. Không phải là ngẫu nhiên đâu, Alan ạ!

Viên tổng biên tập không tìm ra điều gì để phản bác tôi.

— Mất bao lâu để đi từ Philadelphia đến tận New York bằng xe hơi? tôi hỏi.

— Tính cả thời gian tắc đường? Tôi nghĩ phải mất hai giờ.

Ngồi thụt sâu vào ghế, tôi nhắm mắt và mất ba phút để tính toán. Tôi tin chắc mình đã hiểu chuyện gì xảy ra vào cái ngày 25 tháng Sáu năm 2005 đó, chỉ còn phải tìm lời lẽ thuyết phục để kéo Alan theo hướng mình. Ông phải giúp tôi, bởi vì lần đầu tiên, tôi thấy thấp thoáng một giải pháp để xác định vị trí của Claire và đưa nàng trở lại bên tôi an toàn, nguyên vẹn.

— Mọi chuyện đã rõ ràng, Alan ạ, tôi mở mắt nói rồi diễn giải kịch bản của mình với ông. Thứ Bảy đó, viên thống đốc, Zorah và Blunt rời Philadelphia bằng xe hơi vào đầu giờ chiều. Copeland có hẹn với Joyce. Cuộc trò chuyện diễn ra tồi tệ. Đối thoại biến thành cãi lộn. Copeland hoảng loạn và giết bà ấy. Rồi ông ta phát hiện Florence đã lén ghi âm mình. Ông ta quay lại Philadelphia một mình, không có vệ sĩ, để tham dự trận bóng rổ và đánh lừa dư luận. Trong lúc đó, Blunt và Zorah ở lại New York để giải quyết vụ việc tồi tệ kia: di chuyển xác Joyce và ngụy trang hiện trường vụ án để khiến mọi người tin rằng bà chết là do dùng thuốc quá liều, đồng thời vô hiệu hóa Florence. Mọi chuyện đều trùng khớp, mẹ kiếp!

Alan đã rời đưa hai bàn tay lên ôm đầu. Tôi có cảm giác mình đang ở trong đầu ông. Một mớ hỗn độn âm ào, nơi cơn giận dữ trộn lẫn với nỗi buồn đau. Có thể ông đang nhớ lại sáu tháng hạnh phúc với Florence. Khi mà mọi chuyện vẫn còn có thể: có những đứa con cùng với cô, vẽ ra các dự định cho tương lai, tận hưởng cảm giác chệnh choáng khi được làm diễn viên chứ không phải là vai phụ trong cuộc đời của chính mình. Có thể ông nghĩ đến khoảng thời gian đã trôi tuột đi từ đó. Khoảng thời gian vùi mình vào công việc. Có thể ông tự nhủ rằng rốt cuộc Marilyn Monroe đã không nhầm khi khẳng định rằng sự nghiệp thành công là một điều tuyệt vời, nhưng ta không thể cuộn tròn mình với sự nghiệp mỗi đêm khi ta cảm thấy lạnh.

— Anh sẽ làm gì? ông vừa hỏi vừa nhìn tôi như thể vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ nặng nề.

— Ông có sẵn sàng giúp tôi không, Alan?

— Tôi không biết liệu mình có sẵn sàng không, nhưng tôi sẽ làm việc đó, để tưởng nhớ Florence.

— Ông có cách nào để tiếp cận Zorkin không?

— Có, tôi có số điện thoại di động. Tôi đã sử dụng số đó để thương lượng với cô ta về cuộc phỏng vấn Copeland.

Trong lúc ông tìm số điện thoại trong sổ địa chỉ, tôi soạn một tin nhắn SMS ngắn gọn, chỉ nói: Tôi biết việc các người đã làm với Florence Gallo, với Joyce Carlyle và với con gái bà ấy.

— Tôi không chắc đây là ý tưởng hay, Raphaël ạ. Họ sẽ dễ dàng lần ra điện thoại của cậu. Cậu sẽ bị định vị trong vòng chưa đầy mười phút.

— Nhưng đó chính là điều tôi đang hy vọng, tôi đáp. Cả tôi nữa cũng biết chơi cờ đấy.

22

Zorah

*Động vật máu lạnh
là những loài duy
nhất có nọc độc.*
**Arthur
SCHOPENHAUE
R**

1.

*Mười bảy năm trước
Mùa xuân năm 1999*

Tôi tên là Tad Copeland. Tôi ba mươi chín tuổi. Tôi là giảng viên môn luật hiến pháp và khoa học chính trị ở Đại học Pennsylvania. Vào sáng ngày thứ Bảy mùa xuân năm 1999 đó, tôi vừa đi câu về, nhưng, như thường lệ, đó chỉ là một cái cớ để có được vài giờ yên tĩnh giữa thiên nhiên.

Trong khi tôi đang buộc thuyền vào chiếc cầu nhỏ bằng gỗ nhô ra trên mặt nước hồ rung rinh, thì Argos, chú chó giống Labrador, lao đến và rồi rít xung quanh tôi, vừa sủa ăng ăng vừa vẫy đuôi tít mù.

— Nào cún ngoan, lại đây!

Nó vượt trước tôi rồi chạy về phía một ngôi nhà gỗ dựng theo phong cách hiện đại, kết hợp hài hòa gỗ thông, đá và kính. Nơi lẩn trốn của tôi vào mỗi dịp cuối tuần.

Vào đến trong nhà, tôi vừa pha một cốc cà phê vừa nghe Lester Young chơi saxophone trên radio. Rồi tôi ra ngồi ngoài hàng hiên làm bằng gỗ linh sam và vừa thưởng thức một điếu thuốc vừa đọc lướt báo chí và chữa vài

bài tập. Trên điện thoại di động của tôi, có một tin nhắn của vợ tôi, Carolyn, đang vướng việc ở Philadelphia và hẳn là sẽ đến đây vào khoảng giữa ngày. *Em mong là anh sẽ nấu món mì Ý sốt patê cho em! Hôn anh! C.*

Có tiếng động cơ xe khiến tôi ngẩng đầu lên. Tôi đeo kính mát vào và nheo mắt. Kể cả từ xa, tôi cũng ngay lập tức nhận ra dáng người nhỏ bé bước đi nhanh nhẹn đó: Zorah Zorkin.

Làm sao có thể quên được cô? Cô từng là sinh viên của tôi cách đây bốn hay năm năm gì đó, và không phải là một sinh viên tầm thường. Thậm chí đó còn là sinh viên xuất sắc nhất trong sự nghiệp dạy học của tôi. Đầu óc nhanh nhạy, khắt khe, khả năng ngoại hạng trong việc đưa ra những lập luận thông minh về tất cả các chủ đề. Một vốn kiến thức khổng lồ về chính trị và lịch sử nước Mỹ. Một người yêu nước thực sự ráo riết ủng hộ những quan điểm mà tôi cùng chia sẻ và cả các chủ đề khác mà tôi không đồng ý. Một trí tuệ mẫn tiệp, nhưng không còn gì khác: không hài hước, ít cảm thông, và theo tôi được biết, không bạn trai cũng chẳng có bạn gái.

Tôi còn nhớ mình vẫn cảm thấy thực sự thích thú khi tranh luận với cô, mặc dù không phải tất cả các đồng nghiệp của tôi đều nghĩ thế. Nhiều giảng viên khó chịu với Zorah. Lỗi là do trí thông minh lạnh lùng của cô đôi khi như có chút lên đồng. Lỗi là do ánh mắt cô, thường xuyên có vẻ ngơ ngác mỗi khi cô chìm vào tư duy, và rồi đột nhiên lại có thể sáng lên để xoáy vào ta một tia nhìn sắc nhọn như một ngọn lao.

— Chào giáo sư Copeland.

Cô đứng trước mặt tôi, ăn mặc lôi thôi, như thể đang bơi trong chiếc quần jean cũ mềm cùng áo thun xố lông chẳng còn ra hình thù gì, trên vai lòng thòng quai chiếc ba lô hẳn là phải có từ thời cô học trung học.

— Chào Zorah. Có chuyện gì mà em đến thăm tôi thế?

Chúng tôi trò chuyện dăm ba câu tầm phào, rồi cô kể cho tôi nghe những ngày tháng đầu tiên đi làm. Tôi đã nghe nói đến quá trình làm việc của cô. Tôi biết rằng mấy năm qua, sau khi tốt nghiệp đại học, cô đã mài giũa vũ khí bằng cách phục vụ nhiều chiến dịch bầu cử địa phương, đạt được những kết quả khá là đáng khích lệ với những ứng cử viên chỉ có phạm vi ảnh hưởng rất hạn chế, cô đã gây dựng được cho mình đôi chút

tiếng tăm ở vị trí chuyên gia tư vấn chính trị mà ta nên có bên cạnh thay vì là đối thủ.

— Tôi nghĩ em phải xứng đáng hơn thế, tôi vừa nói vừa rót cho cô một cốc cà phê. Nếu em muốn làm được việc lớn, thì phải tìm được một ứng cử viên xứng tầm với trí thông minh của em.

— Đúng thế, cô trả lời. Em nghĩ mình đã tìm được một người như thế.

Tôi nhìn cô thối vào cốc cà phê. Nước da trắng ngà làm sáng bừng khuôn mặt nơi toàn bộ sắc đẹp đã bị che lấp bởi lớp tóc mái dày cắt vụng chòm hết cả đôi mắt.

— Thật sao, tôi nói. Tôi có biết người đó không?

— Chính là thầy, Tad ạ.

— Tôi không hiểu.

Cô kéo khóa ba lô rồi lấy ra những tấm áp phích dự kiến, một slogan, những trang giấy in được gắn với nhau mô tả một chiến lược tranh cử. Trong khi cô bày biện đồ đạc trên tấm gỗ cũ mà tôi dùng làm bàn trong vườn, tôi ngăn cô lại trước khi cô đi xa hơn:

— Khoan đã, Zorah, tôi chưa từng muốn làm chính trị.

— Thầy đã làm rồi đấy thôi: tổ chức của thầy, nhiệm kỳ ủy viên hội đồng thành phố nữa...

— Tôi muốn nói: tôi không có tham vọng cao hơn.

Cô nhìn tôi bằng đôi mắt to vằn đỏ như mắt rắn.

— Em nghĩ là có đấy.

— Em muốn tôi tranh cử vào vị trí nào chứ?

— Để bắt đầu là chức thị trưởng Philadelphia. Sau đó, là chức thống đốc bang Pennsylvania.

Tôi nhún vai.

— Em nói linh tinh rồi, Zorah ạ. Philadelphia chưa bao giờ bầu một đảng viên đảng Cộng hòa làm người đứng đầu cả.

— Có đấy, cô đáp lại ngay lập tức. Bernard Samuel, vào năm 1941.

— Được, có thể là thế, nhưng chuyện đó cách đây sáu mươi năm rồi. Bây giờ thì không còn như thế được nữa đâu.

Cô không thấy lập luận của tôi là thuyết phục.

— Thầy không có tư tưởng cộng hòa triệt để, Tad ạ, còn vợ thầy xuất thân từ một gia đình dân chủ lâu đời và rất được tôn trọng.

— Dù thế nào, Garland cũng sẽ được bầu lại, chẳng chút khó khăn gì.

— Garland sẽ không ứng cử nữa, cô đảm bảo.

— Em đang nói linh tinh gì thế?

— Em biết thế, thế thôi. Nhưng đừng hỏi tại sao em biết.

2.

— Cứ cho là tôi muốn làm chính trị, tại sao tôi lại đặt cược vào em, Zorah?

— Thầy không đặt cược vào em, Tad ạ, mà là em đặt cược vào thầy.

Chúng tôi đã nói chuyện được gần một tiếng đồng hồ. Dù không muốn, nhưng tôi vẫn bị cuốn theo. Tôi biết rất rõ rằng mình đang đặt chân lên một lãnh địa nguy hiểm. Tôi biết rất rõ rằng không nên lao vào một chuyến phiêu lưu mà tôi dự cảm là không có đường lui. Nhưng hồi đó, tôi có cảm giác mình đã đi hết cả cuộc đời mình. Tôi đang trải qua giai đoạn nghi ngờ. Tôi không còn tin chắc vào bất cứ điều gì: cả cuộc hôn nhân của mình, cả thiên hướng làm giáo viên của mình, cả ý nghĩa mà tôi muốn mang lại cho cuộc đời mình. Và cô gái đó thật biết cách dùng lời lẽ. Cô nhìn xa, cô nhìn đúng. Nghe những lời nói ra từ miệng cô, dường như không có gì là không thể. Những ngày sắp tới thật lý thú và vĩ đại. Tự đáy lòng, đó chẳng phải điều tôi vẫn luôn chờ đợi hay sao: gặp được một người phi thường sẽ thay đổi cuộc đời tôi, kéo tôi ra khỏi cuộc sống tiện nghi, nhưng chật hẹp này?

Tôi cố gắng kháng cự, nhưng Zorah đã loại bỏ mọi lý lẽ của tôi .

— Tôi không tin vào Chúa, em biết đấy. Và các cử tri Mỹ không thích những ứng cử viên vô thần.

— Thầy không có nghĩa vụ phải công khai tuyên bố điều đó.

— Tôi đã từng hút cần sa.

— Giống như mọi người thôi, Tad ạ.

— Thỉnh thoảng tôi vẫn còn hút.
— Trong trường hợp đó, hãy dừng ngay lập tức, nếu người ta hỏi thầy về chuyện đó, hãy khẳng định là thầy không nuốt khói.
— Tôi không có tài sản cá nhân để đầu tư cho chiến dịch tranh cử.
— Tìm tiền là việc của em, không phải việc của thầy.
— Tôi đang phải điều trị từ nhiều năm nay.
— Thầy bị bệnh gì vậy?
— Rối loạn lưỡng cực nhẹ.
— Winston Churchill bị rối loạn lưỡng cực, tướng Patton bị rối loạn lưỡng cực. Cũng giống như Calvin Coolidge, Abraham Lincoln, Theodore Roosevelt, Richard Nixon...

Cô lần lượt bác bỏ từng lập luận. Lúc này, tôi không muốn cô đi nữa. Tôi muốn cô tiếp tục nói chuyện với tôi và tưới tắm cho hạt mầm hy vọng mà cô đã gieo trong tôi. Tôi muốn cô tiếp tục bảo tôi rằng tôi sẽ trở thành thị trưởng của thành phố lớn thứ năm đất nước. Và tôi vẫn muốn giả vờ tin cô thêm chút nữa.

3.

Trong khi cô đã gần như thuyết phục được tôi, Zorah đột nhiên đổi giọng. Đó là điều đáng lẽ tôi phải hiểu ra sau đó: với Zorah Zorkin, không ai có thể che giấu bí mật của mình lâu dài.

— Bây giờ, sau khi thầy đã hết đưa ra những lý do ngụy tạo rồi, ta có thể đề cập đến những vấn đề thực sự, thầy có nghĩ thế không?

Tôi giả vờ không hiểu:

— Em muốn nói gì?

— Chính trị. Chắc chắn là thầy đã từng nghĩ đến nó, Tad ạ. Thầy sinh ra để làm chính trị. Chỉ cần tham dự bất cứ giờ giảng nào của thầy cũng có thể tin chắc điều đó. Các bài giảng của thầy chinh phục chúng em. Những lời đả kích của thầy nhắm trúng đích. Mọi người đều như uống từng lời của thầy. Em vẫn còn nhớ nổi bất bình của thầy trước việc có quá nhiều lao

động nghèo hoặc người Mỹ không có bảo hiểm y tế. Em vẫn còn nhớ những phát biểu của thầy về sự biến mất của giấc mơ Mỹ và những biện pháp cần tiến hành để khôi phục lại nó. Chính trị đã có sẵn trong máu thầy.

Tôi mở miệng định phản bác, nhưng không tìm được lời lẽ phù hợp.

— Có chuyện gì đó cụ thể đã khiến thầy từ bỏ chính trị, hãy thừa nhận điều đó đi, Tad ạ. Có điều gì đó mà thầy coi là một khiếm khuyết không thể vượt qua.

— Em đang chơi trò tâm lý học rẻ tiền đấy.

Zorah nhìn tôi thách thức.

— Thầy đang cất giấu xác chết nào trong ngăn tủ của mình thế, giáo sư Copeland?

Tôi tựa người vào lan can, im lặng. Mắt tôi nhìn hút về nơi xa xăm, phía mặt hồ đang lấp lánh như hàng ngàn ngọn lửa.

Zorah thu dọn đồ đạc cất vào ba lô.

— Em cho thầy một phút, Tad ạ, cô nói và nhìn đồng hồ. Không thêm một giây. Nếu thầy không tin tưởng em, thì tốt nhất là dừng ngay lập tức.

Cô rút một điều thuốc từ trong bao thuốc tôi để trên mặt bàn và chăm chăm nhìn tôi.

Lần đầu tiên, tôi cảm thấy mối hiểm nguy thực sự chất chứa trong cô gái này. Tôi không thích cách thức của cô. Tôi không thích bị dồn đến chân tường. Trong vài giây nữa, tôi vẫn còn được tự do nói “không”. Tự do lớn lao nhất trong tất cả. Nhưng tự do để làm gì nếu nó không giúp ta thực hiện mơ ước của mình?

— Thôi được, tôi vừa nói vừa ngồi xuống cạnh cô. Em nói đúng: đúng là có một giai đoạn trong cuộc đời có thể sẽ tước bỏ vận mệnh chính trị của tôi.

— Em nghe thầy nói đây.

— Đừng trông chờ là tôi sẽ tiết lộ điều gì khủng khiếp. Vì đáng buồn là chuyện này rất tầm thường. Khoảng chục năm trước, trong vài tháng, tôi đã có quan hệ với một phụ nữ.

— Ai vậy?

— Cô ấy tên là Joyce Carlyle. Cô ấy là tình nguyện viên, sau đó là nhân viên trong tổ chức của tôi, Take Back Your Philadelphia.

— Vợ thầy có biết chuyện không?

— Nếu Carolyn biết chuyện, có lẽ cô ấy sẽ không còn là vợ tôi nữa.

— Hiện giờ cô Joyce Carlyle ấy sống ở đâu?

— Ở New York. Nhưng còn chưa hết: cô ấy có một đứa con gái, Claire, hiện đã tám tuổi.

— Một đứa con gái mà thầy chính là cha đẻ?

— Rất có thể là như thế.

— Joyce có tìm cách tống tiền thầy không?

— Không. Đó là một cô gái tốt. Tự do, nhưng đáng tôn trọng. Mẹ cô ấy làm việc ở sở tư pháp thành phố.

— Hai người còn liên lạc với nhau không?

— Không. Tôi không có tin tức gì về cô ấy từ nhiều năm nay, nhưng tôi cũng không tìm hiểu.

— Cô bé Claire đó có biết thầy là bố mình không?

— Tôi không biết.

Zorah thở dài và chùng ra vẻ xa vắng nức cười mà cô vẫn thể hiện mỗi khi suy nghĩ. Còn tôi, tôi im lặng chờ lời phán quyết, giống như một cậu học trò vừa bị bắt quả tang đang thò ngón tay vào lọ mực.

Đúng lúc tôi sắp bỏ cuộc, thì Zorah thốt ra chính xác những lời mà tôi muốn nghe:

— Thật rầy rà, đúng thế. Tất cả những chuyện này có thể lộ ra bất cứ lúc nào, nhưng đó là một rủi ro ta phải đương đầu. Chủ yếu là phải giữ được quyền kiểm soát tình hình. Ta biết rằng thời kỳ đó từng tồn tại trong đời thầy và nó có khả năng trở thành một vấn đề. Có thể chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra, nhưng nếu một ngày nào đó nó xảy ra, nếu nó trở thành một vấn đề, ta sẽ xử lý nó vào thời điểm thích hợp.

4.

“Nếu nó trở thành một vấn đề, ta sẽ xử lý nó vào thời điểm thích hợp.”

Câu nói này là một điềm báo và tôi biết điều đó.

Ít ra là tôi lo sợ điều đó.

Nhưng tôi phải nói thật lòng. Dù có biết về thảm kịch sẽ xảy ra sau đó, cũng sẽ là dối trá nếu nói tôi hối tiếc về lựa chọn của mình. Thậm chí tôi còn đi xa hơn nữa: sẽ là dối trá nếu tôi khẳng định rằng tôi không tiếc buổi sáng hôm đó. Buổi sáng đã bắt đầu mọi sự. Buổi sáng mà cô gái lạ lùng đó đã đến nhà tôi với bộ quần áo khó lòng tưởng tượng nổi cùng chiếc ba lô cũ mèm. Buổi sáng mà cô bày đồ đạc của mình lên chiếc bàn thợ cũ kỹ của tôi và bảo: “Thầy có sẵn sàng viết một chương mới trong lịch sử chính trị nước Mỹ không, hả Tad? Một chương mới trong đó thầy sẽ là người hùng.”

23

Bằng chứng hiển nhiên

*Điều luật số 2:
Đừng tin tưởng vào
bạn bè, hãy sử dụng
kẻ thù của bạn [...].
Nếu bạn không có kẻ
thù, hãy tìm cách
tạo ra kẻ thù.*
Robert GREENE

1.

— Một ván 20 đô không, thưa ông?

Lời đề nghị được thốt ra từ miệng một người vô gia cư có bộ râu rậm đang cạp nách một hộp cờ.

— Để lần khác nhé. Hôm nay, tôi có hẹn rồi, tôi vừa nói vừa đưa cho ông một tờ giấy bạc.

Ngồi bên một chiếc bàn đá, tôi chờ Zorah Zorkin trong góc Công viên Quảng trường Washington, nơi được coi là tụ điểm của những người chơi cờ.

Đã muộn rồi, nhưng công viên vẫn rất náo nhiệt. Sự náo nhiệt sống động và vui vẻ của những tối thứ Bảy mùa hè, khi ban ngày không ngừng kéo dài, không khí phù hợp với âm nhạc, những cuộc dạo chơi, những tiếng cười và những điệu van xoay.

Bầu không khí trái ngược với tâm trạng của anh. Anh không ổn chút nào, Claire ạ. Ba ngày vừa qua, để không hóa điên, anh đã cố gắng dồn nén

được nổi lo sợ, nhưng ở giữa những con người vô tư lự này, nổi lo cho em lại trỗi dậy trong anh.

Bất cứ khi nào ngừng hành động hoặc suy nghĩ, anh lại nhìn thấy những hình ảnh trong chiếc camera an ninh. Khi mà gã cớm Angeli kia ném em vào cốp cổ xe đòn mạt crom của gã. Khi mà em hét gọi tên anh: “Raphaël! Giúp em với, Raphaël! Giúp em với!”

Sau ba ngày bị giam cầm, giờ này em thế nào rồi? Và cả mầm sống em đang mang trong mình nữa. Liệu chúng ta có cơ hội mừng con ra đời không?

Liệu em có còn sống không? Cho đến lúc này, anh không hề nghi ngờ điều đó, nhưng càng lúc nó càng giống với một đức tin thì đúng hơn là một niềm tin được chống đỡ bằng những bằng chứng chắc chắn. Hẳn là nó chủ yếu gắn với cuộc chạy trốn về phía trước của một người sợ mình không đủ mạnh mẽ để chấp nhận sự thật. Nói cho cùng, điều đó cũng không khác lạ lắm với bản chất của một tiểu thuyết gia. Anh tự nhắc đi nhắc lại với mình điều đó, em không thể biến mất mãi mãi được. Không thể biến mất khỏi thế giới này, không thể biến mất khỏi cuộc đời anh.

Những giờ vừa qua, để xua đuổi nỗi sợ hãi, anh đã không tiếc công sức. Vốn là người thường chỉ hành động thông qua những nhân vật chính trong tiểu thuyết của mình, anh đã biến thành một điều tra viên thực thụ. Anh đã khám phá ra các bí mật trong quá khứ của em, đã lần theo tất cả các manh mối, mở tất cả các cánh cửa.

“Chính em đã làm việc đó. Liệu anh có còn yêu em không Raphaël?”

Anh có thể trách gì em, hả Claire? Vì đã tự giải thoát chính mình? Vì đã tìm cách làm lại cuộc đời và cố gắng để lại sau lưng tất cả những nỗi kinh hoàng mà em đã phải trải qua? Không đâu, tất nhiên là thế! Ngược lại, anh rất ấn tượng trước cá tính mạnh mẽ của em, trước lòng quyết tâm và trí thông minh của em.

“Liệu anh có còn yêu em không, Raphaël?”

Anh đã đi đến cuối đường. Anh gần như chắc chắn đã xác định được người đặt hàng bắt cóc em. Zorah Zorkin, chắc hẳn cũng chính là người đàn bà đã sát hại mẹ em. Nhưng anh vẫn không hiểu làm thế nào những

người này cuối cùng lại tìm ra em sau từng ấy năm. Tại sao lại là lúc này? Tại sao lại nhanh chóng đến thế ngay sau khi em tiết lộ bí mật của em với anh? Anh đã đưa ra tất cả các giả thiết, nhưng có điều gì đó quan trọng đã tuột khỏi tay anh.

“Liệu anh có còn yêu em không, Raphaël?”

Đừng hỏi anh câu ấy nữa, Claire! Còn, anh còn yêu em, nhưng không còn biết anh đang yêu người nào nữa. Để yêu ai đó, cần phải biết rõ người ấy, vậy mà anh lại không còn biết rõ về em. Lúc này, anh có cảm giác đang đối diện với hai con người. Một bên là Anna Becker, nữ sinh viên nội trú mà anh đã đem lòng yêu, con người nồng hậu, vui vẻ, một tâm hồn đẹp đẽ đã ở bên anh trong sáu tháng hạnh phúc nhất đời anh. Cô gái mà anh chuẩn bị cưới làm vợ. Một bên là Claire Carlyle, người đã bền bỉ sống sót qua địa ngục của Kieffer, “cô gái Brooklyn” có người cha bí ẩn. Đối với cô gái gần như xa lạ ấy, anh cảm thấy ngưỡng mộ và say đắm. Nhưng anh không thể chồng khớp hai hình bóng đó của em lại với nhau. Em sẽ là ai nếu chúng ta gặp lại nhau? Anh vẫn nghĩ cùng nhau vượt qua một thử thách căn bản sẽ khiến mọi người gắn bó với nhau mãi mãi, và các cặp đôi lại càng gắn bó hơn. Vượt qua một loạt trở ngại đau đớn mà không chia lìa sẽ tạo nên những mối dây liên kết bền vững, gần như không thể phá bỏ. Theo quan điểm đó, có một điều chắc chắn: giờ đây khi anh đã hiểu được quá khứ của em, giờ đây khi anh đã vạch mặt những kẻ đã gây đau khổ cho em, chúng ta sẽ không bao giờ còn là người xa lạ với nhau nữa.

2.

Lạnh lẽo và nhỏ nhắn, Zorah Zorkin luôn lách qua đám người đông nghịt trên những bậc thang của Vườn hoa Quảng trường Madison. Nhờ có tấm phù hiệu, cô ta vào đến hậu trường và đi qua mấy trăm mét hành lang rối rắm như mê cung dẫn tới tận một cánh cửa chống cháy, có hai quân nhân đứng gác, mở ra phố 31.

Blunt đang chờ cô ta. Trên màn hình điện thoại, gã vệ sĩ chỉ cho cháu mình cái đốm màu xanh nhấp nháy trên phần mềm định vị.

— Raphaël Barthélémy không nhúc nhích đã được mười phút.

— Chính xác thì anh ta đang ở đâu?

— Ở góc Tây Bắc Công viên Quảng trường Washington, gần những bàn cờ.

Zorah gật đầu. Biểu tượng thật rõ ràng: có người đang thách thức ngay trên lãnh địa của cô ta. Thông thường, cô ta biết cách dập tắt các đám cháy và yêu thích những trận chiến, nhưng có nguyên tắc là không bao giờ đánh giá thấp đối thủ.

Cô ta yêu cầu Blunt đi theo mình ở khoảng cách nhất định và băng qua phố để đến Đại lộ số 7. Cả khu này đều bị phong tỏa. Có tìm cách đi xe cũng chẳng ích gì: cô ta sẽ không đi nhanh hơn được và nhất là sẽ có nguy cơ bị một phóng viên nào đó nhận ra. Cô ta dừng lại một phút để mua chai nước từ người bán hàng rong. Trong lúc đó, cô ta gắn tai nghe vào điện thoại để theo dõi qua radio bài diễn văn nhận trách nhiệm của Copeland mà cô ta mới chỉ xem được phần đầu.

Bài diễn văn là đỉnh điểm kết thúc một đợt sự kiện ba ngày liền đã diễn ra không chút bất trắc, nhờ có cô ta. Chiến thắng của Copeland cũng và chủ yếu là chiến thắng của cô ta. Tất cả các nhà phân tích chính trị đều biết điều đó và bản thân Tad cũng phải thừa nhận: cô ta đã giúp ông chiến thắng trong đợt bầu cử sơ bộ và ngày mai cô ta sẽ đưa ông đến tận Nhà Trắng.

Các ứng cử viên khác sử dụng đội hỗ trợ công kênh với hàng trăm người: những chuyên gia tư vấn về chiến lược chính trị, những chuyên gia thăm dò, những *spin doctor*^[31], các chuyên gia marketing. Copeland và cô ta làm theo kiểu cũ, kiểu nhị thức, giống như một doanh nghiệp thủ công nhỏ. Việc của cô ta là chiến lược, việc của ông là phát biểu và trình diễn. Công thức này đã tỏ ra hiệu quả, bởi vì người nào cũng biết mình chẳng là gì nếu không có người kia. Cô ta đã khuyên Copeland tuyên bố ứng cử rất muộn ở vòng sơ bộ và giả vờ chỉ ứng cử để xây dựng hình ảnh. Viên thống

đốc đã để cho các ứng cử viên được ủng hộ hạ lẫn nhau trong những cuộc tranh luận đầu tiên, thủ thế phục kích và chỉ để lộ cách chơi của mình từng bước một.

Hồi đó là một giai đoạn kỳ lạ. Giai đoạn thiếu những chính khách tầm Nhà nước. Khi mà những bài phát biểu thông minh và lập luận phức tạp không còn chỗ đứng. Khi mà chỉ có những chủ đề tối giản và cực đoan mới gây được tiếng vang trong giới truyền thông. Khi mà sự thật không còn quan trọng, khi mà những cảm xúc dễ dãi thay thế cho chân lý, khi mà chỉ có hình ảnh và truyền thông là quan trọng.

Sở dĩ hôm nay Copeland xuất hiện như một người hoàn toàn mới mẻ, là bởi những tháng đầu tiên trong chiến dịch tranh cử của ông ở vòng sơ bộ đã là một thảm họa. Tad đã thất bại trong những *cuộc họp kín* đầu tiên và bị bỏ xa vào ngày Siêu thứ Ba. Rồi tình thế bỗng chuyển từ bại sang thắng, chẳng khác nào những ngôi sao may mắn xếp hàng trên bầu trời. Những điều vốn bị coi là khuyết điểm của Copeland đột nhiên lại được xem như phẩm chất tốt, phát biểu của ông trở nên dễ nghe đối với dư luận và cử tri đảng Cộng hòa đột ngột thấy chán ngán mấy ứng cử viên giống như những chân dung biếm họa đại diện cho mình. Trò chơi đô mi nô này đã được Zorah kiên nhẫn sắp đặt, và chỉ trong vài ngày, Copeland đã chinh phục lại được các nguồn ủng hộ tài chính và lá phiếu của những người đã rút lui.

Mặc dù đã có bước đà mới, cuộc chiến vẫn khốc liệt đến tận phút cuối cùng. Trong những giờ đầu tiên của hội nghị bầu ứng cử viên tổng thống, thậm chí cô ta còn nghi ngờ rằng các đối thủ đã chơi một vở nham hiểm. Trong thoáng chốc, cô ta tưởng rằng một trăm ba mươi “siêu đại biểu” sắp âm mưu đảo chính nhằm phá bỏ lợi ích của đối thủ của họ, nhưng các “nhà thông thái” đã không đủ gan để đi đến cùng và ngoan ngoãn xếp hàng đằng sau ứng cử viên của cô ta.

Thật lòng mà nói, Tad là một chính khách thông minh, vững vàng và nghiêm túc. Ông nắm vững các vấn đề kinh tế và chính sách ngoại giao. Ông ăn hình, có khiếu hài hước và sức quyến rũ. Mặc dù có quan điểm trung lập, ông vẫn cho dư luận thấy ở mình hình ảnh một người cứng rắn khiến người ta dễ dàng hình dung ra ông đang đương đầu với Putin hoặc

Tập Cận Bình. Và chủ yếu ông là một diễn giả lạc quan và có khả năng tập hợp. Nếu Copeland chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống - và vào lúc này, cô ta tin chắc rằng sẽ là như thế -, ông sẽ bổ nhiệm cô ta làm Chánh văn phòng của Nhà Trắng. Công việc thú vị nhất thế giới. Người lãnh đạo thực sự của đất nước trong khi tổng thống chỉ trình diễn trước các máy quay. Người chịu trách nhiệm về tất cả mọi việc. Người kết nối các mối liên minh trong Quốc hội, thương lượng với các nhà cầm quyền địa phương và các cơ quan liên bang. Và cuối cùng là người kiểm soát phần lớn các cuộc khủng hoảng.

Thông thường, Zorah không bao giờ để chuyện gì xảy ra một cách ngẫu nhiên. Tuy nhiên, từ ba ngày nay, cô ta đã bị bất ngờ bởi vụ Carlyle lại trỗi dậy. Những giờ phút tối tăm, từ quá khứ chui ra, xuất hiện đúng vào thời điểm tồi tệ nhất của chiến dịch và đe dọa phá bỏ những gì cô ta đã dành hơn mười lăm năm để xây dựng.

Từ nhiều năm nay, cô ta miệt mài nghiên cứu tất cả các kịch bản khả dĩ để đối phó với mọi rủi ro. Thế nhưng, điều duy nhất mà cô ta không hình dung ra bởi nó quá vô lý lại chính là điều đã xảy ra trong thực tế: trong khi từ mười năm nay, tất cả mọi người đều tin rằng Claire Carlyle đã chết, thì cô lại làm lại cuộc đời dưới một danh tính khác.

Chính Richard Angeli đã báo tin này cho Zorah. Khi gã liên lạc vào tuần trước, cô ta gần như đã quên mất tay cảnh sát trẻ người Bordeaux mà chính mình đã thuê mười một năm trước, theo yêu cầu của thống đốc, để làm tay trong cung cấp thông tin liên quan đến vụ bắt cóc con gái ông. Từ đó đến nay, Angeli đã thăng tiến đáng kể. Chỉ có Chúa mới biết tại sao, nhưng một thông tin chấn động như từ trên trời rơi xuống đầu cô ta: Claire Carlyle còn sống.

Không do dự, cô ta đã chọn cách không nói việc này với ứng cử viên tổng thống. Đây là việc của cô ta: giải quyết vấn đề ngay khi nó xuất hiện để không ảnh hưởng đến ngài thống đốc. Cô ta biết làm việc đó, thích làm việc đó. Không nói gì với Copeland, cô ta rút tiền từ các quỹ - một khoản lớn - đưa cho gã Angeli tham lam vô độ kia và ra lệnh cho gã xác định vị trí, bắt cóc và giam cầm cô gái.

Cô ta đã lường lự rất lâu không biết có nên yêu cầu gã giết Claire và thủ tiêu cái xác không, cách đó sẽ giải quyết triệt để vấn đề. Chỉ duy nhất một điều ngăn cản cô ta làm thế: phản ứng không thể lường trước của Copeland nếu ông biết chuyện.

Cô ta liền chọn cách dành ra vài ngày để suy nghĩ, nhưng lúc này, cô ta tự nhủ mình đã chờ đợi quá lâu, và đã đến lúc phải chuyển sang hành động.

3.

Mặc dù đã rình chờ từ xa trong suốt nhiều phút liền, nhưng tôi chỉ thật sự nhận ra Zorah Zorkin khi cô ta còn cách tôi chừng một mét. Dù đã già hơn, nhưng trông cô ta vẫn chẳng khác các nữ sinh viên Đại học New York đang có mặt rất đông ở quảng trường Washington: quần jean, áo thun, ba lô trên vai, chân đi giày thể thao.

— Tôi là..., tôi vừa mở lời vừa đứng dậy.

— Tôi biết anh là ai.

Tôi cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình. Tôi quay lại và nhận ra vóc dáng đồ sộ của Blunt Liebowitz. Gã vệ sĩ sờ nắn tôi từ chân đến đầu rồi tịch thu điện thoại của tôi, chắc là tránh để tôi ghi âm cuộc trò chuyện. Sau đó gã ngồi xuống một chiếc ghế dài cách các bàn cờ chừng chục mét.

Zorah ngồi xuống trước mặt tôi.

— Tôi nghĩ là anh muốn gặp tôi, anh Barthélémy ạ.

Cô ta có giọng nói trong trẻo và khá dịu dàng, trái ngược với những gì tôi từng hình dung.

— Tôi biết hết mọi chuyện rồi, tôi nói.

— Không ai biết hết mọi chuyện đâu, và anh lại càng không. Anh không biết thủ đô của Botswana là gì. Anh không biết cả đồng tiền của Tadjikistan lẫn đồng tiền của Campuchia. Anh không biết ai là tổng thống Mỹ vào năm 1901, cũng không biết ai đã tìm ra vắc xin phòng bệnh đậu mùa.

Cô ta bắt đầu thật ấn tượng.

— Cô thực sự muốn chúng ta chơi trò Trivial Pursuit^[32] chẳng?

— Anh *nghĩ* anh biết được những gì, anh Barthélémy?

— Tôi biết rằng, ở đâu đó trên nước Pháp, các người đang giam cầm bạn gái tôi, Claire Carlyle, con gái ngoài giá thú của thống đốc Copeland. Tôi biết rằng mười một năm trước, cô hoặc ông ta, hoặc con khi đột dăng kia, đã giết mẹ cô ấy, bà Joyce, vốn là tình nhân của ngài thống đốc.

Cô ta lắng nghe chăm chú, nhưng không bối rối trước những điều tôi vừa tiết lộ.

— Trong thời gian diễn ra chiến dịch tranh cử, sáng nào tôi cũng nhận được hàng trăm thư nặc danh kiểu này: thống đốc là người ngoài hành tinh, thống đốc là người của giáo phái Khoa Luận, thống đốc là phụ nữ, thống đốc là ma cà rồng, thống đốc là kẻ ưa quan hệ với động vật. Chuyện thường xảy ra với mọi chính khách.

— Chỉ trừ một việc là tôi có bằng chứng.

— Tôi rất hiếu kỳ muốn biết những bằng chứng đó là gì.

Cô ta đưa mắt liếc vào màn hình chiếc điện thoại mà cô ta để trên mặt bàn. Nó đang nóng lên: khắp nơi đều có cảnh báo và các tin nhắn nhấp nháy không ngừng. Tôi hất cằm về phía gã vệ sĩ.

— ADN của chú cô, Blunt Liebowitz, đã được tìm thấy tại hiện trường vụ án giết bà Joyce Carlyle.

Cô ta bấu môi nghi hoặc.

— Nếu quả đúng như vậy, tôi nghĩ có lẽ cảnh sát đã hỏi cung ông ấy từ hồi đó rồi.

— Hồi đó, cảnh sát còn chưa biết. Bây giờ thì khác rồi.

Tôi lấy từ trong túi mấy trang giấy được xé từ cuốn sách mà Alan đã tìm được.

— Còn có cả những bức ảnh này của bà Joyce và ngài nghị sĩ.

Cô ta nhìn mấy bức ảnh, không tỏ vẻ gì là ngạc nhiên.

— Đúng thế, tôi biết những bức ảnh này. Vả lại, ảnh đẹp đấy, nhưng chúng chứng tỏ điều gì? Rằng Tad và người phụ nữ trẻ này rất hợp nhau.

Chuyện bình thường mà, đúng không? Theo như tôi được biết, chính ông ấy đã tuyển dụng bà ta.

— Những bức ảnh này thiết lập một mối liên hệ...

Cô ta phác một cử chỉ thoái thác để ngắt lời tôi:

— Nếu đây thật sự là tất cả những gì anh đang có, thì anh sẽ chẳng tìm được ai chịu nghe mấy chuyện tầm phào này, cũng chẳng có ai hưởng ứng chúng đâu.

— Ngược lại, tôi lại tin rằng các phóng viên sẽ rất phấn khởi nếu biết được rằng các người đã lạnh lùng giết hại một trong số các đồng nghiệp của họ, Florence Gallo.

Cô ta đón nhận câu nói của tôi với vẻ giễu cợt:

— Quả thật, tôi rất muốn giết vài phóng viên khi trong những bài viết của mình họ thể hiện sự ác ý, sự bất tài và trí tuệ nghèo nàn thảm hại, nhưng tôi luôn kiềm chế để không biến ý muốn đó thành hành động.

Thấy mình đang lâm vào thế bí, tôi đổi chiến thuật:

— Nghe này, Zorah, tôi không phải cảnh sát, cũng không phải quan tòa, chỉ là một người đàn ông muốn tìm lại cô gái anh ta yêu.

— Quả là rất xúc động.

— Claire Carlyle đã che giấu danh tính của cô ấy trong suốt mười năm. Thậm chí tôi nghĩ cô ấy còn không biết bố mình là ai. Hãy thả cô ấy và các người sẽ không bao giờ nghe nói đến chúng tôi nữa.

Cô ta lắc đầu với vẻ chế giễu.

— Anh muốn thương lượng, nhưng anh chẳng có gì xác thực trong tay cả.

Tôi chỉ có thể bực dọc mà thừa nhận rằng cô ta nói đúng. Tôi và Marc đã thực hiện một cuộc điều tra nghiêm túc, từ đó tái lập được bức tranh ghép hình vô cùng phức tạp, nhưng trong tất cả các chi tiết chúng tôi thu thập được, không một chi tiết nào có thể đưa ra làm vật trao đổi. Chúng tôi đã làm sáng tỏ sự thật, nhưng lại thiếu thứ quan trọng nhất: bằng chứng về sự thật đó.

4.

Thánh địa của ký ức

Marc Caradec và Helen Kowalkowsky bước vào phòng Tim với vẻ nghiêm trang chẳng khác nào đang bước vào một thánh đường.

Căn phòng khiến người ta có cảm giác cậu bé chỉ vắng mặt vài giờ để đi học hoặc đến chơi nhà bạn và sắp sửa quay về, quăng ba lô lên giường rồi đi làm một lát bánh mì quét Nutella và rót một cốc sữa.

Một ảo ảnh giống con dao hai lưỡi: lúc đầu nó mang lại cảm giác yên tâm, sau đó bắt đầu tàn phá. Marc bước đến giữa căn phòng được một ngọn đèn kê lách tách chiếu sáng, làm lớp ván lót sàn kê cọt kẹt.

Một thứ mùi lạ lùng như bạc hà lẫn với hạt tiêu thoang thoảng trong không khí. Qua cửa sổ, mặc dù trời tối, ta vẫn nhìn thấy cái chớp nhọn đầy đe dọa trên nóc nhà kho.

Tim mơ ước được vào học trường điện ảnh, Helen vừa giải thích vừa chỉ vào những bức tường dán đầy áp phích giới thiệu phim.

Marc đưa mắt nhìn quanh. Cứ nhìn những tấm áp phích này, thì thấy cậu nhóc rất có khiếu: *Hành trình tìm lại ký ức*, *Nguyện cầu cho một giấc mơ*, *Báo thù*, *Cỗ máy con người*, *Chóng mặt...*

Trên giá sách là hàng chồng truyện tranh, tượng các nhân vật trong truyện tranh, những chồng tạp chí điện ảnh, những CD của các ca sĩ hoặc nhóm nhạc mà Caradec chưa từng nghe nói đến: Elliott Smith, Arcade Fire, The White Stripes, Sufjan Stevens...

Đặt trên thành một dàn hi-fi là chiếc máy quay phim HDV.

— Quà của bà ngoại, Helen giải thích. Tim dành toàn bộ thời gian rảnh rỗi cho niềm đam mê của mình. Cháu làm những bộ phim ngắn nghiệp dư.

Trên bàn là một chiếc điện thoại hình Chúa tể Bóng tối Darth Vader, một cốc đựng bút chì, một hộp nhựa đựng đĩa DVD trắng, một cái cốc có hình Jessica Rabbit và một chiếc iMac G3 cũ sặc sỡ.

— Tôi dùng được không? Caradec vừa hỏi vừa chỉ vào chiếc máy tính.

Helen gật đầu.

— Thỉnh thoảng tôi có bật nó lên để xem phim hoặc ảnh của cháu. Tùy từng hôm, nhưng thường là nó khiến tôi đau khổ hơn là vui vẻ.

Marc ngồi vào chiếc ghế xoay bằng kim loại. Ông chỉnh cái cần hơi để hạ thấp ghế ngồi và bật máy tính lên.

Chiếc máy tính bật lên tiếng thở dài khe khẽ rồi ngày càng to hơn. Ô nhập mật khẩu hiện lên trên màn hình.

— Tôi đã mất gần một năm để tìm ra nó, Helen thú nhận và ngồi xuống mép giường. “MacGuffin”. Tuy nhiên mật khẩu lại không hề khó đoán: Tim sùng bái Hitchcock.

Marc nhập chín ký tự vào và bắt gặp màn hình chính cùng với hàng loạt biểu tượng. Cậu bé đã cài đặt hình nền là một bản chép tranh của Dali: *Thánh Georges và con rồng*.

Đột nhiên, một tiếng bộp vang lên. Bóng đèn trần vừa từ già cỗi đời trong tiếng nổ khiến Marc và Helen giật mình.

Rồi căn phòng chỉ còn được chiếu sáng nhờ màn hình máy tính. Marc nuốt nước bọt. ông không thấy thoải mái lắm trong cảnh tối tăm này. Một làn gió quét qua gáy ông. Ông tưởng vừa nhìn thấy một cái bóng lướt qua. Ông quay ngoắt lại, đoán thấy có một người khác hiện diện trong phòng. Nhưng ngoài Helen, bóng ma mệt mỏi với khuôn mặt trắng bệch như sáp, trong phòng chẳng còn ai.

Ông quay trở lại màn hình và mở hộp thư. Như mẹ Tim đã giải thích, không còn kết nối Internet và tài khoản đi kèm đã không tồn tại từ nhiều năm nay, nhưng các email đã tải về vẫn được lưu giữ trong ổ cứng máy tính. Marc di chuột để cho các email chạy đến tận cái ngày 25 tháng Sáu năm 2005 thiên định kia.

Ông cảm thấy mắt mình cay sè và hai cánh tay sồn da gà. Email mà ông tìm kiếm đang nằm ở đây, do Florence Gallo gửi dẫn. Khi nhấp chuột vào để mở nó ra, một luồng điện chạy khắp người ông. Email không có dòng chữ nào, chỉ có một tệp âm thanh đính kèm, có tiêu đề là *carlyle.mp3*.

Cổ họng nghẹn lại, ông bật loa máy tính và mở đoạn băng ghi âm. Quả là thuyết phục. Giọng Joyce hoàn toàn giống như ông đã hình dung; trầm,

ấm, khàn đi vì giận dữ và lo lắng. Còn giọng người đàn ông đã sát hại bà không hề xa lạ với ông. Khi Marc hiểu ra câu chuyện của họ, ông nghe lại lần nữa để biết chắc mình đang nghe thấy gì.

Nghi hoặc, ông nghe lại lần thứ ba, vì cho rằng vốn tiếng Anh đang phản bội mình. Ông chờ người ra trong vài giây, rồi nhắc chiếc điện thoại có hình Darth Vader lên và bấm số của Raphaël. Đáp lại ông là hộp thư thoại.

— Raph, gọi lại cho tôi càng sớm càng tốt. Tôi đã tìm thấy đoạn ghi âm của Florence Gallo. Cậu nghe một đoạn đi này...

5.

— Nếu anh không còn gì khác để nói với tôi, thì cuộc trò chuyện của chúng ta kết thúc, anh Barthélémy ạ.

Trong lúc Zorah đã đứng dậy, Blunt quay lại phía chúng tôi, khuôn mặt không để lộ cảm xúc gì. Trên tay gã cầm chiếc điện thoại của tôi.

Điện thoại của anh ta vừa đổ chuông, gã giải thích với cháu gái. Vì không có ai nghe, nên một gã nào đó tên là Caradec đã để lại lời nhắn.

— Chú đã nghe rồi sao?

Gã vệ sĩ gật đầu.

— Đúng vậy, và chú nghĩ cháu cũng nên làm như thế. Trong khi cô ta nghe lời nhắn, tôi dán mắt vào biểu hiện của Zorah, rình rập từng cái chớp mắt, lần theo từng run rẩy trên khuôn mặt vô cảm của cô ta. Khi cô ta gác máy, tôi vẫn không thể biết cô ta đã nghe được gì. Chỉ đến khi cô ta quyết định quay trở lại và ngồi xuống, tôi mới tự nhủ có lẽ tương quan lực lượng đã không còn bất lợi cho tôi như trước.

— Claire còn sống không? tôi hỏi.

— Còn, Zorkin trả lời không chút vòng vo.

Tôi thậm chí còn không tìm cách che giấu cảm giác vô cùng nhẹ nhõm.

— Cô ấy đang ở đâu?

— Bị giam đâu đó ở Paris, dưới sự canh gác của Richard Angeli.

— Tôi muốn nói chuyện với cô ấy ngay lập tức!

Zorah lắc đầu.

Chúng ta sẽ làm như trong phim. Claire sẽ được tự do ngay khi tôi có được một bản sao của đoạn ghi âm kia và các anh đã xóa bỏ bản gốc.

— Tôi hứa với cô.

— Tôi không quan tâm đến lời hứa của anh.

Tất cả chuyện này tôi thấy có vẻ quá đơn giản.

— Điều gì khiến cô tin chắc rằng tôi sẽ không công bố chuyện này? tôi hỏi.

— Điều gì khiến anh tin rằng nếu Copeland và tôi đến được Nhà Trắng, một sĩ quan thuộc lực lượng đặc nhiệm sẽ không đến tặng anh một viên đạn vào đầu, vào một buổi sáng đẹp trời nào đó? cô ta trả lời.

Cô ta im lặng một lát để câu phản pháo phát huy hết tác dụng rồi nói thêm:

— Không có tình huống nào ổn định hơn là sự cân bằng trong sợ hãi. Mỗi người trong chúng ta đều sở hữu một vũ khí hạt nhân và người nào muốn hủy diệt đối thủ của mình trước sẽ phải đối mặt với nguy cơ tự hủy diệt bản thân.

Tôi phân vân nhìn cô ta. Tôi thấy cô ta đầu hàng hơi quá nhanh và không nhìn thấy tia sáng thỏa mãn ánh lên trong mắt cô ta. Tôi tin là cô ta đã nhận thấy nỗi bối rối trong tôi.

— Anh không thua, và tôi là người chiến thắng, Raphaël ạ. Anh biết tại sao không? Bởi vì chúng ta không tham gia cùng một cuộc chiến và không có cùng kẻ thù.

Tôi nhớ lại điều Alan đã nói: Zorah luôn đi trước rất nhiều nước.

— Kẻ thù của cô là ai?

— Anh biết các chính khách hành xử thế nào khi họ nắm được quyền lực không, Raphaël? Họ thường có xu hướng tách khỏi tất cả những người đã giúp họ chiến thắng. Sẽ yên tâm hơn nhiều nếu nghĩ rằng họ tự mình đạt được những điều đó.

— Đoạn ghi âm đó chính là bảo hiểm nhân thọ cho cô, đúng không?

Đó là sự bảo đảm chắc chắn rằng Copeland sẽ không bao giờ loại bỏ tôi được, bởi vì từ giờ trở đi tôi đã có thứ gì đó để kéo ông ta đổ cùng tôi.

— Sự cân bằng trong sợ hãi, tôi thì thâm.

— Đó là bí mật của những cặp đôi bền vững.

— Đối với cô, việc chinh phục quyền lực biện minh cho tất cả, chẳng phải sao?

— Chẳng nào việc thi hành quyền lực đó còn có lợi cho số đông.

Tôi đứng dậy để rời khỏi bàn cờ.

— Tôi chưa bao giờ ủng hộ những người như cô.

— Những người hành động vì lợi ích của đất nước mình? cô ta chế nhạo tôi.

— Những người tưởng mình đang ở trên một dân tộc bị coi là trẻ con không thể tự lựa chọn số phận của mình. Trong một Nhà nước pháp quyền, kể cả chính trị cũng phải tuân theo luật lệ.

Cô ta nhìn tôi với vẻ hạ cố.

— Nhà nước pháp quyền là một ảo tưởng. Kể từ thời mông muội, quyền lực duy nhất tồn tại chính là quyền lực của kẻ mạnh hơn.

Một buổi chiều ở Harlem

*Ham muốn thiêu đốt
ta và quyền lực phá
hủy ta.*

**Honoré DE
BALZAC**

Harlem

Thứ Bảy ngày 25 tháng Sáu năm 2005

Joyce Carlyle đóng cửa căn nhà nơi hai chị em gái của bà vẫn ở, tại số 266 phố Bilberry, một con phố nhỏ chẳng có gì đặc sắc, nằm kẹt giữa phố 131 và phố 132. Chính Tad, vào phút cuối, đã yêu cầu bà thay đổi địa điểm hẹn gặp. Ông ta đề phòng và không muốn mạo hiểm bị nhìn thấy trước cửa nhà bà.

Joyce lấy từ trong chiếc túi bằng giấy kraft ra chai rượu vodka mà bà vừa mua mấy phút trước ở cửa hàng của Isaac Landis. Mặc dù trên đường đến đây bà đã uống vài ngụm, nhưng bà vẫn tiếp tục uống thêm hai ngụm lớn nữa, thứ rượu mạnh thiêu đốt từ cổ họng đến dạ dày nhưng chẳng giúp bà thêm vững tin chút nào.

Trong buổi chiều thứ Bảy này, một làn gió nhẹ thổi mơn man tán lá của những cây dẻ, lọc ánh nắng thành lớp ánh sáng nhè nhẹ nhuộm lên đá lát đường những hình phản chiếu dịu mắt. Mùa xuân đang hiện diện khắp nơi, nhưng Joyce không nhìn thấy thứ gì bên ngoài, cả những chồi non trên cây lẫn bụi hoa rực rỡ trước nhà. Bà chỉ còn là một khối u ám buồn rầu, giận dữ và sợ hãi.

Thêm một ngụm rượu xé ruột nữa trước khi kéo tấm màn xuống và lấy điện thoại ra rồi run rẩy bấm số của Florence Gallo.

— Florence à? Joyce đây. *Anh ta* đã đổi giờ hẹn!

Người đối thoại với Joyce bị bất ngờ, nhưng bà không để cho cô kịp nói gì:

— Anh ta đến rồi! Tôi không thể nói chuyện với cô được!

Florence cố tìm cách trấn an bà:

— Hãy làm đúng như kế hoạch mà chúng ta đã cùng lập ra, Joyce ạ. Hãy dùng băng dính gắn chặt điện thoại dưới bàn ăn, được không?

— Tôi... Tôi sẽ thử.

— Không, Joyce, đừng thử, hãy làm thế!

Trong ngăn kéo bếp, bà tìm thấy một cuộn băng dính lớn, bà cắt ra nhiều dải và dùng nó để gắn chặt chiếc điện thoại nghe trộm vào mặt dưới chiếc bàn tròn kê gần ghế xô pha.

Cùng lúc đó, một chiếc ô tô rẽ vào góc phố: một chiếc Cadillac Escalade đen có kính tối màu dừng lại dưới mấy gốc cây. Một bên cửa sau mở ra, và Tad Copeland bước xuống xe. Rồi, để khỏi gây chú ý, chiếc SUV quay lại và đỗ cách đó một quãng, ở góc Đại lộ Lenox.

Khuôn mặt không để lộ cảm xúc gì, áo thun có cổ tối màu, áo vest bằng vải tweed, viên thống đốc rảo bước trên vỉa hè rồi vội vàng trèo lên mấy bậc thềm dẫn đến cửa ngôi nhà số 266. Ông ta không cần bấm chuông, vẻ mặt căng thẳng, hai mắt long lanh, ánh mắt như điên dại, Joyce nhìn ông ta qua cửa sổ và tự tay mở cửa ra vào.

Ngay từ những giây đầu tiên, Copeland đã hiểu ra rằng ván bài sẽ khó chơi. Người phụ nữ ông ta từng yêu, rạng rỡ và sống động đến thế, đã biến thành một quả bom tự chế, thấm đẫm rượu và heroin, đã kích hoạt đồng hồ hẹn giờ.

— Chào Joyce, ông ta lên tiếng rồi đóng cửa lại sau lưng.

— Tôi sẽ tiết lộ với báo chí rằng Claire là con gái anh, bà tấn công luôn, không rào đón.

Copeland lắc đầu.

— Claire không phải con gái anh. Huyết thống không phải là yếu tố tạo nên gia đình, cả em và anh đều biết rõ điều đó.

Ông ta bước về phía bà và cất giọng thuyết phục nhất để khuyên giải:

— Anh đã làm hết khả năng rồi, Joyce! Anh đã thuê một cảnh sát địa phương, để thường xuyên có thông tin về tất cả những tiến triển tại địa bàn. Cảnh sát Pháp rất có năng lực. Các điều tra viên cũng làm hết khả năng.

— Như thế vẫn chưa đủ.

Tad thở dài.

— Anh biết em đã lại dùng chất kích thích. Anh thực sự không nghĩ bây giờ là thời điểm tốt nhất.

— Anh cho người theo dõi tôi sao?

— Đúng, vì muốn tốt cho em thôi! Em không thể cứ thế này mãi! Anh sẽ tìm cho em một cơ sở điều trị để...

— Tôi không muốn cơ sở điều trị! Tôi muốn tìm lại Claire!

Trong một khoảnh khắc, thật mâu thuẫn, khi nhìn thấy bà hét lên như một ả điên, khuôn mặt nhàu nát và hai mép sùi bọt, ông ta bỗng nhớ đến những cái ghì siết của hai người, mười lăm năm trước, đầy nhục cảm, hòa hợp, nóng bỏng, ngọt ngào. Hồi đó, ông say đắm bà như điên dại. Nỗi đam mê của thân xác và trí tuệ mãnh liệt, tuy nhiên lại chẳng có gì giống với tình yêu.

— Claire là con gái anh và anh phải chịu trách nhiệm về nó! bà tiếp tục khẳng định.

— Không thể có chuyện chúng ta có một đứa con chung. Em biết rất rõ hoàn cảnh của anh mà. Tha lỗi cho anh vì phải thẳng thừng nhắc em điều này, nhưng em vẫn luôn đảm bảo với anh là sẽ tự có biện pháp để phòng ngừa. Và khi em có thai, em đã bảo là không trông chờ gì ở anh và em sẽ tự nuôi dạy đứa trẻ này một mình.

— Và tôi đã làm đúng như thế suốt mười lăm năm nay! Joyce đáp lại. Nhưng bây giờ thì khác.

— Khác chuyện gì?

— Claire đã bị bắt cóc một tháng nay và tất cả mọi người đều không quan tâm, chết tiệt thật! Khi biết rằng nó là con anh, cảnh sát sẽ làm mọi cách để tìm lại con bé.

— Thật vô lý.

— Chuyện này sẽ biến thành chuyện của Nhà nước. Tất cả mọi người sẽ nói về nó.

Giọng Copeland tỏ ra cứng rắn hơn, vừa phẫn nộ vừa giận dữ.

— Làm thế cũng chẳng thay đổi được gì đâu, Joyce ạ. Nếu việc tiết lộ có thể mang lại thêm một cơ hội cứu sống Claire, anh sẽ làm, nhưng chuyện không phải như thế.

— Anh là một thống đốc bang của Mỹ.

— Đúng thế, anh là thống đốc mới năm tháng nay. Em không thể giấu giếm phá hoại cuộc đời anh như thế được!

Bà òa lên nước nở:

— Điều tôi không thể làm, đó là bỏ mặc Claire mà không hành động gì!

Copeland thở dài. Tận đáy lòng, ông ta hiểu bà. Đặt mình vào địa vị Joyce, trong một lát, ông ta nghĩ đến Natasha, con gái mình. Con gái *thực sự* của ông ta, đứa con gái mà ông ta đã nuôi nấng. Đứa con gái mà ông ta đã pha từng bình sữa vào lúc 3 giờ sáng. Đứa con gái mà vì nó ông ta đã cắn móng tay đến bật máu mỗi khi nó ốm. Ông ta sẵn lòng thừa nhận rằng, nếu đứa con gái đó bị bắt cóc, thì chính ông ta cũng sẽ làm tất cả để tìm lại con. Kể cả những hành động vô ích và vô lý. Chính lúc đó ông ta hiểu ra rằng địa ngục vừa mở ra dưới chân mình và ông ta sắp mất hết: gia đình, chức vụ, danh dự. Ông ta sắp mất hết trong khi lại chẳng có nghĩa vụ gì với vụ bắt cóc đứa bé kia. Ông ta vẫn luôn chịu trách nhiệm về hành động của mình, nhưng trong vụ này vấn đề nằm ở đâu? Trong mối quan hệ giữa hai người trưởng thành đồng thuận. Trong mối quan hệ với một phụ nữ hồi đó đã ủng hộ và đảm bảo rằng mình tự do về tình dục. Trong một xã hội đạo đức giả lên án hành động ngoại tình, nhưng lại chiêm chước cho những cuộc thám sát bằng vũ khí nóng. Ông ta không muốn phải xin lỗi về cách hành xử của mình, ông ta không muốn phải làm ra vẻ ăn năn.

— Tôi đã quyết định rồi, Tad ạ, Joyce quả quyết. Bây giờ anh có thể đi được rồi.

Bà quay ngoắt người, đi ra hành lang, nhưng Tad không chịu chấp nhận mà không hành động gì. Ông ta chạy theo, bám sát bà vào tận phòng

tắm.

— Joyce, nghe anh nói này! ông ta vừa hét lên vừa túm lấy vai bà. Anh rất hiểu nỗi đau khổ mà em đang phải chịu đựng, nhưng không phải vì thế mà em phải hủy hoại anh.

Vừa tìm cách thoát khỏi tay ông ta, bà vừa giáng cho ông ta một cú đấm vào mặt. Ngạc nhiên, ông ta bắt đầu lắc bà thật mạnh.

— Bình tĩnh lại đi, chết tiệt thật! Bình tĩnh lại đi!

— Quá muộn rồi, bà ghen ngào.

— Tại sao?

— Tôi đã liên hệ với một phóng viên.

— Cô đã làm gì?

Bà nắc lên:

— Tôi đã gặp một phóng viên báo *Herald*, Florence Gallo. Cô ấy sẽ tiết lộ toàn bộ sự thật.

— Sự thật, đó là cô là đồ gái điếm bán thiu!

Bị kìm nén một thời gian dài, cơn giận dữ của Copeland bùng nổ trong lúc Joyce vẫn tìm cách thoát ra. Ông ta tát bà.

— Cứu tôi với, Florence! Cứu tôi với!

Điên cuồng vì giận dữ, Copeland lắc bà mạnh hơn rồi dữ tợn xô bà ngã ra sau.

Joyce há miệng để gào lên, nhưng không kịp. Bà ngã ngửa người, tuyệt vọng đưa tay ra hòng bầu vịu vào thứ gì đó. Gáy bà đập vào cạnh lavabo. Một tiếng rắc khô khốc, giống như tiếng gãy của một cành cây khô, vang lên trong phòng. Sững sờ, rợn người trước hành động của chính mình, Copeland đứng như trời trồng tại chỗ. Thời gian trôi đi chậm chạp như thể ngưng đọng lại. Rất lâu. Rồi quay lại nhịp điệu của nó với những cú giật nảy thô bạo.

Thân hình Joyce sũng sào trên sàn. Viên chính khách lao đến bên đầu bà, nhưng ông ta nhanh chóng hiểu rằng đã quá muộn. Trong tâm trạng choáng váng, ông ta cứ quỳ như thế chừng một phút, kiệt quệ, câm lặng, sững sờ, cả cánh tay lẫn bàn tay đều run lên bần bật. Rồi những con đê vỡ tung:

— Mình đã giết cô ấy! ông ta gào lên và òa khóc nước nỡ.

Ông ta mất kiểm soát chỉ trong vòn vẹn có ba giây!

Ba giây vừa nhấn chìm cuộc đời ông ta trong nỗi kinh hoàng.

Hai tay ôm đầu, ông ta để mặc cho cơn sóng hoảng hốt hào lên và nhấn chìm mình. Rồi nỗi kinh hoàng trở lui như thể thủy triều rút, ông ta dần tỉnh táo trở lại. Ông ta bật điện thoại di động để báo cảnh sát. Vừa đưa ngón tay trên màn hình chuẩn bị bấm số, ông ta bỗng dừng phắt lại. Một câu hỏi xoáy vào tâm trí ông ta: tại sao Joyce lại hét gọi nữ phóng viên kia để kêu cứu? Ông ta ra khỏi phòng tắm và quay vào phòng khách. Rồi mở tất cả các ngăn kéo và cánh cửa tủ; kiểm tra toàn bộ rèm, đồ mỹ nghệ và đồ gỗ trong phòng. Chưa đầy hai phút sau, ông ta đã tìm thấy chiếc điện thoại di động được gắn bằng băng dính dưới gầm chiếc bàn tròn và vội vàng tắt nó đi.

Phát hiện đó có tác dụng kỳ lạ đối với ông ta. Nó khiến ông ta thay đổi, làm biến dạng những cảm xúc. Lúc này, ông ta không hề còn ý định ra đầu thú, cúi đầu hoặc làm bất cứ hành động ăn năn nào. Ông ta dễ dàng tự thuyết phục bản thân rằng mình chẳng có tội gì. Nghĩ cho cùng, chính ông ta mới là nạn nhân thực sự. Ông ta sẽ chiến đấu và bán cái mạng của mình với giá đắt. Dù sao đi chăng nữa, cuộc đời vẫn luôn mỉm cười với ông ta. Có thể hôm nay ngôi sao hộ mệnh cũng sẽ không bỏ rơi ông ta.

Ông ta cầm điện thoại lên và bấm số của ngôi sao hộ mệnh tốt đẹp đó, người đang ngồi trong chiếc xe hơi đỗ đằng trước ngôi nhà.

— Zorah, đến đây nhanh lên! Và dẫn cả Blunt theo. Kín đáo thôi.

— Có chuyện gì thế, Tad? giọng nói đầu dây bên kia hỏi.

— Có vấn đề với Joyce rồi.

THẾ GIỚI CHIA ĐÔI...

Anna

Ngày hôm nay

Chủ nhật ngày 4 tháng Chín năm 2016

Những bức tường rỉ nước. Chỗ nào cũng ẩm ướt. Không khí nồng nặc mùi mốc và hôi thối.

Nằm dài trên sàn nhà lạnh lẽo, bên cạnh một vũng nước đọng, Anna thở yếu ớt. Hai bàn tay cô bị còng vào một đường ống dày bằng gang màu xám, hai cổ chân bị trói chặt bằng một sợi dây rút đốt trúc. Miệng cô bị nhét giẻ đến nỗi hai khóe môi nứt toác. Hai cánh tay cô run rẩy, đầu gối va vào nhau, hai bên sườn tê dại đến nỗi mất cả cảm giác đau đớn.

Bóng tối gần như đen thẫm, ngoại trừ một tia sáng le lói mỏng manh lọt qua khe hở trên mái nhà và giúp cô đoán biết được bốn bức tường của nhà tù. Nơi này là một trạm điện của ngành đường sắt đã bị bỏ không từ lâu. Một tòa tháp rộng chừng hai chục mét vuông và cao hơn chục mét, trước đây từng chứa một máy biến thế của Điện lực Pháp.

Dù bị giam cứng trong trạm biến thế cũ này, Anna vẫn nghe thấy tiếng động xa xa của những đoàn tàu và xe cộ đi lại. Cô bị giam ở đây đã gần ba ngày. Đờ đẫn, tâm trí lùng bùng, cô cố gắng nhớ lại thêm một lần nữa chuỗi sự kiện đã đưa mình đến tận đây.

Mọi chuyện đã diễn ra quá nhanh. Nhanh đến mức cô không thể hiểu nổi ý nghĩa của những gì xảy đến với mình. Ở Antibes, mọi chuyện đã bắt đầu từ cuộc tranh cãi đó, lần đối đầu dữ dội với Raphaël để rồi kết thúc trong nước mắt. Người đàn ông cô yêu đã không thể lắng nghe bí mật của cô và bỏ rơi cô, phản ứng của anh đã đè nặng và hủy diệt cô.

Từ khi biết mình có thai, cô không ngừng tự nhắc mình rằng xây dựng gia đình trên cơ sở một lời nói dối là điều không hợp lý. Và khi Raphaël đặt vấn đề, cô đã tự nguyện tỏ thái độ ít bảo thủ hơn thường lệ. Mặc dù cố khẳng định điều ngược lại khi tranh luận, nhưng cô cảm thấy gần như nhẹ

nhôm trước viễn cảnh được nói ra sự thật với anh. Được khuyến khích bởi những lời lẽ cố tỏ ra thông cảm của anh, thậm chí cô còn thoáng hy vọng anh sẽ giúp cô vượt qua tình trạng khó xử mà cô phải chịu đựng từ nhiều năm nay.

Cô đã không đạt được ý nguyện. Cảm thấy mình bị bỏ rơi và vô cùng bối rối, cô đã buông thả mình trong cơn giận dữ, giật đổ giá sách khiến nó rơi xuống làm vỡ tan chiếc bàn thấp bằng nhôm. Rồi cô gọi một chiếc xe để ra sân bay và quay về Paris.

Cô về đến nhà mình, ở Montrouge, vào khoảng một giờ sáng. Khi bước vào căn hộ, ngay lập tức cô đã cảm thấy có ai đó sau lưng mình, nhưng vừa quay lại cô đã bị một vật đập vào đầu. Khi tỉnh lại, cô thấy mình bị giam trong một kho chứa hàng.

Vài giờ sau, một chiếc xe điên cuồng đã đâm thủng cửa kho hàng. Nhưng không phải để giải thoát cô. Ngược lại, chính là để đưa cô đến một ở đây, sau một chuyến đi ngắn trong cỗ chiếc xe 4x4. Xung quanh nơi này, cô chỉ thấy thấp thoáng vài hình ảnh mơ hồ: những thửa đất trải dài được bao bọc giữa một mớ bong bóng những đường cao tốc và đường sắt. Gã đàn ông đưa cô đến đây tên là Stéphane Lacoste, nhưng gã làm việc cho một kẻ nào đó tên là Richard Angeli. Khi nghe bọn chúng nói chuyện với nhau, Anna hiểu rằng chúng là cảnh sát và điều đó không khiến cô an tâm. Một chuyện khác làm cô kinh hoàng: Angeli đã nhiều lần gọi cô là “Carlyle”. Cái tên không một ai biết đến. Tại sao quá khứ lại trỗi dậy đột ngột đến thế? Tại sao điều tồi tệ nhất lại tái diễn: bị giam cầm, nỗi khiếp sợ, niềm hạnh phúc bị phá nát?

Vì đã khóc quá nhiều, cô không còn nước mắt nữa. Cô sắp kiệt sức. Trí não cô quay cuồng, trống rỗng. Cô đang bơi giữa một màn sương mù nặng nề. Những lớp màu tro bao bọc cô khiến cô nghẹt thở. Mồ hôi và cáu ghét khô cứng lại trên quần áo cô.

Để không bị nhấn chìm, cô tự nhắc đi nhắc lại với mình rằng sẽ chẳng bao giờ có chuyện gì khủng khiếp và kinh hoàng hơn hai năm cô phải trải qua trong hang động của Kieffer. Con quái vật đó đã lấy đi của cô mọi thứ: sự trong trắng, tuổi thiếu niên, gia đình, bạn bè, tổ quốc, cuộc đời cô. Bởi vì

rốt cuộc đúng là Kieffer đã giết chết Claire Carlyle. Để tiếp tục tồn tại, cô chỉ tìm được một lối thoát: ẩn náu dưới danh tính của một người khác. Claire đã chết từ lâu. Ít ra, Anna cũng tưởng như thế cho đến những ngày vừa qua. Trước khi nhận ra rằng Claire là một kẻ quá cố ương ngạnh. Một cái bóng trắng không thể tách rời mà có lẽ cô sẽ phải chung sống với nó đến hết đời.

Một tiếng động đáng sợ. Tiếng cánh của kim loại kêu ken két. Bóng Angeli hiện ra trong ánh sáng ma mị của buổi bình minh. Gã đàn ông bước đến, tay cầm một con dao có nhiều khúc. Mọi chuyện diễn ra nhanh đến nỗi Anna còn không kịp kêu lên. Bằng một nhát cắt, Angeli làm xổ tung những sợi dây rút đứt trúc ròi tháo chiếc còng tay bằng thép. Không hiểu đang xảy ra chuyện gì, Anna lao về phía cửa và ra khỏi trạm điện.

Cô chạy vào một khu đô thị bỏ hoang, mọc đầy dương xỉ, nấm xôi và cỏ cao. Lãnh địa của ngày tận thế, rải rác những kho hàng bỏ hoang, công xưởng đổ nát và mọc đầy cây dại. Trên nền trời màu trắng sữa, những chiếc cầu cầu đứng im lìm, bất động.

Anna chạy đến hết hơi giữa *khung cảnh của đất không người đó*. Cô không nhận thấy rằng Angeli không đuổi theo mình. Thế nên cô chạy. Như cô từng chạy vào một ngày cuối tháng Mười năm 2007, trong đêm lạnh giá, xuyên qua một khu rừng ở Alsace. Một mõi đến kiệt sức, cô vừa chạy vừa tự hỏi, nói cho cùng, tại sao cuộc đời cô luôn có kết cục như thế này: chạy trốn để thoát khỏi những kẻ điên khùng, chạy trốn để thoát khỏi một số phận bị thảm và hủy diệt.

Bãi đất hoang đó nằm ở nơi giao cắt của nhiều trục đường lớn. Hẳn là đường ngoại vi và đường cao tốc khu vực Bercy-Charenton. Anna đến một công trường, và mặc dù còn rất sớm, đã có một nhóm công nhân đang ở đó sưởi ấm quanh đồng lửa. Không người nào trong số họ nói được tiếng Pháp, nhưng họ hiểu rằng cô cần giúp đỡ. Họ cố gắng trấn an cô, giúp cô bình tĩnh lại. Rồi họ đưa cho cô cốc cà phê và một chiếc điện thoại di động.

Vẫn còn thờ hồn hển, cô bấm số của Raphaël. Phải chờ một lúc cuộc hội thoại mới thực hiện được. Cuối cùng anh cũng nhắc máy, và nói luôn với cô:

— Anh biết là chúng đã thả em, Claire ạ, và sẽ không còn ai đuổi theo em nữa đâu. Từ bây giờ, mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi. Toàn bộ câu chuyện này đã kết thúc.

Cuộc hội thoại của hai người tiếp tục, ngắt quãng, như không có thực. Cô không hiểu Raphaël làm gì ở New York, cũng không biết tại sao anh lại gọi cô là Claire. Rồi cô nhận ra là anh đã biết. Tất cả: cô là ai, cô từ đâu đến, những con đường cô đã đi qua trước khi gặp anh. Cô nhận ra là thậm chí anh còn biết nhiều hơn cô, lập tức một con chóng mặt ập đến đồng thời một chuỗi những nút thắt trong lòng cô cũng được tháo gỡ.

— Từ bây giờ, mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi, anh lại trấn an cô lần nữa.
Cô những muốn tin như thế biết bao.

Claire

Một ngày sau

Thứ Hai ngày 5 tháng Chín năm 2016

Tôi đã quên mất mình yêu âm thanh ở Manhattan đến chừng nào. Những rung động lan tỏa, gần như khiến ta yên lòng, tiếng xe cộ ầm ì đằng xa, thứ âm thanh bỗng bẽn lẽn nhắc tôi nhớ lại thời thơ ấu.

Tôi thức dậy trước tiên. Tôi gần như không hề ngủ. Tôi quá phấn khích, quá mất phương hướng đến nỗi không thể tìm thấy một giấc ngủ yên bình. Hai mươi bốn giờ vừa qua, tôi đã chuyển từ nỗi tuyệt vọng đen tối nhất sang những thời khắc sáng khoái và sửng sờ. Tràn trề cảm xúc. Một vòng quay lớn hình số tám chóng mặt khiến tôi cùng lúc cảm thấy choáng váng, kiệt sức, hạnh phúc lẫn buồn bã.

Cẩn thận để không làm anh thức giấc, tôi rúc vào hõm vai Raphaël. Nhắm mắt và tua lại đoạn phim về thời khắc chúng tôi gặp lại nhau hôm qua. Tôi đến sân bay Kennedy ở New York, tìm thấy lại khi nhìn thấy bác và dì tôi cùng các em họ, ai cũng già đi mười tuổi, bé Théo chạy đến và lao vào vòng tay tôi để đòi được âu yếm.

Rồi đến Raphaël, tất nhiên, người đã tặng tôi bằng chứng rằng anh là người đàn ông tôi hằng chờ đợi. Người có thể đi tìm tôi ở nơi tôi lạc lối. Nơi cuộc đời tôi đã chấm dứt. Người đã trả lại quá khứ, gia đình, con cái cho tôi.

Tôi vẫn chưa thể chấp nhận toàn bộ câu chuyện anh kể với tôi. Từ nay trở đi, tôi biết bố mình là ai. Nhưng tôi cũng biết rằng vì tôi - thậm chí là vì sự tồn tại của tôi - bố tôi đã giết mẹ tôi. Ngoại trừ việc làm giàu cho một chuyên gia tâm lý trong vòng hai mươi năm tới, tôi vẫn chưa quyết định được mình sẽ làm gì với thông tin này.

Tôi thấy mất cân bằng, nhưng bình thản. Tôi biết mình đã kết nối lại với gốc rễ của mình và mọi việc sẽ dần ổn định trở lại.

Tôi tin tưởng. Bí mật của tôi chắc chắn sẽ được giữ kín. Tôi đã tìm lại được danh tính của mình mà không bắt buộc phải công khai thừa nhận nó. Tôi đã tìm lại được gia đình mình và rốt cuộc người đàn ông tôi yêu cũng biết thật ra tôi là ai.

Từ khi được giải thoát khỏi chuyện này - theo tất cả ý nghĩa của từ “giải thoát” tôi nhận ra rằng những năm tháng qua, sức nặng của lời nói dối rốt cuộc đã khiến tôi thay hình đổi dạng, dần vật tôi, biến tôi thành một con tắc kè hoa, luôn luôn trốn chạy, luôn phải dè chừng, có thể luôn lách giữa vô vàn khó khăn, nhưng lại không có chút gốc rễ nào, không niềm tin cũng không điểm neo đậu.

Tôi nhắm mắt. Những kỷ niệm dễ chịu về bữa tối hôm qua vẫn còn bồng bềnh trong tâm trí tôi: bữa tiệc nướng trong vườn, những tràng cười lẫn tiếng khóc của bác Angela và dì Gladys khi biết rằng tôi sắp làm mẹ, cảm xúc khó tả khi gặp lại con phố của tôi, ngôi nhà cũ của tôi, khu phố mà tôi từng yêu thương xiết bao. Mùi hương của buổi tối, mùi bánh ngô, mùi gà chiên và mùi bánh kẹp. Bữa ăn tối kéo dài, âm nhạc, những bài hát, những ly rượu rum, những đôi mắt lấp lánh hạnh phúc...

Tuy nhiên, chẳng mấy chốc, cuốn phim chậm lại rồi dừng hẳn, nhường chỗ cho những hình ảnh khác, đen tối hơn. Đó là giấc mơ của tôi đêm qua, giữa giấc ngủ chập chờn. Tôi lại nhìn thấy mình, buổi tối không thể nào quên đó, khi quay về Montrouge. Đúng lúc đẩy cánh cửa căn hộ, tôi cảm thấy có nguy hiểm rình rập và một bóng người đằng sau. Khi tôi quay lại, một cây đèn pin nặng bằng nhôm giáng xuống đầu tôi.

Con đầu như sét đánh nổ tung trong đầu tôi. Mọi thứ bắt đầu quay cuồng xung quanh và tôi ngã vật ra sàn nhà. Nhưng tôi không ngất đi ngay lập tức. Trước khi tất cả trở nên tối om, trong khoảng hai ba giây gì đó, tôi đã nhìn thấy...

Tôi không biết nữa, và đó chính là điều đã dần vật tôi cả đêm qua. Tôi cố tập trung, nhưng trí não tôi trống rỗng. Một màn sương mù dày đặc và trắng như sữa ngăn không cho tôi nhớ lại mọi chuyện. Tôi cố giữ lại những hình ảnh đang chạy trốn. Tôi cố ép. Những mẫu ký ức hiện ra từ trong màn sương mù. Mơ hồ, mỏng mảnh, giống như lớp màng phim chỉ thu nhận

được những cảnh tượng vẽ bằng phấn. Rồi những đường nét rõ dần. Tôi nuốt nước bọt. Tim tôi đập rộn lên. Trong vài giây đó, trước khi bất tỉnh, tôi đã nhìn thấy... những mảnh gỗ lát sàn, chiếc túi mà tôi vừa thả rơi, chiếc tủ bị lục tung, cánh cửa phòng ngủ mở hé. Và ở đó, trên sàn nhà, trong khe cửa, có một... con chó. Con chó bông màu hạt dẻ có đôi tai to và cái mõm tròn. Chính là Fifi, con chó bông của Théo!

Tôi bật dậy, ra khỏi giường. Mồ hôi túa ra. Tim tôi đập như muốn nảy khỏi lồng ngực. *Chắc là tôi đã nhầm.* Thế nhưng lúc này ký ức của tôi lại rõ mồn một.

Tôi cố gắng đưa ra cách giải thích hợp lý, nhưng không tìm được cách nào. Không thể có chuyện con chó bông của Théo xuất hiện ở Montrouge, lý do đơn giản và thuyết phục là Raphaël chưa từng đưa con trai đến căn hộ của tôi. Ấy thế mà, tối đó, Raphaël đang ở Antibes. Chính Marc Caradec là người trông Théo.

Marc Caradec...

Tôi ngần ngại không muốn đánh thức Raphaël. Tôi xỏ chân vào quần jean, mặc chiếc áo sơ mi vứt lăn lóc trên băng ghế dài ở đầu giường và ra khỏi phòng ngủ. Căn phòng khách sạn hạng sang kéo dài với một phòng khách nhỏ có cửa kính nhìn ra sông Hudson. Mặt trời đã lên cao. Tôi nhìn lên đồng hồ treo tường. Đã muộn rồi, gần 10 giờ. Tôi ngồi xuống bên bàn và đưa hai tay lên ôm đầu, cố gắng sắp xếp lại ý nghĩ.

Làm sao con chó bông lại ở đó được? Chỉ có một cách giải thích: Théo, và cũng có nghĩa là Marc Caradec, đã có mặt ở nhà tôi vào đêm đó. Nhân lúc chúng tôi đi du lịch ở Antibes, có lẽ Marc đã đột nhập vào căn hộ của tôi để lục lọi. Nhưng việc tôi đột ngột quay trở về đã phá hỏng kế hoạch của ông ta. Tôi vừa về đến nhà, ông ta đã đánh ngất tôi bằng cây đèn pin của mình, sau đó giam tôi trong cái kho giữ đồ kia ở Paris.

Nhưng vì lý do gì?

Tôi bàng hoàng. Phải chăng từ lâu Marc đã đoán ra tôi là ai, chứ không phải mới đây như ông ta vẫn khẳng định? Dù là như thế, thì tại sao ông ta lại oán hận tôi? Phải chăng chính ông ta đã tấn công Clotilde Blondel? Phải chăng chính ông ta đã chơi trò hai mặt phá hoại ngay từ đầu?

Một linh cảm kinh hoàng lướt qua tâm trí tôi. Tôi phải kiểm tra một chuyện.

Tôi lao đến bên ghế xô pha, nơi đặt chiếc túi du lịch.

Tôi mở túi và lục tìm để lấy ra thứ mình đang tìm kiếm: một cuốn sổ lớn có bìa cứng màu xanh lam. Cuốn sổ mà tôi đã lấy được vào buổi tối trốn chạy khỏi nhà Heinz Kieffer. Cuốn sổ vẫn được giấu kín ở nhà tôi, nhét sâu đằng sau tấm phào chân tường, bên cạnh chiếc túi đựng tiền. Cuốn sổ mà cả Raphaël và Marc đều chưa từng nhìn thấy. Cuốn sổ đã thay đổi cuộc đời tôi, và tôi đã đi lấy lại sáng qua sau khi được Angeli thả ra. Cùng với hộ chiếu và vài bộ quần áo.

Tôi lật giở từng trang. Tìm một đoạn cụ thể mà tôi vẫn còn nhớ. Cuối cùng, khi tìm thấy nó, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần, cố gắng hiểu ra ẩn ý phía sau từng câu chữ. Rồi tim tôi như đông cứng lại.

Và tôi hiểu ra mọi chuyện.

Tôi mở cửa phòng Théo. Bé không còn nằm trên giường. Thay vào đó là mấy dòng chữ nhắn gửi viết trên giấy có tiêu đề của khách sạn.

Không bỏ phí một giây, tôi xỏ giày; đặt tờ giấy nhắn lên bàn ở cửa ra vào và vớ lấy chiếc ba lô rồi nhét cuốn sổ bìa xanh vào đó. Thang máy, quầy lễ tân. Trên một tờ rơi trong phòng, tôi đã nhìn thấy Bridge Club cho khách hàng mượn xe đạp miễn phí. Tôi vớ lấy chiếc xe đầu tiên mà họ đưa cho rồi đạp xe lao về phía đường Greenwich.

Trời có mây nhẹ và gió thổi qua các phố từ Tây sang Đông. Tôi đạp xe giống như khi còn là một cô bé. Đầu tiên là về phía Nam, sau đó, ngoặt ngay vào đường Chambers. Gặp lại những cảm giác đã bị lãng quên. New York là thành phố của tôi, là một phần con người tôi. Dù đã nhiều năm trôi qua, tôi vẫn thuộc lòng hình dạng của nó, mạch đập của nó, hơi thở của nó, những luật lệ của nó.

Trong đoạn phố kéo dài, những tòa tháp nhỏ lấp lánh ánh xà cừ của Tòa thị chính cao sừng sững bốn mươi tầng. Tôi lao qua mái vòm đồ sộ để rẽ vào đường dẫn lên cầu Brooklyn dành cho xe đạp. Cuối cùng, khi lên đến đầu cây cầu nhỏ, tôi luồn lách giữa những chiếc xe hơi và men theo công viên Cadman Plaza, rồi thả cho xe chạy dọc bờ sông Đông.

Tôi đang ở trung tâm Dumbo, một trong những khu công nghiệp vĩ
bến cảng cổ của thành phố, nằm giữa cầu Brooklyn và cầu Manhattan.
Thỉnh thoảng, tôi từng cùng mẹ đi dạo đến đây. Tôi vẫn nhớ những mặt tiền
bằng gạch đỏ, những bến cảng cũ kỹ và những kho hàng được cải tạo quay
về phía một dãy nhà chọc trời.

Tôi đến một khu được bao bọc bởi những thảm cỏ nhấp nhô chạy dài
về phía một lối đi dạo lát gỗ hướng về phía Manhattan. Cảnh đẹp khiến ta
nghet thở. Tôi dừng lại một lát để ngắm nghía. Tôi đã trở lại.

Lần đầu tiên trong đời, tôi thực sự trở thành “cô gái Brooklyn”.

Raphaël

Đắm chìm trong niềm hạnh phúc vì đã tìm lại được Claire, tôi không nhận thấy đêm trôi qua, mà vui mình trong giấc ngủ sâu và nhẹ nhõm. Phải công nhận là chị em nhà Carlyle có năng khiếu tiệc tùng. Tối hôm qua, để ăn mừng cháu gái trở về, hai bà đã chuốc rượu tôi đến tận khuya với vô số ly cocktail nhà làm từ rượu rum trắng và nước ép dứa.

Tiếng chuông điện thoại kéo tôi khỏi giấc nồng. Tôi nhấc máy và khó nhọc nhóm dậy tìm Claire trong phòng. Nàng không có ở đó.

— Raphaël Barthélémy? Giọng nói ở đầu dây bên kia nhắc lại.

Là Jean-Christophe Vasseur, viên cảnh sát đã xác định dấu vân tay của Claire giúp Marc Caradec. Hôm qua, tôi đã tìm được số điện thoại của anh ta và đã để lại nhiều lời nhắn trên hộp thư thoại. Trong lúc chờ Claire đến, tôi liên tục tua lại cuốn phim về câu chuyện của chúng tôi, và trong nỗ lực dừng lại mọi chuyện, tôi vấp phải một số đoạn rời rạc, lạc vào một vài đoạn còn bỏ trống. Phần lớn thắc mắc của tôi liên quan đến chất xúc tác gây ra thảm kịch mà chúng tôi vừa trải qua. Đặc biệt là một câu hỏi không ngừng trở lại: làm thế nào mà Richard Angeli, gã cảnh sát được Zorah thuê, lại phát hiện ra danh tính thực sự của Anna Becker? Tôi chỉ tìm ra một câu trả lời phù hợp: bởi vì Vasseur đã báo cho gã.

— Cảm ơn vì đã gọi lại cho tôi, trung úy ạ. Để không làm mất thời gian của anh, tôi sẽ nói thẳng vào vấn đề...

Sau một phút trò chuyện, trong khi cố gắng cùng anh ta gỡ rối những tình tiết trong câu chuyện, tôi hiểu ra rằng Vasseur đang lo lắng.

— Khi Marc Caradec yêu cầu tôi nhập dấu vân tay vào hệ thống lưu trữ, tôi đã làm mà không nghi ngờ gì, anh ta kể. Tôi chỉ muốn giúp đỡ một đồng nghiệp cũ.

Và nhân tiện bỏ túi 400 euro..., tôi nghĩ nhưng không nói gì. Không nên gây chuyện với gã này.

— Nhưng tôi đã rất ngạc nhiên khi biết vân tay này thuộc về cô bé Carlyle, anh ta nói tiếp. Sau khi gửi kết quả cho Marc, thậm chí tôi còn hết sức lo lắng. Việc vi phạm này sẽ quay lại như một chiếc boomerang và làm nổ tung mặt tôi, chắc chắn là thế! Vì lo lắng, tôi đã nói với Richard Angeli.

Vậy là tôi đã đoán đúng.

— Anh biết anh ta lâu chưa?

— Anh ấy là trưởng nhóm ở đội cảnh sát phòng chống tội phạm vị thành niên của chúng tôi trước đây, Vasseur giải thích. Tôi đã nghĩ anh ấy sẽ cho tôi lời khuyên đúng đắn.

— Anh ta đã nói gì với anh?

— Rằng tôi gọi cho anh ấy là đúng, và...

—Và..!?

— Và anh ấy sẽ thu xếp chuyện này, nhưng điều rất quan trọng là tôi không được tiết lộ kết quả này với bất cứ ai khác.

— Anh có nói với anh ta về Marc không?

— Vasseur khó nhọc ấp úng:

— À thì, tôi cũng bị ép buộc...

Tôi vừa ra khỏi phòng ngủ. Phòng khách vắng tanh, giường con trai tôi cũng vậy. Nhưng tôi không lo lắng. Đã muộn rồi. Hẳn là Théo đã đói meo và Claire đưa bé xuống ăn sáng. Định xuống gặp hai cô cháu, tôi mặc quần, xỏ chân vào đôi giày thể thao, kẹp điện thoại vào hõm vai rồi bắt đầu buộc dây.

— Cụ thể thì anh có biết Angeli đã làm gì với thông tin của anh không?

— Không hề, viên cảnh sát đảm bảo với tôi. Tôi đã tìm cách liên hệ với anh ấy nhiều lần, nhưng anh ấy không gọi lại cho tôi.

— Anh đã không tìm cách gọi thẳng cho anh ta ở nhà riêng hoặc chỗ làm sao?

— Có chứ, đương nhiên, nhưng anh ấy không trả lời bất cứ cuộc gọi nào của tôi cả.

Logic thôi. Cho đến lúc này, Vasseur vẫn chưa tiết lộ với tôi điều gì đáng kể. Anh ta chỉ khẳng định lại các linh tính của tôi. Trong lúc sắp sửa

gác máy, tôi quyết định đặt một câu hỏi cuối cùng. Một cách để khóa chốt vấn đề. Không mong đợi biết thêm gì nhiều, tôi hỏi:

— Anh đã báo cho Angeli những gì anh biết được vào ngày nào?

— Tôi đã ngần ngại rất lâu. Cuối cùng, tôi đã nói với anh ấy một tuần sau khi nói với Caradec.

Tôi nhú mào. Cách giải thích này không thuyết phục còn chưa đầy một tuần, chính xác là chỉ mới gần bốn ngày kể từ khi Marc lấy dấu vân tay của Claire trên chiếc cốc ở trong bếp nhà tôi. Viên cảnh sát này được lợi ích gì khi nói dối lộ liễu như vậy?

Gần như miễn cưỡng, một thoáng nghi ngờ hiện lên trong tâm trí tôi.

— Tôi không hiểu, anh Vasseur ạ, Marc đã nhờ anh tìm dấu vân tay vào ngày nào vậy?

Viên cảnh sát đáp không chút lưỡng lự:

— Chính xác là mười hai ngày trước. Tôi vẫn rất nhớ vì hôm đó là buổi chiều cuối cùng trong kỳ nghỉ của tôi và con gái: thứ Tư ngày 24 tháng Tám. Tối hôm đó, tôi chở Agathe ra ga phía Đông để con bé lên tàu về nhà mẹ. Tôi đã hẹn Caradec ở đó: quán Ba Người Bạn, nằm đối diện với nhà ga.

Tôi đã thôi buộc dây giày được một lát. Đúng lúc tôi không chờ đợi nhất, một phần cuộc đời tôi lại vừa trật khỏi đường ray.

— Thế anh gửi lại kết quả cho ông ấy khi nào vậy?

— Hai hôm sau, ngày 26.

— Anh chắc chắn chứ?

— Tất nhiên, có chuyện gì vậy?

Tôi sửng sốt. Vậy là từ mười ngày nay, Marc đã biết Claire là ai! Ông đã lén lút lấy dấu vân tay của bạn gái tôi rất lâu trước khi nàng mất tích. Rồi lại diễn toàn bộ vở kịch này từ đầu. Còn tôi thì thật ngây thơ, chẳng hề biết gì cả.

Nhưng vì lý do gì mới được chứ, chết tiệt thật?

Trong khi tôi đang tự hỏi mình về động cơ của ông, một cuộc gọi khác buộc tôi phải ngừng dòng suy nghĩ. Tôi cảm ơn Vasseur rồi nhận cuộc gọi.

— Anh Barthélémy à? Tôi là Malika Ferchichi. Tôi làm việc tại trung tâm tiếp đón bệnh nhân Sainte-Barbe ở...

— Tất nhiên, tôi biết rất rõ cô là ai, Malika ạ. Marc Caradec đã nói với tôi về cô.

— Tôi có số điện thoại của anh qua bà Clotilde Blondel.

— Bà ấy vừa hồi tỉnh sau cơn hôn mê, vẫn còn rất yếu, nhưng bà ấy muốn chắc chắn là cháu gái bà ấy được an toàn. Thật điên rồ vì không có ai thông báo với chúng tôi về việc bà ấy bị tấn công! Ở đây, chúng tôi đang lo lắng vì không thấy bà ấy đến!

Cô gái có chất giọng thật khác biệt. Trầm nhưng trong trẻo.

Dù thế nào, tôi cũng nhẹ cả người khi được biết bà Blondel đã khỏe hơn, tôi nói. Mặc dù tôi không hiểu tại sao bà ấy lại cho cô số điện thoại của tôi lắm...

Malika im lặng một lát, rồi nói:

— Anh là bạn của Marc Caradec, đúng không?

— Chính xác.

— Không hiểu... Không hiểu anh có biết quá khứ của ông ấy không?

Tôi tự nhủ rằng, từ năm phút trở lại đây, tôi có cảm giác không hề biết gì về ông ấy.

— Chính xác thì cô định ám chỉ điều gì vậy?

— Anh có biết tại sao ông ấy lại rời bỏ ngành cảnh sát không?

— Ông ấy bị đạn lạc trong một vụ can thiệp: một vụ cướp cửa hàng trang sức gần quảng trường Vendôme.

— Chính xác, nhưng đó không phải là lý do thật sự. Đến lúc đó, Caradec đã chỉ còn là cái bóng của chính mình được một thời gian rồi. Sau khi trở thành một cảnh sát xuất sắc, đã nhiều năm ông ấy liên tục nghỉ ốm và đi điều trị ở Courbat.

— Courbat? Là chỗ nào vậy?

— Một trung tâm y tế nằm ở Ihdre-et-Loire, gần Tours. Mà chủ yếu tiếp nhận các cảnh sát bị suy sụp, nghiện rượu hoặc ma túy.

— Cô lấy đâu ra những thông tin này vậy, Malika?

— Từ bố tôi. Ông là trưởng nhóm cảnh sát chống ma túy. Chuyện của Marc thì trong ngành cảnh sát ai cũng biết.

— Tại sao? Một cảnh sát bị suy sụp đâu phải là chuyện đặc sắc lắm nhỉ?

— Không chỉ có thế. Anh có biết việc vợ Marc đã mất không?

— Tất nhiên.

Tôi không thích giọng điệu của cuộc nói chuyện này và điều mình vừa được biết về Marc, nhưng sự tò mò đã lấn át mọi suy nghĩ khác.

— Anh có biết bà ấy đã tự sát không?

— Có, ông ấy có nhắc đến chuyện đó với tôi vài lần.

— Anh không tìm cách hỏi kỹ thêm về chuyện đó sao?

— Không. Tôi không thích đặt cho người khác những câu hỏi mà tôi không thích người ta hỏi mình.

— Vậy là anh không biết gì về chuyện con gái ông ấy?

Tôi đã quay vào phòng khách. Tôi vắn người để mặc áo vest và cầm chiếc ví đặt trên bàn.

— Có, tôi có biết rằng Marc có một cô con gái. Theo tôi hiểu, hai cha con không gặp nhau thường xuyên. Tôi nghĩ cô bé đang học đại học ở nước ngoài.

— Ở nước ngoài? Anh nói đùa đấy à. Louise đã bị sát hại từ mười năm trước!

— Cô nói gì vậy?

— Louise, con gái ông ấy, đã bị bắt cóc, nhốt giam và sát hại bởi một kẻ giết người từng hoành hành vào giữa những năm 2000.

Một lần nữa, thời gian ngừng lại. Đứng bất động trước cửa kính, tôi nhắm mắt và đưa tay xoa lông mày. Một tia chớp lóe lên. Một cái tên. Tên của Louise Gauthier, nạn nhân đầu tiên của Kieffer, bị bắt cóc lúc 14 tuổi, vào tháng Mười hai năm 2004, trong khi đang đi nghỉ tại nhà ông bà ở gần Saint-Brieuc, trong vùng Côtes-d'Armor.

— Cô muốn nói rằng Louise Gauthier là con gái của Marc Caradec sao?

— Bố tôi nói thế.

Tôi giận bản thân mình. Ngay từ đầu, một phần sự thật đã nằm trước mắt tôi. Nhưng làm sao tôi có thể giải mã được điều đó chứ?

— Chờ đã. Tại sao cô bé lại không mang họ của bố?

Không hổ danh là con gái của cảnh sát, Malika luôn có câu trả lời cho mọi vấn đề:

— Hồi đó, Marc đang phụ trách những hồ sơ nóng ở BRB. Với những cảnh sát đảm nhận các nhiệm vụ nguy hiểm như ông ấy, việc cố gắng giữ kín danh tính con cái để tránh bị tổng tiền hoặc bắt cóc là điều khá quen thuộc.

Cô ấy có lý, tất nhiên.

Cảm thấy chóng mặt, tôi phải chập vạt mới hiểu được toàn bộ ý nghĩa của lời tiết lộ này. Trong khi câu hỏi cuối cùng đang chực vượt khỏi môi, tôi nhìn thấy tờ giấy nhẵn nằm lẫn lóc trên mặt bàn bên cạnh cửa ra vào. Chỉ có một câu, viết trên giấy có tiêu đề của khách sạn:

Raph,

*Tôi đưa Théo đi cưỡi ngựa gỗ ở công viên giải trí Jane's
Carousel tại Brooklyn.*

Marc

Nỗi sợ hãi đột ngột xâm chiếm tôi. Tôi lao ra khỏi phòng ngủ, và trong lúc chạy xuống cầu thang, tôi hỏi Malika:

— Bây giờ, cô có định nói tại sao cô thấy cần phải gọi cho tôi không thể?

— Để nhắc anh cẩn thận. Clotilde Blondel nhớ rất rõ kẻ đã tấn công mình, bà ấy đã khai với viên cảnh sát hỏi cung bà ấy và mô tả lại với tôi.

Cô ngừng một lát, rồi thốt ra câu nói mà rốt cuộc tôi đã đoán ra được:

— Mô tả chân dung của bà ấy trùng khớp hoàn toàn với Marc Caradec.

Marc

Brooklyn

Thời tiết đã thay đổi.

Lúc này, trời đã lạnh hơn, bầu trời xám xịt và gió thốc lồng lộng. Trên con đường đi dạo lát gỗ chạy dọc theo bờ sông, những người đi dạo rùng mình, kéo cao cổ áo, khoanh tay lại trước ngực. Ở mấy quầy bán hàng rong, cà phê nóng và hot-dog đã thay thế cho những cốc kem lạnh.

Ngay cả nước sông Đông cũng ngả màu xanh xám. Trong tiếng thở dài khàn đặc, những con sóng gầm gừ, cuộn lên và tung bọt trắng ven bờ, bắn tóe lên những người qua đường.

Trên một thảm mây màu xám ngọc trai nổi bật lên đường chân trời của phía Nam Manhattan. Một chuỗi những tòa nhà chọc trời có kích thước không đồng đều và thuộc các thời kỳ khác nhau: chòm nhọn ngạo nghễ của Trung tâm Thương mại Một Thế giới, tòa tháp đồ sộ Gehry trong chiếc váy bằng kim loại, mặt tiền tân cổ điển và mái chóp nhọn của tòa án. Gần hơn, ngay bên cạnh cây cầu, là những tòa nhà cho thuê giá rẻ bằng gạch nâu thuộc khu Two Bridges.

Claire bỏ chiếc xe đạp lại trên thảm cỏ. Gần con đê chắn sóng, cô nhìn thấy một mái vòm bằng kính đồ sộ, che phủ một vòng quay ngựa gỗ từ những năm 1920 đã được cải tạo lại hoàn hảo. Vòng đua như thế được đặt trên mặt nước. Những con ngựa bằng gỗ cũ kỹ đặt bên cạnh dây cao ốc thấp thoáng qua lớp tường bao bằng kính có điều gì đó khiến ta bối rối và như thể bị thôi miên.

Bị nổi lo lắng giày vò, cô nheo mắt, nhìn kỹ từng con ngựa, từng chiếc khinh khí cầu, từng máy bay cánh quạt đang quay theo nhịp chiếc đàn hộp quay tay.

— Chào Théo! cô hét lên khi rốt cuộc cũng nhận ra con trai của Raphaël, cậu bé đang ngồi bên Marc Caradec trong một mô hình xe ngựa

thu nhỏ.

Cô lấy trong túi ra hai đô la, trả tiền vé và chờ đến khi chiếc bệ tròn dừng lại để đến bên họ. Cậu bé rất rạng rỡ và phấn khởi chào đón cô. Đôi bàn tay bé xiu cầm chiếc bánh phồng to tướng mà Marc đã đưa cho bé. Cả khuôn mặt tròn xoe lẫn phần yếm trên chiếc quần yếm bê bết sô cô la, và bé có vẻ rất thích thú vì điều đó.

— Có sô-cô-la. Sô-cô-la! bé vừa nói vừa giơ chiếc bánh lên, rất đổi tự hào vì đã học được một từ mới.

Trong khi Théo rất phấn khởi, thì Caradec lại có vẻ như kiệt sức. Những nếp nhăn hằn sâu trên trán và rạch thành nhiều đường xung quanh đôi mắt sáng của ông. Bộ râu rậm xồm xòa che khuất đến ba phần tư khuôn mặt xám xịt. Ánh mắt trống rỗng và không chút thần sắc khiến ta có cảm giác ông đang ở nơi khác, như thể đã bị tách rời khỏi thế giới.

Trong khi vòng quay ngựa gỗ tiếp tục khởi hành, tiếng sấm bắt đầu vang lên ầm ì. Claire ngồi vào chiếc ghế bên trong xe mô hình, trước mặt Caradec.

— Ông là bố của Louise Gauthier, đúng không?

Viên cảnh sát vẫn im lặng vài giây, nhưng ông biết rằng đã đến lúc không còn che giấu được nữa, Đã đến lúc đưa ra lời giải thích quan trọng mà ông chờ đợi suốt mười năm nay. Ông nhìn thẳng vào mắt Claire và bắt đầu kể câu chuyện của chính mình:

— Khi Louise bị Kieffer bắt cóc, con bé mới mười bốn tuổi rưỡi. Mười bốn là độ tuổi phức tạp đối với một đứa con gái. Hồi đó, Louise trở nên khó chịu và thất thường vô cùng, đến nỗi hai vợ chồng tôi quyết định gửi nó đến nghỉ lễ Noel ở nhà bố mẹ tôi tại Bretagne.

Ông dừng lại để chỉnh chiếc khăn quàng cho Théo.

— Hôm nay, tôi rất đau đớn khi phải thừa nhận điều này, ông thở dài, nhưng con gái chúng tôi đã tuột khỏi tay bố mẹ. Nó chỉ còn biết đến đám bạn trai, những vụ đi chơi và đủ trò ngốc nghếch khác. Tôi phát điên lên khi thấy nó như thế. Nói thật với cô, lần cuối cùng hai bố con nói chuyện, tôi và nó đã cãi nhau kịch liệt. Nó gọi tôi là đồ khốn và tôi đã giáng cho nó hai cái tát.

Nghe ngào xúc động, Marc nhắm mắt vài giây rồi nói tiếp:

— Khi biết rằng Louise không về nhà, lúc đầu vợ tôi tưởng nó bỏ nhà đi. Không phải lần đầu con bé giở trò đó với chúng tôi, nó đã từng đến ngủ ở nhà bạn và ba mươi sáu tiếng đồng hồ sau lại quay về nhà. Còn tôi, do bị bệnh nghề nghiệp, tôi đã bắt đầu điều tra ngay lập tức. Tôi đã không chớp mắt suốt ba ngày đêm. Tôi lục tung khắp nơi, nhưng tôi nghĩ một cảnh sát sẽ không còn đủ sắc sảo khi điều tra vụ án có liên quan trực tiếp đến mình. Càng liên quan nhiều, anh ta lại càng dễ mất khả năng suy xét. Hơn nữa, tôi đã làm việc ở BRB được mười năm. Công việc hằng ngày của tôi là các băng cướp và những kẻ trộm cắp đồ trang sức, chứ không phải là bắt cóc trẻ em. Tuy nhiên, tôi vẫn ngả theo hướng cho rằng mình sẽ tìm được Louise nếu không bị ngã bệnh một tuần sau khi con bé mất tích.

— Ông bị ngã bệnh sao?

Trong vài giây, Marc thở dài và đưa hai tay lên ôm lấy đầu.

— Đó là một căn bệnh kỳ lạ, nhưng là bác sĩ hẳn cô có biết: hội chứng Guillain-Barré.

Claire gật đầu.

— Rối loạn hệ thần kinh ngoại biên do thoái hóa hệ thống miễn dịch.

— Đúng là nó. Cô thức dậy vào một buổi sáng đẹp trời và chân tay cô nhẹ bồng. Kiến bò trong đùi và bắp chân cô, như thể cô vừa bị một luồng điện chạy qua người. Rồi, khá nhanh sau đó, hai chân cô nặng trĩu cho đến khi tê liệt hoàn toàn. Con đau lan lên sườn, lên ngực, lên lưng, lên cổ và lên mặt cô. Cô nằm trên giường bệnh, bị đóng băng, tê liệt, như biến thành một bức tượng. Cô không thể dậy nổi, không thể nuốt nổi, không thể nói nổi. Cô không còn khả năng điều tra về vụ bắt cóc đứa con gái mười bốn tuổi của mình. Tim cô cuồng lên, đập loạn xạ, không thể kiểm soát nổi. Cô mắc nghẹn bất cứ khi nào người ta đưa thức ăn vào miệng cô. Và bởi vì cô không thể hít thở được nữa, người ta nhét cả loạt ống vào khắp người cô, để cô không bị chết quá nhanh.

Ngồi sát bên cạnh nhưng lại quá đỗi xa xôi với những nỗi bận tâm của chúng tôi, Théo vui sướng với mọi thứ, bé lắc người từ sau ra trước theo nhịp nhạc.

— Tôi đã ở trong tình trạng đó gần hai tháng, Marc nói tiếp. Rồi những triệu chứng bắt đầu thuyên giảm, nhưng tôi không bao giờ bình phục hoàn toàn từ sau trận ốm chết tiệt đó. Khi tôi có thể đi làm trở lại, thì đã gần một năm trôi qua. Cơ may tìm thấy Louise gần như đã không còn. Liệu rằng, nếu không bị ốm trận đó, tôi có thể cứu được con gái mình không? Tôi không bao giờ biết được câu trả lời. Nói riêng với cô, có chiều hướng tôi sẽ bảo với cô là “không” và đó là điều không thể chịu đựng nổi. Tôi xấu hổ với Élise. Xử lý các vụ điều tra là công việc của tôi, lẽ sống của tôi, chức trách của tôi trong xã hội. Nhưng tôi không có người phụ tá, không thể tiếp cận các hồ sơ khác nhau, và nhất là tôi không có được những ý tưởng rõ ràng.

Tôi lại càng có ít điều kiện hơn sau khi vợ tôi tự sát.

Vòng quay bắt đầu chạy chậm dần. Nước mắt bắt đầu lăn trên má Caradec.

— Élise không thể nào sống nổi với chuyện đó, ông khẳng định, hai bàn tay siết lại thành nắm đấm. Nỗi nghi ngờ, cô biết không? Nó còn tệ hơn mọi thứ. Nó là thứ chất độc nguy hại cuối cùng sẽ giết chết cô.

Chiếc xe mô hình dừng lại. Théo đòi đi thêm vòng nữa, nhưng trước khi cơn mề nheo nổi lên, Marc đã dụ cậu bé đi dạo bên bờ sông. Sau khi kéo cao khóa áo bu đông, ông bế cậu bé lên tay, và cùng với Claire men theo con đường đi dạo bằng gỗ chạy dọc bờ sông Đông. Ông chờ đến khi đặt cậu bé xuống những thanh ván ghép màu xám rồi mới tiếp tục lời tự thú đầy đau đớn:

— Khi họ tìm thấy thi thể cháy đen của Louise ở nhà Kieffer, lúc đầu tôi như cảm thấy nhẹ cả người. Cô tự nhủ là bởi vì con gái cô đã chết, nên ít ra nó cũng không còn đau đớn nữa. Nhưng nỗi đau trở lại rất nhanh, giống như một chiếc boomerang. Và thời gian chẳng chữa lành được điều gì: đó là nỗi kinh hoàng chung thân. Nỗi kinh hoàng vô tận. Đừng tin vào những thứ ngu ngốc mà cô đọc được trong các tạp chí hoặc sách tâm lý: việc để tang, niềm an ủi... Tất cả những thứ đó đều không tồn tại. Hay ít ra là không tồn tại khi mà con cô bị mất tích trong hoàn cảnh như hoàn cảnh đã dẫn đến cái chết của Louise. Con gái tôi không bị đánh gục vì bạo bệnh.

Con bé không chết vì tai nạn xe hơi, cô hiểu chứ? Nó đã sống sót nhiều năm trong móng vuốt của một con quái vật. Khi nghĩ đến nỗi đau khổ dai dẳng của nó, cô chỉ muốn tự sát để chấm dứt con hồng thủy kinh hoàng đang ồ ạt dâng lên trong não cô!

Caradec gần như hét lên để tiếng nói của ông át tiếng gió rít.

— Tôi biết cô đang có thai, ông nói và tìm cách để ánh mắt mình bắt gặp ánh mắt Claire. Khi trở thành mẹ, cô sẽ hiểu rằng thế giới chia làm hai: những người có con và những người còn lại. Làm mẹ sẽ khiến cô hạnh phúc hơn, nhưng cũng khiến cô dễ bị tổn thương hơn. Để mất con mình là con đường thập giá vĩnh viễn, một vết rách mà không gì có thể vá lại được. Mỗi ngày, cô tưởng đã trải qua điều tồi tệ nhất, nhưng điều tệ nhất vẫn đang ở phía trước. Và nói cho cùng, cô có biết điều tệ nhất là gì không? Đó là những ký ức ứa tàn, héo hắt dần và cuối cùng sẽ biến mất. Một buổi sáng, khi thức dậy, cô nhận ra là cô đã quên mất giọng nói của con gái mình. Cô đã quên khuôn mặt nó, tia sáng lóe lên trong mắt nó, cái cách đặc biệt của nó khi vén một lọn tóc ra sau tai. Cô không thể nghe thấy tiếng cười của nó vang lên trong đầu mình. Và cô hiểu ra rằng nỗi đau khổ không phải là vấn đề. Và rằng cùng với thời gian, nó thậm chí đã trở thành kẻ đồng hành kỳ quặc, một thứ phụ gia quen thuộc của ký ức. Khi hiểu rõ điều đó, cô sẵn sàng bán linh hồn mình cho quỷ dữ để làm sống dậy nỗi đau của mình.

Marc châm một liều thuốc và quay đầu nhìn về phía mấy chiếc thuyền con đang dập dềnh nơi cửa biển.

— Thế nhưng, xung quanh tôi, cuộc sống vẫn tiếp diễn, ông vừa tuyên bố vừa phả ra một đám mây khói thuốc. Các đồng nghiệp của tôi đi nghỉ mát, sinh con, ly hôn rồi lại tái hôn. Còn tôi, tôi chỉ giả vờ là mình đang sống. Tôi di chuyển như một xác sống, trong màn đêm, lúc nào cũng ở trên miệng vực. Tôi không còn nhựa sống, cũng không còn chút niềm vui sống nào. Như thể có chì gắn dưới để giày tôi và nén chặt mí mắt tôi. Thế rồi một hôm... Một hôm, tôi gặp cô...

Anh mắt viên cảnh sát lại cháy lên ngọn lửa điên cuồng.

— Đó là một buổi sáng, khoảng cuối xuân. Cô rời khỏi nhà Raphaël để đến bệnh viện. Chúng ta đã gặp nhau trong khoảnh khắc đầy nắng của tòa

nhà. Cô đã rút rè chào tôi rồi cụp mắt xuống. Mặc dù cô rất dè dặt, nhưng cũng khó mà không để ý đến cô. Nhưng đằng sau dáng người mảnh mai, làn da của người lai và mái tóc mượt mà của cô, có điều gì đó khiến tôi tò mò. Và sau đó, mỗi lần gặp lại cô, tôi lại có cảm giác khó chịu ấy. Cô gọi cho tôi nhớ đến một người nào đó; một ký ức xa xăm mà tôi khó lòng xác định được; vừa đã tan biến lại vừa rất hiện hữu. Phải mất nhiều tuần tôi mới xác định được cảm giác mơ hồ đó: cô giống Claire Carlyle, cô bé người Mỹ cũng bị Kieffer bắt cóc, nhưng người ta không bao giờ tìm thấy xác. Tôi đã xua đuổi ý nghĩ đó trong một thời gian dài. Trước hết là vì nó vô lý, và sau đó là vì tôi nghĩ nó chỉ phản chiếu những nỗi ám ảnh trong tôi. Nhưng ý nghĩ đó không rời khỏi tôi. Nó đã ăn sâu trong não tôi. Nó ám ảnh tôi. Và tôi chỉ biết một cách để giải thoát khỏi nó: lấy dấu vân tay của cô và nhờ một đồng nghiệp nhập vào kho dữ liệu vân tay để so sánh. Thế là, mười lăm ngày trước, tôi đã quyết định. Kết quả đã khẳng định điều tưởng chừng như không thể: cô không chỉ giống với Claire Carlyle. Cô chính là Claire Carlyle.

Marc ném mẫu thuốc xuống lớp gỗ lát đường và lấy gót chân nghiêng mạnh như thể người ta dí nát một con rệp.

— Từ đó trở đi, tôi chỉ còn một nỗi ám ảnh duy nhất: quan sát cô, tìm hiểu và trả thù. Cuộc đời đã không để cô ngẫu nhiên gặp tôi. Phải có ai đó trả giá cho toàn bộ những điều tồi tệ mà cô đã gây ra. Đó là sứ mệnh của tôi. Điều mà tôi còn nợ con gái tôi, vợ tôi cũng như gia đình các nạn nhân khác của Heinz Kieffer: Camille Masson và Chloé Deschanel. Chúng cũng bị chết vì lỗi của cô, ông gầm lên.

— Không! Claire tự bào chữa.

— Tại sao cô không báo tin khi trốn thoát được?

— Raphaël đã nói với tôi rằng ông cùng điều tra với anh ấy. Ông biết rất rõ tại sao tôi không báo cho bất kỳ ai: tôi vừa biết tin mẹ mình đã chết! Tôi không muốn trở thành một hiện tượng giải trí. Tôi cần được yên ổn để làm lại cuộc đời.

Ánh mắt điên cuồng, Caradec đối diện với cô.

— Chính vì đã tiến hành điều tra sâu mà tôi lại càng tin chắc là cô đáng chết. Tôi thực sự muốn giết cô, Claire ạ. Như đã giết chết gã cảnh binh ở Saveme, gã Franck Muselier thối tha đó.

Đột nhiên, các sự kiện xâu chuỗi với nhau một cách rõ ràng trước mặt Claire.

— Cũng như ông đã tìm cách giết hại Clotilde Blondel sao?

— Việc xảy ra với Blondel chỉ là một tai nạn! Marc cao giọng tự bào chữa. Tôi đến hỏi chuyện bà ta, nhưng bà ta lại tưởng tôi muốn tấn công mình và đã lao qua cửa kính để chạy trốn. Đừng có tìm cách đảo ngược vai trò của mọi người. Thủ phạm thật sự duy nhất chính là cô. Nếu cô thông báo việc mình trốn thoát, Louise sẽ vẫn còn sống. Cả Camille và Chloé nữa!

Điên cuồng đến tột độ, Marc túm lấy tay Claire và hét tất cả nỗi đau dồn vào mặt cô:

— Chỉ một cú điện thoại thôi! Một lời nhắn nặc danh trên hộp thư thoại! Cô chỉ mất một phút là cùng, và sẽ cứu được ba mạng người! Làm sao cô dám khẳng định là không phải như thế chứ?

Hoảng sợ, Théo bắt đầu rên rỉ, nhưng lần này, chẳng có ai an ủi bé. Claire vùng vẫy để thoát khỏi tay Marc và cũng gào lên trả lời ông:

— Tôi không bao giờ đặt vấn đề theo cách đó. Tôi chưa một giây nào nghĩ rằng còn có thể có những người khác cũng bị giam như mình!

— Tôi không tin cô! ông gầm lên.

Lúc này, chứng kiến cảnh hai người giằng co nhau, Théo đã òa khóc nức nở.

— Ông đâu có ở trong cái căn nhà chết tiệt đó cùng với tôi! Claire hét lên. Tôi đã trải qua 879 ngày bị giam cầm trong căn phòng mười hai mét vuông đó. Đa phần là bị trói. Thịnh thoảng còn bị quấn cả một cái xích sắt quanh cổ! Ông có muốn tôi nói sự thật với ông không? Đúng thế, khủng khiếp lắm! Đúng thế, đó là một địa ngục. Đúng thế, Kieffer là một con quái vật! Đúng thế, hắn đã tra tấn chúng tôi! Đúng thế, hắn đã hãm hiếp chúng tôi!

Bị bất ngờ, Marc cúi đầu và nhắm mắt lại, giống như một võ sĩ bị dồn vào góc võ đài.

— Kieffer chưa bao giờ nói với tôi về những cô gái khác, ông hiểu không, CHƯA BAO GIỜ! Claire khẳng định. Tôi bị nhốt suốt. Trong suốt hai năm, chắc là tôi chỉ nhìn thấy mặt trời năm lần, và không lần nào tôi nghĩ có thể không chỉ có mình tôi trong cái nhà tù đó. Mặc dù vậy, tôi cũng mang theo cảm giác tội lỗi đó suốt mười năm nay, và tôi nghĩ sẽ phải mang nó suốt đời.

Cô gái hạ giọng xuống một chút, lấy lại bình tĩnh và cúi xuống bế Théo lên. Trong khi cậu bé nép vào người cô, miệng ngậm ngón cái, cô trầm giọng nói tiếp:

— Tôi hiểu cơn giận dữ của ông trước sự bất công này. Hãy giết tôi nếu ông nghĩ làm thế có thể xoa dịu phần nào nỗi đau đớn trong ông. Nhưng ông đã nhầm phe rồi, Marc ạ. Chỉ có một thủ phạm trong vụ này, đó là Heinz Kieffer.

Bị dồn đến chân tường, Caradec im lặng, đứng chôn chân tại chỗ, mắt tròn tròn nhìn chăm chăm ra phía trước. Ông cứ đứng như thế phải đến hai phút, bất động trong làn gió giá buốt. Rồi viên cảnh sát trong ông chậm chạp thẳng thẽ. Dù ông không biết tại sao, một chi tiết dường như không quan trọng vẫn đè nặng trong thăm sâu tâm trí ông. Một câu hỏi chưa có lời giải đáp. Một câu hỏi đơn giản đã trở đi trở lại hai lần trong quá trình điều tra. Và với một cảnh sát, hai lần có nghĩa là thừa một lần.

— Trước khi bị bắt cóc, cô luôn nói muốn trở thành luật sư, ông nhận xét. Ý định đó đã ăn sâu trong cô.

— Chính xác là thế.

— Nhưng sau khi trốn thoát, cô đã thay đổi hoàn toàn dự định nghề nghiệp. Cô đã muốn trở thành bác sĩ bất chấp mọi chuyện. Tại sao lại có...

— Chính là vì con gái ông đấy, Claire cắt lời Marc. Là vì Louise. Cô ấy vẫn luôn muốn trở thành bác sĩ, không phải sao?

Marc cảm thấy đất dưới chân mình như sụt xuống.

— Làm sao cô biết được điều đó? Cô đã nói là không hề biết con bé cơ mà!

— Từ hồi đó, tôi đã tìm hiểu để biết rõ về cô ấy.

— Cô đang nói linh tinh gì vậy?

Claire đặt Théo xuống và lấy từ trong ba lô ra cuốn sổ lớn bìa xanh.

— Tôi đã thấy nó trong túi của Kieffer, cô giải thích. Đây là nhật ký của Louise. Tôi không biết chính xác tại sao nó lại ở đó, cùng với sổ tiền chuộc Maxime Boisseau. Hẳn là Kieffer đã lấy nó từ tay con gái ông. Hẳn thường làm thế: hẳn để chúng tôi viết, nhưng rồi lại tịch thu những gì chúng tôi đã viết ra.

Cô đưa cuốn sổ cho Caradec, nhưng viên cảnh sát vẫn đứng bất động, tê liệt, không thể cử động.

— Ông hãy cầm lấy nó. Bây giờ nó là của ông. Trong thời gian bị giam cầm, Louise đã viết cho ông rất nhiều. Hồi đầu, hầu như mỗi ngày cô ấy đều viết một bức thư.

Caradec run rẩy đỡ lấy cuốn sổ, trong khi Claire bế Théo lên. Đứng xa, ở đầu con đường đi dạo, cô nhìn thấy Raphaël đang chạy về phía họ.

— Nào, chúng mình ra gặp bố thôi, cô nói với cậu bé.

Marc ngồi xuống một chiếc ghế dài đối diện với biển.

Ông mở cuốn sổ và đọc lướt vài trang. Ông nhận ra ngay lập tức nét chữ sin sít và sắc nhọn của Louise cùng những hình vẽ mà cô có thói quen nguệch ngoạc trên giấy: chim chóc, những ngôi sao, những bông hồng đan vào nhau với những họa tiết trang trí kiểu gothic. Ở lề trang, bên cạnh các hình vẽ là rất nhiều những câu thơ viết vội. Trích đoạn là những bài thơ hoặc bài văn mà mẹ đã dạy cho cô. Marc nhận ra Hugo (“Mỗi người trong đêm tối của chính mình sẽ đi về phía ánh sáng cửa bản thân”), Éluard (“Tôi đã ở gần em đến nỗi tôi thấy lạnh khi ở bên người khác”), Saint-Ex (“Tôi sẽ có vẻ như đau đớn. Tôi sẽ có vẻ như là chết đi, cố vẻ sơ sơ thôi”) và Diderot (“Ở bất cứ đâu mà nàng không nhìn thấy con chữ nào, nàng hãy vẫn cứ đọc rằng, tôi yêu nàng lắm lắm!”)

Nỗi xúc động khiến cổ họng ông thắt nghẹn. Nỗi đau đã quay lại, đau nhói, bóp nghẹt, tàn phá. Nhưng càng với nó là cả một chuỗi những ký ức trôi dạt để tuôn trào như thể một mạch nước phim nóng bỏng chảy vào từng góc ngách trong trí óc trì trệ của ông.

Một lần nữa, Marc lại nghe thấy tiếng Louise.

Ông nhận ra tiếng cười của cô, năng lượng của cô, những âm điệu trong giọng nói của cô. Cô từng tồn tại trọn vẹn trong những trang giấy này. Cô từng sống trong những trang giấy này.

Louise

Con sợ lắm, bố ơi...

Con sẽ không bịa chuyện với: bố đâu: chân tay con run rẩy và tim con tan nát. Con cũng thường xuyên có cảm giác con chó Cerberus^[33] đang nghiền ngấu bụng con, Con nghe thấy nó sủa nhưng con tin rằng tất cả những điều này chỉ tồn tại trong đầu con. Con sợ, nhưng như bố vẫn luôn nhắc với con, con cố gắng để không sợ hãi nỗi sợ của mình.

Và khi cơn hoảng loạn đe dọa nhấn chìm con, con tự nhủ là bố sẽ đến đón con.

Con đã nhìn thấy bố làm việc, con đã nhìn thấy bố về nhà muộn. Con biết bố sẽ không bao giờ nản lòng, con biết bố sẽ không bao giờ từ bỏ một vụ điều tra. Con biết rằng bố sẽ tìm thấy con. Chỉ là sớm hay muộn thôi. Chính điều đó đã giúp con trụ vững và cho phép con luôn mạnh mẽ.

Con và bố không phải lúc nào cũng hiểu nhau. Thời gian vừa qua, bố con mình gần như không nói chuyện với nhau. Giá mà bố biết bây giờ con hối tiếc đến thế nào. Lẽ ra chúng ta nên nói với nhau nhiều, hơn rằng chúng ta yêu nhau và người này rất quan trọng đối với người kia.

Khi ta bị sa vào địa ngục, điều quan trọng là phải giữ được những kỷ niệm hạnh phúc. Con không ngừng lật giở lại chúng trong đầu. Để đỡ lạnh, để đỡ sợ. Con nhấm lại những bài thơ mẹ đã dạy con, con thầm chơi trong đầu những bản đàn dương cầm mà con đã tập ở nhạc viện, con kể lại với chính mình những cuốn tiểu thuyết mà bố đã bảo con đọc.

Những ký ức tuôn trào. Con lại thấy mình hồi còn bé xíu, ngồi trên vai bố, đi dạo trong rừng Vizzavona, đầu con đội chiếc mũ trùm đầu kiểu Peru. Con ngửi thấy mùi bánh mì sô cô la mà bố con mình cùng đi mua vào mỗi sáng Chủ nhật, ở hàng bánh trên đại lộ Saint-Michel, nơi cô bán hàng lúc nào cũng cho con một cái bánh madeleine vừa ra lò. Sau đó, những cuộc chu du của bố con mình khắp nẻo đường của nước Pháp khi bố đưa con đi

tham gia những cuộc thi cưỡi ngựa. Mặc dù luôn khẳng định điều ngược lại, nhưng con cần sự hiện diện và ánh mắt của bố. Khi có bố, con biết sẽ không có chuyện gì nghiêm trọng xảy ra với mình.

Con nhớ những kỳ nghỉ mà ba chúng ta, bố, mẹ và con đã trải qua cùng nhau. Con thường rên rỉ vì phải đi cùng bố mẹ, nhưng bây giờ con mới hiểu ra rằng ký ức về những chuyến du lịch đó đã giúp ích con nhiều thế nào trong việc thoát khỏi cái nhà tù này.

Con nhớ những cây cọ và những quán cà phê trên quảng trường Reial ở Barcelona. Con nhớ phần đầu hồi kiểu gothic trên những ngôi nhà chạy dọc bờ kênh ở Amsterdam. Con nhớ những trận cười như điên của chúng ta giữa một bầu trời trong cơn mưa xứ Scotland. Con nhớ màu xanh ngọc bích của những viên gạch bông lát tường ở Alfama, mùi mực nướng trên những con phố ở Lisbonne, thời tiết mát mẻ vào mùa hè ở Sintra và những chiếc bánh trứng Bồ Đào Nha ở Bélem. Con nhớ món com Ý măng tây trên quảng trường Navona, nhớ ánh sáng màu đỏ son ở San Gimignano, những cây ô liu run rẩy ở vùng nông thôn Siena, những khu vườn bí mật ở Praha cổ kính.

Giữa bốn bức tường giá lạnh này, con không bao giờ nhìn thấy ánh sáng ban ngày. Ở đây, đêm tối ngự trị khắp nơi. Con gập người, nhưng không đứt gãy. Và con tự nhủ rằng thân hình gầy guộc và cháy đỏ từng mảng này không phải là của con. Con không phải là cái xác sống có làn da gớm ghiếc bằng sứ này. Con không phải là cái thây ma bằng sành bọc trong vải liệm và quan tài này.

Con là cô gái rạng rỡ đang chạy trên cát ấm ở Palombaggia. Con là làn gió đang đập vào những cánh buồm của con tàu ra khơi. Biển mây vô tận đến chóng mặt bên ngoài cửa sổ máy bay.

Con là ngọn lửa niềm vui cháy lên trong ngày lễ Thánh Jean. Những viên đá cuội lăn trên bãi biển Étretat. Chiếc đèn lồng ở Venice vẫn bèn bĩ sau những cơn bão tố.

Con là ngôi sao chổi cháy sáng trên bầu trời. Một chiếc lá vàng bị cuốn đi trong trận cuồng phong. Một điệp khúc lời cuốn mà đám đông say sưa hát theo.

Con là những làn gió mậu dịch vuốt ve mặt nước. Những luồng gió nóng thổi bay đụn cát. Một cái chai lạc trên biển Đại Tây Dương.

Con là mùi vani thơm phức những kỳ nghỉ bên bờ biển và là hơi nóng xông lên từ đất ẩm.

Con là cú đập cánh của loài bướm ngày Tây Ban Nha.

Ánh lửa ma trôi lập lờ chạy trên những vùng đầm lầy.

Là bụi của một ngôi sao trắng đã rơi quá sớm.

HẾT

NGUỒN THÔNG TIN

Do yêu cầu của cuốn tiểu thuyết, tôi đã tự tiện đôi chút khi nói về địa lý nước Pháp và nước Mỹ, cũng như các quy tắc vận hành trong đời sống chính trị Mỹ. Về khía cạnh khoa học của cuộc điều tra, một số nội dung được bắt nguồn từ các tin vật tôi đọc được vài năm qua: ý tưởng về các loại bình xịt Ebony & Ivory đã nảy ra trong tôi nhờ một bài báo giới thiệu tác phẩm của nghệ sĩ người New York Heather Dewey-Hagborg; việc ADN trích xuất từ một con muỗi được sử dụng như một yếu tố đáng tin cậy trong một vụ án giết người đã từng xảy ra tại Sicilia vào đầu những năm 2000, ngoài ra các bạn cũng có thể khám phá cách làm này trên Passeur de sciences, blog của Pierre Barthélémy đặt trên trang web của tờ *Le Monde*. Cuối cùng, khái niệm về Ghost mà Raphaël nêu ra đã được John Truby đề cập trong tác phẩm *Phân tích kịch bản*, Nhà xuất bản Nouveau Monde, xuất bản năm 2010.

• Chú thích •

[1] Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là: Quyền lực thuộc về người dân. Đây là một khẩu hiệu khá nổi tiếng vào thập niên 1960,1970, được sử dụng nhiều trong các hoạt động văn hóa, chính trị của những người ủng hộ dân chủ. (Mọi chú thích nếu không có lưu ý gì thêm đều là của người dịch.)

[2] Tên tiếng Pháp nguyên gốc là Les tontons flingueurs, một bộ phim hình sự của đạo diễn George Lautner, phát hành năm 1963.

[3] Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là: các kế hoạch kinh doanh.

[4] Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là: hội chứng rối loạn cơ thể sau những chuyến bay dài do chênh lệch múi giờ.

[5] Greta Garbo (1905 - 1990), người Mỹ gốc Thụy Điển, là một trong những nữ diễn viên nổi tiếng nhất thời kỳ vàng son của Hollywood.

^[6] Delphine Seyrig (1932 - 1990), nữ diễn viên người Pháp.

[7] Nhóm bảy nhà thơ Pháp thời Phục hưng.

[8] Món hải sản phổ biến ở vùng ven biển ở Mỹ, đặc biệt là ở miền Trung và nam Mỹ. Món này thường được làm từ cá (tôm) tươi sống ướp cùng các loại nước ép như cam, chanh, trộn thêm gia vị, ớt bột, thêm vào đó là hành tây, muối và ít hạt tiêu.

^[9] Nhân vật trong bộ truyện tranh *Những cuộc phiêu lưu của Tintin* của họa sĩ người Bỉ Georges Remi, bút danh Hergé.

[\[10\]](#) Viện Nghe nhìn Quốc gia Pháp

[11] Marc Dutroux, người Bỉ, bị kết tội bắt cóc, cưỡng hiếp, giam cầm 6 bé gái và giết 4 người trong số này vào những năm 1980-1990. Vụ án Dutroux đã khiến dư luận toàn thế giới chú ý, không chỉ bởi tính chất hung tàn của nó mà còn bởi sự cầu thả và thiếu chuyên nghiệp của cảnh sát cũng như các viên chức chính phủ trong việc điều tra.

[\[12\]](#) Bridge Club (nguyên gốc tiếng Anh) là sòng bài.

[\[13\]](#) South Harlem nghĩa là khu Nam Harlem.

[14] AT&T là một công ty viễn thông đa quốc gia có trụ sở tại Texas, cung cấp dịch vụ điện thoại cố định lớn nhất ở Mỹ.

[15] Blaxploitation là thể loại phim Mỹ trong những năm 1970, với các bộ phim như Coffy, Foxy Browns và Shaft. Cùng với âm nhạc sôi động của các nghệ sĩ như Issac Hayes và Curtis Mayfield, những bộ phim mang lại một phong cách mới cho cộng đồng da đen, một trong những cách cổ động cho tình yêu và quyền lợi.

[16] Mộ địa - tiếng Anh trong nguyên bản.

[17] Món cocktail quốc gia của Brasil được làm từ rượu rum cachaca (chế biến từ mía), chanh và đường. Đây là thức uống có cồn chứng cất phổ biến nhất tại Brasil.

[18] Quá khổ - trong tiếng Anh nguyên bản.

[19] Ở đây, Wall Street ám chỉ lợi ích của tư bản, còn Main Street chỉ lợi ích của lớp bình dân và tiểu thương.

[20] Trang web chuyên tư vấn và bán các loại xe hơi cũ và mới.

[21] Tiếng Anh nguyên bản, nghĩa là: Chào Théo, cháu khỏe không, cậu bé đáng yêu?

[22] Loại vải cotton được nhúng sáp hai mặt nên không thấm nước, sáp được nhuộm màu và tạo thành những hoa văn rất đa dạng.

[23] Trong tiếng Nhật, Wabi có nghĩa là khiêm tốn, giản dị; còn Sabi nói về vẻ đẹp của tạo hóa, của thời gian. Kết hợp lại, Wabi-Sabi là tính thẩm mỹ của những gì tự nhiên nhất.

[24] Muckracker (cái cào phân hoặc cái cào bùn) được cho là thuật ngữ được Theodore Roosevelt dùng để chỉ các phóng viên là người đầu tiên tố cáo những cách thức làm ăn theo kiểu xã hội đen của các tập đoàn đang tìm cách mua chuộc một số chính trị gia. (Chú thích của tác giả)

[25] Chào hai anh, các anh có thể ngồi chỗ nào tùy ý! - tiếng Anh trong nguyên bản.

[26] Cứng - tiếng Anh trong nguyên bản.

[27] Nguyên gốc tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là “không có gì”.

[28] Vị trí trên các nhiễm sắc thể có chứa một hoặc nhiều gene hoặc một trình tự ADN.

[\[29\]](#) Tay đua mô tô.

[\[30\]](#) Ta sống với những vết sẹo mà mình lựa chọn.

[31] Chuyên gia PR chuyên dựng chuyện - tiếng Anh trong nguyên bản.

[32] Trò chơi cờ bàn ra đời từ năm 1979 tại Canada, trong đó người chơi phải trả lời các câu hỏi về kiến thức chung và văn hóa đại chúng.

[33] Trong thần thoại Hy Lạp, Cerberus là con chó săn ba đầu đuôi rắn của Hades, canh giữ cổng địa ngục.

Table of Contents

Phần 1

Phần 2

Chương 1

1.

2.

3.

4.

Chương 2

1.

2.

3.

4.

Chương 3

1.

2.

3.

4.

Chương 4

1.

2.

3.

4.

5.

Chương 5

1.

2.

3.

Chương 6

1.

Phần 3

Chương 7

- 2.
- 3.
- 4.

Chương 8

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.

Chương 9

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

Chương 10

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

Chương 11

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

Chương 12

- 1.
- 2.
- 3.
- 1.

2.

3.

Chương 13

1.

2.

3.

4.

5.

Phần 4

Chương 14

1.

2.

3.

Chương 15

1.

2.

3.

Chương 16

1.

2.

3.

Chương 17

1.

2.

3.

4.

5.

Phần 5

Chương 18

1.

2.

3.

	<u>4.</u>
<u>Chương 19</u>	
<u>Chương 20</u>	
	<u>1.</u>
	<u>2.</u>
<u>Chương 21</u>	
	<u>1.</u>
	<u>2.</u>
<u>Chương 22</u>	
	<u>1.</u>
	<u>2.</u>
	<u>3.</u>
	<u>4.</u>
<u>Chương 23</u>	
	<u>1.</u>
	<u>2.</u>
	<u>3.</u>
	<u>4.</u>
	<u>5.</u>
<u>Chương 24</u>	
<u>Phần 6</u>	
<u>Chương 25</u>	
<u>Chương 26</u>	
<u>Chương 27</u>	
<u>Chương 28</u>	
<u>Chương 29</u>	
<u>Nguồn thông tin</u>	